ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

QUYỂN THỨ TƯ

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử
Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

TỊNH TÔNG HỌC HỘI ÚC CHÂU
ẤN TỐNG 2006

印光法師

文鈔

增廣正編

(越語譯本)

第四卷

寶光寺弟子如和敬譯

淨業行人明進與慧莊校正

MỤC LỤC QUYỂN THỨ TƯ

VI. KÝ

VII. TẠP TRƯỚC

<u>VIII. PHỤ LỤC</u>

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

(TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa chuyển ngữ
(theo bản in của
Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)

QUYỂN THỨ TƯ

VI. KÝ

1. Bài ký [1] về việc nghênh đón chân thân Xá Lợi của Thích Ca Như Lai (viết giùm)

Trong trần điểm kiếp trước, đức Trung Thiên Điều Ngự Thích Ca Thế Tôn đã sớm thành Chánh Giác, dứt sạch ba đời, trụ trong Tịch Quang, thường hưởng Tứ Đức, vì xót thương chín giới bèn thị hiện thọ sanh, hiện ra tám tướng[2]. Từ lúc mới ra đời cho đến khi nhập Niết Bàn, diễn giảng các pháp Thiên - Viên - Đốn - Tiệm, tạo lợi ích khiến cho chúng sanh gieo nhân, hay do thành thục mà bèn được giải thoát. Lục đạo tứ sanh, tam

---

[1] Ký: Một thể loại văn xuôi nhằm ghi chép sự việc.

[2] Tám tướng là tám sự kiện được Phật biến hiện trong suốt thời gian Phật thị hiện trong thế gian này :

1. Từ cung Đâu Suất giáng trần. 2. Nhập thai 3. Đản sanh 4. Xuất gia 5. Hàng ma 6. Thành đạo 7. Thuyết pháp 8. Nhập Niết Bàn.

thừa ngũ tánh nghe viên âm liền ngộ đạo, thấy diệu tướng bèn minh tâm, dẫu dùng hết mọi vi trần trong cùng tận thế giới vẫn chẳng thể tính hết được số lượng. Nhưng củi căn cơ đã hết thì lửa ứng hiện cũng tắt, ẩn Tích quy chân, thị hiện diệt độ. Lại nhằm lợi ích cho đời vị lai, bi tâm vô tận, Phật bèn nát thân vàng trượng sáu do Định - Huệ sanh ra thành tám hộc[3] xá-lợi Kim Cang bất hoại. Do vậy, chia đều cho tám nước, mỗi nơi đều dựng tháp báu khiến cho khắp các hàm thức đều được rộng gieo phước điền. Một trăm năm sau, nước Ma Kiệt Đề[4] có vua A Dục[5] cai trị toàn cõi Diêm Phù,

---

[3] Hộc: Đơn vị đo lường thời cổ, một Hộc là mười Đấu. Một Đấu là mười Thăng

[4] Ma Kiệt Đề (Magadha), còn phiên âm là Ma Già Đà, Ma Yết Đà, Ma Kiệt Đà, Mặc Kiệt Đà, Ma Ha Đà, dịch nghĩa là Vô Hại Quốc, Bất Ác Xứ, Chí Cam Lộ Xứ, Thiện Thắng Quốc, là một trong 16 đại quốc thời Phật tại thế, nay thuộc địa phận của Bihar, thủ phủ là Patna (Hoa Thị thành). Theo Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 8, xứ này rộng hơn năm ngàn dặm, đất đai phì nhiêu, phong tục thuần phác, sùng tín Phật pháp, đa phần tín phụng Đại Thừa Phật giáo, ngoại đạo cũng đông. Vùng phụ cận Hoa Thị Thành hiện còn nền cũ của tháp A Dục Vương, Phật Túc Thạch, Kê Viên Tự, chỗ Phật tu khổ hạnh, chỗ Ca Diếp quy y Phật v.v… Vua Tần Bà Sa La của nước này kiến lập kinh thành Vương Xá (nay là thành phố Rajgir) ở phía Bắc kinh đô cũ, nơi này trở thành chỗ Phật thường thuyết pháp. Đến thời đại vương triều Cấp Đa (Gupta), vua Đế Nhật sáng lập học viện Na Lan Đà (Nalanda), học viện này trở thành trung tâm của Phật giáo Ấn Độ, ngài Huyền Trang từng theo học ở đây.

[5] Vua A Dục (Aśoka), dịch nghĩa là Vô Ưu Vương, còn có biệt hiệu là Thiên Ái Hỷ Kiến Vương (Devānajpriya Priyadraśi), là vua đời thứ ba của vương triều Khổng Tước tại Ma Kiệt Đề, sống vào khoảng thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Vua thống nhất Ấn Độ, là người nhiệt thành ủng hộ Phật giáo. Khi còn nhỏ, hoàng tử rất hung bạo, vua cha không ưa. Đến khi nước chư hầu Taksaśīla làm phản, vua cha liền sai hoàng tử cầm quân đi đánh dẹp với hy vọng hoàng tử sẽ bị loạn quân giết. Nhưng hoàng tử đã dẹp yên phản loạn, lập đại công, thanh thế lừng lẫy. Sau khi cha mất, hoàng tử bèn trở về giết hết 99 người anh em để lên ngôi (tuy vậy, cũng có thuyết cho rằng đây là lời ngoa truyền nhằm phóng đại tính tàn nhẫn của nhà vua). Đã làm vua, A Dục càng bạo ác hơn, tàn hại đại thần, phụ nữ, bá tánh; do vậy dân chúng oán thán gọi vua là Chiên Đà A Dục (Chiên Đà là tiếng gọi hàng tiện dân Ấn Độ, những

oai đức tự tại, hết thảy quỷ thần đều thành bầy tôi, bèn đem xá-lợi được cất giữ bởi ông tổ là vua A Xà Thế, sai quỷ thần dùng bảy báu, các thứ hương làm thành bột, tạo thành tám vạn bốn ngàn tháp báu để cúng dường xá-lợi đặt khắp cả Nam châu (tức Nam Thiệm Bộ Châu). Phàm những nơi nào Phật pháp chưa truyền đến đều lập tháp ở dưới đất [nơi ấy], ở nước Đông Chấn Đán có mười chín chỗ. Khi đại giáo từ phương Tây truyền sang, [những tháp ấy] bèn lần lượt xuất hiện, tức là như Ngũ Đài Sơn, chùa A Dục Vương v.v… Kinh Niết Bàn dạy: *"Nếu dùng lòng tin sâu xa cúng dường toàn thân xá-lợi của Như Lai hoặc cúng nửa thân, hoặc cúng một phần tư, hoặc một phần vạn, thậm chí [một phần] nhỏ bằng hạt cải thì phước đức của người ấy so với phước đức cúng dường Phật, không hai không khác!"* Bởi lẽ xá-lợi Phật chính là sắc thân Phật, đều do thệ nguyện vô tác, do lòng từ bi đồng thể thị hiện ra. Do vậy, nhân thiên có

---

người này thường làm nghề đồ tể hoặc những nghề bẩn thỉu như thiêu xác, gánh phân v.v…). Vua lấy thành Hoa Thị làm thủ đô, gây chinh chiến liên miên để mở rộng đế quốc, thống trị toàn Ấn Độ và những tiểu quốc xung quanh. Về sau vua được Phật giáo cảm hóa. Theo truyền thuyết, do cuộc viễn chinh xứ Kalinga quá tàn nhẫn, vua động lòng, bèn nhiệt thành tin tưởng Phật giáo, tận lực hoằng dương Phật giáo để chuộc lỗi cũ, nên dân gian lại gọi vua là Đạt Ma A Dục vương (Chánh Pháp A Dục Vương). Năm thứ 17 dưới triều vua A Dục, Tam Tạng kinh điển được kết tập lần thứ ba dưới sự chủ tọa của ngài Mục Kiện Liên Tử Đế Tu (Moggaliputta-tissa), có hơn một ngàn vị trưởng lão tham dự, chín tháng mới kết tập xong. Vua phái các danh tăng đạo cao đức trọng đi truyền đạo khắp các cõi như Majjhantika, Kasmira, Gadhara, Mahadeva, Mahisakamandala, Rakkhita, Vanavāsi, Yonaka-dhammarakkhita… cho đến tận Tích Lan. Vua cũng cho lập các bia đá ghi chép các huấn dụ hoằng dương Phật giáo, truyền lệnh khoan dung, tôn trọng các ngoại đạo, cho lập các trụ đá đánh dấu nơi đức Phật đản sanh, thành đạo, nhập diệt v.v…

được [xá-lợi] bèn buồn vui xen lẫn, cạn hết tâm lực cung kính cúng dường.

Khi Như Lai xuất thế, Phước tôi còn đang trầm luân, nay được làm thân người, pháp đã suy vi. Người xưa phải trải qua hiểm trở mà còn lắm người đến cầu chánh pháp; nay đường thủy đường bộ đều thông suốt, dám đâu chẳng đi lễ bái thánh tích, nên vào năm Quang Tự 30 (1904) bèn ngồi thuyền sang Tây viếng thăm Tiêm La (Thái Lan), rồi đến Diến Điện, sau cùng đến Tích Lan (Sri Lanka). Ba nước ấy Phật pháp rất hưng thịnh, Tăng chúng tuy đông nhưng chẳng nấu nướng lấy. Toàn quốc thờ Phật, dâng cơm cúng Tăng. Phàm gặp đúng ngày lễ bái, con buôn đều không họp chợ, cùng đến lễ tháp báu, cùng gieo nhân cho mai sau, hơi giống với quy củ thơm thảo thời đức Phật. Kế đến, viếng Trung Ấn Độ, Già Da, Vương Xá, Hằng Hà, Song Lâm, những nơi thánh tích nổi tiếng đều đến lễ cả. Tiếc cho đời xa, người mất, pháp suy, giáo kém, chẳng nghe được tiếng hàng ma chế phục ngoại đạo, chỉ thấy dấu vết cỏ lấp hoang tàn, tưởng nghĩ thuở trước thật là đau đớn! Trở về đô thành Tích Lan, gặp đúng dịp trùng tu bảo tháp, trong tháp chứa hơn một trăm viên xá-lợi, khẩn khoản xin vài hạt để tạo phước cho người phương Đông chúng ta. Họ nói: "Xá-lợi là phước điền của nước chúng tôi, tháp này do quốc vương dựng, dám đâu trái Phật phạm pháp, làm lợi cho người ngoài!" Do vậy, hằng ngày lễ tháp, cầu Phật thầm gia bị, đau lòng khóc lóc, buồn bã khôn cầm. Mười hai ngày như thế, cảm động tâm họ, bẩm lên quốc vương, vua chấp thuận ban cho mười hai viên.

Được toại tâm nguyện, thật cảm kích ơn Phật, liền trở về Trung Quốc để an trí cho thích hợp. Linh Thạch Am ở Phổ Đà chính là thánh đạo tràng Thiện Tài đến tham phỏng ngài Quán Âm, do vậy bèn lưu lại ba hạt. Giám viện Tịnh Minh bèn dựng phù-đồ (tháp) gỗ để cúng dường. Thỉnh chín hạt cúng dường cho ba chùa Bảo Quang, Long Hưng, Quảng Đức ở Tứ Xuyên. Theo Tây Vực Ký, nước Tăng Già La (Sinhala) chính là nước Sư Tử thời cổ ở trong đại hải, gần Nam Ấn Độ, nay chính là xứ Tích Lan vậy. Phía Đông Nam nước ấy có núi Lăng Già (Lankā), vách núi cao ngất, hang sâu thăm thẳm, chính là chỗ đức Như Lai nói kinh Lăng Già. Xưa kia, em ruột vua A Dục là Ma Hê Nhân Đà La (Mahendra)[6] xuất gia chứng đạo, du hóa nước này, tạo dựng tháp miếu, hưng khởi Phật pháp lớn lao. Tháp này (tức tháp chứa xá-lợi ở Tích Lan) do chính Ngài sáng lập. Xá-lợi của Như Lai thần biến khôn cùng, tế độ u hiển, che chở trời người. Thấy, nghe, chiêm lễ đều gieo nhân phước thọ, cúng dường, cung kính đều cảm quả

---

[6] Ma Hê Nhân Đà La (Mahendra), thường được biết theo tên gọi trong tiếng Pali là Mahinda, chính là sơ tổ Phật giáo Tích Lan. Theo Đảo Sử (Mahavamsa), ngài sanh tại xứ Ô Xà Diên (Ujayana) thuộc Tây Bắc Ấn Độ, xuất gia năm 20 tuổi, lễ ngài Mục Kiện Liên Tử Đế Tu (Moggaliputta-Tissa) làm thầy, thọ giới Sa Di với ngài Ma Ha Đề Bà, thọ Cụ Túc với ngài Mạt Xiển Đề, trong khi thọ giới bèn chứng quả La Hán. Ngài đến Tích Lan truyền giáo theo lệnh vua vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Ngài lập Đại Tinh Xá (Mahāvihāra) tại thủ đô A Nậu La Đà Bổ La (Anurādhapura), giảng kinh Bình Đẳng Tâm (Samacitta-suttanta), lập hang đá để yên cư, thiết lập Tăng đoàn và cơ sở Phật giáo cho Tích Lan. Ngài từng triệu tập đại hội Tăng già, công cử trưởng lão A Lợi Đa cầm đầu Tăng đoàn, chú giải Đại Tạng Kinh Nam Truyền. Em ngài là ni sư Tăng Già Mật Đa (Sanghamitrā) đã đem nhánh cây Bồ Đề nơi Phật thành đạo về trồng tại Tích Lan và truyền giới Tỳ Kheo Ni. Anh em Ngài có công truyền bá Phật pháp tại Tích Lan suốt hơn ba mươi năm ròng.

tôn quý. Mây mê hết sạch, bầu trời chân tánh rạng ngời; sương tội tan, vầng huệ nhật tỏ rõ. Tam giác viên mãn nơi sơ tâm, vạn đức trọn đủ trong đương niệm. Dùng nhân như thế ắt cảm được quả như thế, phàm những ai cùng hàng với tôi xin hãy xét cho lòng ngu thành này.

2. Bài ký lễ rước tượng Thích Ca Như Lai bằng ngọc về điện Tỳ Lô chùa Vạn Niên núi Nga Mi[7] (viết giùm)

Trộm nghĩ chư Phật xuất thế đều có thời tiết, nhân duyên, Tượng giáo lưu thông trọn khắp mười phương ba đời. Xét nghĩ đức Thích Ca Thế Tôn ta từ trần điểm kiếp trước đã sớm thành Chánh Giác, trụ trong cõi Tịch Quang thanh tịnh, chứng thân Pháp - Báo viên dung, lại vì nghĩ thương xót chúng sanh, bi tâm chẳng bỏ, bèn lập phương tiện giáo hóa ứng tích vô cùng. Con trẻ mong ngóng sâu xa, mẹ hiền bèn đến, vốn bất sanh mà bao lượt thị hiện giáng sanh. Củi căn cơ hết thì lửa ứng hiện bèn tắt; vốn vô diệt mà bao lượt hiện diệt! Thùy tích như thế, theo chiều dọc cùng khắp ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Xét nghĩ Bổn cao, Tích rộng, xem ra nguồn sâu, nhánh dài. Xét theo lần thành đạo phen này thì nhằm năm thứ hai đời Châu Mục Vương[8].

---

[7] Núi Nga Mi thuộc thành phố Nga Mi Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, chiếm một khoảng đất rộng đến 154 km2. Ngọn cao nhất là Vạn Phật Đảnh.

[8] Châu Mục Vương (Cơ Mãn), tương truyền thọ đến 105 tuổi, làm vua từ năm 960 đến 923 trước Công Nguyên). Như vậy, năm Châu Mục Vương thứ hai chính là năm 959 trước Công Nguyên.

Kinh Tạo Tượng Công Đức nói: *"Như Lai muốn chỉ dạy đạo hiếu bèn lên cung trời Đao Lợi an cư ba tháng vì mẹ thuyết pháp. Vua Ưu Đà Diên*[9] *khát ngưỡng Phật bèn dùng tử chiên-đàn (gỗ chiên-đàn tím) tạc hình tượng Phật để hầu hạ cúng dường chẳng khác gì đức Phật. Qua khỏi chín mươi ngày, Phật giáng hạ nhân gian, bảo với vua rằng: 'Ông là người đầu tiên làm gương tạo hình tượng Phật khiến cho các chúng sanh được đại lợi ích, công đức của ông không ai sánh bằng. Nếu ai dùng các món vàng, bạc, đồng, sắt v.v... chạm trổ, đúc, đắp, vẽ tượng Phật dù là tượng rất bé chỉ bằng ngón tay cái thì trong đời này, người ấy diệt vô lượng tội, được vô lượng phước, đời sau tôn quý, giàu có, tin ưa chánh pháp, lần lượt tu tập cho đến khi thành Phật đạo"*. Do vậy, vua quan các nước đều tạo tượng Phật, đến thời vua A Dục tạo nhiều nhất.

Đến khi đại giáo truyền sang Đông, thường có [những chuyện] tượng Phật bằng vàng hay đá nổi trên sông, hay từ biển giạt vào, hoặc đất rung, núi nứt lộ ra tượng Phật được chép trong những truyện ký nhiều đến nỗi khó thể thuật trọn. Đức Thế Tôn cao quý thay! Lòng từ mạnh mẽ trong đời này mà lòng bi thấu tận kiếp vị lai, tuyệt phan duyên (nắm níu) mà ứng khắp

---

[9] Vua Ưu Đà Diên (Udayana), thường được gọi là vua Ưu Điền, đôi khi còn được phiên âm là Ô Đà Diên Na, dịch nghĩa là Nhật Tử Vương, hoặc Xuất Ái Vương, vua nước Kiều Thưởng Di (Kauśāmbi) thời đức Phật. Do hoàng hậu dốc lòng tin Phật pháp, vua bèn trở thành bậc đại ngoại hộ. Theo Tăng Nhất A Hàm Kinh, quyển 28, khi Phật lên cung trời Đao Lợi an cư ba tháng, vua không thể lễ Phật, buồn bã thành bệnh, quần thần bèn dùng gỗ Ngưu Đầu Chiên Đàn tạc thành bức tượng Phật cao năm thước Tàu (độ 1.6 m), vua mừng rỡ khỏi bệnh. Tương truyền, các tượng Phật được tạc về sau đều lấy tượng vua Ưu Điền đã tạc làm mẫu. Kinh Tạo Tượng Công Đức cũng chép chuyện này.

lòng cảm của đại chúng; như một vầng trăng in bóng trên ngàn con sông, trụ Chân Tế nhưng ứng khắp quần cơ; như một trận mưa thấm ướt muôn loài cỏ cây. Những kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa được thoát liền làm cho họ gieo, chín muồi, giải thoát. Nên dùng thân tướng nào để độ bèn hiện thân tướng ấy để thuyết pháp. Trời che, đất chở, khó sánh ví được ân ấy, nát xương tan thân chẳng đáp được đức này.

Thanh Phước đại sư xưa đã gieo cội đức, dốc sức tu Tịnh nghiệp, qua Ấn Độ lễ khắp các thánh tích, trở về đi ngang Diến Điện bèn cẩn thận chọn ngọc đẹp, chạm khắc ba bức tượng Phật, thỉnh về Trung Quốc. Pháp thể rạng ngời, trong sạch, diệu tướng trang nghiêm, ngờ rằng chẳng phải do thợ khéo gọt giũa mà là cổ Phật tái lai. Do bổn tự vốn là thánh địa đạo tràng của Phổ Hiền Bồ Tát, các triều đại đều xuống chiếu kiến tạo, tứ chúng quy ngưỡng, tôn sùng; Phật điện cao ngất như núi non, vẻ đẹp nguy nga đua sáng cùng nhật nguyệt. Điện này lại được thập phương thường trụ Tăng chúng vân tập, một dạ tinh tu đạo phẩm, không lúc nào chẳng mở rộng cửa cứu độ. Do vậy bèn thờ một tượng trong đại điện để khắp mọi hàng Tăng - tục cung kính cúng dường. Nên biết tượng này chính là chân thân của Phật, chẳng phải ngọc, chẳng phải đá, vừa là sắc, vừa là không, hãy nên nhất tâm quy mạng, trọn đời dốc lòng thành. Sáng tối như thế, niệm đâu nghĩ đấy. Nếu như nhất niệm ngầm phù hợp ắt sẽ biết mọi tướng lìa tướng, hoặc là lục căn giải thoát, sẽ tự có thể tâm tâm ấn tâm. Từ đấy trở về nguồn cội, trần tiêu, giác tịnh, Ngũ Uẩn không, Ngũ Nhãn trọn đủ, Tam Hoặc đoạn, Tam Đức trọn vẹn. Khi

ấy, sóng trào biển Hạnh, mây bủa cửa Từ, Tứ Nhiếp cùng hành, chẳng chấp vào một pháp, lần lượt truyền trì đến tận đời vị lai, khiến cho huệ mạng được thường trụ bao kiếp. Đấy gọi là đệ tử thật sự của Phật, có thể gọi là "biết ân báo ân" vậy.

3. Bài ký về duyên khởi chuyên tu Tịnh nghiệp của Đại Giác Nham Tây Lâm thảo am tại Nam Ngũ Đài Sơn, tỉnh Thiểm Tây

Chân Như pháp tánh chúng sanh và Phật về thể vốn đồng, do mê hay ngộ cách biệt mà khổ - vui khác biệt vời vợi. Vì thế, đức Thế Tôn ta đặc biệt rủ lòng thương xót, tuy trong trần điểm kiếp trước đã sớm thành Phật đạo, lại vận dụng lòng Bi Đồng Thể, khởi lòng Từ Vô Duyên, chẳng lìa cõi Tịch Quang, thị hiện sanh trong đời trược, xuất gia tu hành, thành Đẳng Chánh Giác, cứu vớt những kẻ mê muội cùng lên bờ giác, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội. Tùy thuận cơ nghi, khéo khuyên dụ dần dần: Với hàng đại cơ bèn dạy Ngũ Uẩn đều không, sáu trần chính là giác, rốt ráo chẳng lập một pháp, ngay khi đó vạn đức đều hiển lộ trọn vẹn; với kẻ căn cơ nhỏ nhoi thì tùy thuận tiếp dẫn, vì Thật bày Quyền, khiến cho họ vun bồi Phật chủng dần dần để tạo thành nhân duyên đắc độ. Các pháp môn thuận theo căn cơ nói ra như trên tuy Đại - Tiểu bất đồng, Quyền - Thật đều khác, nhưng đều cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát được sanh tử. Vì thế bản hoài phổ độ chúng sanh của đức Như Lai chưa được thỏa mãn rốt ráo. Do vậy, ngoài các

pháp ra, Ngài lại mở riêng pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chỉ bày thế giới Cực Lạc là quê nhà vốn có, chỉ A Di Đà Phật là vô thượng từ phụ, khiến cho con người phát tâm Bồ Đề trì danh hiệu Phật, dùng tín nguyện sâu cầu sanh Tây Phương. Nếu như khăng khăng vâng giữ, niệm nơi đâu nghĩ tại đó thì do tín nguyện của mình hợp với thệ nguyện của Phật, chúng sanh và Phật khế hợp nhau, bèn cảm ứng đạo giao, trong đời này nghiệp chướng tiêu diệt, phước huệ tăng cao, lâm chung được Phật tiếp dẫn gởi thân nơi sen báu. Những người Hoặc nghiệp đã đoạn bèn dự ngay vào địa vị Bổ Xứ, mau chứng Phật Thừa. Dẫu là hạng phàm phu sát đất, nghiệp lực khắp thân, cũng vẫn có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh, khi đã vãng sanh liền thoát khỏi dòng phàm, cao dự hải hội, chẳng mong đoạn Hoặc mà tự đoạn, chẳng mong chứng chân mà tự chứng. Pháp môn này hoàn toàn nương vào Phật lực, ví như kẻ thọt một ngày đi được mấy dặm, nếu ngồi luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương sẽ trong khoảnh khắc đến khắp bốn châu. Đấy là sức của Luân Vương, chứ không phải sức của chính mình; suốt đời tu hành, cố nhiên là như vậy! Dẫu là kẻ tội nặng Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu có thể chí tâm niệm Phật sẽ liền được Phật tiếp dẫn.

Ấy là vì Phật xem chúng sanh hệt như con một: Với đứa hiền ngoan tất nhiên thương yêu, nhưng với đứa ngỗ nghịch lại càng thương xót gấp bội. Nếu con hồi tâm hướng về cha mẹ, cha mẹ ắt rủ lòng từ nhiếp thọ. Hơn nữa, tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai, do vì mê trái nên khởi Hoặc tạo nghiệp, ngăn lấp bản

tâm chẳng thể hiện bày trọn vẹn. Nếu có thể nhất niệm hồi quang thì khác nào mây tan trăng hiện, tánh vốn chẳng mất, trăng vốn sẵn có. Vì vậy tình trần bao kiếp đoạn ngay trong một niệm. Ví như nhà tối ngàn năm, một ngọn đèn [chiếu vào] bèn sáng. Đây chính là pháp nhiệm mầu nhất trong giáo pháp cả một đời đức Phật, là con đường để trên thánh, dưới phàm đều phải theo, là cơ nghi thấu suốt chín giới, phô bày tột bậc bản hoài của Như Lai. Cao quý thay, đẹp đẽ thay! Há thể nghĩ bàn được ư? Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Lô Sơn sáng lập liên xã, một người xướng trăm người hòa, không ai chẳng tuân theo. Hơn một ngàn năm trăm năm qua, những người ngầm tu hoặc giáo hóa công khai khó thể kể xiết! Nêu tên những bậc lỗi lạc thì đời Nguyên Ngụy[10] có ngài Đàm Loan, đời Trần - Tùy có ngài Trí Giả, đời Đường có các ngài Đạo Xước, Thiện Đạo, Hoài Cảm[11], Phi Tích[12], Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu

---

[10] Nguyên Ngụy chính là nhà Bắc Ngụy (386-534) thuộc thời Nam Bắc Triều. Sử thường gọi là nhà Hậu Ngụy, hoặc Thác Bạt Ngụy, tức triều đại được sáng lập bởi dòng họ Thác Bạt thuộc sắc tộc Tiên Ty (hậu duệ của dân Hung Nô, do sống tại núi Tiên Ty nên gọi là tộc Tiên Ty). Nguyên thủy, dòng họ Thác Bạt sống tại Thiểm Tây và Nội Mông Cổ lập ra nước Đại, sau bị nhà Phù Kiên nhà Tiền Tần thôn tính. Năm 386, Thác Bạt Khuê xưng vương, tái lập nước Đại, đồng thời đổi danh xưng là Ngụy. Gọi là Nguyên Ngụy là vì năm 493, vua đổi họ Thác Bạt thành họ Nguyên. Năm 534, vương quốc này lại bị nội loạn tách thành Đông Ngụy và Tây Ngụy. Dòng họ này có một có một tục lệ tàn khốc là khi nào một phi tần sanh con trai liền bị giết ngay để ngăn ngừa sau này khi con trai được vinh hiển, sẽ phải sắc phong cho mẹ. Nhưng điều này lại dẫn đến nghịch lý là các vua nước Ngụy rất coi trọng nhũ mẫu, dẫn đến những trường hợp nhũ mẫu dùng tình cảm lung lạc nhà vua, nhiễu loạn chánh sự.

[11] Hoài Cảm: Cao tăng Tịnh Độ tông đời Đường, nguyên quán không rõ, thoạt đầu trụ tại chùa Thiên Phước ở Trường An học Duy Thức và Giới Luật, bác thông kinh điển, chưa sanh lòng tin đối với pháp môn Tịnh Độ. Sau yết kiến tổ Thiện Đạo bày tỏ mối nghi được Tổ chỉ dạy, giải nghi, bèn dự vào đạo tràng

Khang, Đại Hạnh. Các vị sư trên đây đạo đều vượt lên bậc Thập Địa, đức chấn động cửu trùng, không pháp nào chẳng thông, nhưng chỉ đề cao pháp này. Đời Tống thì có các ngài Vĩnh Minh, Chiêu Khánh, Tứ Minh, Trường Lô. Ngài Vĩnh Minh dung hội Thiền - Giáo - Luật quy vào nhất tâm, soạn Tứ Liệu Giản để riêng khen ngợi Tịnh Độ. Ngài Chiêu Khánh dùng máu chép kinh Hoa Nghiêm, lập Tịnh Hạnh Xã, những hạng đại thần công khanh đua nhau quy y. Ngài Tứ Minh soạn [Quán Vô Lượng Phật Kinh] Diệu Tông Sao, phô bày lý Quán Đạo đến cùng cực. Ngài Trường Lô vừa tính kết liên xã, bậc Đại Thánh đã ghi danh[13]. Đời Minh có các ngài Sở Thạch, Diệu Hiệp, Liên Trì, Ngẫu Ích, đời Thanh có các ngài Tỉnh Am, Mộng Đông, không vị nào chẳng Tông - thuyết đều thông, giải - hạnh tương ứng, chuyên trọng Tịnh Độ, khuyên khắp mọi người tu trì.

---

của Tổ tinh tu niệm Phật. Hai mươi mốt ngày sau vẫn chưa thấy tướng lành, tự hận tội chướng sâu nặng, muốn tuyệt thực chết, bị Tổ ngăn trở. Sư lại tinh thành niệm Phật, ba năm sau cảm được linh nghiệm, thấy tướng ngọc hào sắc vàng, chứng Niệm Phật tam-muội, bèn soạn bộ Thích Tịnh Độ Quần Nghi, nhưng viết chưa xong đã thị tịch, đồng môn là Hoài Chí bèn hoàn tất chí nguyện.

[12] Cao tăng đời Đường, năm sanh năm mất không rõ. Sư oai nghi, kiến thức trác tuyệt, thông hiểu Nho, Mặc, giỏi viết lách, thường nghiên cứu luật nghi, về sau tu Mật Giáo đạt nhiều chứng nghiệm. Năm Vĩnh Thái nguyên niên (765) đời Đường Đại Tông, vâng chiếu cùng các vị Lương Phần v.v… tất cả mười tám người tham dự vào dịch trường của đại pháp sư Bất Không, dịch các bộ Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Kinh, Mật Nghiêm Kinh v.v… Sư còn soạn bộ Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận để tuyên dương Tịnh Độ, Vô Thượng Thâm Diệu Thiền Môn Truyền Tập Pháp Bảo, Thệ Vãng Sanh Tịnh Độ Văn.

[13] Ngài Trường Lô vừa dự định lập Tịnh Hạnh Xã niệm Phật thì mộng thấy Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ Tát xin ghi danh tham dự.

Thời xưa, những vị sư trong Thiền Tông đa số chuyên về ngầm tu, không mấy ai công nhiên hoằng hóa [Tịnh Độ]; từ ngài Vĩnh Minh trở về sau, phần nhiều lưu lại ngôn giáo thiết tha khuyên bảo vãng sanh, như các vị Tử Tâm Tân, Chân Hiết Liễu, Trung Phong Bổn, Thiên Như Tắc v.v… cho đến tể quan, cư sĩ như các ông Lưu Di Dân, Bạch Cư Dị, Văn Ngạn Bác, Dương Vô Vi, Vương Nhật Hưu, Viên Hoằng Đạo, Châu Mộng Nhan, Bành Thiệu Thăng v.v… hoặc kết liên xã để tinh tu, hoặc tạo luận để truyền bá. Những bậc dù thánh hay hiền, dù Tăng hay tục như thế tuy khác thời nhưng đều cùng tiếng, cực lực hoằng truyền, xiển dương. Do vậy, liên phong lừng lẫy mạnh mẽ, phổ biến trong nước lẫn ngoài nước, cuồn cuộn như trăm sông vạn dòng đổ vào biển cả. Ấy là do nơi hội Hoa Nghiêm bậc Pháp Thân đại sĩ sau khi đã chứng bằng với chư Phật còn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, trong Quán Kinh hàng Ngũ Nghịch Thập Ác lúc sắp đọa địa ngục, nếu xưng danh hiệu Phật mười tiếng liền được dự vào phẩm cuối. Vì thế, không căn cơ nào chẳng tiếp độ, không pháp nào chẳng gồm thâu. Như trời che khắp, như đất nâng đều, sâm la vạn tượng không gì chẳng trụ trong ấy hoặc có thể vượt ra ngoài được! Thật có thể nói là *"chín pháp giới chúng sanh lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh"*. Do vậy, hằng sa Như Lai hiện tướng lưỡi rộng dài để xưng dương, tôn túc các tông phát tâm Kim Cang lưu truyền. Nam Ngũ Đài chính là nơi Quán Âm đại sĩ hàng phục rồng độc, hiện thân tỳ-kheo mở mang đạo tràng. Từ đời Tùy đến nay

hơn một ngàn ba trăm năm, trong khoảng thời gian ấy do bao lượt tang thương khiến cho những sự tích của các cao nhân đều bị mất mát không cách gì biết được. Đến cuối thời Minh, có lão nhân Tánh Thiên Văn Lý ẩn cư trong Vô Môn Động (thế tục gọi sai là Tương Tử Động). Sau đấy, do vân du đến Hàng Châu, lão nhân trụ tại Hoàng Long Am. Khi ấy, Liên Trì đại sư chưa xuất gia, bèn cùng phu nhân là Thang Thị quy y dưới tòa. Tiếp đó, lại xin xuống tóc với Ngài. Chẳng lâu sau, lão nhân trở về Trường An, ngài Liên Trì trung hưng Tịnh tông, cội nguồn quả thật xuất phát từ đây. Cụ Văn Lý nếu chẳng phải là bậc cao nhân lỗi lạc, há ngài Liên Trì chịu khuất thân dưới tòa, trước sau y chỉ nơi cụ ư? Chuyện này được chép trong bài minh nơi tháp Thái Tổ của ngài Liên Trì trong bộ Vân Thê Pháp Vựng. Quán Âm đại sĩ phò tá đức Di Đà độ thoát chúng sanh, núi này lại là nơi bắt nguồn trung hưng Tịnh tông. Vị chủ tể lẫn núi này đều có đại nhân duyên đối với chúng sanh.

Cư sĩ Hạc Niên Cao Hằng Tùng xuất thân từ Giang Tô, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, vừa ra làm quan đã buông bỏ trâm anh[14], tìm học với đủ mọi bậc Tông tượng, phỏng theo Thiện Tài tham học cùng khắp, lễ khắp các danh sơn, đi khắp các nơi giống như ngài Tử Bách, từng đến núi này hai ba lần. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), nhóm họp Tăng chúng đất Tần (Thiểm Tây) tu bổ tháp Phổ Đồng dưới chân ngọn Đại Đài để thập phương Thiền lữ khi chết có chỗ nương về. Lại dựng

[14] Trâm anh: Trâm là vật dụng có hình như một que dài nhọn, ngày xưa khi đội mão thường búi tóc lên rồi cài trâm qua để giữ cho mão khỏi tuột, Anh là giải mão, vừa giữ cho mão được chặt vừa mang tính cách trang trí.

hai tịnh thất chuyên tu Tịnh nghiệp để mong sao người sống lẫn kẻ thác đều được vãng sanh. Sau đấy, nhân khi Thiền duyệt rảnh rỗi, bèn đến chơi hai đài Linh Ứng và Nhiếp Thân (đài Nhiếp Thân bị thế tục gọi sai là Xả Thân), thấy vách núi cao ngất, cuộc đất bằng phẳng, chợt ngộ ra đời trước đã từng ở chỗ này, bèn đặt tên cho vách đá ấy là Đại Giác. Do vậy, bèn dựng hai gian thảo am chuyên tu Tịnh nghiệp, để xa là noi dấu Lô Sơn, gần là bắt chước Vân Thê, quyết chí quy Tây, vì thế đặt tên là Tây Lâm. Lượng tôi xuất gia tại núi này, từng hầu hương đèn cho Đại Sĩ. Về sau, do tham học với tri thức, vân du các phương. Đến nay đã hơn ba mươi năm, đạo nghiệp chưa thành; do vậy, cứ sống nhờ mãi ngoài biển, không mặt mũi nào quay về quê cũ. Một ngày nọ, cư sĩ từ Trường An đến bảo hãy soạn một bài ghi duyên khởi của pháp môn Tịnh Độ và duyên khởi của núi này cùng thảo am này, tính trước hết in ra chừng bao nhiêu đó bản để người thấy nghe đều nẩy sanh lòng tin, tiếp đó là lập bia đá trong thảo am để lưu lại vĩnh viễn. Do vậy, tôi khôn ngăn vui mừng ghi đại lược, tuy lời lẽ thô vụng, chất phác, không giúp gì được cho pháp đạo, nhưng cũng chẳng thẹn lòng đoái tưởng.

4. Bài ký tự trách lỗi trong việc chép kinh Hoa Nghiêm (viết thay sư Khoan Huệ)

Lớn lao thay giáo pháp kinh Hoa Nghiêm, xứng pháp giới tánh, nói pháp thường trụ. Nương tâm Chân Như chỉ bày đầy đủ Thể; Lý vượt ngoài hiện tượng, đạo khế hợp hoàn vũ. Tịch lẫn Chiếu hiển lộ trọn vẹn, Năng

lẫn Sở cùng mất. Lìa cái giả danh "phàm - thánh", dứt bặt xưng hô "chúng sanh - Phật". Châu trong chéo áo, kẻ mê chẳng biết, không thể không trong cái "chẳng thể tu" lại bàn chuyện tu, trong cái "chẳng thể chứng" lại bàn chuyện chứng, cho nên mới có năm mươi hai địa vị theo thứ tự, Tín - Giải - Hạnh - Chứng sâu - cạn, đó gọi là *"toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh"*; còn như viên chứng Diệu Giác chẳng qua là khôi phục bản thể! Ngoài bản thể ra, trọn chẳng tăng thêm gì; chỉ là khi Trí Đoạn rốt ráo thì quang cảnh nơi bổn địa được phơi bày triệt để! *"Viên mãn Bồ Đề thật ra chẳng có một pháp nào để đắc! Nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân"*, chính là nói về ý này vậy! Mười phương chư Phật thành đạo không vị nào chẳng nói pháp này, mười phương Bồ Tát tu hành, không vị nào chẳng nương theo khuôn phép này.

Kinh văn tuy gồm tám mươi mốt quyển, hơn sáu mươi vạn chữ, nhưng đều bao quát hết sạch hằng sa pháp môn, vô biên diệu nghĩa được hiển thị chẳng sót. Toàn bộ Sự chính là Lý, toàn bộ Tu chính là Tánh, toàn thể nhiều chính là một, toàn Tha chính là Tự. Do vậy nói: *"Mười đời xưa nay từ đầu đến cuối chẳng lìa đương niệm; vô biên cõi nước tự - tha chẳng cách đầu lông"*. Vì thế, được thọ trì đọc tụng kinh này thì núi tội sụp, biển phước rộng sâu; biên chép lưu truyền thì mây mê tiêu, mặt trời huệ sáng rỡ. Huệ tôi đời trước lắm may mắn nên được nhập pháp môn, nhưng nghiệp cũ rất sâu nên chẳng khế hợp đạo. Nghĩ muốn chép đại kinh rất sâu chẳng thể nghĩ bàn này để sám trừ túc nghiệp, được hòa thượng Tịch Sơn, pháp sư Đế Nhàn

và các thiện tri thức khuyến khích, khen ngợi, tán trợ, nên được toại nguyện. Chỉ vì ít đọc kinh giáo, chưa hiểu rõ quy củ, tuy thường thắp hương, đốt đèn, chép đâu lễ đấy, nhưng dạng chữ tùy tiện, chưa thật đoan nghiêm, tề chỉnh. Cô lậu quả văn (thấy nghe kém cỏi) có lỗi chẳng biết! Trải hai lượt lạnh - nóng chép được hơn sáu mươi quyển. Một ngày nọ, có vị lão túc[15] trông thấy quở:

- Ông phát tâm chép kinh, toan nhờ đó để sám trừ túc nghiệp, hiển lộ cái mình sẵn có, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, lòng mong mỏi ấy lớn lao chẳng thể nói được, nhưng cẩu thả như thế này thì sao có thể trên cảm ứng Tam Bảo, dưới khế hợp tự tâm, đoạn phiền hoặc, chứng chân thường, sanh về An Dưỡng hầu hạ Đạo Sư? Há chẳng phải là cô phụ một phen khổ công của chính mình cũng như ân đức khen ngợi, giúp đỡ không gì lớn bằng của các Sư ư? Ông hãy lấy Hoa Nghiêm Cảm Ứng Truyện mà đọc đi, sẽ thấy các khuôn mẫu chép kinh tốt đẹp của các vị cổ đức như Đức Viên, Tu Đức v.v… cũng như những lợi ích mà họ đạt được, há chẳng thẹn đến chết ư?

Huệ tôi nghe dạy xong, lòng đau như cắt, tiếc hận sâu xa lúc ban đầu chẳng gặp được vị lão nhân này. Do vậy, bèn nhanh chóng sửa lỗi cũ, dốc kiệt lòng thành, cạn hết lòng kính, tuy vẫn thô vụng như cũ nhưng cung kính cẩn thận tột bực. Nét bút của bộ kinh trước sau không giống nhau, chỉ sợ người đọc thấy lạ, nên bèn thuật bày duyên khởi trách lỗi, cũng mong hết thảy tứ

[15] Lão túc: Lớn tuổi, phẩm hạnh, kiến thức đều cao.

chúng thọ trì đọc tụng hết thảy kinh điển thảy đều cạn hết lòng thành, tận hết lòng kính không coi thường chút nào, như đối trước thánh dung đích thân nghe được viên âm, ngõ hầu tội lỗi của Huệ nhờ đó được tiêu diệt, mà phước huệ của người thọ trì ấy cũng mau được viên mãn!

5. Bi ký về việc trùng tu tháp Thái Tử và xây lan can quanh hồ sen tại Phổ Đà (viết thay sư Liễu Dư)

Nhất niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh và tam thế chư Phật không hai, không khác. Nhưng do từ vô thủy đến nay chưa hề ngộ nên mê chân khởi vọng, trái giác theo trần, ngược ngạo biến Phật tánh thường trụ bất sanh bất diệt này thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi sanh tử. Đức Như Lai thương xót tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp ba căn tùy phần được lợi ích. Lại vì pháp âm có lúc bị gián đoạn nhưng tháp tượng còn mãi cho nên dạy tứ chúng tạo dựng tháp tượng, ngõ hầu [con người] chiêm lễ, gieo lòng thành nơi ấy, trồng thiện căn dần dần. Một phen thấy được thánh dung vĩnh viễn thành hạt giống đạo, dùng đó làm nhân duyên tối thắng để bỏ vọng về với chân, trái trần hiệp giác, tiêu trừ Hoặc nghiệp, khôi phục tâm tánh vốn có. Phổ Đà chính là chỗ thù thắng ứng tích của Đại Sĩ, là đạo tràng chúc hỗ[16] của các triều đại. Khai sơn từ thời Trinh Minh nhà Lương nhằm đời Ngũ Đại, đến nay đã hơn ngàn năm. Phổ Môn thường khải phát, Tông

[16] Chúc hỗ: Cầu nguyện, chúc tụng cho hoàng thất, quốc gia, nhân dân được yên ổn, thịnh vượng, sống thọ.

phong chẳng suy sụp, quả thật là Phật quốc nơi Chấn Đán, là phước địa của vùng Đông Nam. Vào cuối đời Nguyên, có Phù Trung Tín thiền sư đạo cao ngất đời, đức cảm cửu trùng, năm lượt ngồi đạo tràng hoằng khai, xiển dương Tông thừa, vương công, đại thần phần nhiều theo Ngài học đạo. Vào thời Thiên Lịch (1328-1329), Sư trụ trì Phổ Đà. Đến niên hiệu Nguyên Thống (1333-1334), Sư mua đá Thái Hồ[17], tìm thợ khéo nhất tạo một tòa tháp Đa Bảo Phật[18] ở góc Đông Nam chùa. Tháp năm tầng, cao chừng chín trượng sáu thước[19]. Bốn mặt của ba tầng trên cùng đều chạm trổ thánh tượng Phật, Bồ Tát, La Hán, từ dung đẹp đẽ tuyệt vời, nghiễm nhiên như người sống. Tài nghệ khéo léo sướng mắt đẹp lòng người nhìn. Tuyên Nhượng Vương[20] theo Sư học đạo, phát tâm bỏ ra tiền của, vì thế người đời thường gọi tháp này là Thái Tử Tháp.

---

[17] Thái Hồ là hồ lớn thứ ba của Tàu, nằm giữa hai tỉnh Giang Tô và Triết Giang, hồ rộng đến 2.213 km2, đá ở đây vừa đẹp vừa bền.

[18] Phật Đa Bảo (Prabhūtaratna), dịch âm là Bảo Hưu La Lan, còn dịch là Bảo Thắng Phật, Đại Bảo Phật, Đa Bảo Như Lai. Trong phẩm Hiện Bảo Tháp của kinh Pháp Hoa, Ngài là vị Phật diệt độ đã lâu, toàn thân xá-lợi được lưu trong bảo tháp, chỗ nào có Phật giảng kinh Pháp Hoa thì tháp Đa Bảo bèn hiện ra trước đại chúng để chứng minh. Theo Pháp Hoa Mạn Đồ La Oai Nghi Sắc Pháp Kinh thì thân tướng Phật Đa Bảo có nhục kế sắc xanh đen, giữa hai chân mày có tướng bạch hào phóng hào quang chiếu sáng hết thảy, thân màu vàng ròng, tay kết Định Huệ Trí Quyền ấn, ngồi xếp bằng trên tòa hoa sen cực lớn. Các sách vở chú giải Mật Tông thường hay coi Đa Bảo Như Lai chính là đức Đại Nhật Như Lai của Kim Cang Giới, còn Thích Ca Như Lai chính là Đại Nhật Như Lai trong Thai Tạng Giới.

[19] Tức là cao 18 m (theo Phổ Đà Sơn Chí)

[20] Tuyên Nhượng Vương chính là Thiếp Mộc Nhi (Temur) con trai thứ tư của Trấn Nam Vương Thoát Hoan (Togan). Thoát Hoan chính là con trai của Hốt Tất Liệt và là người đã đem quân đánh Việt Nam, bị thất bại nặng nề, nên Nguyên Thế Tổ (Hốt Tất Liệt) cấm vĩnh viễn không được về kinh gặp mặt vua cha.

Đến nay đã hơn 580 năm, năm tháng đã lâu; hơn nữa, do ở giữa biển cả, gió cuốn theo sương muối, mặt trời chói chang, sương giá dữ dội xói mòn các vật, thật dễ bị hư hoại. Do vậy, đỉnh tháp đã sứt, thánh tượng bị tàn khuyết, đá ghép bị rã rời, sắp bị sụp đổ. Trộm nghĩ tiền nhân tạo dựng vốn nhằm gieo phước cho quốc dân, nỡ nào để bị hư nát sụp đổ, dấu xưa cũng như ruộng phước của chúng sanh đều bị biến mất ư? Nhưng do Tăng chúng tiền của lẫn pháp đều nghèo cùng, không cách gì lo liệu được! Tháng Sáu năm Mậu Ngọ (1918), đúng dịp cư sĩ Tích Châu Trần Tánh Lương lên núi, tính lập bi phường (nhà để bia) bên đường, bạn tôi là Ấn Quang cùng với Dư (tức sư Liễu Dư) và Trụ Trì Pháp Vũ là thầy Liễu Thanh đều bảo ông ta: "Ông vốn xưa đã vâng lời Phật phó chúc hoằng hộ Tam Bảo, nay tháp Thái Tử liệu chừng sắp đổ nát, Tăng chúng thẹn không có đức hạnh, khả năng, không cách gì lo liệu, xin đừng tiếc sức lực sửa sang cho. Có lẽ nên gác lại chuyện kia, lấy chuyện sửa chữa tháp này làm việc cấp bách trước". Ông ta bèn ứng tiếng: "Con đã phát nguyện, tình thế khó thể ngừng giữa chừng được. Nhưng đã được ủy thác, con sẽ nỗ lực thay các thầy quyên mộ hóa duyên, mướn thợ, gắng sức lãnh trách nhiệm".

Do vậy, bèn giãi bày cặn kẽ tấm lòng ngu thành, nhờ vào phước lực ấy được các vị cựu Đại Tổng Thống là ông Lê [Nguyên Hồng], ông Phùng [Ngọc Tường], và Đại Tổng Thống đương nhiệm là ông Từ [Khiêm] đều bỏ ra tịnh tài để tu bổ Phổ Đà, xướng suất tứ chúng. Khi ấy, những vị tai to mặt lớn đều phát tín tâm, chung

sức giúp đỡ. Do vậy, vào tháng Ba mùa Xuân năm nay liền khởi công để tháp Đa Bảo Phật lại được từ đất vọt lên, trước chùa Phổ Tế thường thấy lan can vây quanh ao báu. Lại vỡ đất dựng tháp viện, cất năm gian nhà chánh, bốn gian chái phụ. Phàm những thứ cần dùng thảy đều đầy đủ, cử một vị Đầu Đà tịnh hạnh hầu hạ hương đèn dài lâu. Tri Sự huyện Định Hải là ông Phùng Bỉnh Càn nghe vậy, vui mừng khôn xiết, liền ra sức bảo vệ, có thể nói là xưa có linh căn, chẳng quên lời phó chúc vậy! Từ đây những người vào cửa Phổ Môn trông thấy Đa Bảo, những người tu Tịnh nghiệp thường dạo nơi ao báu. Công đức lợi ích ấy sẽ có cùng thọ lượng với hư không, không ngọn bút nào có thể hình dung cho được! Xây dựng đã xong, bèn thuật duyên khởi, khắc vào đá quý kiên cố để lưu truyền mãi mãi không hư nát.

6. Bi ký sáng lập Bi Phường bằng xi-măng bên đường ven biển và trùng tu Hồi Lan Đình (đình ngăn sóng) tại Phổ Đà (viết thay sư Liễu Dư)

Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn. Trong mười phương vô tận thế giới hiện khắp các sắc thân, tùy cơ thuyết pháp, các kinh Đại Thừa đều chép sự này. Nhưng ứng theo căn cơ phàm phu thị hiện các thân ở cõi này càng nhiều chẳng thể kể xiết, mầu nhiệm chẳng thể lường. Huống chi là ứng khắp trong sáu đường và ứng hiện cho những bậc căn cơ lớn lao vượt ngoài Tam Thừa ư? Nếu chẳng đã viên chứng Pháp Thân sao có được đại dụng như vậy? Cư sĩ Tích Châu Trần Tánh Lương được gội ân Bồ Tát sâu xa, tâm

báo ân tha thiết, muốn cho đồng nhân đều cảm niệm sâu xa bèn dựng một tòa Bi Phường bằng chất "thủy nê"[21] bên bờ biển. Đó là vì muốn chỉ cho con người thấy biển khổ vô biên, quay đầu lại chính là bờ, trong biển sanh tử, chỉ có Đại Sĩ đáng để nương cậy. Do vậy, bèn lược thuật chuyện thấm gội ân đức của ông ta, cho khắc vào đá quý kiên cố, mong sao những người thông hiểu đời sau đều cùng sanh tín tâm, cùng được che chở, ngõ hầu từ ngay nơi vọng hiểu rõ chân, tiêu trừ huyễn chấp ta - người, hiểu tâm thấu gốc, chứng Phật Tánh tịch chiếu.

Cư sĩ Tích Châu bẩm tánh trung hậu, thoạt đầu chỉ học hỏi tông chỉ Nho, Đạo, đối với đại pháp của Như Lai và lý tam thế nhân quả còn chưa tin tưởng sâu xa. Phu nhân là bà họ Hồ xưa đã có tín tâm, lễ Phật, tụng kinh, dẫu lạnh nóng, bệnh tật vẫn tu trì chẳng lười nhác. Năm bà ngoài ba mươi tuổi, đứa con đầu không nuôi được, càng nỗ lực hành thiện, chẳng lâu sau lại có mang, sắp đến kỳ sanh nở, liền mắc bệnh nặng, suốt hai mươi chín ngày chẳng ăn uống gì, chẳng nói năng được, chẳng thể trở mình. Vóc gầy như que củi, thân nóng như lửa, danh y bó tay, không còn cơ hội sống sót nữa! Một đêm, phu nhân mộng thấy một bà lão tay cầm mấy cành hoa sen, bảo: *"Ngươi do túc nghiệp vướng phải bệnh ngặt này, may đã gieo thiện căn sâu dầy nên ta từ Nam Hải đến an ủi ngươi"*, rồi dùng hoa sen phất quanh thân phu nhân, bảo: *"Phủi đi nghiệp chướng của ngươi, khéo sanh con ngoan!"* Bà liền thấy thân tâm

[21] Theo từ điển Từ Hải, "thủy nê" là một vật liệu xây dựng, dịch nghĩa chữ "sĩ-mẫn-thổ" (cement; ta thường gọi là "xi-măng"), đôi khi còn gọi là "dương nê" (bùn Tây, vữa Tây).

thanh lương, sảng khoái không gì sánh ví được! Do vậy, bèn tỉnh ra, toàn thân mướt mồ hôi, hết sốt, thân yên ổn, vẻ mặt ôn hòa, thật chẳng khác gì người khỏe mạnh. Ngày hôm sau liền sanh được một con đúng vào ngày tốt là ngày mồng Ba tháng Ba. Tuy phải trải qua hai mươi chín ngày sốt nóng, đói khát nhưng thân thể đứa bé đầy đặn, mập mạp, chẳng khác gì do người không bệnh tật gì sanh ra. Đến năm nay, đứa bé ấy đã lên mười. Ôi chao! Lạ lùng thay!

Cư sĩ được nhận đại ân, khác gì chết đi sống lại, xương khô mọc thịt, mới biết những chuyện lợi sanh chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát đã được nói trong kinh Phật đều chân thật chẳng hư dối. Tiếc cho những kẻ câu nệ, hẹp hòi, dùng tri kiến phàm phu múa mồm báng bổ, khinh nhờn, khác gì kẻ vô tri vô thức ngồi đáy giếng nhìn trời, uổng cho đức Đại Bi Chủ phải xót thương buồn bã, nhưng không cách gì cứu độ được! Buồn thay! Do vậy, tâm tin tưởng mười phần khẩn thiết cực độ. Năm ngoái, ông lên núi muốn lập bi phường, bạn tôi là Ấn Quang đem chuyện tháp Thái Tử sắp đổ khuyên ông gác lại chuyện này lo chuyện đó; nhưng tâm ông ta đã phát nguyện, khó thể ngưng giữa chừng. Do vậy, mùa Xuân năm nay cùng khởi công cả hai chuyện cũng như lập tháp viện và dựng lan can quanh bờ ao trước chùa, trùng tu đình hóng mát, phí tổn hơn năm vạn. Tuy cũng xin khắp những vị có tiếng tăm bỏ ra tịnh tài giúp hoàn thành việc lớn lao này, nhưng tháp được cao đẹp, ao được trang nghiêm, nhà bia, đình hóng mát được khang trang, rộng rãi, không tính công chọn thợ, chọn vật liệu, đốc thúc thợ thì [ngoài ra] việc gì cư sĩ cũng phải bỏ ra

một khoản tiền lớn một mình lo liệu hòng thành tựu công đức trang nghiêm. Tín tâm hoằng nguyện quả thật đáng kính!

[Danh tánh] các vị thiện sĩ bỏ tiền giúp đỡ đều được chép trên bia trong tháp viện. Nơi đây còn đặc biệt ghi chép tướng một giọt nước trong vô lượng trăm ngàn đại hải ứng hóa của Bồ Tát khiến cho các đồng nhân sanh tâm chánh tín, ai nấy cung kính cúng dường xưng niệm danh hiệu, há nào phải chỉ thường được Ngài gia bị, gặp xui biến thành hên, gặp nạn biến thành chuyện tốt lành mà thôi ư? Nếu có thể dốc cạn lòng thành đến cùng cực thì đoạn Hoặc chứng Chân siêu phàm nhập thánh nào có khó gì, tương lai cũng được như Bồ Tát theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, hiện đủ mọi sắc thân độ thoát chúng sanh vậy! Hơn nữa, Quán Âm đại sĩ chính là vị Cổ Phật trong quá khứ, do tâm đại bi hiện thân trong chín giới, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Chỉ vì chúng sanh căn cơ kém cỏi, không cách gì thấy được bản tướng. Phàm những người được Ngài gia hộ che chở, phần nhiều đều thấy là một bà lão. Ấy là vì thuận theo căn cơ kém cỏi bèn hiển thị tâm tha thiết. Nếu cho rằng Ngài vốn thuộc thân nữ thì đối với đạo thượng đồng hạ hợp của Bồ Tát dẫu có mơ cũng chưa từng thấy được mảy may!

7. Bi ký thuật duyên khởi Vô Trước Lão Nhân sáng lập Thường Minh Am (viết thay thầy Hóa Hoằng)

Chân tông tịch diệt duy tâm sẵn đủ, nhưng diệu đạo viên thông không có người sẽ chẳng thể hoằng truyền được. Hưng khởi phạm sát, mở mang Phổ Môn, bủa mây từ, xối mưa pháp. Nhằm lúc pháp vận đi vào mùa Thu[22], người chấn hưng đạo Thiền sắp bị tuyệt diệt, chỉ có mình tiên sư Vô Trước Lão Nhân của tôi là người như vậy mà thôi! Thầy húy là Lập Sơn, pháp danh Mãn Viên, biệt hiệu Vô Trước. Năm Đạo Quang thứ năm (1825) tức năm Ất Dậu, ngày Hai Mươi Lăm tháng Hạ, thị hiện giáng sanh vào nhà họ Cố ở Kim Sơn, Tùng Giang[23], cha Ngài chính là Phước Bổn Ngộ Công. Năm Sư mười bốn tuổi, thân phụ bèn xuất gia, tâm muốn đi theo, nhưng mẹ còn tại thế nên chẳng được thỏa nguyện. Đến tuổi nhược quan, xin xuống tóc với cha, đến chùa Đại Sùng Phước thọ Cụ Túc Giới. Do giặc đang chiếm đóng Nam Kinh[24] nên chẳng tiện tham học các nơi, bèn trụ tại Phổ Đà hoặc sống ở Tùng Giang, ẩn mình giấu tiếng, không có lòng góp mặt với đời.

Đến năm Canh Ngọ (1870) đời Đồng Trị, bế quan tại Bán Sơn Am, hằng ngày lễ kinh Hoa Nghiêm, tham học khắp hải chúng. Khi ấy, chùa Pháp Vũ điêu tàn đến cùng cực, thiếu người Trụ Trì. Vị tôn túc trong núi là hòa thượng Tín Chân suất lãnh pháp quyến gõ cửa thỉnh Sư [làm Trụ Trì]. Từ tạ không được, phải chấp thuận.

---

[22] Ý nói đạo pháp đi vào giai đoạn suy vi.

[23] Tùng Giang nay chỉ còn là một khu vực hành chánh của Thượng Hải, nằm ngay trên sông Hoàng Phố. Thoạt đầu, vào thời Đường, huyện Hoa Đình được thành lập tại đây, đến đời Minh – Thanh được đổi thành Tùng Giang Phủ. Khi ấy, Tùng Giang Phủ rất lớn, gồm 7 huyện mà Thượng Hải chỉ là một huyện trực thuộc phủ Tùng Giang. Kim Sơn chính là một huyện thuộc phủ Tùng Giang.

[24] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc.

Mùa Xuân năm Nhâm Thân (1872) bèn tấn viện[25], tài sản nhà chùa đơn bạc, chi dụng không đủ, nhà nát, tường xiêu hoang tàn nhức mắt. Sư cảm thương, tự đặt trách nhiệm trùng hưng nhà chùa, tận sức lo liệu, sửa sang, tu bổ, bốn phương đàn tín trải vàng[26] chỉ lo chậm chân. Trong vòng mấy năm, trăm chỗ bỏ phế đều được phục hưng. Tuy chưa hoàn toàn khôi phục được quy mô như cũ, nhưng xét về đại cuộc đã khả quan lắm. Lâu ngày, ý muốn nghỉ ngơi để chuyên tu Tịnh nghiệp, do vậy bèn dựng am tại phía Tây sườn núi Thanh Lương, đề biển là Thường Minh. Ấy chính là dùng ý nghĩa *"tâm tánh tịch chiếu viên dung, theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc thông suốt"* hòng làm cho người khác tu nhân để đắc quả.

Mùa Xuân năm Giáp Thân (1884) đời Quang Tự, Sư thoái ẩn tại am này, quyết chí quy Tây, niệm Phật không để sót. Lại lấy hai thời khóa tụng trong am làm hai thời niệm Phật, dùng đó làm quy định thường hằng vĩnh viễn, nóng - lạnh không gián đoạn, tậu ba trăm hai mươi hai mẫu ruộng lúa, trừ ra một trăm mẫu [làm chi phí cúng tế trong] Vô Trước Từ Đường, những khoảnh ruộng còn lại dùng để nuôi chúng thường trụ niệm Phật. Ngoài ra, các vị như Hóa Khai v.v… dành ra bốn mươi bốn mẫu ruộng để giúp tiền chi dụng cho những vị sư niệm Phật, đều ghi chép tường tận ở phần sau.

---

[25] Tấn viện: Khi một vị Sư đến nhậm chức Trụ Trì một ngôi chùa nào thì gọi là "tấn sơn" hay "tấn viện".

[26] Trải vàng (bố kim): Khi xưa trưởng giả Cấp Cô Độc lấy vàng ròng lót đất để mua khu vườn của thái tử Kỳ Đà nhằm tạo tinh xá cúng dường Phật ở nước Xá Vệ. Do tích này, nghĩa cử bỏ tiền của để kiến tạo đạo tràng tự viện cũng gọi là "bố kim" (trải vàng).

Lão nhân thường nói: *"Chúng sanh đời Mạt chướng sâu căn độn, chẳng dễ gì thấu đạt lẽ hướng thượng, đại ngộ còn khó huống chi thật chứng! Chỉ có mỗi một pháp Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, lợi - độn gồm thâu, thượng thánh hạ phàm đều nên tu trì. Bởi lẽ pháp này hoàn toàn lấy Quả Giác làm cái tâm trong khi tu nhân, nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân, dùng chính ngay tướng thế gian để thông đạt Thật Tướng, lấy phàm tâm khế hợp Phật tâm. Pháp có thể nhờ cậy để duy trì Phật pháp, giúp cho nền chánh trị của đất nước, cảm động tâm người chỉ có mình pháp này mà thôi! Các ông hãy nên tận lực tuân hành, chớ nên phế bỏ mới chẳng phụ tứ ân, giúp trọn tam hữu. Nếu sau này hàng đương gia (người cai quản am này) phế bỏ quy củ đã thành lập này thì kẻ ấy chẳng phải là đệ tử của ta, hãy nhóm họp pháp quyến lập tức tẫn xuất*[27]*, chớ cho ẩn náu kẻo phụ lòng ta"*.

---

[27] Tẫn xuất (pravrājana): Còn gọi là Diệt Tẫn, Khu Tẫn, Tẫn Phạt, Khu Xuất, Khu Di, Tẫn Trị, hoặc chỉ đơn giản là Tẫn, là một trong những phương pháp xử phạt hàng tỳ-kheo hoặc sa-di phạm giới, tức là gạt bỏ người đó ra ngoài đoàn thể Tăng già đang cùng ở, không cho cùng ở với Tăng chúng. Theo Thập Tụng Luật, quyển 21, người phạm Ba La Di Giới chẳng được thọ Cụ Túc Giới của người xuất gia. Nếu cho thọ thì người truyền giới cũng bị tẫn xuất. Theo Tứ Phần Luật, quyển 17, điều "Tùy Tẫn Sa Di Giới" thì Sa Di bị chúng Tăng trách tội vẫn không sửa lỗi, sẽ bị tẫn xuất. Thiện Kiến Tỳ Bà Sa Luật cũng chép tương tự. Người bị tẫn xuất không được truyền giới cho người khác, không được làm y chỉ sư, không được nhận đồ đệ, không được nhận các vật phẩm cúng dường như y bát, ngọa cụ, tọa cụ, nước rửa chân… Theo Tỳ Ni Mẫu Kinh, quyển 2: *"Tẫn Xuất có hai loại Yết Ma: Một là vĩnh tẫn (khai trừ vĩnh viễn), hai là do điều phục nên tẫn xuất. Điều phục nghĩa là trong khi chưa sám hối thì mọi thứ ăn ở, nói năng, hết thảy pháp sự của Tăng chúng đều không được tham dự… Nếu kẻ đó vẫn ương ngạnh không thay đổi, hối hận, thì suốt đời chẳng được tham dự Tăng sự"*. Ngoài ra, còn có một hình thức trừng phạt gọi là Mặc Tẫn (brahma-danda), nghĩa là không trò chuyện,

Đến ngày mồng Một tháng Chạp năm Kỷ Sửu (1889), Sư an nhiên thâu thần qua đời, Tăng lạp[28] bốn mươi sáu năm, thọ sáu mươi lăm tuổi. Đệ tử thế độ mấy mươi người, nhưng người nối tiếp được công hạnh của Sư chỉ có mình Hóa Văn. Bọn Hoằng tuy được liệt vào hàng đồ đệ nhưng chưa vào được cửa trong[29], chẳng biết được sở ngộ của Sư, chẳng dám đề cao thầy kẻo đem phàm lạm thánh, cũng chẳng dám hạ thấp kẻo khuất lấp người hiền, đành nêu đại cương ngôn hạnh của thầy để nêu rõ duyên khởi am này (Xét ra Pháp Vũ Tự khai sơn vào năm Vạn Lịch thứ tám đời Minh, đời Thanh trước kia hai lần được sắc kiến, sau loạn Hồng Dương suy bại đến cùng cực, ngài Vô Trước trùng hưng chùa).

8. Bi ký ghi công đức xây giếng Tiên Nhân ở Phổ Đà

(viết thay thầy Giới Như)

Viên Thông Đại Sĩ bao kiếp thường trụ núi này, bậc tiên nhân vượt ngoài trần gian không lúc nào chẳng sống tại nơi đây. Tuy chưa đến thời Tượng Giáo, phàm tục không thấy được từ dung, nhưng từ chỗ ở của bậc ứng thân, các tiên thật sự luôn được chiêm ngưỡng Phật nhật. Do vậy, An Kỳ Sanh đời Tần, Mai Tử Chân đời Hán, Cát Trĩ Xuyên đời Tấn v.v… đều sống nhờ núi này để tu chân dưỡng đạo. Dòng suối ngọt họ uống được gọi là Tiên Nhân Tỉnh (giếng Tiên Nhân).

---

không hỏi han đến người bị trừng phạt, coi như người ấy không tồn tại trong Tăng chúng.

[28] Tăng lạp: Số năm tính từ khi xuất gia (có thuyết nói chỉ tính từ khi thọ giới Cụ Túc).

[29] Ý nói không lãnh hội được tâm pháp của thầy.

Đến niên hiệu Trinh Minh đời Lương mới bắt đầu lập đạo tràng, ấy chính là lòng từ rộng lớn của Đại Sĩ, vận lòng trời độ rộng khắp. Dấu cổ của tiên nhân cũng nhờ Phật pháp mà được lưu truyền. Mặt trước giếng ấy gần biển cả, có cái hang đất che bên trên. Từ dưới đất sâu hơn cả trượng, [nước suối] từ dưới vọt lên. Lúc khô hạn nhất suối chẳng giảm, lúc ngập úng nhất cũng chẳng tăng thêm, lúc nóng gắt thì nước lại mát rượi, lúc rét buốt thì nước lại ấm, nước chảy chậm rãi, lừ đừ, nhưng trong lắng, vị ngon ngọt, mướt dịu. Ai tin tưởng uống nước ấy phần nhiều khỏi bệnh trầm kha. Vì thế những người đến chiêm bái núi này từ Mân, Việt, Ngô, Sở[30] đều dùng bình múc nước giếng mang về để làm pháp dược.

Nếu không phải là đại bi pháp thủy từ tâm đại từ bi của Bồ Tát chảy ra, khiến cho người uống vào gần là khỏi tật bệnh, xa là chứng Bồ Đề, sao có thể linh nghiệm sâu xa như vậy được? Cư sĩ Can Hạnh Thôn ở Tứ Minh, lên núi dâng hương, uống nước thấy ngọt, hỏi đến ý nghĩa tên gọi, khen ngợi khôn cùng, liền khẳng khái bỏ ra tiền của, nhờ Nạp Tăng lo liệu dùng đá xây thành giếng và đắp đường quanh giếng. Phía trên dựng một cái khám thờ Đại Sĩ trong ấy, bên trái thờ Long Vương, bên phải thờ An tiên nhân (tức An Kỳ Sanh), muốn cho những người lấy nước sau này hành đạo thanh tịnh, thấu triệt nguồn đáy pháp. Thấy Quán Âm ngay nơi ấy, vun bồi hạt giống Phật cho tương lai. Đề Hồ vào miệng, bệnh tật lìa thân, tâm địa thanh lương,

---

[30] Mân: Phước Kiến, Việt: Lưỡng Quảng, Ngô: miền Nam tỉnh Giang Tô, phía Bắc tỉnh Chiết Giang, Sở: thuộc địa phận Hồ Nam và Hồ Bắc.

vĩnh viễn không bị nhiệt não bức bách, tiền trình xa rộng, thường được nhân từ, sống lâu, khỏe mạnh. Nạp Tăng tôi quý lòng thành khẩn của ông ta, lược thuật đầu đuôi, tạc vào đá quý kiên cố để bảo cùng những người thông sáng trong tương lai.

9. Bi ký của Trinh Tiết Tịnh Độ Viện thuộc Lưu Trang Trường tại Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô

Phật pháp là pháp chung cho cả chín pháp giới, không một ai chẳng kham tu mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Bởi phàm ai có tâm thì không một ai chẳng cùng sẵn có Phật tánh, nhưng do mê chưa ngộ nên đâm ra dùng sức công đức của Phật tánh để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo trải trần điểm kiếp, không thể thoát lìa, há chẳng đáng buồn quá sức ư? Nhưng vì chúng sanh và Phật thể vốn đồng bèn cảm Như Lai xuất thế, soi sáng cho chúng sanh. Do đây, người bỏ tục xuất gia, tận lực tu Định - Huệ, đoạn Hoặc chứng Chân, liễu thoát sanh tử không thể kể xiết! Cũng có vị cư trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, tự chứng Pháp Thân, sanh lên bờ đạo như cư sĩ Duy Ma, Phó Đại Sĩ, Bàng Cư Sĩ v.v… cả nhà tu trì, đều chứng thánh quả. Các vị đại sĩ ấy làm gương cho chúng sanh, đủ biết ai nấy đều có thể tu, hễ tu ắt đều được lợi ích. Do vậy, từ khi pháp được truyền sang Đông Độ, vua quan, dân chúng, khuê các anh hiền chẳng lìa trần lao tu ròng Tịnh nghiệp, đều đích thân thấy được Phật Tánh, đoạn Hoặc chứng Chân, cũng như người được cảm ứng

đạo giao được Phật tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh lại không biết bao nhiêu mà kể.

Cư sĩ Hạc Niên Cao Hằng Tùng là người Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô, xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa. Tuổi vừa nhược quan liền hâm mộ chân tu, vứt bỏ trói buộc thế tục, chăm chú nơi sự nghiệp tuyển Phật rộng lớn. Do vậy, bèn đến khắp các tùng lâm, tham học với những bậc tông tượng, hòng nhanh chóng thấu rõ tự tánh, triệt ngộ duy tâm, báo đáp tứ ân, tế độ mọi phẩm. Việc phụng dưỡng cha mẹ giao cho vợ, mấy tháng mới quay về để thăm hỏi. Bà phu nhân tên X… bẩm tánh hiền thục, tận lòng hiếu đạo, dẫu đã kết hôn, nhưng chí hâm mộ thanh tu. Vì thế, cư sĩ không lo thiếu sót tình phụng dưỡng, mà cha mẹ cũng hưởng niềm vui được quấn quít. Nếu không phải do nguyện xưa đã kết, làm sao được như vậy! Đến khi cha mẹ đều khuất, không còn phải lo lắng gì nữa, khác nào hạc nội mây ngàn mặc sức bay nhảy. Do vậy, Ngũ Đài, Nga Mi, Thiên Thai, Kê Túc[31], tất cả mọi chỗ danh sơn thánh

---

[31] Kê Túc Sơn gồm hai chỗ:
1. Núi Kê Túc (Kukkutapāda-giri) ở Ấn Độ, còn được dịch là Kê Cước Sơn, Tôn Túc Sơn, Lang Túc Sơn, Lang Tích Sơn, thuộc miền Trung nước Ma Kiệt Đề, là nơi ngài Ma Ha Ca Diếp nhập diệt, nằm cách Bồ Đề Đạo Tràng ba mươi hai dặm về phía Bắc. Do ngài Ca Diếp nhập diệt ở đây, để tỏ lòng tôn trọng, người ta chỉ gọi là núi Tôn Túc.
2. Núi Kê Túc nằm ở phía Tây Bắc cách huyện lỵ Tân Xuyên tỉnh Vân Nam hơn 50 dặm, tiếp giáp ranh giới của huyện Thái Hòa và Đặng Xuyên. Hình thế núi trông như đóa sen chín cánh nên còn có tên là Cửu Trùng Nham Sơn. Phía Đông núi có dòng sông Ca Diếp, có một ngọn núi cao vọt, đỉnh núi phía Nam bằng phẳng, ba phía còn lại đều có một nhánh núi trông như cái chân gà có ba ngón, nên gọi là núi Kê Túc. Trên đỉnh núi có hang Ca Diếp, tương truyền ngài Ca Diếp cất giấu y của đức Phật, đợi khi nào Bồ Tát Di Lặc thành Phật sẽ dâng y này lên (trong Đại Di Lặc Thành Phật Kinh, có chép khi Di Lặc Bồ Tát thành Phật, dẫn chúng tỳ-kheo lên núi Kê Túc, dùng thần lực mở núi ra, đánh

đạo tràng, thường đến lễ bái một loạt nữa. Riêng đối với đạo tràng của Quán Âm Đại Sĩ ở Chung Nam[32] lại càng quyến luyến sâu xa, chợt nhận biết đời trước từng trụ tại núi này, đủ thấy nhiều đời nhiều kiếp đã tu Phật đạo từ lâu, chẳng phải chỉ gieo thiện căn tại một đức Phật, hai đức Phật, ba bốn năm đức Phật mà thôi.

Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), từ núi Kê Túc trở về nhà trông nom, thấy vợ đã già, cô đơn không nơi nương tựa. Nghĩ đến công vợ thay mình phụng dưỡng cha mẹ nhọc nhằn, thương vợ giữ chí thủ tiết thanh tu, do vậy bèn biến nhà mình thành Trinh Tiết Tịnh Độ Viện. Vì để cho trinh nữ, phụ nữ tiết hạnh sống ở đó chuyên tu Tịnh nghiệp, cầu sanh Tịnh Độ nên đặt tên như vậy. Những bậc hương thân chuộng nghĩa bèn bẩm lên huyện ra cáo thị: Phàm là con cháu họ Cao và nhân sĩ các giới chẳng được can dự, bởi lẽ viện này được tạo dựng bởi tài sản riêng để làm phước, tánh chất khác biệt với những am miếu [thông thường]. Tài sản ban đầu là bao nhiêu đó mẫu, tậu thêm bao nhiêu đó mẫu, tô lợi

---

thức ngài Ca Diếp đang nhập định chờ Phật Di Lặc giáng thế, chúng Tăng hỏi Phật: "Sao lại có con trùng mang hình người mặc y tỳ-kheo?" Phật nói: *"Đây không phải là trùng, mà là đại đệ tử Ma Ha Ca Diếp của Phật Thích Ca"*. Ngài Ca Diếp xuất Thiền, dâng y tăng-già-lê lên Phật Di Lặc. Phật nhận lấy, thấy y tăng-già-lê không phủ kín được ngón tay út, bèn than thở: *"Chúng sanh thời Phật Thích Ca do ác trược quá nặng nên thân hình quá bé nhỏ"*. Dâng y xong, ngài Ca Diếp bèn nhập Hỏa Quang Tam Muội tự thiêu thân, nhập Niết Bàn). Do vậy, núi này được coi là đạo tràng của ngài Ma Ha Ca Diếp.

[32] Chung Nam, còn gọi là Trung Nam, Nam Sơn, hay Thái Ất Sơn, thuộc vào mạch núi Tần Lĩnh, thuộc địa phận tỉnh Thiểm Tây, chạy dài từ huyện Vũ Công đến huyện Giám Điền ở phía Đông. Thật ra Chung Nam Sơn bao gồm các rặng Thúy Hoa Sơn, Nam Ngũ Đài, ngọn núi chính mang tên Lâu Quán Đài. Đạo tràng của Quán Âm Đại Sĩ được nói ở đây chính là đạo tràng thuộc Nam Ngũ Đài.

thu được hằng năm dùng chi tiêu cho cơm áo của người trong viện, căn cứ theo thâu nhập mà thâu nhận người để khỏi bị thiếu hụt. Chi phí sửa chữa, xây dựng đều do bạn bè thân thiết của cư sĩ giúp đỡ. Ba gian nhà chánh dùng làm điện Phật, bên trong thờ tượng ngồi của Tây Phương Tam Thánh để những người sống trong ấy sớm tối lễ tụng hòng tạo tư lương vãng sanh. Hai gian chái hai bên làm chỗ ăn ở của các bà. Những trinh nữ tiết phụ lui tới đều không phân biệt chọn lựa, chỉ cần trường trai niệm Phật, quyết chí vãng sanh, tánh tình nhu hòa, không có các thói ngang ngược, tai ác, chẳng coi trọng trang điểm, chẳng ăn mặn, uống rượu, đoạn tuyệt tình thân thế tục, chẳng du hành bừa bãi thì đều được chấp nhận. Nếu không, nhất loạt chẳng chấp nhận cho cư trú ở đó.

Lại vào mùa Đông, mùa Hạ mỗi năm, nhằm hai dịp Phật Đản[33], liền mời bậc nữ sĩ thông hiểu pháp đến giảng thuyết suốt tuần ngõ hầu đường lối tông chỉ tu tập thảy đều hiểu rõ, chẳng đến nỗi dùng pháp liễu sanh tử để đạt được phước trời người. Đấy chính là thượng hoằng hạ hóa, trọn vẹn đôi bề, do bi thành kính, hai thứ ruộng (bi điền và kính điền) đều đầy đủ. Do vậy, bàn bạc việc này xong xuôi, những bạn bè chuộng nghĩa đều vui thích hỗ trợ, như ông Giản Chiếu Nam, Giản Ngọc Giai, Phan Đạt Vi, Lý Bách Nông, Lê Ất Chân ở Quảng Đông và các vị cư sĩ ở đất Hỗ (Thượng Hải), đều tùy tâm lực, bỏ tiền của giúp đỡ. So với việc giúp đỡ những bà góa thì gần như giống nhau, nhưng về mặt lợi ích cách biệt như trời với đất. Viện nuôi bà góa bất

---

[33] Tức ngày đản sanh của Phật Thích Ca và ngày vía Phật A Di Đà.

quá chỉ nhằm làm cho họ có chỗ gởi thân, chẳng đến nỗi đói rét, nhưng chỉ ăn no, suốt ngày chẳng chịu dụng tâm, chẳng tụng kinh chú, chẳng kiêng rượu thịt, chỉ nhằm giúp đỡ họ trong đời này, chẳng tính đến chuyện "khi mất đi thần thức sẽ đi về đâu!" Sống trong viện này suốt ngày trì danh hiệu Phật, sớm tối khẩn thiết sám hối, chẳng những lúc sống có chỗ nương gởi, chẳng uổng sống qua ngày, mà còn khiến cho khi mất đi, có chỗ nương về, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Ý đẹp, pháp lành thật hay đẹp, thật cao quý! Pháp này đã hưng khởi, sau này ắt có bậc thông hiểu pháp nghĩa hành theo để giúp đỡ các bà góa, ngõ hầu bậc trinh tiết anh hiền cùng dự vào Liên Trì hải hội, công đức ấy chẳng thể diễn tả được!

10. Bài ký về tịnh nghiệp trinh hiếu của trinh nữ Trần Thánh Tánh

Chân Như pháp tánh chúng sanh và Phật đồng thể. Do mê - ngộ sai khác mà thánh - phàm khác biệt. Muốn khôi phục tâm tánh sẵn có thì phải đoạn Hoặc nghiệp huyễn vọng. Muốn đoạn Hoặc nghiệp mà không nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu Định - Huệ sẽ không thể được! Tận lực tu ba môn Giới - Định - Huệ đến khi công thuần thì Vọng Hoặc triệt để tiêu diệt, bổn tâm hiển hiện toàn thể. Ví như mài gương, hết chất bẩn, tánh sáng còn lại. Gương vốn sẵn có tánh sáng, chẳng do bên ngoài mà có, chỉ nhờ vào duyên lau mài mà hiển hiện vậy.

Tuy nhiên, cậy vào tự lực tu hành để đoạn Hoặc chứng Chân, thật chẳng dễ dàng! Đoạn Kiến Hoặc giống như cắt đứt dòng nước rộng bốn mươi dặm, huống gì là Tư Hoặc! Vừa đoạn Kiến Hoặc bèn chứng Sơ Quả, dự vào dòng Thánh, vẫn còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian mới đoạn sạch được Tư Hoặc và chứng Tứ Quả. Tuy nói là mười bốn lần sanh tử, nhưng trên trời tuổi thọ rất dài, nên chẳng dễ gì luận bàn năm tháng cho được! Thánh nhân Sơ Quả muốn liễu sanh tử còn khó khăn như thế đó, huống chi phàm phu có đủ Hoặc nghiệp ư? Nếu chứng Tứ Quả thì vĩnh viễn cắt đứt căn bản sanh tử, vượt thoát ra ngoài lục đạo luân hồi. Nếu phát tâm đại bi thì vào đời độ sanh, thừa nguyện thị hiện hạ sanh, chẳng giống như kẻ Hoặc nghiệp đầy dẫy bị nghiệp lực thiện - ác lôi kéo, thăng - trầm trong sáu đường, tự mình không làm chủ được mảy may nào! Nếu không phải là người túc căn sâu dầy sẽ không thể tự lực liễu sanh tử được; chúng sanh đời Mạt sao có thể mong cầu! Do vậy, đức Như Lai đặc biệt mở ra một pháp môn Tịnh Độ, để hết thảy dù thánh hay phàm, thượng trung hạ căn cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Tâm từ bi cứu giúp ấy tột bậc không còn gì hơn được nữa! Pháp tu trì này cũng phải nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu Định - Huệ, nhưng phải kèm thêm sanh lòng tin phát nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Tín nguyện chân thật, thiết tha, niệm lực tinh thuần, ngay trong hiện đời cũng có thể chứng thánh, lâm chung lên thẳng Thượng Phẩm, dự vào địa vị Bồ Tát, chứng địa vị Bất Thoái. Nếu như căn cơ kém hèn, chưa được như thế, chỉ cần chí tâm niệm Phật thì tâm và Phật khế hợp, cảm ứng đạo giao,

lúc lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn đới nghiệp vãng sanh. Thậm chí kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện nếu tâm thức chẳng mê, có thiện tri thức dạy niệm Phật, người ấy sanh lòng sợ hãi lớn lao, sanh lòng thẹn hối lớn lao, dẫu chỉ niệm được mấy tiếng rồi liền mạng chung cũng vẫn được cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Được vãng sanh rồi thì vĩnh viễn thoát luân hồi, cao dự hải hội, tấn tu dần dần ắt chứng Phật Quả. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó khăn như thế đó; cậy vào Phật từ lực để liễu sanh tử dễ dàng như thế này! Phàm những ai có tâm đều có thể niệm Phật, đều có thể vãng sanh. Là trang nam tử có chí khí, quyết chẳng chịu để Chân Như Phật Tánh sẵn có trái nghịch tịnh duyên, ngả theo duyên mê nhiễm, luân hồi bao kiếp trong lục đạo, không thể thoát ra!

Trinh nữ Trần Thánh Tánh vốn là người quê ở huyện Hoài Ninh tỉnh An Huy, cha cô vào độ tuổi trung niên theo đuổi nghề buôn bán ở Cam Tuyền, Dương Châu, bèn dời nhà sang đó, bà mẹ họ Cao. Trinh nữ sanh nhằm năm thứ chín đời Hàm Phong (1859), có ba chị em gái, người chị cả chính là mẹ ông Trương Thiệu Xuân, trinh nữ là con giữa, cùng với cô em đều tự ăn chay từ nhỏ, không ăn mặn. Ấy là sẵn có túc căn. Ba người em trai, lớn nhất là Thọ Thanh, từng được hậu bổ làm tri huyện Giang Tây đời Thanh trước kia. Kế đến là ông Mậu Chi, người em thứ ba là ông Mậu Như, đều theo nghề buôn bán muối. Trinh nữ đến tuổi cài trâm, cha mất, mẹ muốn chọn chỗ giạm hỏi cho, trinh nữ bèn đau đớn khóc lóc, thệ nguyện làm Anh Nhi Tử con gái

nhà họ Bắc Cung[34], vứt bỏ trang sức để nuôi mẹ, ở đến già không lấy chồng. Cô em quyết chí xuất gia tu hành, còn trinh nữ thì lập chí ở tại gia hầu hạ mẹ. Mẹ biết chẳng thể thay đổi được chí hướng của con, liền để mặc. Mẹ cô có tật sạch sẽ quá đáng, phàm thức ăn, quần áo, giầy dép, mền gối, giường màn, không thứ nào không thay mới mỗi ngày, dẫu là sàn nhà cũng phải mỗi ngày lau chùi một lần, ba ngày rửa một lần, vì thế chuyện gì giao cho con hầu, vú già làm đều chẳng vừa ý, chỉ có trinh nữ nấu nướng, khâu vá, giặt giũ, rửa ráy mới vừa lòng mẹ mà thôi. Tận lực hầu hạ chăm sóc, chẳng để thiếu sót, hễ rảnh thì tụng kinh lễ Phật, không bỏ uổng ngày tháng. Dẫu nhằm dịp lễ tết cũng chẳng ra khỏi cửa đi chơi, tận tâm hiếu dưỡng, dốc sức tu Tịnh nghiệp đến mức như thế đó, không những đã trọn hết phận gái mà còn thật sự phụng trì Phật pháp. Về sau, cô lại quy y Tam Bảo, thọ Bồ Tát Ưu Bà Di giới, Thánh Tánh chính là pháp danh của cô vậy.

Đến khi mẹ mất, cô đau đớn cùng cực, sau đấy ở nhà người em trai, càng siêng năng tu trì. Mấy năm gần đây, Thiệu Xuân tin Phật ngày càng sốt sắng, cô từng đến thăm cháu mấy lần, mừng vì chí hợp đạo đồng, bèn không trở về nữa. Qua hơn một năm, các em trai phải ép đón về. Không lâu sau, tự biết mình còn ở đời không

---

[34] Trong Chiến Quốc Sách, thiên Triệu Oai Hậu Vấn Tề Sứ (Oai Hậu nước Triệu hỏi sứ giả nước Tề), có đoạn: *“Triệu Oai Hậu hỏi sứ giả: ‘Nước Tề có Anh Nhi Tử con gái nhà họ Bắc Cung vứt bỏ bông tai, đồ trang sức trên đầu, ở đến già không lấy chồng để nuôi mẹ, nêu gương tận hiếu cho bá tánh. Vì sao mãi đến nay không sắc phong cho cô ta? Như vậy làm sao thống lãnh nước Tề, làm cha mẹ muôn dân cho được!”* Về sau, thường dùng điển tích *“Bắc Cung chi nữ Anh Nhi Tử”* để chỉ những người con gái suốt đời không lấy chồng để phụng dưỡng cha mẹ.

lâu, do các em trai và em dâu chỉ biết lễ nghi thế gian, đều chẳng hiểu Phật pháp, sợ lúc lâm chung họ thương cảm lưu luyến làm loạn chánh niệm đến nỗi bị mất lợi ích, bèn đến ở ni am của cô em gái để cầu chánh niệm vãng sanh. Không lâu sau, cô thị hiện bệnh nhẹ, gọi Thiệu Xuân và ba người em trai đến, nhờ thỉnh vị Tăng đầy đủ đức hạnh làm lễ thế phát cho cô làm ni cũng như thuyết giới cho, lại dặn sau khi mất nên hỏa táng để không còn sót lại vật gì, xả thân rồi không còn gì để nương náu nữa mới là tốt. Thiệu Xuân chấp thuận, cô liền tắm gội, mặc pháp phục, ngồi ngay ngắn niệm Phật. Thiệu Xuân bảo các vị ni và các ông em trai cùng niệm Phật trợ giúp. Các ông em trai buồn thương không cầm được, Thiệu Xuân tận lực răn nhắc họ đừng làm loạn chánh niệm của cô, các ông em trai đều nén lòng bi thương niệm Phật. Một chập lâu sau, dứt hơi, Thiệu Xuân bảo đại chúng nhất tâm niệm Phật hai tiếng đồng hồ, mặt cô càng thêm rạng rỡ hơn khi còn sống. Sức tu trì cả một đời được thể hiện trong khi ấy, chắc chắn sẽ được vãng sanh Tây Phương. Nếu không, sao có thể đạt được tướng lành như vậy ư? Lúc ấy nhằm giờ Sửu ngày 17 tháng Chạp năm Dân Quốc thứ 10 (1921), thọ sáu mươi ba tuổi. Tuy lúc lâm chung đã xuống tóc làm ni, nhưng chưa được mấy ngày, cũng như vì muốn hiển thị tấm lòng trinh bạch, đức hạnh đẹp đẽ, thủ tiết tận hiếu cả một đời của cô nên gọi là "trinh nữ".

Mùa Xuân năm nay, Thiệu Xuân đến Phổ Đà lễ Đại Sĩ, thuật cặn kẽ sự việc, xin tôi soạn bài ký để khai phát đức ẩn kín, ánh sáng ngầm của cô. Tôi dựa theo kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, [xét thấy] Tịnh Nghiệp

Chánh Nhân gồm ba điều: Một là hiếu thuận phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp; bốn điều này thuộc điều thiện thế gian. Hai là thọ trì Tam Quy, giữ đủ các giới, chẳng phạm oai nghi, ba điều này thuộc về Giới Thiện. Ba là phát tâm Bồ Đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả, bốn điều này thuộc về Huệ Thiện. Hai điều đầu tùy thuộc mỗi người mà thuộc về Đại Thừa hay Tiểu Thừa, nhưng điều này thuộc về Đại Thừa. Trong mười một sự ấy, dù trọn vẹn hay nửa phần, thậm chí chỉ làm được một việc, dùng lòng tín nguyện sâu, hồi hướng Tịnh Độ thì đều được vãng sanh. Huống chi trinh nữ làm được nhiều phần, lại thêm bình sinh chuyên tâm niệm Phật, lẽ đâu chẳng vãng sanh. Cô biết trước thời khắc, sau khi tắt hơi vẻ mặt lại càng thêm rạng rỡ, đủ chứng tỏ điều ấy vậy.

Do đó, bèn đem nguyên do của pháp môn Tịnh Độ và hạnh đẹp trinh hiếu, tịnh nghiệp của cô lược thuật những nét chánh, mong sao những bậc anh hiền trong khuê các và hết thảy thiện tín nghe đến phong cách của cô bèn hưng khởi theo, ai nấy trọn hết bổn phận và tu Tịnh nghiệp, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, càng tu Tịnh nghiệp càng giữ vẹn luân thường, sống thì được thêm tiếng tăm, mất liền gởi thân nơi Tịnh Độ. Trông ra những kẻ chỉ biết Thế Đế, chẳng hiểu Phật pháp, nghiệp thức mênh mang, không nơi nương tựa, uổng có Phật tánh mà mê mất toàn thể, luân hồi trong sáu nẻo, đọa lạc trong tam đồ đến cùng tận đời vị lai trọn chẳng có lúc thoát ra, dẫu hết cả năm cũng không

thể nói hết được nổi. Phàm những ai thấy nghe hãy đều nên gắng sức vậy!

11. Bi ký lễ phóng sanh nhằm sinh nhật của phu nhân cư sĩ Châu Mộng Pha ở Ô Trình[35]

Một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh với tam thế chư Phật hoàn toàn chẳng hai, nhưng do mê chưa ngộ nên trải kiếp dài lâu luân hồi trong sáu nẻo mãi mãi không ngừng. Tuy đường lành trời người đem so với tam đồ ác đạo khổ - vui thật khác, nhưng đều tùy thuộc nghiệp lực thiện - ác thường bị luân chuyển. Do vậy, thiện đạo chẳng đáng để nương cậy, ác đạo thật đáng kinh sợ! Há có nên không vun bồi nhân lành, lầm tạo ác nghiệp, ỷ mình mạnh mẽ lấn hiếp kẻ yếu, bắt lấy hết thảy chúng sanh sống dưới nước, trên cạn, trên không trung đem giết hại để ăn uống ư? Trước kia, khi Phật Giáo chưa truyền sang, thánh nhân Nho Giáo đều dùng luân thường thế gian để lập giáo, đối với Phật tánh sẵn có của chúng ta và lục đạo luân hồi thăng trầm chuyển biến cũng như chuyện đoạn Hoặc chứng Chân, siêu phàm nhập thánh dù Lý hay Sự đều chưa nêu tỏ. Vì thế, chẳng ngăn cấm giết chóc, nhưng cái tâm bất nhẫn đã được hiển hiện rõ ràng qua những giáo huấn để lại cho đời. Như kinh Thư nói chim, thú, cá, ba ba đều sống vui vẻ, sách Luận Ngữ nói *"chỉ câu nhưng không quăng lưới, chỉ bắn chim đang bay, không bắn chim đang*

---

[35] Ô Trình nay thuộc huyện Ngô Hưng, tỉnh Chiết Giang.

đậu”[36], Mạnh Tử nói *“thấy sống liền không nỡ nhìn thấy chết, nghe thấy tiếng bèn không nỡ ăn thịt”*, kinh Lễ chép: *“Chư hầu không có lý do thì chẳng mổ trâu, đại phu không có nguyên do bèn chẳng giết dê, kẻ sĩ không có lý do sẽ chẳng mổ giết chó, lợn, thứ dân không có nguyên do sẽ không ăn đồ ngon quý”*. *“Đồ ngon quý”* chính là thịt vậy! Đủ thấy Nho Tông cũng không phải là không răn cấm chuyện sát sanh, nhưng do giáo hóa phải quyền biến nên chưa thể ngăn cấm vĩnh viễn được! *“Phải có lý do mới giết”* nên giết chóc ít đi, không có lý do bèn không ăn thịt, nên một năm ăn thịt không được mấy ngày. Về sau, đạo giáo hóa suy sụp, quen thói tàn nhẫn, lấy thịt làm món ăn thường ngày, chỉ mong sao sướng miệng, chẳng nghĩ đến nỗi khổ của loài vật, chẳng đáng buồn ư?

Đến khi Phật Giáo truyền sang Đông, rốt ráo xiển minh thật sự thật lý thường trụ mãi mãi *“hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh”* và *“hễ mê thì sanh tử luân hồi trọn không có lúc ngơi, hễ ngộ thì triệt chứng Niết Bàn, bao kiếp thường trụ”* thì mới biết bao nhiêu dị loại đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai. Chẳng những không dám giết ăn, mà lại còn nghĩ cách khiến cho chúng được sống yên vui. Do vậy, vua thánh, tôi hiền, triết sĩ, thâm Nho đa phần tuân theo lời Phật giáo huấn, vun bồi lòng nhân, hoặc ăn chay, dứt ăn mặn, hoặc kiêng giết, phóng sanh. Những lời hay hạnh đẹp chép đầy trong sử sách, cũng mong cho người đời sau cùng tu từ tâm,

---

[36] Nguyên văn: *“Điếu chi bất cương, dặc bất xạ túc”*. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích, trang 186, phần Thuật Nhi, sách Luận Ngữ.

thương những loài vật cùng có Phật tánh, do nhân duyên ác nghiệp phải đọa trong loài súc sanh, ta nay may được sanh trong loài người, nếu chẳng thương xót cứ mặc tình giết hại, khó tránh khỏi đời vị lai sau oan oan tương báo. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Giết thân mạng chúng, hoặc ăn thịt chúng, trải vi trần kiếp ăn giết lẫn nhau, ví như bánh xe xoay tròn, lần lượt lên cao xuống thấp không lúc nào ngưng nghỉ. Trừ [khi đắc] Xa Ma Tha và [khi] Phật xuất thế ra, chẳng thể ngưng nghỉ!"* Nhưng đạo Xa Ma Tha[37] thật chẳng dễ đắc, Như Lai xuất thế cũng chẳng dễ gặp, nào dám chẳng học theo tiên hiền, tuân lời Phật dạy. Suy cái tâm sợ chết của chúng ta mà cứu vớt chúng nó đang đợi bị nấu nướng, ngõ hầu tiêu trừ túc nghiệp, vun bồi thiện căn, vĩnh viễn dứt cái nhân sát hại, cùng chứng quả trường thọ.

Cư sĩ Mộng Pha Châu Khánh Vân ở Ô Trình thuộc dòng vọng tộc tại Nam Tầm, ưa thiện, thích bố thí, đời đời tiếp nối đức hạnh, bà nội là Hứa Thái Phu Nhân bẩm tánh từ thiện, phước thọ song toàn, từ năm sáu mươi tuổi đến nay nhằm mỗi dịp sanh nhật đều khuyên các con đừng làm tiệc, mà dùng tiền đó để lo các thiện sự như giúp người nghèo, cứu người hoạn nạn, giúp đỡ bà góa, nuôi trẻ mồ côi, cho quần áo, tặng thuốc… Đức lành lan xa, cả làng đều kính ngưỡng. Đến năm bảy mươi chín tuổi lại dùng 500 quan tiền lập hội Phóng Sanh, các con đều vâng hiểu lòng từ của mẹ, kính cẩn

---

[37] Xa Ma Tha (Samatha): Dịch nghĩa là Chỉ, Tịch Tĩnh, Năng Diệt, là một trong bảy tên của Thiền Định, hàm nghĩa nhiếp tâm chẳng để cho ngoại cảnh lay động, xa lìa hết thảy các tán loạn, giữ cho tâm vắng lặng.

thuật chuyện này, khắc vào bia đá đặt trong từ đường để con cái, cháu chắt trong họ và những người được thấy nghe đều phát thiện niệm, tu cái nhân trường thọ.

Cư sĩ cùng người hôn phối đức hạnh là Trương phu nhân đều tận lực tuân thủ gia quy, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, chỉ mang tâm niệm lợi người cứu vật. Nay phu nhân tuổi đã tròn hoa giáp (sáu mươi), cũng muốn vâng tiếp gương lành, bỏ ra năm trăm đồng lập hội Phóng Sanh tại Thu Tuyết Am ở Tây Khê, Hàng Châu để thay thế cho lễ chúc thọ, dù con hay cháu cũng đều có thể tiếp nối chí nguyện người trước hòng đẹp lòng mẹ. Cư sĩ lại muốn dựng một tấm bia ngõ hầu người nghe tiếng đều khởi lòng cùng vãn hồi kiếp vận. Do vậy, bèn đem chuyện này ủy thác cho Quang trần thuật. Quang tự thẹn tài lẫn pháp đều nghèo, không cách gì giúp cho thế đạo được, nhưng một niệm ngu thành chỉ muốn cho người đời cùng phát từ tâm, cùng tu Tịnh nghiệp vãng sanh, sống làm một người chẳng thiếu nợ trong cõi Sa Bà, khi mất dự vào Liên Trì Hải Hội ở Cực Lạc. Do vậy, quên mình hèn tệ, lược thuật đại khái nguyên do kiêng giết phóng sanh và đức hạnh nhiều đời của họ Châu.

12. Bài ký nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Tuần Cai[38] Tiểu Trúc

---

[38] Cai có nghĩa là thềm, bậc, nhưng ở đây đặt tên là Tuần Cai với ngụ ý theo điển tích trong kinh Thi, có khúc hát Nam Cai với đại ý “người con hiếu cùng bảo ban nhau, răn dạy nhau phụng dưỡng hiếu thuận cha mẹ”. Như vậy, Tuần Cai có nghĩa là noi gương hiếu thuận, Tiểu Trúc là một công trình xây dựng nhỏ, như một căn nhà nhỏ chẳng hạn.

Hiếu là đạo không lớn lao nào vượt ra ngoài được, hết thảy các điều thiện không gì chẳng bao trùm, nhưng có điều thiện thế gian và xuất thế gian, đại - tiểu, bổn - tích khác biệt. Đạo hiếu thế gian là hầu hạ, phụng dưỡng cho [cha mẹ] được yên thân, tiếp nối ý chí của người trên để làm đẹp dạ, cho đến lập thân hành đạo để được lưu danh đến tận đời sau. Tuy là lớn - nhỏ bất đồng, nhưng đều thuộc về phương diện sắc thân. Dẫu cho đại hiếu ngút trời, rốt cuộc đối với tâm tánh, sanh tử của cha mẹ chẳng được lợi ích gì! Có thể nói là toàn chạy theo hình tích, chẳng xét đến cái gốc, huống chi sát sanh để phụng dưỡng, cúng tế khiến cho cha mẹ bị oán đối cố kết, nhiều kiếp đền trả chẳng ngơi ư?

Đạo hiếu xuất thế về mặt hình tích thì cũng giống như thế gian: Hầu hạ, phụng dưỡng cho đến lập thân, dương danh; nhưng về mặt cội gốc thì khiến cho cha mẹ huân tu đại pháp của đức Như Lai, [khi cha mẹ] còn sống thì khéo léo khuyên dụ ngõ hầu cha mẹ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ăn chay thì chẳng tạo sát nghiệp, lại diệt được túc ương; niệm Phật thì ngầm thông Phật trí, thầm hợp diệu đạo. Nếu có thể tin sâu nguyện thiết cầu sanh Tây Phương, ắt đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn, gởi chất nơi chín phẩm sen. Từ đấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa các sự khổ chốn Sa Bà, thường hưởng những sự vui nơi Cực Lạc. Cha mẹ đã mất thì thay cha mẹ dốc lòng tu Tịnh nghiệp, chí thành hồi hướng cho cha mẹ. Nếu tâm chân thật, tha thiết thì cha mẹ được lợi ích, nếu chưa vãng sanh sẽ liền có thể được vãng sanh. Nếu đã vãng sanh ắt tăng cao phẩm sen. Đã có thể phát tâm như

vậy thì tương ứng với Tứ Hoằng Thệ Nguyện, khế hợp giác đạo Bồ Đề, há nào phải chỉ riêng cha mẹ được lợi ích mà công đức, thiện căn của chính mình, phẩm bậc nơi đài sen lại càng được cao siêu thù thắng hơn, huống chi lại còn lấy thân mình thuyết pháp khiến cho khắp đồng luân đều phát tâm hiếu thuận ư? Đấy mới là thật nghĩa rốt ráo của Hiếu, chẳng phải như thế gian chỉ mong làm lợi cho sắc thân và đời này, hoàn toàn bỏ sót tâm tánh và vị lai chẳng bàn đến!

Do vậy biết Phật giáo lấy Hiếu làm gốc, cho nên kinh Phạm Võng chép: *"Hiếu thuận phụ mẫu, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo* (đạo tột cùng). *Hiếu gọi là Giới".* Trong các giới Giết - Trộm - Dâm đều dạy phải sanh lòng từ bi, sanh tâm hiếu thuận. Trong giới *"bất hành phóng cứu"* (Không thực hành chuyện phóng sanh, cứu vớt), có câu: *"Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta, đời đời kiếp kiếp không lúc nào ta chẳng sanh ra từ họ, cho nên lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta. Giết họ ăn thịt chính là giết cha mẹ ta".* Do vậy, nói: Đạo hiếu của Phật giáo trọn khắp tứ sanh lục đạo, đến tận vô thủy trước, đến tột cùng vị lai sau, nào phải [đạo hiếu thế gian] chỉ biết một thân một đời có thể so sánh được ư? Đã như thế rồi mà chẳng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, há có còn là đạo hiếu rốt ráo tột bậc không gì hơn được nữa hay sao?

Ông Trương Tử Ấm ở Hàng Thản hiếu thuận khôn nguôi, cha mẹ khuất bóng đã mấy mươi năm, mỗi lần nghĩ đến vẫn còn gạt lệ, do nghĩ đến cha mẹ bèn chuyên niệm danh hiệu Phật, ấy là vì sắc thân của ta đây chính

là thân của cha mẹ, ta đã vì cha mẹ niệm Phật, cha mẹ ắt sẽ được Phật nhiếp thọ, ấy chính là hiếu! Đó gọi là *"thế gian lẫn xuất thế gian đều vẹn toàn"*. Đã có cha như thế ắt có con như thế; con ông là Hinh Cốc khéo hiểu lòng cha, dốc sức tu Tịnh nghiệp, rộng hành các điều thiện, thoạt đầu thỉnh khắp các bậc danh hiền phát huy đức hạnh thủ tiết nuôi con côi của bà nội là bà Phí Thái Nhụ Nhân[39], đức lừng lẫy khắp nữ giới, cho khắc vào tập Tinh Tiết Lục để an ủi tấm lòng trinh linh của bà nội, cũng như xoa dịu lòng thương nhớ hiếu thuận suốt đời của cha. Kế đó, do cha luôn nghĩ nhớ, bèn dựng một cái thất nhỏ, trồng la liệt tùng, trúc, đặt tên là Tuần Cai Tiểu Trúc, trong thất thờ hình bà nội, bốn vách treo đầy những đề vịnh của các bậc danh hiền, để cha thường được thờ phụng hình bóng bà, giữ lòng thành như bà đang còn sống.

Lại vì Tuần Cai Tiểu Trúc bèn cầu tìm đề vịnh của khắp các bậc danh hiền để tỏ rõ lòng hiếu thuận của cha, ngõ hầu cảm phát đồng nhân, phù hợp sâu xa đạo *"hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp"* của Quán Kinh. Đã có Tịnh nghiệp chánh nhân, ắt đạt được thật quả vãng sanh. Cha con ông Tử Ấm và các quyến thuộc tuy vẫn sống trong Sa Bà, nhưng quả thật đã là các thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những ai muốn hiếu thuận với cha mẹ trong cõi đời, chẳng thể không lấy điều này làm gương vậy!

---

[39] Thời cổ, vợ quan đại phu gọi là Nhụ Nhân. Đời Minh, Thanh, vợ các quan thất phẩm được gọi là Nhụ Nhân.

13. Bi ký về việc tạo lan can sắt bên đường lên Phật Đảnh Sơn (viết thay cho Văn Chất hòa thượng)

Viên Thông đại sĩ thệ nguyện hoằng thâm, pháp giới hữu tình đều được bình đẳng nhiếp thọ, Phổ Môn thị hiện trong hết thảy xứ, chân trí không ngằn mé. Danh sơn Bổ Đát ở Đông Nam Hải là chỗ Ngài ứng tích. Do không ngằn mé nên bèn tùy theo hình loại, thí lòng từ bi đồng thể. Do có nơi chỗ nên bèn vượt biển trèo núi, báo đáp ân đức khôn ngằn. Do vậy, bao triều đại đều khâm kính, cả cõi đời cùng tôn sùng. Không ai chẳng muốn cầu chúc mọi người cùng được khỏe mạnh, yên vui để cõi đời thạnh trị, tiêu tai lệ để tạo phước cho lê dân. Vì thế, ba ngôi chùa đứng như thế chân vạc, các am la liệt; chùa nào am nấy đều hoằng đạo Tổ, đều cùng xiển dương Phật tâm. Chỉ riêng chùa Huệ Tế xây nền trên đảnh núi mang tên là Phật Đảnh, quanh co mấy dặm, đường đi xếp bằng đá tảng, vòng vèo cao ngàn nhận[40] khác nào người leo thang lên trời. Mỗi khi đến kỳ dâng hương, người qua lại nhộn nhịp, chân đạp trên đá trơn hết sức nguy hiểm.

Vị trụ trì đời trước là Văn Chánh quyên mộ các đàn tín xây dựng con đường đá khiến cho con đường hiểm trở biến thành khang trang, dù cao vòi vọi, ngút ngàn, nhưng bước nào cũng bằng phẳng, nhưng vì bên đường không có gì ngăn chặn nên qua lại vẫn cảm thấy rờn rợn. Vị đại hộ pháp là ông Chúc Đại Xuân xưa đã gieo cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa; đã thế, trong cõi tục, ông ta lại có địa vị trong chánh quyền, hành đạo "tu

[40] Nhận: Đơn vị đo lường thời cổ, một nhận bằng bảy hoặc tám thước Tàu.

chân ngay trong cõi tục”, gặp dịp đến đây dâng hương trông thấy tình cảnh ấy, bèn phát đại tâm, cho dựng lan can sắt khắp nơi, khiến cho mọi người đến đây lên đạo tràng viên thông đều đi đường yên ổn, không sợ hãi gì nữa, chẳng mất công cứ mỗi bước lại phải nhìn xuống chân, đắc đại tổng trì, hiểu rõ bậc thềm Phật ở tại ngay nơi ấy, nương theo đường chăng bằng giây vàng, đâu đâu cũng gặp đạo.

Từ dưới đất vịn nắm quanh co, đi một mạch lên đến nơi sơn cùng thủy tận, từ đấy nhập vào Phật huệ, tự thấy Quán Âm. Công đức như thế thật giống như sức Phổ Môn Thí Vô Úy, có cùng một Thể - Tướng - Dụng; ắt sẽ do đây nhanh chóng vượt lên Thập Địa, viên mãn Tam Giác, không những thân tâm được yên vui, điều tốt lành nườm nượp xảy đến dài lâu dằng dặc, mà điều mừng vui còn thấu đến tận hậu duệ nữa!

14. Bi ký trùng hưng chùa Tịnh Cư ở Tế Nam[41]

Nơi Thật Tế lý địa trọn chẳng có cái tên chúng sanh và Phật, trong pháp môn tu trì mới có danh hiệu phàm và thánh. Tâm thể vốn vắng lặng, do phiền hoặc nên hôn trược bèn nhanh chóng hiện ra. Vọng tánh vốn không, do giác chiếu nên chân thường riêng tồn tại. Do vậy biết: Bất biến tùy duyên mười giới thăng trầm rất khác; tùy duyên bất biến, Thể - Dụng của nhất tâm không khác. Tâm ấy, lý ấy mọi chúng sanh đều có,

[41] Tế Nam là tỉnh lỵ của tỉnh Sơn Đông, phía Bắc có sông Hoàng Hà, phía Nam dựa vào rặng Thái Sơn. Do thành phố này nằm ở phía Nam con sông Tế Thủy nên có tên như vậy.

nhưng triệt ngộ, triệt chứng chỉ có mình đức Phật. Vì thế, đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy cơ thuyết pháp. Với kẻ đại căn bèn chỉ ngay Nhất Chân pháp giới khiến họ vô trụ sanh tâm, cho đến khi đoạn Hoặc chứng Chân. Với kẻ căn khí nhỏ nhoi bèn giảng cặn kẽ tam thế nhân quả, khiến họ hướng lành tránh dữ, dùng đó làm phương tiện nhập đạo. Tuy ngàn căn cơ đều được dưỡng dục, pháp không có tướng nhất định, nhưng muôn dòng đều quy hướng, đều đổ vào biển giác. Phàm nói đến đạo "cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu - tề - trị - bình" thì chẳng khác gì khuôn phép của Nho Giáo, nhưng chuyện "minh tâm kiến tánh, chân cùng, Hoặc tận" thì Nho Giáo chưa thể phát huy được. Bởi lẽ một đằng tùy thuận tình kiến thế gian, một đằng chỉ thẳng vào tâm thể (bản thể của tâm). Nếu xét đến cội gốc thì Linh Sơn, Tứ Thủy ở cùng một đất, Đông Lỗ[42], Tây Trúc thực chẳng phải hai trời. Do vậy, vua quan đời cổ không ai chẳng hoằng dương, hộ trì, những bậc hiền triết thời nay thảy đều nghiên cứu đến cùng tận, bởi lẽ pháp này về mặt ngầm là giúp cho đạo bình trị, về mặt tỏ khiến dân tình yên lành, tiêu họa loạn ngay khi chưa chớm, chứng Phật tánh sẵn có vậy.

Tế Nam là khu vực nổi tiếng của vùng Tề - Lỗ[43], là xứ văn hiến. Nhằm lúc pháp đạo hưng thạnh thời Đường, thời Tống, đã có những ngôi chùa nổi tiếng. Đến nay lâu đời chầy tháng, người mất, giáo suy, bao

---

[42] Quê Khổng Tử là Khúc Phụ thuộc đất Lỗ (nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông) nên thường gọi là Đông Lỗ.

[43] Nước Tề, nước Lỗ thời Đông Châu Liệt Quốc đều thuộc địa phận tỉnh Sơn Đông ngày nay, nên tỉnh Sơn Đông thường gọi là đất Tề hoặc Tề Lỗ.

nhiêu tùng lâm thảy đều suy tàn, dẫu có chùa miếu đều trở thành [tài sản truyền riêng cho] con cháu. Chẳng những hàng Tăng tục nơi địa phương không có cách nào được nghe pháp, ngay cả hàng pháp lữ qua lại cũng không có chỗ nghỉ ngơi. Cư sĩ Đối Phù Phan Thủ Liêm xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai, đọc sách thấu hiểu lý, học đạo yêu người, những chuyện cai trị khéo léo khi xưa của ông đều được lưu truyền nơi bia miệng. Những chuyện tu trì như kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật của ông trong mấy năm gần đây đều khắc vào tâm người. Lòng thành cứu nạn, giúp nghèo, hộ pháp, giúp cho tăng chúng yên trụ của ông thật có thể noi gót Cấp Cô Độc, tiếp nối Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm). Thường nghĩ nhân dân đời mạt như người mù không ai hướng dẫn, lại do nơi tỉnh hội hoàn toàn chẳng có thập phương tùng lâm, nên cao tăng không có duyên đến trụ, chánh pháp không cách gì được hoằng thông; lý nhân quả ba đời, đạo "nhất tâm tạo đủ mọi sự" gần như bị dứt bặt, làm sao cứu vớt thế tục đang bị chìm đắm, đưa dân chúng lên bờ giác cho được?

Vào năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông thương nghị với vị Trụ Trì đã thoái ẩn của am Phổ Tế ở Tế Ninh là ngài Đức Hinh, ngài Đức Hinh bèn sai phương trượng am ấy là Kiến Huệ đến Tế Nam tìm đất, thấy mười mấy mẫu đất thuộc nền cũ của Tịnh Cư Tự ở Đông Quan là nơi có thể lập đạo tràng. Chùa này được lập vào thời Bắc Tống, nay đã thành chốn gò hoang, chỉ còn lại ba gian Phật điện nhưng cũng sắp sụp đổ. Người trông coi chùa muốn tu bổ nhưng khổ nỗi không có sức,

gặp đúng lúc thầy Kiến Huệ đem chuyện muốn quyên mộ đất để lập tùng lâm ra nói, người ấy cố nhiên khâm phục đức của ông Phan, ngài Đức Hinh, thầy Kiến Huệ, nên bèn vui vẻ dâng tặng, lại bẩm lên huyện lập giấy tờ để làm bằng chứng. Ông Phan tuổi cao, đã thuộc vào hàng thất thập, bèn lên kinh đô, xin ông phụ tá của Quốc Vụ Tổng Lý (Thủ Tướng) là ông Cận đứng ra đề xướng, ông Cận bèn quyên tặng hai ngàn đồng. Khi ấy, con ông Phan là Phục, giữ chức Tổng Trưởng Tài Chánh, quyên góp khắp trong đất Đàm[44] được tất cả năm ngàn đồng, lại tùy duyên quyên góp được khoảng sáu ngàn đồng nữa, bèn khởi công vào mùa Xuân năm Dân Quốc thứ chín (1920), đến mùa Thu thì hoàn thành. Khi ấy, gặp đúng lúc đốc quân Du Quan là ông Điền Uẩn Sơn đóng quân ở Sơn Tả, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, nên khẳng khái quyên ra một ngàn đồng, cực lực đề xướng, lại còn phái người thay mặt đến trước để phụ đôn đốc, nên mau được hoàn thành.

Trù tính tu bổ Phật Điện, Thiên Vương Điện, mỗi nơi đều ba gian. Vây quanh là Tổ Đường, Già Lam Điện, Phương Trượng, Niệm Phật Đường, Thiền Đường, Trai Đường, Đại Môn (cổng chánh), Khách Đường (nhà tiếp khách), Khách Sảnh (chỗ nghỉ cho khách), Trù Phòng (nhà bếp) v.v… tổng cộng hơn năm mươi gian, tuy chưa đáng gọi lầu cao giăng mắc, điện các vòi vọi, nhưng cũng đã tiến hành tham thiền, niệm Phật, hoằng pháp lợi sanh được rồi. Đến ngày Mười Chín tháng

---

[44] Đàm: Là tên một nước chư hầu nhà Châu thời cổ, nay thuộc vùng phụ cận của Đông Long Sơn Trấn thuộc thành phố Tế Nam, bị nước Tề diệt vào năm 684 trước Công Nguyên. Do vậy, Tế Nam đôi khi còn được gọi là đất Đàm.

Chín, làm lễ khai quang tượng Phật, thành lập đạo tràng, treo chuông, bản lên, người đèn nhang lễ Phật chen vai, thích cánh, khi đó có chuyện lạ đứa bé con té giếng, được Phật cứu vớt, nằm yên ổn trong nhà. Về sau, có chuyện tốt lành là có một người già cả mắc bệnh lâu ngày không khỏi, nằm mộng thấy có người cho uống nước giếng này liền được lành bệnh. Đến năm Dân Quốc thứ 10 (1921), vùng Tế Ninh hạn hán lớn, ôn dịch tràn lan, mọi người cùng kéo nước giếng này để uống và cầu đảo thì mưa ngọt bèn tuôn xuống khắp nơi, ôn dịch dứt ngay. Do vậy, mọi người đều gọi là Thánh Thủy. Vì thế bèn lập một cái đình bát giác để che giếng, khắc bia ghi lại việc này. Ôi chao! Lạ lùng thay! Lòng thành đến cùng cực thì vàng đá cũng nứt. Đấy là do lòng thành của ông Phan, các thầy Đức Hinh, Kiến Huệ, phát khởi lòng thành của mọi người thành lập đạo tràng này, do lòng thành của mọi người tương cảm nên Phật từ bèn rủ lòng ứng theo, cho nên mới có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đủ chứng tỏ *"tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt!"* Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, cảm ứng đạo giao, giống như đã có hình ắt có bóng, có tiếng ắt có tiếng vang.

Tuy chùa đã thành lập, nhưng Tăng không được nuôi dưỡng thì cũng không thể an cư hành đạo; do vậy, ông Phan lại quyên mộ được một vạn hai ngàn đồng gởi vào công ty Lỗ Phong với lãi suất khởi đầu một phân hai ly, mỗi tháng thu được một trăm bốn mươi bốn đồng, dùng làm tiền ăn uống và chi phí những thứ cần dùng trong chùa, có thể nuôi được hai mươi vị Tăng

thường trụ và mười vị Tăng quải đơn[45]. Sau này nếu có bậc đại từ thiện quyên tặng khoản tiền lớn hơn thì sẽ căn cứ theo khả năng mà mở rộng quy mô hơn nữa. Chùa thành lập rồi, hai vị Đức Hinh và Kiến Huệ nối nhau quy Tây; do vậy, bèn thỉnh vị Trụ Trì đã thoái ẩn của Thiên Mục là Năng Hòa Lão Nhân tạm thời chấp chưởng, nay thỉnh hòa thượng Diệu Liên thuộc chùa Hoa Nghiêm ở Duyện Châu[46] làm Trụ Trì.

Việc tu trì trong chùa chuyên chủ Tịnh Độ, không truyền giới, không làm kinh sám thù tạc. Thí chủ có tín tâm đến chùa niệm Phật hoặc đả Phật thất để hồi hướng cho tiên linh hoặc cầu phước thọ thì không cự tuyệt. Do pháp môn Tịnh Độ chính là pháp quy tông kết đảnh của hết thảy các pháp, hạ thủ dễ thành công cao, dùng sức ít lại được hiệu quả nhanh chóng, là vô thượng diệu đạo để phổ độ chúng sanh của Như Lai, quả thật là pháp môn đặc biệt để cả phàm lẫn thánh cùng lên bờ giác. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, tu các pháp môn khác khó thể được lợi ích thật sự, bởi lẽ hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp Tịnh Độ này hoàn toàn nương vào Phật lực. Cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân nếu không phải là bậc lợi căn cao nhất thì chẳng thể liễu thoát ngay trong đời này! Nương vào Phật lực, có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dẫu là hạng độn căn thấp nhất cũng có thể đới nghiệp vãng sanh. So sánh hai pháp thì sự khó - dễ, nhanh -

---

[45] Vị khách Tăng đến nhập chúng trong một ngôi tùng lâm nào đó một thời gian gọi là "quải đơn" (treo giường). Khi cáo từ đi qua nơi khác gọi là "trừu đơn" (rút giường).

[46] Duyện Châu là một huyện của tỉnh Sơn Đông, thuộc địa phận thành phố Tế Ninh. Huyện Duyện Châu này chính là một trong chín châu thời cổ.

chậm khác nào trời với vực. Do vậy, mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài để tán dương, thánh hiền hai cõi phát tâm Kim Cang lưu truyền.

Lược nêu tóm tắt những ý chánh để bảo cùng đồng nhân, nếu ai tin tưởng chắc thật thì lợi ích vô tận. Phương danh của những vị thí tiền của được ghi đầy đủ ở mặt sau bia, nhờ vào công đức này ắt hiện đời phước thọ tăng trưởng, lâm chung được Phật Di Đà tiếp dẫn vậy!

15. Bi ký Vạn Niên Niệm Phật Hội ở Thường Minh Am

Từ nơi phàm tình hiển lộ Như Lai Tạng, dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, dẫn sáu nẻo lên chín phẩm sen, vượt thoát tam giới hưởng tứ đức, trong thời Ngũ Trược lừng lẫy, làm một tông viên mãn ngay trong một đời thì chỉ có pháp Niệm Phật là được như vậy mà thôi! Khi xưa, Lập Sơn Lão Nhân trùng hưng chùa Pháp Vũ suốt mười mấy năm, muốn thoái ẩn nơi tịnh thất để chuyên tu Tịnh nghiệp, nên mới dựng am này, hòng làm chỗ cho chính mình và các đồ đệ gieo tấm lòng thành cho đến hết đời, mong trở về An Dưỡng. Cảnh giới vắng lặng, cách tuyệt cõi trần, quy củ nghiêm túc, không dễ dãi chút nào; chẳng phải là người không tham thế duyên, cam chịu đạm bạc, dốc chí tu trì cầu sanh Tịnh Độ sẽ chẳng thể ở đây được!

Vào năm Tuyên Thống thứ hai (1910) đời Thanh trước kia, nhằm khi sư Liễu Đế làm đương gia, có các

cư sĩ Trần Lạc Chi, Cố Thọ Bành v.v… lên núi dâng hương, ở nhờ am này. Trông thấy am quy (quy củ trong am) nghiêm túc, Tăng chúng nghiêm tịnh, xa là tiếp nối được liên xã của Khuông Lô, gần là thừa kế Tịnh tông của ngài Vân Thê. Thầy Liễu Đế lại vì họ giảng cặn kẽ pháp Niệm Phật, sự tuy giản dị, nhưng lý cực viên đốn, độ khắp ba căn, lợi - độn cùng thâu, là tông yếu tối thượng của vô lượng pháp môn trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai. Hết thảy pháp môn, hằng sa diệu nghĩa không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, không gì chẳng trở về pháp giới này. Do vậy, vị Tổ của ta là Lập Sơn Lão Nhân dựng lập am này để tiếp độ con cháu.

Bọn họ vừa nghe như vậy bèn phát đại tâm, chọn lựa tập hợp mấy mươi người cùng chí hướng, ai nấy đóng góp bao nhiêu đó tiền, lập ra Vạn Niên Niệm Phật Hội, bắt đầu từ ngày Mười Chín tháng Hai của năm sau cho đến ngày Hai Mươi Lăm là viên mãn, đêm hôm đó làm lễ thí thực để cứu giúp mọi cô hồn, vĩnh viễn lấy đó làm lệ nhất định, chẳng được sửa đổi. Am này đem số tiền thanh tịnh ấy, ngoại trừ phần dùng để làm chi phí trong pháp hội ấy ra, phần còn lại dùng để mua ruộng hết. Hoa lợi thâu được liền dùng để lập pháp hội kế tiếp. Số tiền còn dư thì dùng để giúp chi dụng cho thường trụ. Sợ rằng lâu năm không chứng cớ, bèn khắc vào đá quý kiên cố, ngõ hầu ức vạn năm sau không bị phế bỏ. Sẽ thấy đạo tràng Thường Minh hương đèn ngày càng thạnh, mười phương đàn-việt tín tâm càng nồng, cùng dự Phật hội, cùng niệm danh hiệu Phật, cùng sanh cõi Phật, cùng thành Phật đạo, công đức lợi ích làm sao

diễn tả cho được? Những quy củ được ghi tường tận ở phần sau.

16. Bài ký nơi tháp hóa thân của chùa Phổ Tế tại Phổ Đà

Cổ nhân nói: *"Tử sanh cũng lớn lắm, há chẳng đau đớn ư?"* Trộm nghĩ: Chẳng biết nguyên do, dù có đau lòng nào có ích gì đâu? Phải biết hết thảy chúng sanh theo nghiệp lưu chuyển, thọ sanh trong sáu đường. Sống chẳng biết từ đâu đến, chết chẳng biết đi về đâu. Do tội phước, nhân duyên bèn thăng - giáng, xoay vần luân hồi trọn không lúc nào ngơi. Như Lai thương xót, dạy cho nhân duyên *"do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm khổ"* và bản thể *"thường - lạc - ngã - tịnh, tịch chiếu viên dung"*, khiến cho họ biết rõ: Do vô minh nên mới có thân này, tức là sắc thân này hoàn toàn thuộc huyễn vọng, chẳng những Tứ Đại không có mà ngay cả Ngũ Uẩn cũng đều là Không. Đã biết các Uẩn là Không thì diệu lý Chân Như Pháp Tánh Thật Tướng sẽ triệt để phô bày trọn vẹn. Lại sợ có kẻ tình chấp kết chặt chưa thể giải thoát, nên sau khi xả báo bèn dùng lửa thiêu hóa, ngõ hầu người chưa lìa chấp trước sẽ mau lìa được, người đã lìa được bèn mau chứng Pháp Thân, lại còn khiến cho hiện tiền đại chúng ngộ biết thân này chẳng chân thật, dùng ngay cái thân ấy để làm chứng minh. Ấy gọi là *"nên dùng thân hóa thành tro, diệt mất dấu tích để độ, bèn hiện thân cháy thành tro, diệt mất dấu tích để thuyết pháp"*. Do đây bèn lập ra quy chế hỏa táng, phàm những ai thuộc vào Tăng đồ đều tuân hành.

Nhằm lúc pháp đạo thạnh hành vào đời Đường, đời Tống, những người tại gia thông hiểu đa phần cũng tuân theo, chứ không chỉ riêng Tăng chúng mới vậy. Phổ Đà chính là đạo tràng của Quán Âm Đại Sĩ; Phổ Tế, Pháp Vũ là tùng lâm thập phương cộng trụ, Tăng chúng đến - đi quả thật rất đông. Phàm những vị mất đi đều dùng lửa thiêu hóa, nhưng lò thiêu rất thô sơ, chẳng những tốn nhiều củi đốt, lại còn khiến cho xương bị trộn lẫn với tro đất. Các cư sĩ đương thời túc căn sâu dầy dốc lòng tin tưởng Phật pháp, phát tâm Bồ Đề làm chuyện lợi lạc, bèn phỏng theo cách thức của ngoại quốc, nghiên cứu châm chước sao cho thích hợp, chuẩn bị nhân công, vật liệu, tạo cho hai chùa trước và chùa sau mỗi chùa một lò. Do lò ấy hình như cái tháp, nên gọi là Tháp. Mỗi tháp tốn hơn cả ngàn bạc, có thể nói là công đức chân thật vậy. Tháp vừa dựng xong, gặp đúng lúc có người vãng sanh, chưa đầy ba tiếng đồng hồ đã thiêu sạch sẽ, tro xương đều đựng trong hộp sắt, không bị lẫn lộn với tro đất nữa. Do vậy, đại chúng hoan hỷ, mong khắc vào đá để ghi lại. Minh[47] rằng:

Ban đầu thọ thân là do vô minh, mê cái gốc Chân Như, lầm sanh ái tình, ái tình đã khởi, huyễn chất gá vào, nhận lầm là Ngã, vĩnh viễn chẳng giác. Như Lai thương xót, riêng lập phương tiện, khiến cho kẻ còn,

---

[47] Minh: Theo từ điển Từ Hải, Minh là một thể văn thường dùng để khắc trên những đồ vật như chuông, khánh, đá; nhằm biểu thị ý vĩnh viễn ghi nhớ không quên. Minh còn có nghĩa là một thể văn dùng để biểu thị công đức, hoặc răn nhắc chính mình (chẳng hạn Tín Tâm Minh). Thông thường, những bi ký (bài văn viết trên bia), gồm có hai phần: Phần đầu của bi ký, thuật duyên do vì sao lập bia, và phần thứ hai là Minh, nhằm ca ngợi, tán dương một nhân vật hoặc một hành vi nào đó; hoặc thuần túy là cảnh tỉnh. Ở đây, Tổ Ấn Quang dùng chữ Minh theo nghĩa thứ hai.

người mất đều lìa Ngã Kiến. Thân còn chẳng được, Ngã từ đâu có? Diệt trọn bốn tướng, Ngũ Uẩn đốn không. Sanh - diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền. Chân Như Pháp Tánh trở về sẵn có. Lìa tướng huyễn vọng, phát tâm Bồ Đề, hồi hướng Tịnh Độ, gần đấng Quang Thọ, nghe pháp, thọ ký, chứng Vô Sanh Nhẫn, nương đại nguyện luân độ cho những kẻ thật đáng thương xót, khiến cho hết thảy cùng sanh Tây Phương, đều trong vị lai làm đấng Pháp Vương.

17. Bài ký nơi tháp hóa thân chùa Pháp Vũ, Phổ Đà

Ngã Chấp của chúng sanh kiên cố khó phá lắm thay! Cái sắc thân này vốn do đất, nước, gió, lửa Tứ Đại hợp thành, nhưng lầm chấp là Ngã, như dầu lẫn vào miến, vĩnh viễn chẳng thoát, đâm ra mê trái toàn thể [chân lý] "Chân Ngã chẳng thuộc Ấm - Giới, chẳng thuộc thánh - phàm", như gương bị bụi lấp, chẳng thể chiếu soi. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *"Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí đều được hiện tiền"*. Do vậy biết tâm tánh của chúng sanh ngang bằng chư Phật, nhưng do chấp trước mà chẳng thể thọ dụng, chẳng đáng buồn ư?

Vì thế, đức Như Lai thuyết pháp đủ cách khiến cho chúng sanh biết rõ cái sai từ trước đến nay *"nhận lầm Tứ Đại là thân tướng, [tưởng lầm] duyên ảnh của sáu trần là tướng của tự tâm"* thì *"chân thân thường - lạc - ngã - tịnh, chân tâm tịch chiếu viên dung"* bèn tự được

hiển hiện toàn thể. Lại do những người chấp chặt thân tướng, căn cơ ám độn cũng khó liễu ngộ thân này là vọng, ngõ hầu chẳng sanh chấp trước, cho nên sau khi xả báo, bèn đem hỏa thiêu, đột nhiên chẳng còn gì nữa. Như thế thì người còn lẫn kẻ mất đều ngộ được cái thân do Tứ Đại giả hợp chẳng phải là thân. Các cư sĩ đương thời từ xưa đã có linh căn, tận lực tu tịnh hạnh, tâm lợi người tha thiết, lòng hộ pháp ân cần. Do từ trước đến nay lò thiêu chưa thích đáng, nay muốn sửa đổi cho tốt đẹp hơn, bèn tinh chuyên nghiên cứu, phỏng theo cách thức của ngoại quốc để sửa đổi, tạo cho Pháp Vũ, Phổ Tế mỗi chùa một lò. Hình cái lò ấy giống như cái tháp nên gọi là Hóa Thân Tháp. Phí tổn tính ra hơn cả ngàn bạc, ý đẹp, cách hay, công đức vô lượng.

Minh rằng: Chúng sanh mê trái chẳng phải Ngã, lại chấp là Ngã, như tằm kéo kén, như con thiêu thân đâm đầu vào lửa. Vốn có Chân Ngã mà chẳng đoái hoài, Tứ Đại huyễn chất lại cứ lầm nhận. Như Lai xót thương, dạy dỗ đủ cách, lại dạy hỏa thiêu, để toàn trí chiếu. Đã biết là vọng bèn hiểu được chân, đắc Vô Ngại Trí, thấy thân vốn có. Nương trí thân ấy hồi hướng Tịnh Độ, được vô lượng thọ, dự vào Bổ Xứ, chẳng lìa An Dưỡng, vào khắp mười phương, khiến khắp kẻ mê trở về quê nhà sẵn có. Do vậy chúng sanh đều khôi phục bản tánh, phước huệ trọn đủ, tiếp nối huệ mạng Phật. Nguyện đem công đức này trao cho khắp tất cả pháp giới hữu tình đều chứng Chánh Giác.

18. Bài ký về chuyện Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải thắp đèn soi sáng biển

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh thường quang, tất cả những gì sáng - tối, thông - tắc, xa - gần thảy đều chiếu thấu suốt không sót. Vì vậy, chẳng cần nhờ vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc mới thấy được. Hiềm rằng chúng sanh mê muội bản tánh, trái giác hiệp trần, đến nỗi Phật tánh thường quang ấy biến thành phiền não vô minh, chẳng những chỗ tối tăm, ngăn lấp, xa xôi không thấy được, ngay cả những thứ ở gần ngay trước mắt nếu không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc, dù là Thái Sơn vẫn không thể thấy được, huống gì những thứ khác! Do vậy, luân hồi trong biển khổ sanh tử như người mù không ai dẫn đường, trọn chẳng thể thoát ra được! Chẳng đáng buồn ư? Đức Đại Giác Thế Tôn xót thương, nói ra đủ mọi pháp khế lý khế cơ, khiến họ bỏ vọng theo chân, trái trần, hiệp giác, hầu khôi phục Chân Như Phật Tánh sẵn có. Lại sợ kẻ căn cơ hơi kém, trong đời này chưa thể đoạn hết được phiền hoặc, qua một đời sau lại thành mê muội, nên bèn mở ra pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Bất luận trung hạ căn, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha niệm danh hiệu Phật sẽ quyết định vãng sanh, vạn người chẳng sót một ai! Quả thật là vô thượng diệu pháp bậc nhất để phổ độ chúng sanh của đức Như Lai. Ví như ngồi trên chiếc tàu lớn vào trong biển cả, cứu vớt khắp những kẻ chìm đắm cùng lên bờ kia. Có duyên gặp được pháp này thì còn may mắn nào hơn!

Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải là mẹ của ông Vân Thư, túc căn sâu dầy, hiện đời tu tập tinh thuần, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, rộng hành phương tiện, chẳng những đáng là bậc mẫu nghi nơi khuê các, đức lẫy lừng nữ giới, mà quả thật còn đáng là gương mẫu cho cả xóm làng, tận lực hộ trì thánh giáo. Huyện Phổ Đà nằm bên biển cả, là đạo tràng ứng hóa của Quán Âm đại sĩ, chỗ cao nhất gọi là Phật Đảnh. Lên đảnh núi nhìn xa bốn phía, biển mênh mông tiếp nối trời, quả thật mở rộng cõi lòng, tăng trưởng trí thức. Năm Quang Tự 30 (1904) đời Thanh, tức năm Giáp Thìn, các ông Triệu Phức Trù, Đồ Cảnh Tam tạo một tháp đèn ở nơi ấy để thường thắp sáng mỗi đêm ngõ hầu trừ nỗi hiểm thuyền vỡ vì đi lạc phương hướng. Lại dựng ba gian Phật đường để những ai đến đảnh Diệu Cao Phong này đều trông thấy đức Quán Âm. Thái phu nhân cũng đã quyên tặng bao nhiêu đó tiền; tiếp đó, bà nghĩ: Ngọn đèn này vốn thuộc về Phật quang, chẳng những khiến cho thuyền bè qua lại chẳng đi sai hướng mà còn có thể khiến cho những người từ bốn phía trông thấy từ xa bèn nghĩ nhớ Đại Sĩ. Do vậy muốn cúng dầu đốt đèn nhiều năm. Do tịnh nghiệp chín muồi sẽ quy Tây, cụ bèn dặn dò con là ông Vân Thư vì cụ lo liệu.

Mùa Xuân năm Quý Hợi (1923), những vị thiêng liêng trong núi muốn cho quy mô được mở rộng, lại muốn cho người đời sau cùng được gieo thiện căn bèn nhờ sức thần Chúc Dung[48] thiêu sạch Phật đường đã

[48] Chúc Dung là tên vị thần lửa trong Đạo Giáo. Thật ra, theo thần thoại Trung Hoa, Toại Nhân là người phát minh ra lửa đầu tiên, nhưng Chúc Dung lại là người tìm ra cách đánh đá mồi bùi nhùi lấy lửa, nên được Hoàng Đế phong

dựng từ xưa, Tăng chúng chùa Huệ Tế lại quyên mộ kiến tạo, Vân Thư bèn đem số phiếu công trái kỳ hạn bảy năm, giá trị năm ngàn đồng cúng cho chùa Huệ Tế, chỉ định chuyên dùng [số tiền ấy] để chi phí mua dầu thắp đèn nơi tháp hải đăng. Phiếu ấy lợi tức mỗi năm là sáu ly (6%), tính ra tiền là ba trăm đồng, đợi đến khi nào rút thăm được hoàn lại tiền vốn thì sẽ đem tiền ấy giao cho nhà chùa mua ruộng đất, dùng hoa lợi thâu được làm chi phí thắp đèn. Hễ Phật Đảnh còn tồn tại thì đèn ấy chẳng diệt, tâm quang của hiền mẫu hiếu tử cũng nương theo Phật quang chiếu mãi ức vạn năm. Những kẻ trong cõi đời đuổi theo thanh sắc, tiêu vàng như đất, đến nỗi cha mẹ, anh em đều chẳng buồn hỏi đến, nghe phong thái của ông Vân Thư há chẳng thẹn đến chết ư? Do vậy, tôi vui vẻ soạn bài ký, muốn cho hết thảy chúng sanh cùng dùng đèn sáng Phật pháp phá trừ tối tăm phiền hoặc, do đây cùng thoát khỏi biển khổ sanh tử, cùng về quê nhà Cực Lạc, làm con thật sự của đức Di Đà, làm bạn tốt của Đại Sĩ vậy!

19. Bài ký trùng tu tháp viện của ngài Bách Trượng Đại Trí Hoài Hải thiền sư

Từ khi đức Thế Tôn cầm cành hoa, ngài Ca Diếp mỉm cười, Chánh Pháp Nhãn Tàng, Niết Bàn diệu tâm được truyền thừa mãi mãi. Hai mươi tám vị Tổ ở Tây

---

làm quan chủ quản việc lửa, rồi lại phong cho ông trông coi Hành Sơn. Do vậy, Đạo Giáo đã tôn xưng Chúc Dung làm hỏa thần, coi Hành Sơn là đạo tràng của ông.

Thiên, sáu vị Tổ ở Đông Độ tâm tâm tương ấn, nên pháp này được thạnh hành, rạng rỡ ở Thiên Trúc lẫn Trung Hoa. Đến thời môn đệ của ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng, xuất hiện ngài Mã Tổ Đạo Nhất mở ra mối pháp vượt khỏi cách thức thông thường, phương cách tiếp độ căn cơ không ngằn, khéo léo không gì sánh ví được. Đối với những kẻ mê tình liền dạy tâm bổn giác, chẳng lìa đương niệm siêu phàm nhập thánh, như sấm sét rung trời, nghe rồi đều táng thân mất mạng, như cam lộ, Đề Hồ nếm vào [liền giống như] đã chết rồi bèn sống lại, chẳng những đại giáo của đức Như Lai đều hiện rõ chân tâm thường trụ, mà ngay cả sơn hà đại địa cũng hiển lộ diệu thể của đấng Pháp Vương, khiến cho mọi hình mọi sắc trong thế gian đều quy về quang cảnh nơi bổn địa. Với pháp gì, chuyện gì trong khắp cùng vũ trụ cũng thấy chính là đương nhân.

Do vậy, trong đồ chúng của Ngài có tám mươi bốn vị tri thức kiệt xuất, nhưng Hoài Hải thiền sư thật là bậc nhất. Trong lúc vịt trời bay qua, bèn vặn đầu mũi lôi lại[49], quát to một tiếng, tai điếc ba ngày, khác nào tượng vàng gỡ khỏi khuôn, quang minh chiếu khắp, sư tử ra khỏi hang oai mãnh khôn địch, bèn đại khai đạo tràng tuyển Phật tại núi Bách Trượng. Dùng lò luyện *"một pháp chẳng lập*" đúc thân Phật vạn đức sẵn đủ để tự

---

[49] Đây là một công án Thiền được chép trong Bách Trượng Hoài Hải Thiền Sư Ngữ Lục (Vạn Tục Tạng, quyển 119, sách số 404), một ngày nọ, Sư theo ngài Mã Tổ ra đi, giữa đường chợt thấy một bầy vịt trời bay ngang, Mã Tổ hỏi: "Cái gì thế?" Sư đáp: "Vịt trời!" Tổ lại hỏi: "Đi về đâu vậy?" Sư đáp: "Bay qua mất rồi!" Tổ liền chụp chót mũi của Sư vặn mạnh, Sư đau quá hét lên thất thanh, Mã Tổ bảo: "Nói bay mất nữa đi!" Nghe lời đó, Sư bèn hoát nhiên đại ngộ, về sau được nối pháp của ngài Mã Tổ.

hành dạy người; Luật, Giáo, Liên (Tịnh Độ) tu trọn vẹn không gián đoạn, một đạo Giới - Định - Huệ cùng hành, tùy cơ thuyết pháp, hoàn toàn chẳng lưu dấu tích, nhưng đoạn văn *"linh quang riêng chiếu, thoát khỏi Căn - Trần, thể lộ chân thường, chẳng câu nệ văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa được vọng niệm thì chính là Như Như Phật"* là thân thiết nhất. Ngài lo lắng sâu xa khi pháp tồn tại lâu ngày sẽ nẩy sanh mối tệ, nên nghiêm cẩn lập ra Thanh Quy để làm khuôn phép ngăn ngừa sẵn, dựa theo giới luật đức Phật đã chế ngõ hầu thích hợp thời tiết, nhân duyên, trở thành khuôn vàng thước ngọc cho các tùng lâm trong thiên hạ, những bậc thầy gương mẫu trong thiên hạ cũng do đây mà được thành lập.

Bản thân Ngài giữ Luật đã nghiêm, mà làm lụng cũng đứng đầu đại chúng. Nếu có chuyện gì ngăn trở không chấp tác (làm lụng) được bèn chẳng ăn, vì thế mới có lời huấn thị: *"Một ngày không làm thì một ngày không ăn"* răn chúng thật thiết tha! Vì vậy, Ngài mới có câu nói *"Chẳng lầm nhân quả"* khiến cho kẻ hiểu lầm thốt lời *"chẳng rơi vào nhân quả"* liền được thoát thân nghiệp báo chồn hoang. Nếu ước trên Thật Tế Lý Thể mà luận thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật, nhân - quả, tu - chứng đều chẳng thể được, nhưng bàn trên phương diện pháp môn tu trì thì trên là đức Như Lai đã thành Phật đạo, dưới là chúng sanh đọa trong A Tỳ đều chẳng thể ra khỏi nhân quả được. Hiểu lý tánh nhưng chẳng bỏ sự tu, ấy là Chánh Tri. Chấp lý tánh phế sự tu, bèn thành tà kiến. Sai biệt chừng hào ly liền cách biệt thành Phật và địa ngục! Chủ nhân núi Bách Trượng đời

trước[50] muốn cứu vớt những kẻ cuồng huệ đời Mạt khỏi đọa lạc nên chẳng tiếc công hiện thân nêu tỏ quả báo; quả thật đã cùng với Bách Trượng thiền sư đe - búa thành toàn cho nhau, cùng nhau rèn đập, khiến cho những Thiền giả đời sau triệt ngộ lý *"chẳng dính dáng nhân quả",* thực hành sự "tu nhân chứng quả", ngõ hầu rốt ráo triệt chứng, hiển bày trọn vẹn. Hai câu chuyện này thể hiện thâm tâm của ngài Bách Trượng, người học chẳng được lơ là đọc phớt qua vậy.

Núi này thuộc về huyện Phụng Tân, tỉnh Giang Tây, chùa ấy sau khi được ngài Bách Trượng sáng lập bèn được sắc tứ là Thọ Thánh Thiền Tự. Năm Nguyên Hòa thứ chín (814) thời [Đường] Hiến Tông, ngài Bách Trượng thị tịch, thọ sáu mươi sáu tuổi. Năm Trường Khánh nguyên niên (821) đời [Đường] Mục Tông, được sắc phong thụy hiệu là Đại Trí thiền sư, tháp mang tên là Đại Bảo Thắng Luân, tháp cách chùa hai dặm. Từ đời Đường đến nay hơn một ngàn một trăm mấy mươi năm, pháp đạo không gì chẳng hưng - suy. Nhờ có người có khả năng gánh vác pháp đạo làm bậc trụ trì nên chùa tháp được tồn tại mãi, Tông phong vẫn y như cũ. Từ cuối đời Thanh đến nay, mấy phen gặp binh hỏa, lại thêm đói kém, đến nỗi chùa không có bậc cao nhân, tháp viện đổ nát.

Năm Dân Quốc thứ tám (1919), tức năm Kỷ Mùi, chủ chùa là thầy Tự Thành chẳng nỡ để tổ đạo mất tích, liền khẩn khoản thỉnh hòa thượng Tiên Cần làm Trụ Trì,

---

[50] Con chồn hoang trong công án "dã hồ" trong năm trăm đời trước từng là phương trượng một ngôi chùa tại núi Bách Trượng.

vĩnh viễn biến chùa thành tùng lâm truyền hiền của thập phương. Đến năm Dân Quốc thứ 12 (1923), ngài Tiên Cần giao cho sư Liễu Nhiên. Hai vị đều là bạn thân trong pháp môn, cùng nghĩ tháp viện của Tổ Sư đổ nát khó kham, bèn khởi đầu quyên mộ những người cùng một sắc áo các nơi được bao nhiêu đó tiền bèn tận lực trùng tu tháp điện, hiến điện, tường vây quanh tự viện và tăng liêu đều sửa tốt đẹp hoàn toàn, tổng cộng tốn chừng bao nhiêu đó tiền. Tiền dư bèn đem chuộc lại chừng bao nhiêu đó mẫu ruộng để làm chi phí ăn ở cho tăng chúng trụ trong tháp viện. Phàm suy sụp đến cùng cực sẽ lại khôi phục, bỉ cực ắt thái lai, hai thầy Tiên Cần, Liễu Nhiên trước sau trụ trì núi Bách Trượng chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Tháp viện sửa xong, muốn phát huy đạo yếu của ngài Bách Trượng cũng như nguyên do trùng hưng tháp viện bèn sai Quang soạn bài ký. Quang thẹn mình chẳng hiểu Thiền, đành mượn chuyện cũ của ngài Bách Trượng và những chuyện hiện tại kể thẳng vào đây ngõ hầu những bậc hiền triết trong vị lai có cái để khảo cứu, kiểm chứng vậy.

Lại nữa, từ khi đức Thế Tôn nhập diệt đến nay, phàm các chùa miếu không đâu chẳng lấy Phật làm chủ, điện Phật phải được lập ở chánh giữa chùa. Ngài Bách Trượng lập Thanh Quy: Phàm những chuyện chúc ly, chúc thọ[51], Phật Đản v.v… đều tụng kinh trong đại điện,

---

[51] Chúc ly: Lễ chúc tụng hoàng triều khi đất nước có dịp vui mừng khánh hạ chẳng hạn như hoàng tử được sanh ra, thắng trận. Chúc thọ: Lễ cầu nguyện chúc tụng vua, hoàng hậu, thái hậu vào dịp sanh nhật của những người này. Do ân quốc vương là một trong Tứ Ân, nên các tùng lâm ngoài những dịp này

còn khóa tụng sáng tối thì không cần nói đến. Trong Tống Cao Tăng Truyện, chép sai câu *"lập Phật điện ở đằng trước, lập pháp đường ở đằng sau"* thành *"chẳng lập Phật điện, chỉ lập pháp đường"*. Ông Dương Đại Niên khi viết lời tựa cho bộ Thanh Quy cũng lập lại cái sai này, chẳng nghĩ nếu không có Phật điện, phàm những lễ chúc ly, chúc thọ v.v… sẽ cử hành ở đâu đây? Chẳng lẽ trong chùa hoàn toàn không có một tượng Phật nào hay sao? Hay là thờ Phật ở điện phụ vậy? Không có tượng Phật nào thì có khác gì ngoại đạo! Tự mình ở chính giữa còn thờ Phật ở điện bên cạnh để cử hành những lễ chúc ly, chúc thọ v.v… có khác gì khinh miệt quốc gia, khinh mạn Phật đâu? Nhưng cái sai lầm rành rành nhất ấy từ đời Tống cho đến Nguyên, Minh, Thanh, gần cả ngàn năm không ai sửa cho đúng khiến cho Bách Trượng thiền sư bị vu báng, miệt thị oan uổng, há chẳng khiến cho người ta đau lòng nhức óc ư? Sách Chứng Nghĩa Ký sửa thành *"chẳng lập các điện khác, lập pháp đường trước hết"* cũng chẳng trọn câu, vì câu này chỉ nói lên chuyện gấp rút cần làm trước hết, há có thể lấy làm khuôn mẫu cố định vĩnh viễn được ư? Do vậy, tôi bèn nêu sự lý đại lược nơi đây để hậu hiền biết cái sai lầm trong Tống Cao Tăng Truyện và những lời tựa Thanh Quy trong các bộ Đại Tạng khiến cho bản hoài của Bách Trượng thiền sư được thông suốt lớn lao trong cõi Thường Tịch Quang thì may mắn lắm thay!

---

vào mỗi nửa tháng đều có lễ Chúc Tán với mục đích cầu nguyện cho đất nước bình yên, được mùa, hoàng triều thịnh vượng.

20. Bi ký công đức xây lại Ngũ Phật Trấn Mãng Tháp tại Tiểu Bạch Lãnh (Viết giùm)

Đức Đại Giác Thế Tôn xem hết thảy chúng sanh như con một, bởi một niệm tâm tánh của họ vốn không hai, không khác với tam thế chư Phật. Do mê trái nên chẳng những không thể đích thân thọ dụng, mà còn đâm ra dùng sức Phật tánh thường trụ bất sanh bất diệt này để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu đường trải trần kiếp lâu xa, không thể thoát lìa. Do vậy, đức Phật bèn thị hiện sanh trong thế gian thành Đẳng Chánh Giác, tùy cơ thuyết pháp khiến cho [chúng sanh] được độ thoát. Ngài cũng tạo nhân duyên đắc độ cho những căn cơ chưa chín muồi cũng như hết thảy chúng sanh trong vị lai. Ấy gọi là *"lưu thông kinh giáo, dạy khắp vị lai"*. Khi hết thảy sự việc đã xong, Phật liền nhập Niết Bàn, do lòng đại từ bi, hóa lửa tự thiêu, nát Pháp Thân vạn đức trang nghiêm thành tám hộc bốn đấu xá-lợi để chúng sanh lễ bái, cúng dường, tăng trưởng phước điền, gây nhân thành Phật. Do vậy, trên trời trong cõi người, long cung, hải tạng, nơi nào cũng đều được chia xá-lợi, dựng tháp cúng dường.

Phần xá-lợi chia cho nhân gian được chia đều cho tám nước, riêng vua A Xà Thế được tám vạn bốn ngàn hạt, thờ nơi sông Hằng, lập vành đai gươm [vây quanh] để thủ hộ. Một trăm năm sau, chắt của vua tên là A Dục làm vua cõi Diêm Phù, oai đức tự tại, vâng theo lời Phật phó chúc, chấn hưng Phật pháp, đem xá-lợi ấy sai khiến quỷ thần dùng bảy báu, các loại hương làm vữa (chất hồ), trong vòng một ngày tạo ra tám vạn bốn ngàn cái

tháp báu. Muốn cho những tháp ấy được phân bố khắp Nam châu, nên tôn giả Da Xá (Yaśa) dùng tay che mặt trời, năm ngón tay phóng quang tỏa ra tám vạn bốn ngàn đạo ánh sáng, sai các quỷ thần mỗi người bưng một tháp đi theo ánh sáng. Ánh sáng chiếu đến đâu là hết thì đặt ở đấy. Phàm chỗ nào Phật pháp chưa truyền đến đều đặt tháp trong đất nơi ấy. Đến sau này khi pháp hóa được lưu truyền đến đó, các tháp sẽ đều theo thứ tự xuất hiện, như những tháp ở chùa Dục Vương, Ngũ Đài v.v…

Ấy là vì chúng sanh đang mê chẳng hiểu rõ lục trần về bản thể chính là Thật Tướng Chân Như, do vậy, bèn khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi nhiều kiếp. Chư Phật lập giáo, chẳng qua chỉ là ngay trong những cảnh giới lục trần bị mê ấy, mỗi mỗi chỉ ra bản thể của những cảnh giới ấy chính là Giả, chính là Không, chính là Trung, khiến họ chuyển mê thành ngộ, hiểu tâm rõ gốc. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như tánh"*. Tam Tổ nói: *"Sáu trần chẳng ác, trở về giống với Chánh Giác"*. Ông Tô Đông Pha nói: *"Tiếng suối chảy chính là tướng lưỡi rộng dài, sắc núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh"*. Như vậy, thấy sắc, nghe tiếng đều có thể dùng để hiểu tâm rõ gốc, huống chi kinh do chính kim khẩu của đức Như Lai đã nói và chân thân xá-lợi cũng như hình tượng Phật ư?

Tuy giáo thể của phương này vốn thuộc về nghe tiếng, nhưng nghe pháp được lợi ích cố nhiên chẳng phổ biến thường hằng bằng thấy tướng được lợi ích. Do vậy, tam thế chư Phật không vị nào chẳng dạy con

người xây dựng tháp miếu, tạo hình tượng Phật. Bởi lẽ một phen chạm vào mắt thì trong tám thức điền đã gieo được hạt giống thành Phật. Từ đấy, dần dần tăng trưởng, rốt ráo được thành giác đạo. Do vậy, vua thánh tôi hiền các triều đại, những bậc triết nhân thông suốt, đa phần đều xây dựng tháp miếu ở những nơi danh sơn, hoặc cuộc đất tốt đẹp, để người thấy nghe cùng gieo thiện căn. Đấy chính là cội nguồn của tháp miếu ở Chấn Đán vậy.

Tháp Trấn Mãng thuộc Tiểu Bạch Lãnh ở phía Đông huyện Cận, Tứ Minh. Huyện chí và Thiên Đồng Tự Chí đều nói tháp được dựng vào đầu niên hiệu Hội Xương (841-846) đời Đường. Rặng núi ấy có con mãng xà lớn hung hăng mặc sức phun độc, người đi đường bị mắc nạn. Khi ấy, Trụ Trì chùa Thiên Đồng là ngài Tạng Hoán[52], sau khi diệt độ được sắc phong thụy hiệu là Tâm Kính thiền sư, ngài chính là con (đệ tử) của [ngài Linh Mặc ở] núi Ngũ Tiết, là cháu (đồ tôn) của ngài Mã Tổ, vốn là bậc đại sĩ thừa nguyện giáng sanh, những chuyện lạ suốt cả đời Ngài khiến người ta phải kính

---

[52] Ngài Tạng Hoán (790-866), họ ngoài đời là Châu, người huyện Hoa Đình, Tô Châu, xuất gia từ nhỏ, thoạt đầu theo học với ngài Đạo Khoáng, sau qua Tung Sơn thọ Cụ Túc, tham học khắp các chùa thuộc Hồ Sơn. Sau đến Tam Học Thiền Viện tại núi Ngũ Tiết, tỉnh Chiết Giang, gặp Linh Mặc thiền sư, được truyền pháp. Sau khi ngài Linh Mặc viên tịch vào năm 818, Phật giáo Trung Hoa gặp đại nạn Tam Võ, nhiều tự viện bị phá hủy, nhưng Tam Học Thiền Viện vẫn duy trì nhờ nỗ lực không mệt mỏi của ngài Tạng Hoán. Đến thời Hội Xương, Tam Học Thiền Viện lại được trùng hưng mạnh mẽ. Về sau, ngài đến trụ tích chùa Thiên Đồng thuộc thành phố Ninh Ba, đồng thời khai sáng Đông Luật Thiền Viện tại bờ Đông Dũng Giang. Do đức hạnh của Sư, nơi này trở thành một già-lam lớn, sau đổi tên là Thất Tháp Tự. Ngày mồng ba tháng Tám năm Hàm Thông thứ bảy (866), thời Đường, Sư viên tịch, hưởng 77 tuổi, Tăng lạp 57 năm.

ngưỡng, Ngài thật sự là thủy tổ chùa Thiên Đồng vậy. Nghe chuyện quái lạ ấy, bèn đến độ thoát. Trước hết, Ngài thí cho rắn ăn để thân nó được an lạc, rồi mới thuyết pháp, cho nó thọ giới, khiến tâm nó khai ngộ cũng như có chỗ nương tựa. Thức ăn Ngài dùng để thí vốn chỉ là thứ bánh mạn đầu có nhân, do sức pháp lực nên hóa thành vô lượng. Những cái bánh rắn ăn không hết đều biến thành đá, đầy khắp trong núi và trên mặt đất, nay gọi di tích ấy là "mạn đầu thạch", ngoài trắng trong đen, hình dáng rất giống [bánh mạn đầu]. Rắn đã nhận pháp thực, lại được nghe pháp yếu, liền được tiêu trừ nghiệp chướng, thoát lìa thân rắn, Sư bèn theo đúng pháp hỏa thiêu, nhặt lấy xương thừa, vùi bên vách núi, lập tháp lên trên. Tháp có sáu cạnh, bảy tầng, cao hơn mười trượng, bên trong để tượng Phật và các kinh chú, để mong cho mãng xà nương Phật từ lực, mau chứng Pháp Thân. Phàm những loài thuộc dòng giống nó đều chẳng dấy lên khuấy phá nữa. Do vậy, đặt tên tháp là Trấn Mãng Tháp, cũng như mong cho nhân, thiên, quỷ thần chiêm lễ cúng dường gieo nhân Bồ Đề thù thắng, kết thành viễn duyên thành Phật.

Từ đời Đường đến nay đã hơn một ngàn năm, mưa gió vùi dập, sương tuyết xói mòn, nghiêng sụp mất nửa, thế sắp bị sụp đổ hoàn toàn. Phàm những ai trông thấy đều than thở: "Sao hoàn toàn vắng lặng chẳng có ai bảo tồn dấu cổ, khai khẩn ruộng phước vậy!" Cuối đời Thanh, trụ trì chùa Thiên Đồng là ngài Ký Thiền, muốn trùng tu lại, chưa kịp khởi công, đã nhụt chí, quy Tây. Người kế vị là thầy Tịnh Tâm, chí lại càng tha thiết, nhưng do trong chùa quá nhiều công trình [xây dựng]

nên chẳng đủ sức lo tới. Trụ trì hiện thời là sư Văn Chất muốn hoàn thành công trình này cho chóng, bèn cùng với thầy Tịnh Tâm dốc sức đồng tâm, ai nấy bỏ ra tiền của và quyên mộ đàn tín giúp cho việc thù thắng này được hoàn thành. Do vậy, Tăng - tục hoan hỷ, tùy sức tán trợ, khởi đầu từ mùa Đông năm Kỷ Mùi tức năm Dân Quốc thứ tám (1919), hoàn thành vào mùa Hạ năm Quý Hợi tức năm Dân Quốc 12 (1923). Qua năm phen nóng lạnh đắp đổi mới lại được thấy bảo tháp từ đất vọt lên, chỉ có điều tháp cũ sáu cạnh, đặc ruột, nay tháp mới tám cạnh, rỗng ruột. Đó là phỏng theo ý nghĩa tướng bạch hào giữa chặn mày của đức Như Lai "có tám cạnh, nhưng rỗng ruột, có đầy đủ quang minh, chúng sanh được quang minh ấy chiếu đến bèn ngay lập tức lìa khổ được vui, gần là sanh vào nhân thiên, xa là dự vào dòng thánh".

Trên tầng cao nhất thờ tượng Ngũ Phương Ngũ Phật, hàm nghĩa: *"Tỳ Lô Pháp Thân thuộc địa vị cao tột trong mười pháp giới, đầy đủ Tứ Trí Bồ Đề"*. Lại còn chỉ rõ từ địa vị phàm phu muốn chứng Phật Quả thì phải giẫm đạp trên Thật Địa, tuân tu đạo phẩm, tăng tấn dần dần, đoạn Hoặc chứng Chân cho đến khi Trí Đoạn rốt ráo mới có thể triệt chứng thật nghĩa tứ đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh sẵn có của Pháp Thân. Chót tháp đúc bằng đồng theo hình dạng hồ lô, phần dưới cùng để trống chính giữa, bên trong đặt tượng Phật, Bồ Tát và tên các kinh trong Đại Tạng và kinh chú Đại Thừa nhằm biểu thị Nhất Thể Tam Bảo, Tam Đức bí tạng chẳng lìa đương xứ, rốt ráo hiển bày trọn vẹn. Lại nữa, kinh chính là Pháp Thân xá-lợi của Như Lai, tượng là

hai thân Báo - Hóa của đức Như Lai, ngõ hầu người chiêm lễ, đi nhiễu quanh, cúng dường, tán thán, trong đời vị lai cùng chứng được công đức Như Lai đã chứng. Hai phần trên cùng và phần giữa của tháp, bên trong đổ đầy cát sạch để trấn đỉnh tháp, tạo thành bảy tầng cấp, cao hơn mười trượng, để làm biểu hiệu lớn lao vòi vọi của giác đạo, làm hướng dẫn tốt lành rạng ngời cho kẻ mê đường. Chung quanh tháp dựng tường cao vây quanh, ngõ hầu những thứ tệ hại, dơ bẩn không xen lẫn vào được, dễ gìn giữ. Đằng trước tháp dựng mấy gian nhà, cử một vị tịnh hạnh đầu-đà hầu hạ hương đèn mãi mãi. Tổng cộng dùng đến hơn năm vạn bạc, phương danh công đức đều khắc riêng trên đá.

Do công đức này nguyện nền tảng đất nước bền vững mãi mãi, vận nước tốt đẹp, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường chuyển. Phàm những người đề xướng, trông nom, lo liệu, bỏ tiền, góp sức và những người chiêm lễ, thấy nghe trong hiện tại vị lai, cạn lòng thành, hết lòng kính, cúng dường tán thán đều được Hoặc chướng băng tiêu, cát khánh như mây nhóm, giàu, thọ, khỏe mạnh, bình yên thảy đều đạt được, đạo Giới - Định - Huệ đều trọn đủ trong đương niệm, nghiệp tận tình không, thấy được diện mục sẵn có, phước đủ, trí rạng, chứng Pháp Thân thường trụ, sống làm người tự tại trong cõi Sa Bà, chết dự vào hội Liên Trì thanh tịnh. Như vậy mới thỏa được bổn nguyện tạo tháp của hai vị sư Tịnh Tâm, Văn Chất, mà cũng chẳng phụ tấm lòng nồng nhiệt phi thường của đàn tín bỏ tiền của tán thành. Do vậy, bèn thuật bày duyên khởi để khắc vào đá quý kiên cố vậy.

21. Bài ký huấn dụ của Diệu Ngộ Luật Viện ở Kim Lăng

Đại pháp của đức Như Lai lấy Chân Như Thật Tướng làm thể. Thể ấy chúng sanh và Phật đều có, tại Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm; nhưng Phật thì chứng ngộ rốt ráo, còn chúng sanh thì triệt để mê mất, đến nỗi thăng - trầm thật khác biệt, khổ - vui thật sai khác. Đức Như Lai thương xót, tùy thuận cơ nghi, nói đủ mọi pháp khiến họ bỏ vọng theo chân, trái trần hiệp giác. Pháp ấy xét trên đại thể, gồm có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiền là Phật tâm; Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba nghiệp này. Nếu chúng sanh có thể y theo Luật, Giáo, Thiền của Phật để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển biến thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì Chân Như Thật Tướng sẽ tự chứng đắc được. Phật còn sợ rằng chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, chẳng dễ thành tựu nên dùng Đà La Ni tam mật gia trì để chuyển Thức thành Trí, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Lại sợ kẻ căn khí kém cỏi, chẳng thể giải thoát trong đời hiện tại; nếu phải thọ sanh lần nữa khó thể tránh khỏi mê mất, phải sanh tử luân hồi đến cùng tận kiếp chẳng thể thoát khỏi. Do vậy, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ khiến cho trên từ Đẳng Giác Bồ Tát dưới đến kẻ tội nhân ác nghịch đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương, thượng thánh sẽ mau thành Phật đạo, hạ phàm cũng được dự vào dòng thánh. Đấy chính là quy củ rộng lớn vỗ về, dưỡng dục hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới của đức Như Lai.

Tông tuy có năm, nhưng đạo vốn nhất quán, năm tông trọn đủ thì mới có thể tùy cơ hoằng dương một tông, trên mới có thể tiếp nối huệ mạng của Như Lai, dưới mới có thể khải phát cho quần sanh tăm tối. Nếu không, một bánh xe, một cánh làm sao đi xa, bay lên không cho được? Luật là cơ sở của Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Không trì Luật sẽ chẳng đạt được lợi ích thật sự nơi Thiền, Giáo, Mật, Tịnh; như xây lầu cao vạn trượng, nếu nền móng không kiên cố, ắt chưa thành đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiền, Mật, không niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương thì Luật, Giáo, Thiền, Mật đều khó thể rốt ráo; bởi Tịnh Độ chính là pháp môn thành thủy thành chung để mười phương tam thế chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Do vậy, những vị Đẳng Giác Bồ Tát đã chứng bằng với chư Phật trong hội Hoa Nghiêm vẫn còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương để cầu viên mãn Phật quả; huống gì hết thảy thánh hiền khác và những kẻ phàm phu chưa đoạn Kiến Tư Hoặc ư?

Diệu Ngộ Luật Viện từ trước tới nay luôn lấy việc trì luật, niệm Phật để tu trì. Trụ trì An Tịnh hòa thượng rất sợ hậu nhân quên mất đường lối này thì một phen khổ tâm của người phục hưng viện này là Minh Thiền Lão Nhân bị mất đi, bèn nhờ Quang trình bày đại ý để răn dạy đại chúng trụ tại viện này trong tương lai. Xét ra viện này chính là cổ sát (ngôi chùa cổ) của triều đại trước, vào thời Hàm Phong nhà Thanh đã bị hư nát khó kham. Sau cơn binh hỏa, chỉ còn ba gian nhà rách. Minh Thiền Lão Nhân chẳng tiếc tâm lực phục hưng.

Lại được thầy An Tịnh nối chí bèn trở thành một Tịnh nghiệp đạo tràng. Nhưng do [nhà chùa] sản nghiệp không nhiều nên chẳng thể thu nhận đại chúng đông đảo, nhưng khóa tụng sáng tối, tiếng tụng kinh niệm Phật cố nhiên hoàn toàn chẳng khác gì tùng lâm các phương. Vào lúc mới tạo dựng ban đầu, bọn thổ phỉ hay đến khuấy nhiễu, ý toan xâm chiếm, cụ Minh luôn nhẫn nhục nên tiêu trừ được thói dữ. Những kẻ trước kia chiếm đoạt bao nhiêu đất đai của nhà chùa đó, chẳng lâu sau nhà cửa suy bại, chẳng thể giữ được, phải bán cho người khác, người khác cũng chẳng giữ được, lại bán ngược lại cho viện. Do đào kênh ngòi, khai quật được những pháp khí như bát, linh v.v…mới biết là nền đất của đạo tràng được long thần thủ hộ, kẻ chiếm đoạt đều chẳng gặp được chuyện tốt lành, lại phải trả về cho chủ cũ.

Kẻ ngu không biết nhân quả, thường muốn chiếm tài sản nhà chùa, chẳng biết long thiên nổi giận, ngấm ngầm bị chiết phước, tổn thọ, bị tổn hại thật nặng. Luận trên nhân quả thì người đời còn nhẹ, chứ Tăng chúng càng nặng nề hơn. Nhưng người đời có gia đình nên quả báo dễ thấy, chứ Tăng chỉ có một thân, khó thấy được báo ứng. Phàm là Tăng sĩ trụ trong viện này ai nấy đều phải thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ Đề, nghiêm trì giới cấm, dốc sức tu Tịnh nghiệp. Như thế thì sống làm phước điền cho thế gian, mất sẽ dự vào Liên Trì Hải Hội. Nếu không suốt ngày ăn no kềnh, chẳng dụng tâm chút nào thì nhân cách của kẻ đó trở thành hạ lưu. Nếu lại còn phá trai phạm giới, bại hoại cửa Phật sẽ thành quyến thuộc của ma vương, là dòng giống địa ngục.

Viện này do tâm lực của hai thầy Minh Thiền, An Tịnh và thí chủ tạo thành, an trụ trong đây chẳng chịu tu trì thì khác nào xâm chiếm thường trụ!

Cổ đức nói: *"Một hạt gạo thập phương, to như núi Tu Di, ăn rồi không tu đạo, mang lông, đội sừng đền"*. Nếu chỉ vì cái thân, thầm lén trộm cắp, thì khi một hơi thở ra không hít vào được liền đọa ngay vào địa ngục, lửa từ trên đùa xuống, lửa từ dưới bốc lên, trải trăm ngàn kiếp thường bị lửa đốt, không cách gì thoát ra được! Há chẳng rất đáng sợ ư? Trưởng lão An Tịnh đau đáu nghĩ thuở *"pháp nhược ma cường"* (pháp suy yếu, ma tà mạnh mẽ), muốn khơi dậy tâm tu tập mạnh mẽ của Tăng chúng, muốn tiêu trừ ý niệm xâm chiếm của người thế tục ngõ hầu người ngoài đời thì ngũ phước đều vẹn đủ, tốt đẹp về sau, Tăng chúng thì Tam Học viên minh, chấn hưng tông phong. Vì thế, soạn ra bài ký lưu lại huấn dụ này để mong viện này vĩnh viễn hưng thạnh không bị suy tàn, thường hoằng dương pháp đạo thì pháp giới chúng sanh đều được hưởng lợi ích.

22. Bi ký thuật duyên khởi của con đường Giáp Thọ

Tứ Minh[53] có nhiều quả núi đẹp, nhưng Thái Bạch đẹp nhất. Trường tuyển Phật Thiên Đồng ở ngay trên

---

[53] Núi Tứ Minh ở phương Tây Nam huyện Cận, tỉnh Chiết Giang, trải dài qua các huyện Từ Khê, Cận, Phụng Hóa, Tân Xương, Tứ Minh, Thượng Ngu, Dư Diêu v.v… Rặng núi này gồm nhiều ngọn cao ngất, nhưng đặc biệt là trên ngọn Phù Dung có bốn cái hang, lúc trời trong, từ dưới nhìn lên trông giống như những vuông cửa sổ được ánh mặt trời, mặt trăng soi qua, nên gọi là Tứ Minh.

quả núi này. Từ năm Vĩnh Khang nguyên niên (300) đời Huệ Đế nhà Tây Tấn, tổ sư Nghĩa Hưng kết chòi tranh ở đây tiềm tu, cảm được sao Thái Bạch[54] biến thành một đứa bé trai làm kẻ hầu. Từ đấy, trở thành đạo tràng lớn, vì thế núi này có tên là Thái Bạch, chùa có tên là Thiên Đồng (đứa trẻ nhà trời). Đến đời Đường thì các vị sư như Pháp Duệ, Tâm Kính v.v… hoằng đạo Trực Chỉ của Thiền Tông khiến chùa càng thêm to lớn. Từ đấy về sau, hơn một ngàn ba trăm năm, pháp đạo thường hưng thạnh, tông phong chẳng suy sụp, đến nay vẫn được coi là chùa hàng đầu của nhà Thiền. Ấy là vì đời nào cũng có người gánh vác pháp đạo vậy, thật đúng là *"được cuộc đất tối thắng thì mới có thể hoằng dương đạo tối thắng, tạo lập chuyện phi thường ắt phải đợi người phi thường"*. Địa linh lẫn nhân kiệt đều hội đủ, đấy là đại nhân duyên chứ không phải ngẫu nhiên!

Từ chùa Thiên Đồng đi theo phía trái chừng một dặm là Linh Lung Nham, thế núi quanh co lạ lùng như khắc, như vẽ, phàm là kẻ tao nhân mặc khách đến chơi nơi đây, không ai chẳng khởi lên ý niệm thoát tục. Từ đây, đi quanh co lên trên, ngang qua một khe suối lớn và một khe suối nhỏ thì đến Bàn Đà Thạch, lên cao nữa là động Ngộ Tâm, ngọn Phi Lai, đài Bái Kinh, động Quán Âm, động Thiện Tài, đường đi độ chừng hai dặm nhưng qua mấy khúc quanh, mắt dõi nhìn ngàn dặm, quả thật như lên Đông Nhạc, lên núi Thái, huống chi dõi nhìn biển cả, trời nước hòa lẫn vào nhau, khiến lòng dạ con người rộng mở, tựa hồ chẳng phải là người trong

---

[54] Thái Bạch chính là Kim Tinh (Venus), còn được biết dưới những tên khác như sao Hôm, sao Mai, hoặc Trường Canh hay Khải Minh.

thế gian nữa! Nhưng con đường ấy chưa được mở mang, đi lên thật khó, rất đáng tiếc nuối!

Cư sĩ Mộng Pha Châu Khánh Vân túc căn sâu dầy, hạnh tu tập hiện đời thanh cao, đời đời tiếp nối đức hạnh, nhiệt tâm làm chuyện công ích. Vào mùa Thu năm Quý Hợi, tuổi đúng sáu mươi, liền đến Thiên Đồng làm các Phật sự để cầu cho ông bà đã khuất cùng sanh về Tây Phương, quyến thuộc hiện đời đều tăng phước thọ. Một bữa, ông đến chơi Linh Lung Nham, thấy cảnh núi đẹp đẽ xinh xắn hết sức thỏa thích, nhưng đường đi trắc trở, quá sức trái ý, bèn khẳng khái phát tâm đắp đường, phó thác cho bạn ông là Phương Bội Thân trông coi, lắng lòng nghỉ hưu để đốc thúc, qua mười tháng bèn hoàn thành. Con đường ấy khởi đầu từ Linh Lung Bồng cho đến động Thiện Tài thì ngưng, độ chừng hơn 150 trượng, phí tổn hơn một ngàn một trăm năm mươi đồng. Lại dựng một tòa nhà đá, phí tổn là bốn trăm đồng, cùng đặt tên cho con đường và tòa nhà đá ấy là Giáp Thọ. Qua khỏi khe suối lớn, con suối bên đường cũng đặt tên là Giáp Thọ.

Trộm nghĩ: Giáp chính là Thủ (đứng đầu), đã gọi là Giáp Thọ thì không còn gì có thể cao hơn được nữa. Do con người sống trăm năm như bóng mặt trời lướt qua khe cửa sổ, lưu lại di tích ấy để đóng góp vào danh sơn ngõ hầu những ai đến đây đều trông thấy sẽ nói: "Các pháp thế gian sanh diệt vô thường, gọi là Giáp Thọ, há liền có thể bất sanh bất diệt hay sao?" Phải biết: Phật pháp không đâu chẳng tồn tại, há có thể lìa pháp thế gian để nói Phật pháp được ư? Nếu thấy biết tòa nhà ấy,

đi trên con đường đó thì tòa nhà ấy, con đường ấy chính là Phật pháp bất sanh bất diệt vô thủy vô chung.

Xưa kia, lúc tu nhân, đức Thế Tôn từng trải tóc lót chỗ lầy lội, chỉ vào đó nói: *“Chỗ này nên lập một ngôi chùa”*. Khi ấy, trưởng giả Hiền Vu cầm cành cây cắm xuống chỗ Phật đã chỉ, nói: *“Lập ngôi chùa xong”*. Khi ấy chư thiên rải hoa tán thán. Hãy nói xem dựng nhà đắp đường và cắm cành cây dựng chùa là giống hay là khác? Nếu nói là khác thì xưa nay há nào có hai; nếu bảo là giống thì há có nên chê là sanh diệt? Pháp vốn không sanh diệt, sanh diệt là do con người! Người có đủ con mắt thấy được tòa nhà này, con đường này, ắt sẽ ngay khi đó tự thấy được bản lai diện mục của chính mình, ấy tức là Thọ, tột cùng đời vị lai cũng chẳng có cùng tận. Nếu không như thế thì hãy y theo kinh dạy, sanh tín, phát nguyện, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương, ắt nương theo Phật từ lực mau được chứng đắc. Ý nghĩa của chữ Giáp Thọ là như thế đó. Người có đủ con mắt sẽ chẳng cho lời tôi là sai lầm vậy.

23. Bi ký thuật duyên khởi Cư Sĩ Niệm Phật Lâm Liên Xã tại Cửu Giang[55]

Pháp Niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu vô thượng thành thủy thành chung để mười phương tam thế chư Phật trên thành Chánh Giác, dưới

---

[55] Cửu Giang là một thương cảng thuộc miền Tây Bắc tỉnh Giang Tây, nằm ngay trên sông Dương Tử, Lô Sơn thuộc phạm vi thành phố này.

hóa độ chúng sanh. Nay [Cư Sĩ] Lâm này được lập ra bắt nguồn từ Viễn Công (tổ Huệ Viễn) kết xã ở Đông Lâm, khởi xướng phong trào niệm Phật. Hơn một ngàn năm sau, cư sĩ Liễu Nghĩa hiểu sâu xa pháp này khế lý khế cơ bèn cực lực đề xướng, trùng hưng liên xã, theo đuổi dấu thơm. Tuy biết mình lẫn người trí huệ cạn mỏng, mê hoặc sâu dầy, nhưng chẳng nề hà, bởi lẽ con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này, nếu cứ tích cực đề xướng sẽ được đồng thanh tương ứng, chẳng cần luận xưa - nay, khó - dễ! Do vậy, chẳng ngại gian khổ, gắng công tiến hành, chẳng tiếc sức lực, ngõ hầu xa gần trông thấy đều cùng dấy tâm, đề xướng tiến hành cho đến trọn khắp vũ trụ, chứ nào phải chỉ mong ru rú trong một chỗ này mà thôi?

Hoằng dương Phật pháp thì đạo tràng là gốc, thoạt đầu ở nhờ am của người ta, không những không thể duy trì lâu dài, mà cuộc đất còn chật hẹp, tới lui bất tiện. Do vậy, vào năm Quý Hợi bèn biến nhà mình ở thành Niệm Phật Lâm, nguyện lực mạnh mẽ, cứng cỏi, lớn lao, sâu rộng ấy quả thật hiếm có! Nhà ấy bốn tầng, tầng trệt cho thuê làm tiệm bán gạo mỗi năm được hơn hai trăm đồng dùng làm chi phí cho Niệm Phật Lâm. Tầng hai làm nơi tiếp đãi và họp hành. Tầng ba làm đại điện, trong ấy thờ tượng Tây Phương Tam Thánh Tiếp Dẫn để luôn lễ bái, chiêm ngưỡng, ngõ hầu lâm chung dễ được cảm thông. Tầng bốn làm Tịnh Độ Diên Sanh Đường, bày đủ bài vị cha mẹ của những người đã quyên góp ngõ hầu người sống được tăng phước, tăng thọ, người mất được lên thẳng Liên Bang. Lại còn có lầu để làm chỗ xem kinh, tọa thiền.

Cư sĩ đã phát tâm ấy, những người cùng trong liên xã đều kính ngưỡng, ai nấy tùy sức đóng góp: Hoặc là tạo tượng Phật, hoặc trần thiết trang nghiêm và sắm sửa đồ thờ. Phàm những gì cần dùng cho đạo tràng chẳng thiếu thứ gì. Từ đấy, tu trì, giảng diễn đã có nơi, ắt thấy thiện tín nườm nượp đổ tới, xa - gần đều bắt chước theo. Do vậy bèn bỏ phàm tình để liễu Phật tánh, vãn hồi kiếp vận thành thái bình, sống làm bậc hiền thánh, chết dự vào Liên Trì Hải Hội, ngõ hầu chẳng phụ ân Thế Tôn thuyết pháp, thiện tri thức các đời hoằng dương, một phen cư sĩ Liễu Nghĩa tâm đại từ bi bỏ nhà, đề xướng, cũng như chẳng phụ Chân Như Phật Tánh tâm mình sẵn có vậy!

Pháp môn Tịnh Độ lý vốn cực rộng sâu chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột, đừng nói chi hạng phàm phu sát đất chẳng thể suy lường được, ngay cả hàng Bồ Tát đã chứng Pháp Thân từ lâu cũng chẳng thể biết trọn. Do vậy, khi đức Thế Tôn nói pháp môn này, mười phương hằng hà sa số chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài đồng thanh tán thán khiến cho khắp mọi chúng sanh đều sanh tín tâm, lại còn khen ngợi nồng hậu đức Thích Ca Thế Tôn có thể làm chuyện hy hữu rất khó. Đức Thế Tôn cũng tự nói: *“Ta ở trong đời ác ngũ trược, làm chuyện khó như thế này: Đắc Vô Thượng Bồ Đề, vì hết thảy thế gian nói ra pháp khó tin này, thật là rất khó!”* Phổ Hiền Bồ Tát dạy Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, nếu chẳng phải là đạo trọng yếu thành thủy thành chung há có thể được như vậy ư? Vì vậy, ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ quy, vãng

thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, như mọi ngôi sao chầu về Bắc Đẩu, như các dòng nước đổ vào biển Đông. Người niệm Phật tin được như thế mà nếu chẳng vãng sanh thì mặt trời, mặt trăng sẽ xoay ngược chiều, trời đất sẽ bị đổi chỗ, há có lẽ ấy chăng? Xin những ai thấy nghe hãy cùng gắng sức lên!

24. Bài ký về chuyện thếp vàng tượng Phật Tiếp Dẫn trong hang đá của Trung Am thuộc Bí Ma Nham núi Ngũ Đài

Ngũ Đài chính là chốn thánh đạo tràng thường trụ bao kiếp của Văn Thù Bồ Tát và một vạn Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm gọi là núi Thanh Lương; ấy chính là Phàm Thánh Đồng Cư ở cõi này; nếu luận trên phương diện Bồ Tát thì nó chính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, hoàn toàn tách lìa hết thảy phiền hoặc, nhiệt não, rốt ráo thanh lương. Chùa Bí Mật ở Bí Ma Nham chính là do Mộc Xoa hòa thượng dùng chĩa ba bằng gỗ[56] để thể hiện ý chỉ *"từ trời Tây qua Đông"* của Tổ Sư. Phàm những ai được nghe tên không ai chẳng sanh tâm kính ngưỡng, mong mỏi, hâm mộ, huống chi những ai đã đích thân đến được nơi ấy? Cách chùa không xa có nơi gọi là Trung Am được tạo dựng bên vách núi, vách núi ấy cao mấy mươi trượng. Hang núi ấy khá cao sâu rộng

[56] Theo Hoành Xuyên Hòa Thượng Ngữ Lục, sách số 1.411 trong Vạn Tục Tạng Kinh, tập 71, hòa thượng Bí Ma Nham mỗi khi trông thấy có vị Tăng nào đi đến liền giơ chĩa ba bằng gỗ lên bảo: "Ma mị nào dạy ông xuất gia? Ma mị nào dạy ông hành? Nói được cũng bị đâm chết! Nói không được cũng bị đâm chết! Nói mau! Nói mau! Bí Ma giơ chĩa ba, trắc nghiệm xem ông vốn là ai, nói được bị đâm chết, chẳng phụ tấm thân này!"

rãi, bên trong đắp một tượng Phật Tiếp Dẫn cao hơn hai trượng, hết sức viên mãn trang nghiêm. Đó là vì muốn cho những người đến đây đều lễ bái từ dung, đều cùng niệm thánh hiệu, lâm chung cùng được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đại sư Tư Thái trước khi xuất gia có đến nơi đây lễ Phật, phát nguyện thếp vàng tượng Phật. Sau khi xuất gia thọ Cụ Túc Giới, bèn quyên mộ các thiện tín để thỏa nguyện này, tổng cộng dùng hơn hai trăm đồng, xin tôi phát huy đại lược ý nghĩa về sự khác biệt và giống nhau giữa chúng sanh và Phật, cũng như lòng từ phổ độ của đức Di Đà để chỉ dạy cho những người đến đây.

Trộm nghĩ: Một niệm tâm thể của chúng ta và Phật không khác, do mê chưa ngộ nên tâm tướng khác biệt một trời một vực. Dù Tướng rất khác biệt nhưng Thể vẫn chẳng khác, như thái hư không trống rỗng, sáng sủa, thông suốt, hoàn toàn không trệ ngại. Do mây, sương, bụi bặm nên biến thành tướng tối tăm, bế tắc, nhơ bẩn. Phải biết: Chính ngay trong lúc đang tối tăm, bế tắc, nhơ bẩn ấy, Thể của nó vẫn trống không, sáng sủa, thông suốt y như cũ. Do vậy, chư Phật thương xót chúng sanh sẵn có Chân Như Phật Tánh, chỉ vì mê trái mà [cái tánh ấy] đâm ra trở thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp, chịu khổ. Do vậy, chỉ dẫn nhiều cách khiến cho chúng sanh trở về gốc, quay về nguồn. Cầu lấy một pháp hạ thủ dễ thành công cao thì không gì bằng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương; bởi lẽ chúng sanh tín nguyện trì danh sẽ cảm được Phật Di Đà từ bi nhiếp thọ. Vì thế, bất luận thượng trung hạ căn đều được cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. So

với việc cậy vào tự lực để đoạn sạch phiền hoặc rồi mới liễu sanh tử thì dù có hết năm cũng chẳng thể nói trọn được! Do vậy, Phật vì chúng sanh hiện đủ mọi thân để tạo nhân duyên đắc độ.

Phải biết: Tượng này chính là chân thân của Phật, do chúng sanh căn cơ kém hèn nên thấy là tượng, chứ luận theo phía Phật thì thân và cõi chẳng hai, Lý - Trí như một, có pháp nào chẳng phải là chân thân của Phật, huống hồ bức tượng đẹp đẽ vạn đức trang nghiêm này! Bồ Y Đồng Tử[57] nói: *"Một ngọn cỏ, một cái cây trong*

---

[57] Bồ Y đồng tử là đứa trẻ mặc áo kết bằng cỏ Bồ. Theo sách Ngũ Đài Sơn Linh Tích, thời Tống Thần Tông, Thái Úy Lã Huệ Khanh thông hiểu Phật pháp, từng chú giải bộ Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán, nhân lúc nhàn hạ, du ngoạn Ngũ Đài Sơn, cùng thuộc hạ ngắm cảnh chỉ trỏ bàn bạc xôn xao rất cao hứng. Đoàn người vừa lên trên cao, chợt quang cảnh biến đổi đột ngột, trời đang quang đãng bỗng sương phủ mịt mù, cuồng phong ào ạt, chớp xẹt loang loáng, mưa như trút nước, sấm nổ inh tai. Đang trong lúc chớp xẹt sáng lòa, mọi người thấy trong mây như có hình rồng rắn bay vút lên, nhiều hình trạng dị thường khiến bọn họ kinh hoảng ngã lăn ra đất. Một lúc sau, trời lại tạnh ráo, quang đãng. Bọn người Lã Thái Úy chưa hết kinh sợ, chợt thấy có một đồng tử tóc xõa dài, mặc áo kết bằng cỏ Bồ, để hở vai phải, đi tới hỏi: "Quan nhân thấy gì mà kinh hãi đến thế?" Họ Lã đáp: "Ta nghĩ chắc đời trước tạo ác nghiệp, sắp bị cơn mưa to giết chết!" Đồng tử cười: "Mưa to có gì mà đáng sợ? Không phải hết mưa rồi sao? Quan nhân đến Ngũ Đài cầu khẩn điều gì?" Họ Lã đáp: "Muốn thấy thắng tích của Bồ Tát Văn Thù". Đồng tử bảo: "Vì sao ông muốn thấy Văn Thù Bồ Tát? Đáp: "Tôi từng đọc Hoa Nghiêm, nhưng ý chỉ kinh rộng sâu, có những chỗ không hiểu được, nên nghĩ tưởng Văn Thù Đại Sĩ, hy vọng Ngài chỉ điểm một đôi điều. Nếu được như vậy, tôi sẽ chú giải kinh Hoa Nghiêm để kinh ấy được lưu truyền hậu thế, khải phát hậu nhân". Đồng tử bảo: "Diệu ý của chư Phật khéo thuận sự lý, giản dị, minh bạch, xem chú giải của người đời trước liền hiểu rõ, như Thập Địa Phẩm chỉ giải thích dưới mỗi câu mấy dòng. Hiện thời dài dòng lan man, chú giải cả mấy trăm quyển, càng muốn giải thích ý Phật, càng xa cách ý Phật! Quả thật, càng giải cặn kẽ, càng khiến cho Phật giáo bị chi ly, vụn vặt!" Họ Lã hỏi: "Xem dáng vẻ, ngươi bất quá chỉ là một đứa trẻ, sao lại dám lớn mật chê trách cao tăng đến thế?". Đồng tử cười xòa: "Quan nhân hiểu lầm rồi! Núi này, mỗi một ngọn cỏ, một cái cây không gì chẳng phải là cảnh thù thắng của Văn Thù Bồ Tát. Nhắn

núi này đều đầy đủ đức tướng, trí huệ của Văn Thù", há lẽ tượng Phật này lại chẳng đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai ư? Chỉ vì chúng sanh căn cơ kém cỏi, đáng nên dùng hình tượng để đắc độ cho nên mới hiện hình tượng để vì họ thuyết pháp. Nếu có thể tin tưởng sâu xa lý này thì chẳng những tượng này chính là chân thân của Phật, mà hết thảy chúng sanh trong lục đạo, mỗi mỗi đều là chân thân của Phật. Hãy nên thương xót kẻ ngu mê, dùng nhiều cách chỉ dạy khiến cho họ cùng niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về cõi Phật. Đợi đến khi thấy Phật nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn, mới biết chính mình vốn sẵn là Phật, đến nay mới tự chứng. Những kẻ cậy mạnh hiếp yếu, giết thân kẻ khác cho sướng cái miệng mình, tranh giành lẫn nhau, giết người ngập thành, ngập đồng, chẳng những không sanh lòng đau thương, lại còn cho đó là điều đắc ý, cái tội lỗi mê muội, trái nghịch ấy không cách gì ví dụ được! Tương lai phải chịu khổ cùng cực đến dường nào! Nghĩ đến đó quả thật rất đáng sợ. Vì thế, hãy kính cẩn đem cái lý *"toàn thể là Phật"* này bảo cùng những kẻ mê trái cùng cực khiến cho họ lập tức tỉnh ngộ, chẳng phụ lòng từ hiện thân tiếp dẫn của đức Như Lai thì quốc gia may mắn lắm mà chúng sanh cũng may lắm thay!

---

với những ai đến đây, chỉ cần trong sanh hoạt thường nhật gặp chuyện chẳng mê thì đấy chính là Văn Thù Đại Sĩ thật sự. Cần gì phải dùng phàm tình để suy nghĩ loạn cả lên, thật xa cách cảnh giới Phật quá sức!" Lã Thái Úy nghe vậy, trong tâm giải ngộ, biết mình sai lầm, cúi đầu lạy tạ. Ngẩng đầu lên, liền thấy đồng tử đã biến thành Bồ Tát Văn Thù, cưỡi sư tử xanh, bay lên không trung. Thái Úy gặp Bồ Tát mà không biết, hối hận khôn cùng, trở về nhà, tận lực thờ kính, mong gặp lại Bồ Tát. Không lâu sau lại thấy đồng tử mặc áo bằng cỏ Bồ, hiện trong khói hương, quở trách: "Không ngờ ngươi vẫn tham chấp vào hình tướng!" Lã Thái Úy thưa: "Con nghĩ người đời đều mong thấy được dung mạo Bồ Tát", rồi vẽ hình Ngài. Vẽ xong, Bồ Tát biến mất!

25. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Nhạc Vận Sanh

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật, nhưng do mê trái tự tánh nên luân hồi sanh tử chẳng lúc nào xong. Như Lai muốn cho họ khôi phục bản tâm nên tùy thuận cơ nghi, tuyên nói đủ mọi pháp. Nhưng muốn cậy vào tự lực để tu trì, trong đời này chứng rốt ráo Chân, đoạn tận Hoặc để thoát khỏi luân hồi, hòng liễu sanh tử thì trong đời Mạt, thật khó thấy được mấy ai. Chỉ có tu pháp môn Tịnh Độ thì bất luận thượng trung hạ căn, già, trẻ, trai, gái, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, kèm thêm chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đến khi lâm chung bèn được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vạn người chẳng sót một ai! Do cậy vào Phật từ lực nên đạt được lợi ích lớn lao này, như do ngồi thuyền lớn bèn vượt được biển, chứ chẳng phải do bản lãnh của chính mình mà được như vậy. Vì thế, các vị Bồ Tát, các Tổ Sư, các thiện tri thức nhiều đời đều cực lực đề xướng pháp này, bởi đây chính là đường tắt để liễu sanh thoát tử, là pháp trọng yếu để thành Phật đạo vậy!

Cư sĩ Nhạc Vận Sanh là cha ông Bộ Vân, tên là Thái Nguyên, tự là Vận Sanh, thờ cha mẹ chí hiếu, ưa thiện chuộng nghĩa, thiên tánh trung hậu, không gì chẳng thích đáng. Trong mấy năm gần đây, Bộ Vân sanh lòng chánh tín kha khá đối với Phật pháp, ăn chay niệm Phật, một mực chân thành, nghiêm cẩn. Nhân đấy,

khuyên lơn cha mẹ cùng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cũng như giải nói những sách Tịnh Độ rõ ràng, đơn giản dễ hiểu, khuyên họ thường xem. Cha ông biết tự tâm sẵn có Phật tánh, nhưng vì Hoặc nghiệp ngăn lấp nên chẳng thụ dụng được; may là có pháp môn cậy vào Phật từ lực này khiến cho lũ chúng sanh căn cơ hèn kém như chúng ta, tuy thiện căn ít ỏi mà ngay trong đời này liền được vượt ngang ra khỏi tam giới, cao dự chín phẩm sen, còn may mắn nào hơn! Từ đấy, tâm tâm ức niệm, mong được thỏa nguyện. Đến đầu tháng Bảy, cụ thị hiện bệnh nhẹ, sáng ngày mồng Tám dậy sớm, niệm Phật xong, dặn dò Bộ Vân mau sắm sửa tang phục, quan tài: "Ta sắp đi rồi!" Đợi tang phục, quan tài chuẩn bị xong xuôi, cụ bèn tắm gội, thay áo, đi nằm. Bộ Vân khuyên răn người trong nhà: "Đừng khóc lóc, kẻo cụ bị mất chánh niệm, hãy đồng thanh niệm Phật để giúp cụ vãng sanh". Lại khuyên cha trong tâm hãy niệm thầm theo. Tuy chẳng nghe tiếng nhưng miệng cụ vẫn máy động, lúc lâu sau thấy ngừng thì đã mất rồi! Lại niệm thêm ba giờ nữa mới bắt đầu than khóc. Vẻ mặt cha vẫn mỉm cười, trong nhà thoảng mùi hương lạ, để ba ngày mới liệm, tướng mạo hãy như còn sống. Cụ được vãng sanh là điều có thể đoan chắc! Bộ Vân cùng người nhà hằng ngày niệm Phật trước bàn linh để cầu cụ được tăng cao phẩm sen, mau chứng Vô Sanh hòng báo đáp ân cù lao, trọn hết phận con.

Lại nữa, ông Bộ Vân tài nhỏ chức kém, tiền lương ít ỏi, thờ cha mẹ nuôi vợ con khá chật vật, may nhờ chú họ là tướng quân Mao Thiếu Phủ bù đắp nhu cầu cho. Tang phục, quan tài, chi phí tang ma lần này đều do

Thiếu Phủ bỏ ra. Thiếu Phủ chánh trực, công bằng, liêm khiết, sáng suốt, trong sạch, khí tiết cao cả, trung với nước, hiếu với cha mẹ, nghĩ đến tình thương yêu của người trước nên coi Bộ Vân như con, Bộ Vân cảm kích trước tình đùm bọc nên cũng coi Thiếu Phủ như cha. Nhân duyên ăn chay của Bộ Vân thật ra cũng do Thiếu Phủ mà ra. Nếu như Thiếu Phủ do Bộ Vân mà có thể dốc lòng tu Tịnh nghiệp, ăn chay niệm Phật hầu sống dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc thì lợi ích đạt được càng rạng rỡ, trọn vẹn đẹp đẽ đôi đường. Do vậy, bèn ghi lại để khuyên đời.

26. Bài ký về chuyện vãng sanh của phu nhân Uông Hàm Chương

Đạo nơi con người giống như nước ở trong đất, không đâu chẳng có, nhưng nếu không có công xoi đào chắc chắn khó thể phát hiện được nước. Tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật không hai. Do vô minh ngăn lấp nên công đức của Phật tánh không cách gì hiển hiện được! Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa được vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí liền được hiện tiền”*. Những gì đức Như Lai đã nói trong cả một đời Ngài đều là pháp dược nhằm đối trị vọng tưởng chấp trước. Một pháp Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thật là viên đốn thẳng tắt, vì dùng Quả Địa Giác để làm Nhân Địa Tâm. Do vậy, nhân trùm biển quả, quả thấu tột nguồn tâm. Từ khi

pháp được truyền qua Đông Chấn, hết thảy tứ chúng do niệm Phật được vãng sanh Tây Phương, triệt chứng Phật tánh sẵn có viên thành giác đạo chẳng biết là mấy ngàn vạn ức!

Phu nhân Uông Hàm Chương là người hôn phối đức hạnh của cư sĩ Giang Dịch Viên, túc căn sâu dầy, bẩm tánh hiền thục, thờ cha mẹ, phụng dưỡng bố mẹ chồng, giúp chồng dạy con, tự mình nêu gương, gìn giữ nếp nhà, mọi chuyện đều đáng làm gương cho hàng khuê các. Bà lại mang tâm niệm nhân từ, vì thế thường hành bố thí cho kẻ nghèo thiếu, cứu vớt mạng loài vật. Những hành vi tốt lành ấy đều do cần kiệm mà thành. Nếu như thích buông tuồng, hoang phí, ắt lo cho chính mình còn không xong, huống gì cứu người lợi vật được ư? Dịch Viên lo dạy học nhiều năm, chỉ muốn vun bồi nhân tài chân chánh, chẳng tiếc tâm lực, do giảng dạy mệt nhọc đến nỗi thành bệnh. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ngã bệnh không ngồi dậy được, thuốc men vô hiệu, tình thế thật nguy ngập. Có người bạn khuyên ông hãy lắng lòng niệm Phật, [nhờ đó] dần dần được khỏi bệnh. Do vậy, bèn đọc khắp các kinh Phật, mới biết Phật là đại thánh nhân, dạy những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, buồn tiếc mình trước kia không biết, nay may mắn được nghe. Do vậy, khuyên cha mẹ, vợ và con cái cùng tu Tịnh nghiệp. Do đó, phu nhân thành kính trì danh hiệu Phật, tụng kèm thêm các kinh chú như Di Đà, Phổ Môn, Đại Bi v.v… quyết chí cầu sanh Tây Phương.

Vào tháng Mười năm ngoái, bà bị bệnh, chính trong lúc đang đau khổ bèn phát đại nguyện mau được vãng sanh, thấy Phật nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn rồi sẽ

nương theo Phật từ lực trở vào Sa Bà cứu khổ cho chúng sanh, tâm cực khẩn thiết. Đêm cuối tháng, bà bảo với người săn sóc: "Trên lầu có Phật đường, tiếng mõ thật trầm ấm, nơi tường vách có kinh viết bằng chữ vàng, quang minh chói ngời, ngươi có thấy nghe hay chưa?" Vả nữa, ba hôm trước đó, bà mẹ chồng mộng thấy kim quang đầy nhà, trong quang minh có không biết là bao nhiêu Bồ Tát, ý bà cụ cho rằng con dâu bệnh sẽ chóng được lành. Nên biết: Đấy đều là tướng trạng Tịnh nghiệp thuần thục, tịnh cảnh hiện tiền. Bữa hôm sau, nhằm giờ Mùi ngày mồng Một tháng Mười Một, bà Uông ngồi xếp bằng, niệm Phật qua đời. Mất rồi, thần sắc đoan nghiêm, hoàn toàn không có tướng chết chóc gì, toàn thân đều lạnh nhưng đảnh đầu vẫn ấm. Khi trước hai đùi sưng phù, chẳng thể co duỗi được, đến lúc sắp mất lại như bình thường. Vì thế, có thể ngồi xếp bằng qua đời như nhập Thiền Định.

Dịch Viên hướng dẫn con cái và các đạo hữu chí thành niệm Phật, giúp bà được vãng sanh. Qua năm tiếng đồng hồ mới bắt đầu xếp đặt [tang ma], cúng lễ, tiếp đãi khách. [Tang gia] đã không dùng đồ mặn, mà khi người trong thôn muốn đến tế lễ chung, Dịch Viên bèn ngăn lại, mỗi ngày chỉ để một số người đến niệm Phật một lúc độ khoảng hai tiếng đồng hồ, một là để khỏi lãng phí, hai là có lợi ích thật sự cho vong linh, ba là khéo léo dẫn dụ mọi người cùng gieo thiện căn, bốn là để cho những ai nghe được phong thái ấy đều phổ biến ân Phật. Quả thật là phong cách tang lễ mới thật tốt lành; phàm những ai có tín tâm đều nên hành theo.

Sau khi tẩn liệm, Dịch Viên gởi thư đến chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà kèm theo 100 đồng, xin Quang tùy nghi làm Phật sự hòng [người mất] chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh thì sẽ được tăng cao phẩm sen. Quang bảo mười sáu người trong Niệm Phật Đường cử hành Phật thất, lại vì họ khai thị về lợi ích của pháp môn Niệm Phật cũng như lòng chân thành của cư sĩ Dịch Viên. Các sư nghe xong đều cạn lòng thành, tận lòng kính. Đến ngày hai mươi mốt, bà mẹ chồng cầu khấn: "Con dâu mất đã nhiều ngày rồi, sanh về Tây hay chưa? Xin hãy báo mộng cho biết để an ủi lòng ta!" Đêm ấy, có một người bạn con bà cụ nằm mộng thấy thư từ nườm nượp gởi tới, bèn đem một lá thư lên Phật đường trên lầu để xem, thấy trong Phật đường treo một ngọn đèn lớn sáng tỏa bốn phía, sáng hơn đèn điện. Mở thư ra thấy có một bức vẽ, trong ấy vẽ một đóa sen lớn màu đỏ, trên hoa có đài tòa, dưới hoa ghi hai hàng chữ nhỏ, chẳng thể nhớ được. Chung quanh có bao nhiêu là hoa nhỏ, nước ở dưới hoa có màu như bạc. Ngày ấy chính là ngày viên mãn Phật thất ở Pháp Vũ. Được mấy điềm như thế đủ thấy bà quyết định vãng sanh.

Tâm chúng sanh và tâm của A Di Đà Phật xét về bản thể hoàn toàn tương đồng. Nếu dùng tín nguyện ức niệm để cảm chắc chắn sẽ được thệ nguyện từ bi của Phật Di Đà nhiếp thọ. Do vậy, trong cõi này phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì trong ao bảy báu nơi Tây Phương liền mọc lên một đóa sen. Nếu tinh tấn chẳng lui sụt thì hoa sen ấy càng ngày càng to lớn, đến khi người ấy lâm chung, Phật và thánh chúng liền cầm hoa ấy tiếp dẫn vãng sanh. Bà Kinh Vương phu nhân

đời Tống dốc lòng tu Tịnh nghiệp, những người thiếp, thị nữ, không ai chẳng hành theo. Có một người thiếp không bệnh mà mất, phu nhân đêm nằm mộng thấy người thiếp đã mất ấy đến cảm tạ ân cần. Cô lại dẫn bà đi về phương Tây, thấy có một cái ao báu kích thước rộng lớn. Trong ao có một cái hoa to, quang minh thù thắng. Người thiếp bảo: "Đấy là chỗ phu nhân sẽ sanh về. Tất cả những hoa chung quanh đều là [hoa của] những người được phu nhân giáo hóa hay được lần lượt truyền dạy mà phát tâm đấy!" Phu nhân tỉnh giấc, buồn vui chen lẫn. Không lâu sau, gặp đúng dịp sanh nhật, bà đứng niệm Phật qua đời.

Giấc mộng của người bạn [ông Dịch Viên] gần giống với chuyện này, nhưng Uông Phu Nhân không có được công phu và quyền lực giáo hóa chỉ dạy như Kinh Vương phu nhân nên cảnh tượng phải kém xa. Người bạn Tịnh nghiệp chưa thuần thục nên chỉ thấy được bức vẽ, chứ chẳng thể đích thân thấy được cảnh. Dùng nhân như thế sẽ cảm được quả như thế. Nhân chẳng luống uổng, quả chẳng lãng phí, do vậy càng thêm tin tưởng. Nguyện những ai thấy nghe đều gắng sức lên!

27. Bài ký về chuyện vãng sanh của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Từ

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Bất luận thiên, nhân, A Tu La, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, bất luận nam, nữ, sang, hèn, trí, ngu, hiền, tệ, thăng trầm lục đạo, luân hồi chẳng ngơi, đều là do mê sâu hay cạn, do nghiệp thiện hay ác làm thành

nhân duyên, nhưng một niệm Phật tánh chưa từng do vậy mà bị tăng hay giảm. Do mê không biết nên chẳng những không được thụ dụng, trái lại còn dùng sức công đức của Phật tánh làm cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, há chẳng đáng buồn lắm ư? Đức Như Lai xót thương dạy cho bỏ mê về với ngộ, đoạn Hoặc chứng Chân, cho đến khi tự chứng được Phật Tánh sẵn có mới thôi! Lại do chúng sanh không có sức đoạn Hoặc, dẫu có tu trì cũng chẳng thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này, thọ sanh lần nữa đa phần đều mê mất cho nên đến tận đời vị lai không có lúc nào được giải thoát. Do vậy, vì lòng đại từ bi, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để hết thảy dù phàm hay thánh đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực liễu sanh thoát tử. So với những kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ, chậm - nhanh, khác biệt như trời với vực. Vì vậy, từ cổ đến nay, Tăng - tục tứ chúng tu pháp môn này vãng sanh Tây Phương nhiều chẳng kể xiết, ngay cả mấy lúc gần đây cũng vẫn thường thấy.

Bà Dương Thái Phu Nhân mẹ của ông Từ ở huyện Thạch Đãi, tỉnh An Huy, chính là mẹ đẻ của cư sĩ Từ Quốc Trị, tánh tình hiếu thuận, hiền từ, mềm mỏng, hiền lành, minh mẫn, quả quyết, thờ cha mẹ, phụng dưỡng bố mẹ chồng, giúp chồng dạy con, chăm sóc nhà cửa, mỗi việc đều đáng làm gương mẫu cho bạn khuê các, làm bậc thầy mẫu mực cho hàng nữ lưu, chẳng thẹn sánh với những hàng liệt nữ, mẫu nghi, hiền nhân, minh trí thời cổ. Từ nhỏ đã tin Phật, đến già càng sốt sắng, có ba người con là Quốc Hoa, Quốc Quân và

Quốc Trị, đều theo đuổi quan trường hay thương nghiệp. Quốc Trị sống ở Thiên Tân muốn được hầu hạ dưới gối dài lâu, nên vào năm Dân Quốc thứ 10 (1921) đón mẹ về Thiên Tân phụng dưỡng. Bà bèn ăn chay trường, thọ giới Ưu Bà Di, từ đấy niệm Phật càng thêm tinh tấn. Bà thấy được chút điềm lành, nhưng tôi sợ có người ngu chẳng cầu nhất tâm chỉ chuyên mong mỏi tướng lành trở thành bệnh nên không ghi lại. Mùa Thu năm ngoái, tỉnh An Huy vừa bị nạn lụt lẫn hạn hán, tỉnh trưởng đánh điện điều Quốc Trị về lo việc cứu tế, bởi tám năm ở tại kinh đô ông đã có thành tích trong chuyện này. Quốc Trị chẳng nỡ cách xa mẹ, phu nhân đem đại nghĩa quở trách, bắt ông phải đi cho nhanh để cứu giúp dân chúng đang bị tai họa. Quốc Trị ở đất Hoàn hơn năm, phu nhân bị bệnh, chẳng cho viết thư báo tin, sợ ông từ phương xa trở về sẽ lỡ làng việc cứu tế. Bà lại còn dặn dò Quốc Hoa, Quốc Quân quyên mộ, dốc hết tiền dành dụm ra để giúp đỡ, được Đại Tổng Thống đề tặng biển ngạch, tặng cho huy chương Từ Huệ. Năm Dân Quốc 11 (1922) việc cứu trợ xong xuôi, chính quyền đất Hoàn[58] lưu giữ Quốc Trị, nên ông lại đón mẹ về phụng dưỡng tại Hoàn Thản. Năm ấy cụ đã bảy mươi bốn tuổi, tinh thần suy yếu, trong thân thích có người khuyên nên thôi ăn chay, phu nhân nói: "Ta thà ăn chay mà chết, chứ chẳng ăn thịt để được sống!"

Đến mùa Xuân năm nay, bệnh ngày càng nặng, thần trí vẫn sáng suốt, niệm Phật không bỏ sót, bảo Quốc Trị rằng: "Thế sự gian khổ mẹ đã nếm đủ cả rồi nên chẳng

[58] Hoàn là tên một nước nhỏ vào thời Xuân Thu, nằm ngay trong địa phận tỉnh An Huy nên An Huy cũng thường được gọi là Hoàn (có khi còn đọc là Hoán)

luyến tiếc, trong tâm chỉ có mỗi một chuyện niệm Phật mà thôi!" Lại nói: "Mỗi một lần phát sốt, đau khổ dị thường, hễ tưởng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chợt cảm thấy mát mẻ liền!" Ngày hai mươi mốt tháng Hai, thỉnh Tăng chúng đến nhà niệm Phật để giúp vãng sanh, lại sai đem những quần áo, đồ đạc của chính mình bán hết để cúng dường Tam Bảo, hỏi Quốc Trị: "Ngày nào đi thì tốt nhất?" Quốc Trị đáp: "Ngày mốt là ngày ăn chay, ấy là ngày tốt nhất". Mấy tiếng sau, cụ nói: "Mẹ đã thấy Thích Ca Mâu Ni Phật và Phật, Bồ Tát đã thờ ở Thiên Tân, nhưng có mình đức Phật Tiếp Dẫn sao không thấy?" Quốc Trị đáp: "Đến lúc sẽ thấy". Ngày hôm sau, cụ lại niệm Phật theo chư Tăng, đến rạng sáng ngày hai mươi ba, vị sư niệm Phật là thầy Hải Phước nói: "Phu nhân thần chí, khí tượng như thường, chắc trong một hai ngày chưa đi đâu!" Đến giờ Tỵ, Quốc Trị thỉnh hình Phật Tiếp Dẫn thờ trước giường nói: "A Di Đà Phật đến rồi!" Phu nhân nghe vậy vui mừng lớn lao, ngồi dậy chiêm ngưỡng, lớn tiếng niệm "nam-mô A Di Đà Phật" mấy câu, rồi ngồi kết ấn, mỉm cười qua đời. Quốc Trị và chư Tăng cùng quyến thuộc vẫn lớn tiếng niệm Phật ba tiếng đồng hồ nữa rồi mới cử ai (cất tiếng khóc) và tắm rửa, thay áo. Mùi thơm ngào ngạt, có người bạn đến phúng điếu ở ngoài cửa đã ngửi thấy, khen là hy hữu. Ba ngày sau mới liệm, diện mạo so với lúc sống càng tươi tắn hơn, đảnh đầu vẫn còn hơi ấm, tứ chi mềm mại, đem xâu chuỗi đặt vào tay bèn gập ngón tay nắm lấy. Cao đẹp thay!

Như phu nhân có thể gọi là người túc căn sâu dầy, đời này tu hành tinh thuần, lại được người con như

Quốc Trị phụ trợ nhiều cách cho nên Tịnh nghiệp chín muồi, toại nguyện vãng sanh. Những người trong đời không niệm Phật thì chẳng cần bàn đến, chứ như người chí tâm niệm Phật lúc sắp mất, con cái khóc lóc, tắm rửa, thay y phục v.v… khiến cho người sắp mất đâm ra bi thương, hoặc sanh sân hận, đến nỗi bị mất chánh niệm, vĩnh viễn luân hồi trong tam đồ lục đạo chẳng thể thoát ra. Những kẻ ấy cho đó là tận hiếu, chẳng biết đã mắc tội gây trở ngại cho cha mẹ, so với tội giết cha mẹ lại càng nặng hơn! Cả thế gian không biết như vậy, thật là bi thương! Quốc Trị bắt chước mẹ nhân từ thờ Phật, nên ăn chay trường, học Phật, nhiều lần đi cứu trợ thảy đều cạn kiệt tâm lực. Mùa Hạ năm nay ông lên núi, kể lại hành trạng của phu nhân, xin tôi soạn bài ký để làm gương cho con cháu đời sau. Tôi viện cớ thô lậu, bận bịu để thoái thác, nhưng về sau ông lại viết thư khẩn cầu. Do vậy, tôi bèn thuật đại lược cuộc đời và kể khá tường tận những sự thực cuối đời để người làm mẹ, người làm con trong đời đều bắt chước theo.

28. Bài ký về chuyện cảm ứng của cư sĩ Lục Tây Lâm (Đầu Thu năm Dân Quốc thứ 15 – 1926)

Quán Âm Đại Sĩ ân trọn khắp pháp giới, tùy loại hiện thân tầm thanh cứu khổ, đa phần được Ngài gia bị sâu xa mà không hay biết. Tháng Năm mùa Hạ năm nay, tôi đã ấn hành bộ Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng, gởi cho cư sĩ Tây Lâm Lục Thọ Từ ở Tô Châu. Ông ta đọc đến phần Cứu Khổ trong quyển thứ hai khôn ngăn cảm xúc, mới biết thuở nhỏ

gặp cảnh hoạn nạn mà được sống còn đều là nhờ vào từ lực của Đại Sĩ gia bị, nên bèn lược thuật chuyện ấy, gởi thư cho Quang như sau:

"Nhà con ở Thái Thương[59], thuở nhỏ mồ côi, nhờ bà nội, mẹ góa nuôi dạy. Mẹ ăn chay Quán Âm[60], thường tụng kinh Quán Âm, chú Đại Bi. Năm Hàm Phong thứ 10 (1860), con được 14 tuổi, gặp phải giặc cướp từ Quảng Đông nhiều phen công hãm các thành, cô là Hồ Thái Quân đem ba mạng trong nhà về quê sống tại nhà bà. Không lâu sau, thành lại bị vây hãm. Con mang cái tráp có bộ Đại Bi Sám[61]; đấy là do mẹ của cô là Trương Thái Quân sai con chép lại chú văn ấy. Do đó, đọc tụng thuộc không quên, hằng ngày niệm chừng đó biến. Đến khi cô đi nơi khác liền ở nhờ nhà người thân thích họ Mao ở Tam Đồ. Đến mùa Thu, giặc dấy lên mạnh mẽ, mặc sức cướp bóc, đốt phá, giết chóc. Một hôm, vào buổi trưa gặp phải lúc giặc tràn đến, bà nội tuổi cao không trốn được, con theo mẹ trốn trong lùm trúc ở vườn sau, giặc cầm mâu đuổi theo sau, mẹ con vội vàng chạy ra sông, gặp phải bộng cây liền rúc vào đó, thấy giặc đâm loạn vào đám trúc một hồi rồi bỏ đi, nghe sau lưng có tiếng người, nhìn lại thấy mấy tên

---

[59] Thái Thương là một thành phố nhỏ thuộc tỉnh Giang Tô.

[60] Đây là tập tục của vùng Giang Tô, ngoài trai kỳ thường nhật, mỗi năm người ta ăn chay thêm hai kỳ: Kỳ thứ nhất từ ngày mồng Một tháng Hai đến ngày 19 tháng Hai (ngày vía Quán Âm đản sanh), kỳ thứ hai từ ngày mồng Một tháng Chín đến 19 tháng Chín (ngày vía Quán Âm thành đạo).

[61] Tức Đại Bi Sám Pháp do ngài Tứ Minh Tri Lễ của tông Thiên Thai soạn vào đời Tống. Sám pháp được soạn theo bản kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni do ngài Già Phạm Đạt Ma dịch, nội dung gồm đảnh lễ, quán niệm, sám hối, xưng dương Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng chú Đại Bi để nguyện tiêu tai chướng, tăng trưởng phước huệ, lâm chung vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

giặc đứng bên bờ sông, phất cờ quát tháo, chừng như chẳng hề thấy mẹ con chúng con, chốc lát giặc bỏ đi, bèn chui ra. Đến nay nghĩ lại vẫn còn run rẩy khôn cùng!

Tháng Mười năm sau, lương thực sắp cạn, vay tiền một ngàn bốn trăm đồng, ngồi thuyền qua Hoàng Kính[62] để gặp ông Tổ trong dòng họ là Trúc Lâu Ông. Chưa đến nơi, trời đã tối, thuyền phu đẩy con lên bờ, quăng hành lý lên bờ rồi chèo đi. Đêm tối cùng đường, không biết tính sao, khôn ngăn đau đớn! Bà lão trong thôn là Viên Thái Quân thương xót, cho ngủ đêm trong nhà. Ngày hôm sau, sai con dẫn đi gặp Trúc Lâu Ông. Ông vốn nghèo, lo việc công, chuộng việc nghĩa, dạy học có tiếng, nhờ vào nghề thuốc đắp đổi qua ngày. Vừa gặp cháu rất mừng rỡ, hứa sẽ tính cách, bảo đợi mấy ngày, nhưng hóa ra ở nhà họ Viên hơn một tháng. Đến khi ông tính toán ổn thỏa, bèn bảo ngồi tàu biển sang Thượng Hải, nhờ thân thích dẫn đến Thúy Vi Tăng Xá ở ngoài cửa Nam. Khi ấy, Lý tướng quốc[63] thống lãnh quân đội đóng ở đây, được tuyển làm người chép thuê. Sau khi giặc tan, bèn dời sang sống tại Tô Châu, gắng tạo thành gia nghiệp, khỏi trở thành thịt thối trong ngòi nước, may mắn thay! Cảm niệm ân đức của cô, bà Viên và tộc tổ (tức Trúc Lâu Ông), khác nào xương khô mọc thịt, trọn đời chẳng dám quên, nhưng vẫn chẳng biết là do sức cảm ứng của kinh chú. Nay đọc các sự tích trong bộ Đại Sĩ Cảm Ứng Tụng mới biết thoát lìa

[62] Hoàng Kính là một tiểu thị trấn cũng thuộc tỉnh Giang Tô, thuộc ngoại vi thành phố Tô Châu.

[63] Lý tướng quốc chính là Lý Hồng Chương (1823-1901), một danh tướng trải các đời Hàm Phong - Đồng Trị - Quang Tự, ông đã giúp Tăng Quốc Phiên dẹp loạn Thái Bình Thiên Quốc.

được mũi gươm, mũi tên, mỗi lần gặp phải nạn gấp liền gặp được thiện nhân, đấy đều là do mẹ con trì trai tụng kinh, cảm thần lực đại từ bi của Bồ Tát che chở mà ra.

Phẩm Phổ Môn chép: *"Tâm niệm chẳng luống qua, diệt khổ trong các cõi. Trong khổ não nạn chết, thường làm chỗ nương tựa".* Con tin đúng là như vậy nên bèn thuật lại mong sao hết thảy thiện tín chí thành niệm danh hiệu Bồ Tát và kinh Quán Âm, Đại Bi thần chú, sẽ tự có thể gặp chuyện dữ hóa thành chuyện lành, gặp tai nạn biến thành chuyện tốt, cũng như nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, sống dự vào hàng thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Xin pháp sư thương xót lòng con ngu thành, soạn bài ký sự cảm ứng chép thêm vào bộ Văn Sao khiến cho khắp các đồng nhân đều sanh chánh tín, đều được gội từ ân".

Cư sĩ Tây Lâm xưa đã trồng cội đức, hạnh hiện đời thuần thục, nhiều năm qua ăn chay trường thờ Phật, tu trì Tịnh nghiệp, tuổi đã tám mươi, tinh thần khỏe mạnh, hễ có chuyện công ích dù xa đến mấy dặm cũng đều đi bộ tới, những thứ xe kéo bằng sức người nhất quyết không chịu dùng. Mục lực thật tốt, viết được chữ nhỏ. Tháng Tư, Quang đến đất Tô, mấy lần trò chuyện [cùng cụ], khiêm tốn, nhún nhường như cụ bây giờ chẳng có ai! Từ nhỏ, cụ đã mấy lượt được Đại Sĩ thầm gia bị nên mới có ngày hôm nay, nhưng vẫn chưa hiểu thấu suốt nguyên do. Như vậy, trong đời những người được thọ ân từ bi che chở mà không biết ắt phải là nhiều lắm! Ví như mặt trời rạng rỡ chiếu khắp muôn nước, người mù dù được ánh mặt trời sanh thành, nhưng chưa từng thấy được tướng ánh sáng, bèn bảo là "không có" thật là phụ

ân chiếu soi quá lắm! Thương cõi đời ngu mê, nên chép thành bài ký.

29. Bài ký về chuyện Ô Vưu Sơn Tự dựng Tàng Kinh Các (Núi ở tại huyện Lạc Sơn, Gia Định, Tứ Xuyên)

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, lớn lao như mười phương pháp giới, nhỏ nhặt như một niệm tâm tánh của chúng sanh, khuôn mẫu tốt lành khiến đời yên dân lành, đường lối tốt đẹp để siêu phàm nhập thánh, không gì chẳng chỉ bày thấu triệt ngọn ngành, kết cuộc, lý do đến cùng cực vậy. Đạo ấy lớn lao, nghĩa lý nhỏ nhiệm, văn sâu, nghĩa rộng, nếu muốn xiển dương chỉ thú ấy thì cạn hết biển mực cũng chẳng thể [diễn tả] tột cùng chỗ mầu nhiệm. Nhưng nếu hiểu thấu được lẽ đạo viên đốn thì tìm lấy một chữ cũng không thể được, dù là bậc thánh nhân vẫn có chỗ không biết đến, há phàm tình có thể suy lường được sao! Do vậy, pháp này được thực hành rộng rãi, thiên - địa, quỷ thần không ai trái nghịch; cho nên xưa nay những người xuất sắc lỗi lạc không ai chẳng siêng năng tu trì, cực lực lưu truyền để mong cho mình lẫn người đều được lợi ích thật sự.

Nói chung, giáo điển trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai chia thành ba tạng. "Tạng" có nghĩa là sâu kín, u viễn, vô cùng, vô tận. Phàm những kinh Tiểu Thừa, Đại Thừa đức Phật đã nói đều gọi là Kinh Tạng. Phàm những luật Đại Thừa, Tiểu Thừa đức Phật đã chế đều gọi là Luật Tạng. Phàm những bộ luận do các vị Bồ

Tát, Thanh Văn đã trước tác để thích kinh, tông kinh[64] đều gọi là Luận Tạng. Những kinh sách này đều do thỉnh Phạn bản từ Phật quốc về cõi này phiên dịch ra [tiếng Hán] ước chừng hơn năm ngàn quyển. Từ khi đại pháp truyền sang Đông, các tông quật khởi, đời nào cũng có cao nhân hoặc soạn sớ để giải thích kinh, hoặc do tông kinh mà tạo luận, cũng như các thứ ngữ lục, truyện ký. Phàm là những thứ trước thuật nhằm hoằng dương pháp đạo đều được ghép nối tiếp theo sau [Đại Tạng], gọi là Tục Tạng. Nhưng trước thuật của cổ đức đa phần bị thất lạc, được nhập tạng chỉ là một hai phần trong trăm ngàn phần đó thôi, vậy mà cũng đã nhiều đến hơn hai ngàn quyển; huống chi những tác phẩm chưa được nhập tạng nhưng được lưu hành rộng rãi trong cõi đời thì càng khó thể biết được số lượng! Núi nghĩa vòi vọi, biển pháp mênh mông, tùy theo thiên bẩm của mỗi người mà nghiên cứu đến cùng tận, không ai chẳng thấy được Chân Không, thấu triệt nguồn pháp, khôi phục lại Phật tánh sẵn có.

Ô Vưu Sơn Tự là nơi thù thắng trứ danh của Tây Thục (Tứ Xuyên), là đạo tràng hóa hiện của Quán Âm. Từ khi Huệ Tịnh thượng nhân đời Đường khai sơn đến nay trải hơn một ngàn năm, tông phong chẳng suy sụp, dù cung ngọc điện tía đã lùi vào dĩ vãng, nhưng thừa lẫn giới đều đề cao, dốc cạn lòng thành lễ tụng, xưa -

---

[64] Thích kinh là giải thích ý nghĩa từng đoạn kinh văn, hay từng câu, từng từ ngữ, còn "tông kinh" là chỉ phát huy tông chỉ, phương pháp tu hành được dạy bởi kinh. Chẳng hạn như bộ Vãng Sanh Luận (Vô Lượng Thọ Ưu Ba Đề Xá) chính là Tông Kinh, vì trong tác phẩm này, tổ Thiên Thân chỉ nhấn mạnh những giáo nghĩa chánh yếu của kinh và đề ra năm môn tu niệm (Ngũ Quán Môn).

nay chẳng khác, há chẳng đáng gọi là *"hễ địa linh ắt có nhân kiệt"* hay sao? Truyền Độ đại sư trụ trì núi này, phàm trăm thứ bị bỏ phế, suy sụp, Sư đều dần dần tu bổ, đã dựng điện Di Đà để làm nơi chuyên tu Tịnh nghiệp, lại dựng gác này để thờ tạng kinh Tần Già[65] vừa thỉnh, ngõ hầu làm căn cứ nghiên cứu Phật pháp. Tạng kinh này chữ nhỏ, chẳng tiện cho người già, mong rằng sau này có bậc đại thí chủ sẽ lên kinh đô thỉnh Đại Tạng bằng tiếng Phạn để mọi người được đọc tụng nghiên cứu rộng rãi. Từ chỗ này đã có thể thấy được đại khái lòng thành vì pháp, vì người của Sư.

Gác ấy gồm năm gian, hai tầng, hết sức trang nghiêm, phí tổn ước chừng ba ngàn mấy trăm đồng, đều là do đàn-việt xa gần cảm đức của sư Truyền Độ nên hoan hỷ bố thí. Xây dựng xong, gởi thư cho Quang sai soạn bài Ký. Trộm nghĩ: Giáo pháp trong Đại Tạng nghĩa lý vô tận, nhưng pháp chẳng thể tự hoằng, phải do con người hoằng pháp. Ví như vị trưởng giả cực giàu, có rất nhiều kho lẫm; nếu như con ông ta không biết đến sẽ không thể nào thụ dụng được, so với con nhà nghèo hèn nào có khác gì! Nếu như biết được, ắt sẽ tự dùng và châu cấp cho hết thảy mọi người, không ai

[65] Tần Già Tạng: Gọi đủ là Tần Già Bản Đại Tạng Kinh, do Tần Già tinh xá ấn hành. Vào năm thứ ba đời vua Tuyên Thống nhà Thanh (1911), tinh xá Tần Già ở Thượng Hải dùng lối in chữ rời (hoạt tự) để ấn hành Đại Tạng, đến năm Dân Quốc thứ 9 (1920) mới hoàn thành, toàn tạng tổng cộng gồm 414 tập, chia thành 1.916 bộ. Bản này lấy bản in của Hoằng Giáo Thư Viện Nhật Bản làm gốc, tham khảo các bản khác như Kính Sơn Tạng, Long Tạng (Đại Tạng Kinh được ấn hành bởi vua Càn Long) cũng như các bản kinh được lưu hành riêng lẻ. Điểm đặc sắc của bản Hoằng Giáo là ghi chú tỉ mỉ những dị biệt giữa các bản trước đó, nhưng bản Tần Già lại lược bỏ những chỗ ghi chú ấy nên mất đi giá trị học thuật.

chẳng được thỏa lòng mong muốn, mà kho tàng ấy vẫn chẳng bị giảm bớt mảy may. Bởi lẽ kho tàng này chính là vô tận tạng, lấy mãi không hết, dùng hoài chẳng cùng, đến tột cùng đời vị lai chẳng bị khánh kiệt. Nguyện hết thảy tứ chúng đều cùng thăm dò tạng báu này để tự lợi, lợi tha, từng ngọn đèn nối tiếp nhau, sáng mãi không dứt, ngõ hầu chẳng phụ một phen Như Lai nói kinh, chư tổ hoằng pháp, thầy Truyền Độ dựng gác, đàn tín giúp đỡ tha thiết vậy. Phàm những ai cùng hàng với tôi đều hãy gắng lên.

30. Bài ký tháp Phổ Đồng ở Ô Vưu Sơn

Một niệm tâm tánh của chúng sanh và một niệm tâm tánh của Phật không hai. Do vọng chấp nên thành khác biệt như trời với vực, đức Như Lai thương xót, dạy tu quán Tứ Niệm Xứ: Một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Nếu quán thành thục thì Ngã Chấp bị phá. Ngã Chấp đã phá thì Pháp Chấp cũng mất. Hai Hoặc Kiến và Tư do đấy liền đoạn, liền có thể siêu phàm nhập thánh, liễu thoát sanh tử, vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, tu tập hạnh nguyện Bồ Tát để mong được trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh mới thôi. Có những kẻ căn cơ hèn kém, trong đời hiện tại chẳng thể đạt được như vậy thì đợi cho đến khi chết đi, hỏa thiêu thân xác, khiến cho họ hiểu rõ Ngũ Uẩn vốn không, Tứ Đại chẳng có, linh tánh chân thật được phô bày trọn vẹn triệt để, đã chẳng thuộc vào thấy - nghe - hay - biết, mà cũng chẳng thể nói là nhân, ngã, chúng

sanh, thọ giả, ắt thoát khỏi nghiệp chất chứa, tự chứng chân thường. Vì thế, những người tại gia thông suốt thời xưa đa phần y theo cách tống táng này, chứ không riêng gì Tăng chúng mới vậy.

Dùng cách này khiến cho người mất được giải thoát, lại còn khiến cho người sống ngộ được cái vốn không, lợi ích thật chẳng phải nông cạn! Đã thiêu hóa rồi, nếu là bậc đạo đức cao siêu ắt có xá-lợi kiên cố chẳng cháy, nếu không có xá-lợi thì xương hèn còn sót lại đều được đặt trong tháp Phổ Đồng, cũng giống như sống trong tùng lâm dự vào hải chúng, phàm thánh đồng cư, nhờ vào đó để un đúc. Linh cốt đông đảo, ắt có người đã thần siêu thăng cõi tịnh vực, nghiệp giã biệt trần lao, sen nở hoa thượng phẩm, Phật thọ ký ngay trong một đời. Được sống cùng với người như vậy giống như con nhặng bám vào đuôi ngựa Ký, cũng đi được ngàn dặm; cũng như nước đổ vào biển cả đều mất tên gốc, cùng có một vị mặn. Đấy chính là duyên do của tháp Phổ Đồng vậy.

Chùa Ô Vưu ở Gia Định từ khi đại sư Huệ Tịnh đời Đường khai sơn đến nay đã hơn một ngàn năm; năm tháng đã lâu, tháp Phổ Đồng cũng nghiêng sụp, hư hoại. May được Truyền Độ đại sư trụ trì chùa này, tận lực chấn hưng Liên tông, đã dạy những người còn sống tu trì Tịnh nghiệp để cùng sanh Tây Phương, lại muốn cho người mất được hưởng yên vui, cùng dự vào hải hội. Do vậy, quyên mộ các thiện tín, hoàn thành chuyện này, sai Quang soạn bài Ký nhằm phát huy ý nghĩa. Do vậy, bèn tụng rằng:

Chúng sanh bị sống chết,
Đều do chấp có Ngã,
Do vậy khởi Tam Độc,
Như bướm tranh vào lửa
Thử quán khi chưa sanh,
Nghĩ xem ta ở đâu?
Đến khi đã mất rồi,
Ta rốt cuộc là chi?
Đã không thuộc căn thân,
Cũng chẳng thuộc thức tâm,
Do căn không hay biết,
Thức tâm do vật dời,
Chúng sanh vì không rõ,
Theo vọng nên mê giác,
Lầm tâm vọng tưởng ấy,
Thường bị sanh tử buộc,
Như Lai rủ lòng từ,
Dạy quán Ngã vốn không,
Đã biết Ngã vốn không,
Chư pháp tiêu tan hết,
Huống lại qua lửa gột,
Tứ Đại đều phân tán,
Ngũ Uẩn vốn chẳng có,
Ngã còn do đâu hiện?
Từ đây chứng Vô Sanh,
Mới chạm mặt Chân Ngã,

Nguyện khắp các pháp giới,
Đều cùng thấy như vậy.

31. Bi ký thuật duyên khởi sáng lập Bồ Đề Tinh Xá

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thành thủy thành chung để mười phương tam thế chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi lẽ các pháp môn được giảng trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai đều cần phải có công tu trì sâu xa thì mới đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, mới có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu Hoặc nghiệp chưa tận thì sanh tử luân hồi quyết định khó thoát, dẫu có tu trì cũng chỉ được phước thế gian và tạo thành duyên chủng đắc độ trong đời vị lai mà thôi. Đấy chính là chỗ khó khăn của việc cậy vào tự lực để liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ dùng tín sâu, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, kèm thêm giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dùng tín nguyện của chính mình cảm lòng từ bi của Phật, cảm ứng đạo giao, cho nên khi lâm chung liền được Phật từ lực đích thân đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Vì vậy, bất luận Hoặc nghiệp có hay không, [bất luận] công phu sâu hay cạn, chỉ cần tín chân, nguyện thiết thì dù là kẻ tội nghiệp sâu nặng vẫn có thể thoát khỏi tam giới, ngự lên chín phẩm sen, huống gì những người tu trọn giới thiện, Định lẫn Huệ đều quân bình ư?

Pháp này hoàn toàn cậy vào Phật lực kèm thêm tự lực để liễu sanh tử, vì thế trong các pháp môn của cả một đời giáo hóa, nó được gọi là pháp môn đặc biệt, chẳng được dùng những pháp môn cậy vào tự lực thông thường để bàn luận. Ấy là vì dùng Quả Địa Giác để làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân. Do đó, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về. Pháp này là đường tắt để liễu sanh thoát tử, là diệu pháp để siêu phàm nhập thánh vậy. Xét từ khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn công ở Lô Sơn sáng lập liên xã cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người tinh tu Tịnh nghiệp đều được vãng sanh. Từ đấy về sau, đời nào cũng có cao nhân đề xướng, nhưng Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Đại Trí v.v… là những vị chẳng tiếc sức lực phát huy xiển dương mạnh mẽ nhất. Do vậy, liên phong thổi khắp trong nước, ngoài nước. Do đây, những người thoát Ngũ Trược dự vào hải hội há có thể dùng toán số thí dụ để biết được số lượng ư! Gần đây, thế đạo nhân tâm càng ngày càng đi xuống, phàm những ai có lòng lo cho đời muốn cứu giúp không ai chẳng dốc lòng nơi Phật pháp, đề xướng nhân quả báo ứng và kiêng giết, che chở loài vật, dốc chí tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Cư sĩ Phó Dụ Trai xưa đã trồng cội đức, tánh hạnh thuần hòa, theo đuổi nghề buôn bán, chưa biết đến Phật pháp; năm ngoái sang thăm bạn ở đất Hàng, đêm nghỉ tại Thường Tịch Quang Lan Nhã, nghe tiếng chúng Tăng niệm Phật, khác nào được cam lộ rưới vào đảnh, đề-hồ thấm lòng, vui sướng vô ngần, không thể thí dụ

được. Do vậy, xúc động túc căn liền muốn cùng những người cùng chí hướng tùy phần, tùy sức tu trì pháp này, bèn cùng các thương nhân Đinh Cam Nhân, Nghê Đại Xuân, Đàm Bộ Thiều, Nghiêm Tử Lương, Tôn Lương Thần, Phó Dụ Kinh, Phó Đình Phương, Trầm Tấn Dung, Kim Ích Như, Lâm Song Tuyền, Trần Tải Phong, Trang Hải Đào, Lý Thuật Sơ, Ngô Tổ Xương, Đàm Tử Lâm, Đàm Thạch Khanh, Đàm Hải Thu, Đàm Trúc Hinh, La Trĩ Vân, Tạ Sùng Hoa, Điền Ngọc Thụ, Phó Mộng Bật, Đàm Triệu Quý v.v… tính lập một tòa tinh xá ở Tây Hồ, Hàng Châu, để làm nơi tùy sức tu trì trong hiện tại, về già chuyên tâm tu đạo. Ai nấy đều cho đó là lành, bèn tìm mua đất để xây cất, chưa đầy hai năm đã hoàn thành, nhân đó đặt tên là Bồ Đề Tinh Xá.

Khu đất rộng hai mẫu sáu phân bảy ly, gồm có hai phần: Phần trước là đại điện gồm năm gian, chính giữa thờ Tây Phương Tam Thánh, hai bên thờ mười tám vị La Hán, dùng nơi đó làm chỗ niệm Phật, lễ tụng. Phần sau là ngôi gác năm gian ba tầng, ba gian tầng trên, gian chính giữa thờ tôn tượng Tam Thánh, hai bên thờ bài vị tổ tiên của hai mươi bốn người [nói trên] nhằm hiển thị ý dự vào liên trì, thường hầu Phật Di Đà, liền chứng được Thể - Dụng của vô lượng quang thọ, Phật tánh bất sanh bất diệt. Thứ tự trước sau lấy tuổi tác của những người ấy làm chuẩn. Hai gian bên và tầng giữa đều chia thành phòng ốc làm chỗ tịnh tu cho mọi người. Gian dưới làm nhà khách, hai bên làm Dưỡng Tâm Đường để bậc cao nhân triết sĩ tạm thời nghỉ ngơi. Tông chỉ của họ về đại cương gồm năm điều:

1) Tinh xá này vốn do xã hữu [66] ai nấy đều có công việc chẳng thể thường trụ chuyên tu, do vậy bèn lễ thỉnh bảy vị Tăng có giới hạnh chân tâm tu đạo tu trì suốt năm. Mỗi ngày hai thời khóa tụng, ba thời niệm Phật để làm hướng dẫn tốt lành cho các xã hữu nhân lúc rảnh rỗi đến đây tu trì. Tiền chi phí ăn ở hoàn toàn do các xã hữu đảm nhiệm.

2) Tinh xá này do hai mươi bốn người chung sức tạo dựng, cùng quản trị, quyền quản trị được kế thừa trong tương lai thì mỗi người chỉ được truyền một phòng, phải chọn người tánh chất tương ứng với Phật pháp, những con cháu khác đều nhất loạt chẳng được xen vào để tránh cái nạn chi phái đôi co, không thể an cư được, hoặc do mỗi người mỗi ý kiến khác biệt đến nỗi tranh chấp, chia lìa.

3) Tinh xá này vốn vì tự tu mà thiết lập, tánh chất khác biệt với các chùa miếu, chẳng được làm Phật sự kinh sám mang tính chất xã giao đối với người ngoài liên xã. Dẫu gặp dịp tết lễ, cũng chẳng để cho người khác tùy tiện đến thắp hương, chỉ có xã hữu hoặc là cầu thọ, hoặc là truy tiến thì không trở ngại gì.

4) Tinh xá này lấy chuyên tu Tịnh nghiệp, thanh tịnh trì giới làm tông chỉ chánh yếu. Chẳng cho người ăn mặn, uống rượu vào cửa. Tất cả những chuyện như chơi cờ, đánh bài và những chuyện trái nghịch Phật pháp đều nhất loạt nghiêm cấm. Phàm các xã hữu, ai nấy đều nên tự gắng sức.

[66] Xã hữu: Thành viên của liên xã.

5) Tinh xá này vốn để cho các xã hữu tịnh tu mà thiết lập, thời hạn cư trụ tùy theo tâm ý, nhưng không được mang theo quyến thuộc nữ nhân và con nít v.v… Nếu như gia quyến muốn đến chiêm lễ, tuy không phải là không được, nhưng phải ra về ngay trong ngày hôm ấy, quyết chẳng để cho phụ nữ ngủ lại để không trở ngại chuyện tinh tu, ngăn dứt lời dị nghị của thế gian, khiến cho hai chữ "Bồ Đề" được khuếch trương sáng rạng, rộng lớn thì may mắn lớn lao thay!

Đem toàn bộ công đức tu trì của Tăng - Tục trên là cầu lịch đại tổ tông, cha mẹ hiện đời của mỗi người được tiêu trừ ác nghiệp từ vô thỉ, tăng trưởng thiện căn thù thắng, dự vào liên trì hải hội, chứng Pháp Thân sẵn có. Lại mong cho tất cả những vị sư niệm Phật trụ tại đây và các xã hữu cùng với các quyến thuộc tam chướng băng tiêu, ngũ phước như mây nhóm, sống dự vào hạng thánh hiền, mất trở về cõi Cực Lạc. Lại mong người thấy kẻ nghe ai nấy bắt chước hành theo, cùng chuyển phàm tâm trở thành thánh trí thì lễ nghĩa, nhân nhượng được hưng thạnh, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, trung hậu, khoan thứ khởi lên, thấy ta và vật như nhau, khiến cho thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Phong thái thời Đường Ngu thạnh trị lại được thấy trong ngày nay, lời nói *"ai nấy đều có thể trở thành Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể làm Phật"* ắt sẽ được chứng nghiệm thật sự! Đây chính là bản tâm sáng lập tinh xá, đặt tên là Bồ Đề của các cư sĩ. Do vậy, bèn trần thuật đại lược!

32. Bi ký ghi công đức sáng lập Tây Phương Tam Thánh Điện (viết thay thầy Hoa Đức)

A Di Đà Phật chính là Vô Thượng Từ Phụ của chúng sanh trong pháp giới, là vị Đạo Sư (bậc thầy dẫn đường) bậc nhất trong con đường ác hiểm nạn, lúc tu nhân đã phát ra bốn mươi tám thệ nguyện, lúc đắc quả bèn được quang thọ siêu việt mọi số lượng. Ngự yên nơi Liên Bang, phân thân trọn khắp mười phương sát hải, nhiếp khắp hàm thức khiến họ ngay trong đời này chứng được Tam Đức Niết Bàn. Còn như hai vị đại sĩ Quán Âm, Thế Chí thì hiện thân trong các cõi nước nhiều như vi trần, tầm thanh cứu khổ, thâu nhiếp người niệm Phật trở về Tịnh Độ, phò tá Phật Di Đà độ thoát chúng sanh, ban vui dẹp khổ đều được rốt ráo. Ân đức của Tam Thánh sâu rộng vô lượng, dẫu [dùng] trời che đất chở [để thí dụ] cũng không thể sánh ví được một phần vạn. Dẫu tan thân nát xương cũng không cách nào báo đáp được mảy may. Nạp tăng tôi thẹn làm đệ tử, chưa thể xiển dương lẽ đạo rộng lớn, muốn cho Tăng chúng trong cả chùa chuyên tu Tịnh nghiệp, toan dựng Cực Lạc Thế Giới Tam Thánh Bảo Điện, nhưng tài lực thiếu hụt, chẳng được như nguyện. May nhờ có tín sĩ Hồng Khánh Trai và vợ là Qua Diệu Phương xưa đã trồng cội đức dốc lòng tin tưởng Phật thừa, tấm lòng nhân từ, dốc lòng hoằng dương, hộ trì, hướng dẫn con gái là Vương Hồng Thị[67], cháu ngoại là Vương Thiên Tứ khẳng khái bỏ ra nhiều tiền để giúp thành toàn

[67] Cô con gái này họ Hồng, gả về làm dâu họ Vương nên gọi là Vương Hồng Thị.

chuyện thù thắng này cho nên kim dung được tỏa sáng, pháp luân thường chuyển, công đức lợi ích làm sao diễn tả trọn vẹn được?

Kính mong Tam Thánh rủ lòng từ, ngấm ngầm hoặc rõ ràng gia bị khiến cho các vị thí chủ này và những vị trợ duyên ai nấy trong đời hiện tại tai chướng ngầm tiêu, hưởng đủ ngũ phước, lâm chung thể xác lẫn tinh thần đều tốt đẹp, cao đăng chín phẩm sen, tổ tiên đã mất đều thăng lên trời Cực Lạc, con cháu đời sau thảy đều nhân từ, sống lâu. Do vậy, bèn ghi lại duyên khởi cho khắc vào đá quý kiên cố để những người an cư tu hành sau này biết được sự rộng lớn của pháp môn Tịnh Độ mà quyết chí cầu sanh, đạo tràng Tam Thánh vì nguyên do nào mà được thành lập thì phước đức cho những đàn-việt lắm thay!

33. Bi ký trùng tu miếu Địa Mẫu[68] của chùa Đông Chiếu ở Loa Đầu Miếu

Chở khắp vạn tượng, chẳng sanh phân biệt, sanh khắp muôn vật cho mọi người dùng mà chẳng cậy công, chẳng mong được báo đáp. Ân đức của đất có thể nói là

---

[68] Địa Mẫu chính là Mẹ Đất trong tín ngưỡng dân gian Trung Hoa, được nhân cách hóa thành một vị nữ thần. Bà thường được thờ dưới dạng một vị thánh mẫu, danh xưng đầy đủ là: Vô Thượng Hư Không Địa Mẫu Huyền Hóa Dưỡng Sanh Bảo Mạng Nguyên Quân, hoặc chỉ gọi gọn là Địa Mẫu Nương Nương. Những người coi sóc Hỗn Độn Cổ Phụng Cung (miếu thờ Địa Mẫu ở trấn Ngọc Lý, huyện Hoa Liên, Đài Loan) thậm chí còn coi Địa Mẫu tương ứng với Thượng Đế sáng tạo trong thần thoại phương Tây, và xem những danh hiệu Hồng Mông Lão Tổ, Hỗn Độn Lão Tổ, Vô Cực Chí Tôn, Vô Cực Lão Mẫu đều là những biệt danh của Địa Mẫu Nương Nương.

rộng lớn, trọn khắp, mênh mông, dày chắc, lâu dài, không thể nào diễn tả được. Thánh nhân lập pháp: Phàm những ai đem pháp thí cho dân, siêng năng phụng sự đến chết, nhọc nhằn giữ yên đất nước, chế ngự tai họa, dẹp hoạn nạn lớn lao thì đều được lập miếu thờ phụng, huống gì đại địa là nơi cả đời chúng ta nương nhờ vào để sống, sao không lập riêng một ngôi điện vũ, thánh tượng trang nghiêm, thường dùng hương hoa, đèn đuốc cúng dường để bày tỏ chút lòng báo ân, thường nêu lòng thành hệt như thánh nhân đang ngự nơi đấy hay sao? Đấy chính là nguyên do tạo dựng miếu Địa Mẫu của chùa Đông Chiếu vậy.

Địa Mẫu chính là vị được kinh Phật gọi là Chủ Địa Thần. Ấy là vì đất sanh trưởng muôn vật như mẹ nuôi dưỡng con cái nên thế tục gọi là Địa Mẫu, chứ không phải Ngài chuyên hiện thân nữ. Theo phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm trong kinh Hoa Nghiêm thì có các Chủ Địa Thần (thần cai quản cõi đất) nhiều như số các vi trần trong một cõi Phật. Tuy có những vị từ các thế giới phương khác đến, nhưng chỉ riêng đại địa nơi này cũng chẳng phải chỉ có một vị thần làm chủ, do mỗi vị đều có lãnh thổ riêng. Lại nữa, hễ ai thuộc vào hàng thần thánh đều có chuyện thăng lên, giáng xuống, tiến - thoái, giống như quan liêu trong cõi đời: Tuy chức quan, danh hiệu quan vĩnh viễn không thay đổi, nhưng người đảm nhiệm có tiến - thoái, nhậm chức hay từ quan, hoàn toàn không nhất định, không phải như Thương Hiệt, Khổng Tử, Quan Đế, Văn Xương chuyên thuộc một người. Đổng Sự Diệp Xương Vân do thấy miếu Địa Mẫu được tạo dựng đã lâu sắp bị sụp đổ bèn quyên mộ

các thiện tín được bao nhiêu đó tiền, trụ trì Từ Khoan lại giúp cho một nửa, nên điện vũ, pháp tướng lại được xây dựng mới, muốn lập một tấm bia bèn xin tôi thuật những nghĩa chánh.

Kinh Dịch chép: *"Địa Thế Khôn, quân tử dùng đức dầy để chở vật".* Người có thể suy nghĩ, xử sự giống như đại địa, thi ân chẳng cầu báo, bị nhục không ôm lòng hận, chỉ trọn hết thiên chức của chính mình, chẳng quản người khác thuận hay nghịch. Người như thế sống dự vào hàng thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Như Trì Địa Bồ Tát do làm cho mặt đất bằng phẳng nên tâm địa cũng được bình, chứng đắc viên thông, tương lai lại còn thành vô thượng đạo, giáo hóa hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới như trời che khắp, như đất chở trọn, không một ai chẳng được un đúc dưỡng dục. Đấy chính là đại lợi ích của việc nhìn vào tượng [Địa Mẫu], tu đạo, chứng tâm, thành Phật, nguyện những ai đọc đến đều chú ý.

34. Bài ký về chuyện vãng sanh của Kim Thái Đại Sư

Kim Thái Đại Sư họ ngoài đời là Phương, người huyện Vu Đô, tỉnh Giang Tây, xưa đã có thiện căn, từ nhỏ đã kiêng giết, ăn chay. Đến khi ngoài ba mươi tuổi, chán ngán sâu xa ngũ dục nhiều khổ não, ba cõi không yên liền xuất gia tại chùa Báo Ân ở huyện Trường Đinh, tỉnh Phước Kiến. Sau khi thọ Cụ Túc Giới, chuyên chí khổ hạnh, giữ chức Hương Đăng tại chùa Quang Hiếu ở Cám Châu (Giang Tây), tinh khiết, kiền thành, cung

kính. Phàm những ai trông thấy đều khen ngợi lòng thành, tiếc của thường trụ như giữ tròng mắt, hằng ngày lấy chuyện lễ niệm tụng trì làm chánh, không để phí thời gian, được đại chúng trong chùa khâm phục, kính ngưỡng. Tiếp đó, Sư muốn chuyên tu Tịnh nghiệp bèn qua hang đá trong núi sâu ở Ninh Đô[69], gác tùng làm tòa, kết cỏ làm đệm, trồng khoai để ăn, chằm các mảnh giẻ làm áo, sự khổ hạnh của Sư khó ai kham nổi. Sư điềm nhiên vui sướng, lấy đạo làm nguồn vui. Lâu ngày, có người đến thăm tặng cho tiền bạc đều khước từ không nhận, nhưng nếu áo rách, thức ăn thô tệ bèn nhận.

Sư bản tánh cô tịch, thanh khiết, chẳng thâu đồ chúng. Có người trọng đức Sư, thay mặt thâu nạp cho Sư bốn đồ đệ, nhưng thật ra không ở chung. Một người đồ đệ tên là Đức Duyên, chùa khá dư dả, nghĩ thầy thanh bần, ba bốn lượt cầu khẩn thầy thương xót tiếp nhận cúng dường. Không lâu sau, Sư lại bỏ qua núi Liên Hoa, tự lấy ván dựng một gian thất nhỏ để sống. Đại chúng trong chùa tôn trọng đạo hạnh của Sư, để Sư được tự do. Sư suốt ngày đóng cửa tụng kinh niệm Phật, trừ hai bữa cơm sáng - tối ra, tiếng mõ, tiếng khánh rền vang không dứt, mấy mươi năm hệt như một ngày. Do vậy, những vị Tăng - tục tin tưởng, hâm mộ, thường thành tâm cúng dường phẩm vật, nếu không khước từ được thì Sư bèn đem cúng Phật, cúng Tăng để tạo công đức cho họ, bản thân chỉ giữ lại mười đồng để làm chi phí hỏa táng khi lâm chung. Sư tự cam chịu thanh bần, giải thoát, không chấp như thế đó. Phàm những ai đến

---

[69] Ninh Đô là một huyện thuộc vùng Đông Nam tỉnh Giang Tây, nằm ngay phía Bắc thành phố Cám Châu, rất gần huyện Vu Đô.

thăm hỏi, bất luận tăng - tục, Sư đều dạy nhiệm vụ trọng yếu là [nhận hiểu] Sa Bà ác trược, Cực Lạc thanh tịnh, hãy gấp cầu xuất ly, nhưng phải hiểu nhân biết quả, tu hành các điều thiện thế gian, cẩn thận giữ gìn giới cấm, tụng kinh, niệm Phật, trong - ngoài như một, từ đầu đến cuối không thay đổi thì mới có hy vọng. Ngoài ra không có một lời lẽ nào liên quan đến phước lạc thế gian.

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), tức năm Mậu Ngọ, Sư được bảy mươi bốn tuổi, đầu tháng Mười thị hiện bệnh nhẹ, đến ngày mồng Bốn bỏ ăn uống, niệm tụng như thường đến khuya mới nghỉ. Rạng sáng ngày mồng Năm, đại chúng trong chùa không thấy Sư thức dậy, gõ cửa chỉ thấy yên lặng không đáp, vào thất xem thì thấy Sư đã đoan tọa thị tịch. Tay trái vẫn cầm dẫn khánh hệt như đang niệm Phật mọi khi, đầu hơi cúi xuống, vẻ mặt tươi cười, không khác gì còn sống. Đại chúng trong chùa trông thấy khen ngợi khôn cùng, đều nói: "Sư bình nhật có công hạnh như thế, cho nên lúc ấy đạt được cảnh tượng như thế, thần thức Sư siêu tịnh vực, gởi chất nơi hoa sen là điều chắc chắn không còn ngờ vực chi". Học trò Sư là Đức Thân Sâm kể cho tôi nghe như thế. Nghĩ đến Tăng nhân đời Mạt thường hay lười nhác, chỉ tham lợi dưỡng, chẳng tu đạo nghiệp, người như Sư thật có thể làm gương cho đời Mạt, do vậy bèn soạn bài ký.

35. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Triệu Tôn Nhân

Triệu Tôn Nhân pháp danh là Bồi Canh, người ở thành phố Mã Đường Như Cao[70], tuổi ngoài ba mươi, theo đuổi nghề buôn bán, tánh tình thuần hòa, chân thật, không trá ngụy, làm việc quả quyết, thật thà. Mấy năm gần đây được nghe pháp môn Tịnh Độ bèn sanh lòng tin tưởng sâu xa, hằng ngày lấy chuyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chánh, gác qua chuyện buôn bán, chuyên làm chuyện từ thiện công ích hết sức tích cực. Do vậy, đề xướng lập ra Tế Sanh phân hội và Phật Kinh Lưu Thông Xứ. Hễ có các chuyện lành nào đều tận lực lo liệu, không chuyện gì không làm. Đối với đèn đường ở địa phương, đích thân ông sáng thâu về, tối đi thắp lên, chẳng nề mệt nhọc. Người cả một phương đều cảm phục lòng thành của ông. Ông dùng lòng thành để cảm, mọi người dùng lòng thành để ứng. Phàm khi ông quyên mộ, không ai chẳng thuận theo hầu viên thành ý nguyện cho ông.

Mùa Đông năm Dân Quốc 15 (1926), ông mắc phải bệnh ngặt, vẫn gượng đè nén cơn bệnh đề xướng Phật thất để cầu thế giới thái bình, dự định khởi thất vào ngày mồng Hai tháng Chạp, đến ngày mồng Tám là viên mãn, thỉnh sư Phạm Thành chùa Tây Phương ở Quật Cảng[71] làm Chủ Thất, chi phí đều do thiện tín tự đóng góp, người dự hội niệm Phật hơn bốn mươi người. Cư sĩ tuy đang bệnh nặng nhưng niệm Phật càng thêm

---

[70] Như Cao là một thành phố nhỏ thuộc tỉnh Giang Tô, giáp ranh Thượng Hải.
[71] Quật Cảng là một tiểu trấn thuộc huyện Như Đông, tỉnh Giang Tô.

tinh tấn như người không bệnh. Đến bảy giờ tối ngày mồng Sáu bèn ngồi niệm Phật qua đời. Những người đang tham dự hội càng thêm khẩn thiết niệm Phật, giúp

cho ông được vãng sanh. Sau mấy tiếng đồng hồ, đỉnh đầu vẫn còn ấm, vẻ mặt chẳng khác gì lúc sống. Từ đây, ta thấy được Di Đà nguyện lực, chúng sanh tâm lực, cả hai thứ đều chẳng thể nghĩ bàn. Ấy là vì Chân Như Phật Tánh chúng sanh vốn sẵn có, chỉ nhờ vào nhân duyên để khải phát mà thôi! Như hạt giống đã gieo xuống đất, gặp mưa đúng thời bèn nảy mầm. Những kẻ trong cõi đời dùng sức Chân Như Phật Tánh để hằng ngày theo đuổi tham - sân - si, giết - trộm - dâm ví như đem châu Ma Ni tùy ý tuôn ra các thứ báu quăng trong hầm xí, nên chẳng thể thụ dụng được, chẳng đáng buồn ư? Nghe đến phong thái của cư sĩ há chẳng thẹn đến chết ư?

36. Bài ký về chuyện vãng sanh của cư sĩ Sa Kiện Am

Ông Sa Kiện Am tên là Nguyên Bỉnh, người xứ Như Cao, tỉnh Giang Tô, phẩm hạnh, tu dưỡng, văn chương, đạo nghĩa thảy đều đáng nêu gương cho đời Mạt. Cái học của ông trọng nơi tận lực thực hành chứ không chuộng từ chương, chí chuyên chú nơi tận hết bổn phận, chẳng hâm mộ vinh hoa, ân sủng. Vì thế, sau khi đỗ đạt bèn ở nhà thờ cha mẹ cho trọn hết phận con, chẳng ra làm quan. Thoạt đầu ông chẳng biết Phật là người như thế nào, kinh có nghĩa như thế nào, bèn theo đuổi những thuyết của Hàn, Âu, Trình, Châu, cho rằng Phật pháp có hại cho thánh đạo, chẳng có ích gì cho

nước, cho dân. Đến sau cuộc quốc biến[72] năm Tân Hợi (1911), buồn bã khôn khuây, thường mang ý tưởng vượt thoát cõi đời, bèn thử đọc kinh Phật, thấy nghĩa lý tinh vi áo diệu, viên dung siêu thoát, mới biết Phật là vị đại thánh nhân, giáo pháp của Ngài có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, như thoát ra khỏi hang tối được thấy mặt trời, khôn ngăn mừng rỡ, nhưng lại hết sức bi thương, tiếc cho mấy mươi năm chấp nhặt, hèn tệ. Từ đấy, âm thầm nghiên cứu, thọ trì, đọc tụng để mong đích thân chứng được Phật tánh sẵn có, chẳng đến nỗi thường làm người luân hồi trong lục đạo.

Năm Dân Quốc 12 (1923), tức năm Quý Hợi, tuổi tròn hoa giáp (sáu mươi), tâm yếm thế càng thêm khẩn thiết, gặp đúng dịp pháp sư Đế Nhàn đến đất Như giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải, đích thân được nghe giảng, biết được pháp môn Tịnh Độ hoành siêu là đạo để bậc đại thánh Đẳng Giác, tiểu phàm nghịch ác đều cùng trong đời này cậy vào Phật từ lực thoát khỏi Sa Bà lên cõi Cực Lạc, tùy theo căn tánh mà được chứng nhập. Do vậy, bèn chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu vãng sanh. Năm sau, Thôi Ích Vinh lên núi quy y, có kể cho Quang nghe về học vấn, tu trì của cư sĩ, do vậy bèn nhờ ông Thôi đem bộ Văn Sao tặng cho ông ta. Năm sau nữa, Trần Chánh Hữu đem bản luận Bài Xích Tệ Ăn Thịt Uống Rượu Trong Tang Lễ do ông Sa soạn đưa cho đọc, thấy trích kinh dẫn sử rõ ràng, khúc chiết, biết cái học của cư sĩ có căn bản, chí mong thành thánh thành hiền, tuy chưa gặp gỡ nhưng tâm hai bên như đã có mối thần giao [cách cảm]. Mùa Hạ năm ngoái, nghe Quang đến

---

[72] Tức cuộc cách mạng Tân Hợi, lật đổ Thanh Triều lập ra Dân Quốc.

đất Hỗ (Thượng Hải) muốn đến gặp mặt, nhưng vì bệnh không ra khỏi cửa được nên chẳng thỏa nguyện, vẫn mong có ngày khác lên núi hỏi han. Đến lúc sắp lâm chung, chuyện trò cùng bè bạn vẫn lấy đó làm điều tiếc nuối. Nhưng đã sanh Tây Phương, thân cận Di Đà, dự vào hải chúng thì chẳng gặp được ông Tăng chỉ biết có cơm cháo này há có thiếu sót chi!

Đến mùa Thu, nách trái ông mọc cái ung, tiếp đó ho ra máu, đến mùa Đông càng nặng. Thuốc Tây lẫn thuốc Tàu đều vô hiệu, há chẳng phải là do sức tu trì nên chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong túc nghiệp đấy chăng? Đến ngày Mười Một tháng Chạp, nằm bẹp trên giường không dậy được, bèn đem những trước tác lúc bình thời giao phó cho môn nhân là Hạng Bản Nguyên, Hoàng Văn Tuấn, dặn dò đại lược việc nhà, hơi hối hận chuyện trước kia đã phạm lỗi tán thành biến chùa Quảng Phước thành nơi họp hành, dời tượng Phật đi chỗ khác, sai con ông là Tấn bỏ ra ba ngàn đồng sửa chữa Phật điện của Quảng Huệ Am ở Đông Môn để chuộc lỗi trước. Lại bảo quyến thuộc trong nhà ngày đêm thay phiên niệm Phật trước giường đến khi ông lâm chung cũng vẫn như thế, chẳng được tắm rửa, thay áo sẵn cũng như khóc lóc v.v… Liệm bằng vải thô, đừng dùng trừu, đoạn[73]. Đám tang bất luận cúng quải hay đãi khách chẳng được dùng rượu thịt, "ta thường soạn luận trách đời, các ngươi chớ tùy thuận thói ác, hãm ta vào tội!" Lại thỉnh Tăng trợ niệm để cầu cậy Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

[73] Trừu (còn đọc là Trù) là một loại vải lụa mỏng, mịn mặt, còn Đoạn gần giống như vải satin hiện thời.

Lập hương án trước giường, thờ tượng Phật A Di Đà tiếp dẫn, mặt nhìn vào từ dung, miệng niệm, tâm nhớ, chuyên tinh nhất trí, không đề cập đến chuyện gì khác. Đêm Hai Mươi Bốn, bệnh càng nguy ngập, Tăng chúng đều đến trợ niệm, cư sĩ chánh niệm phân minh, hoặc niệm ra tiếng hoặc thầm niệm theo. Đến ngày Hai Mươi Sáu, tuy chẳng nghe tiếng, miệng vẫn luôn mấp máy. Đến chiều, khí càng suy, người nhà và Tăng chúng càng niệm khẩn thiết. Đến giờ Dậu, chợt qua đời, thoảng có mùi hương lạ. Đại chúng niệm Phật càng mạnh mẽ, hơn hai tiếng sau đỉnh đầu vẫn ấm, đến sáng hôm sau mới dứt tiếng niệm Phật để tắm rửa thay áo tẩn liệm, cất tiếng khóc. Con ông vâng lời dạy không trái nghịch, có thể nói là chân hiếu.

Ôi! Như cư sĩ có thể nói là túc căn sâu dầy, kiến địa cao siêu, ngôn hạnh tương ứng, trong - ngoài như một. Dựa theo mấy năm tu trì ấy và tín nguyện bình sinh, cảnh tượng khi lâm chung, có lẽ là Trung Phẩm Thượng Sanh đó chăng? Bởi lẽ ông hiếu dưỡng cha mẹ, làm điều nhân từ thế gian, đầy đủ tín nguyện thật sự, nhiếp tâm tịnh niệm. Một khi được vãng sanh ắt đạt địa vị Bất Thoái, chứng Vô Sanh Nhẫn, tu tập dần dần cho đến viên mãn Bồ Đề mới thôi, há còn tiếc nuối chi? Ở đây, tôi ghi lại tóm tắt những gì học trò ông là Hạng Bản Nguyên, con ông là Tấn, và học trò của tôi là Thôi Ích Vinh đã thuật, để sau này tập hợp thành Vãng Sanh Truyện và Ẩn Sĩ Sự Tích, nên mới có bài này.

37. Bài ký về chuyện thoát nạn của cư sĩ Trầm Dực Tiên

Phật xem hết thảy chúng sanh giống như con một, thương yêu không thiên vị, thường muốn độ thoát. Do hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật, nên dù là kẻ Nhất Xiển Đề hoàn toàn chẳng có tín tâm cũng không có một tâm niệm vứt bỏ. Nếu cơ duyên đã đến bèn tự có thể sanh lòng tin tưởng quy y, y giáo tu trì cho đến khi đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Mười phương Như Lai nghĩ thương chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, mẹ tuy có nhớ cũng không làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ con thì mẹ con đời này qua kiếp khác chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Như người nhiễm hương thân có mùi thơm"*. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh bị các khổ não, nghe đến [danh hiệu] Quán Thế Âm Bồ Tát liền nhất tâm xưng danh thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền ngay lập tức xem xét âm thanh ấy, [khiến cho họ] đều được giải thoát"*. Lại nói: *"Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này trong chỗ kinh sợ nạn gấp thường ban cho sự không sợ hãi, cho nên thế giới Sa Bà này đều gọi Ngài là bậc Thí Vô Úy"*. Ấy là vì tâm chúng sanh và tâm Phật, Bồ Tát xét về Thể hoàn toàn không khác, nhưng vì chúng sanh mê muội, trái giác hiệp trần, đến nỗi đây - kia bị ngăn cách, chẳng được che chở. Nếu có thể trái trần hiệp giác, nhất tâm xưng danh sẽ tự nhiên cảm ứng đạo giao, được các Ngài rủ lòng từ gia bị, dù gặp hiểm nạn cũng được

không lo lắng. Cư sĩ Trầm Dực Tiên ở An Huy, trước kia không biết Phật, mùa Xuân năm Bính Dần, xứ Kim Lăng mở pháp hội Kim Quang Minh, bèn dự hội tùy hỷ, đọc kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương[74], nhận thấy nghĩa lý tinh diệu, bèn nguyện thường thọ trì. Nhân đó, thỉnh một bộ, mỗi ngày tụng một quyển, mười ngày hết một bộ, đã hết bộ thì lại tụng từ đầu. Mùa Hạ gia nhập quân đội ở đất Cám, việc quân bề bộn chẳng thể tụng kinh, chỉ thầm niệm thánh hiệu A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát mà thôi. Tháng Tám mặt trận ở đất Cám tan vỡ, toàn quân chết sạch, chỉ mình ông ta được toàn thân mạng, mới biết Phật từ rộng lớn, cảm ứng không sai. Hiềm rằng bao nhiêu chúng sanh chẳng

---

[74] Kim Quang Minh kinh (Suvarnaprabhāsottama Sūtra) cùng với kinh Pháp Hoa, kinh Nhân Vương Hộ Quốc được coi là ba bộ kinh trấn giữ đất nước. Tụng kinh này sẽ được Tứ Thiên Vương hộ vệ quốc gia. Phẩm trọng yếu nhất của kinh này là phẩm Thọ Lượng. Trong phẩm này, Tín Tướng Bồ Tát nghi tại sao thọ mạng của Phật ngắn ngủi, chỉ có tám mươi năm, khi ấy, bốn phương Phật liền hiện thân nói tướng thọ mạng dài lâu của Phật. Phẩm trọng yếu thứ hai là phẩm Sám Hối, tán thán giáo pháp Kim Quang Minh và công đức của pháp sám hối Kim Quang Minh. Chú Thiện Thiên Nữ (Shri Devi) trong Thập Chú thuộc thời công phu buổi sáng trích từ kinh này. Kinh này gồm có năm bản dịch:

1. Kim Quang Minh, bốn quyển do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào thời Bắc Ngụy.
2. Kim Quang Minh Đế Vương Kinh, bảy quyển, do ngài Chân Đế dịch vào đời Trần.
3. Kim Quang Minh Cánh Quảng Đại Biện Tài Đà La Ni kinh, năm quyển, do ngài Da Xá Quật Đa dịch vào thời Bắc Châu (có thuyết nói do ngài Xà Na Quật Đa dịch)
4. Hiệp Bộ Kim Quang Minh Vương, tám quyển, do ngài Bảo Quý dịch và kết tập vào đời Tùy.
5. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương kinh 10 quyển, do ngài Nghĩa Tịch dịch vào đời Đường.

Hai bản số 2 và 3 nay đã thất truyền, chỉ còn lại một phần. Bản của ngài Đàm Vô Sấm phổ biến nhất, kế đó là bản Kim Quang Minh Tối Thắng Vương của ngài Nghĩa Tịnh.

những không sanh lòng tin tưởng, trái lại còn hủy báng, đến nỗi vô duyên đại từ, đồng thể đại bi không cách nào tự nhận lãnh được. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa trời, chiếu khắp muôn nước, kẻ đội chậu kia chẳng thấy được tướng ánh sáng, chẳng đáng thương ư? Về sau, đọc được bộ Ấn Quang Văn Sao mới biết pháp môn Tịnh Độ chính là đạo để hết thảy dù phàm hay thánh được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, cậy vào Phật từ lực để vượt ngang ra khỏi tam giới, so với những pháp "thụ xuất" (vượt ra theo chiều dọc) cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân thì khó - dễ khác biệt như trời với vực.

Đầu mùa Đông trở về nhà, dọn riêng một tịnh thất để thờ Phật và thánh tượng Quán Âm, sáng - tối lễ niệm để mong tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, hầu sống làm người ba nghiệp thanh tịnh, chết ngự lên chín phẩm sen báu. Gởi thư cho Quang, xin viết bài ký, nhân đấy, bèn đem nghĩa lý *"Phật, Bồ Tát bình đẳng đại từ đại bi nghĩ thương chúng sanh, và chúng sanh do tin tưởng hay trái nghịch sai khác mà đến nỗi được che chở hay không"* viết tặng cho, mong sao người không có lòng tin liền sanh chánh tín, người đã có lòng tin càng thêm gắng tu trì, chăm chú giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, vâng làm các điều thiện, không làm các điều ác, để sống làm hạng thánh hiền, mất dự vào cõi nước của Như Lai. Nếu ai nấy đều như vậy thì tranh chấp bị tiêu diệt, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thạnh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, may mắn nào hơn? Nguyện

những người thấy nghe đều tin tưởng chắc thật, tận lực thực hành.

38. Bài ký trùng tu [cầu và đình thờ tượng] Quán Âm và sự linh cảm của Quán Âm Bồ Tát ở Đông Quan thuộc Vĩnh Xuân

Quán Âm Bồ Tát thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn, trọn khắp các cõi nhiều như vi trần, tùy loại hiện thân, tầm thanh cứu khổ, độ thoát chúng sanh. Do vậy, mọi chỗ giao lộ, đường trọng yếu đa phần dựng miếu vũ để mong người qua lại trông thấy thánh tượng, sanh tâm cung kính, ngõ hầu đều được che chở. Huyện Vĩnh Xuân ở tỉnh Phước Kiến, xưa kia gọi là Đào Nguyên, núi sông đẹp đẽ, dân tình thuần phác. Cách ấp này mười dặm về phía Đông có một chỗ gọi là Đông Quan, giáp ranh với Nam An của Tuyền Châu, có con suối chảy ngang rộng bao nhiêu đó trượng. Thời Tống, dựng cây cầu bằng đá nhằm thuận tiện cho người đi đường. Nước chảy rất xiết, gặp khi mưa gió to, cầu liền bị nghiêng ngửa, hư hoại, cứ mỗi mười năm hoặc một trăm năm lại phải trùng tu cầu, [những lần sửa chữa được] chép đầy đủ trong huyện chí. Người trong ấp sùng mộ Phật giáo, lập đình chính giữa cầu thờ thánh tượng Quán Thế Âm Bồ Tát để người qua lại cùng gieo thiện căn.

Năm Quang Tự 34 (1908) đời Thanh, nhằm năm Mậu Thân, bị nạn lụt to, cầu hoàn toàn bị hủy diệt. Lúc cầu sắp bị phá hủy nhằm đúng nửa đêm, mưa gió dữ dội, đầu cầu có một người chủ tiệm tên là Trần X… đã ngoài năm mươi tuổi, rất ưa điều lành, tin Phật, đã ngủ

say rồi, chợt nghe có tiếng gõ cửa rất gấp, kêu rất to: "Mau chạy lên cầu thỉnh tượng Bồ Tát ra", liền sực tỉnh. Tiếng gõ cửa càng gấp gáp hơn, liên tiếp gọi "đi mau!" Ông vội vàng mở cửa chẳng thấy ai cả, thấy thế nước cuồn cuộn, cây cầu lắc lư răng rắc, sắp sụp đến nơi. Mưa gió táp vào mặt chẳng quản, cứ chạy ào lên ngôi đình trên cầu bưng tượng Bồ Tát ra. Vừa rời khỏi cầu, nghe tiếng sụp đổ ầm ầm, đoạn chính giữa cầu đã bị sóng gió cuốn mất. Ông ta nói: "Thoạt đầu chẳng biết vì sao lại mạnh mẽ đến vậy, ắt là có thần giúp mới được như vậy! Ôi! Lạ lùng thay!"

Một người trong ấp tên là Lý Nguyên Hiền có cha tên là Kế Như buôn bán ở Tinh Châu (Singapore), cửa nhà khá dư giả, nhiệt tâm làm chuyện công ích, bèn đề xướng quyên mộ trùng tu cầu với các bạn kiều bào ở Tinh Châu. Đến năm Giáp Dần (1914) thời Dân Quốc cầu mới xây xong. Đến năm Bính Thìn (1916) lại bị nạn gió lốc, ngôi đình trên cầu cùng gỗ lót cầu đều bị hủy hoại. Dân trong làng bèn rước Bồ Tát về thờ trong ngôi miếu gần đó; thế đạo rối loạn, suy tàn, chuyện xây cầu không ai nhắc đến nữa. Mẹ ông Nguyên Hiền là Hoàng Thái Phu Nhân đến miếu thắp hương, đi qua chỗ này, vô cùng cảm thương, ý muốn trùng tu. Đêm mộng thấy Bồ Tát hiện thân sắc vàng trang nghiêm rạng rỡ, bảo: "Chỉ có bà mới có thể vì ta dựng lại cây cầu này và thờ phụng ta, hãy làm nhanh hòng để phước lại cho con cháu". Nhìn từ đây, đủ thấy Bồ Tát chỉ luôn tâm niệm lợi ích chúng sanh, vừa thấy được thánh tượng liền gieo thiện căn thành Phật cho tương lai. Vì thế, Ngài đặc biệt dạy sửa chữa cầu cũng như thờ phụng thánh tượng.

Thái Phu Nhân bèn gởi thư khuyên ông Hiền hãy bỏ tiền dựng lại cầu, bèn cử người trong ấp là những ông X…. trông nom. Đến tháng Hai năm Quý Hợi (1923) hoàn tất, nhân sĩ trong vùng soạn hoành phi, đối liễn ca tụng. Lại rước tượng Bồ Tát về thờ trong ngôi đình trên cầu. Do nhân duyên này, hương đèn càng thạnh. Người trông coi khi trước là ông X… gần đây đến Tinh Châu kể lại chuyện linh ứng của Bồ Tát, người trong ấp đều muốn lập bia nơi đình, một là để tỏ rõ dấu tích linh thiêng của Bồ Tát, hai là phát khởi nhiệt tâm cho người đời sau. Do thấy chuyện này có liên quan rất lớn đến thiện căn của người trong ấp nên Nguyên Hiền bèn gởi thư cho Quang xin soạn bi ký. Sách Luận Ngữ có câu: *"Không phải cha như thế sẽ không thể sanh được con như thế"*. Lại nói: *"Muốn biết cha hãy nhìn vào con"*. Cầu này thoạt đầu do ông Kế Như xướng suất trùng tu, tiếp đến do Hoàng Thái Phu Nhân trùng tu. Nguyên Hiền kính nối tiếp chí cha, tận vâng lệnh mẹ, chẳng tiếc khoản tiền lớn lao để mong vui lòng mẹ, lợi lạc người trong ấp. Tâm ấy cố nhiên khế hợp với tâm phổ độ chúng sanh của Bồ Tát. Người đời muốn được Bồ Tát gia bị, cầu được tiêu tai chướng, tăng phước thọ, hãy nên cầu nơi việc dốc sức hành hiếu hữu, lợi nhân lợi vật thì cầu gì mà chẳng được!

VII. TẠP TRƯỚC [75]

1. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 1 (viết thay sư Liễu Thanh)

Đức Đại Giác Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật ta trong trần điểm kiếp trước đã sớm thành Chánh Giác; vì độ chúng sanh nên bao lượt hiện sanh, bao lần hiện diệt. Xét đến lần xuất thế này, nhằm năm Giáp Dần tức năm 26 đời Châu Chiêu Vương[76], giáng sanh nơi Trung Thiên Trúc trong cung Tịnh Phạn Vương[77] nước Ca Tỳ La Vệ. Mẹ Ngài là Ma Gia phu nhân, nhằm ngày mồng Tám tháng Tư vào dạo chơi vườn Lam Tỳ Ni[78], trông thấy cây Vô Ưu[79] nở đầy hoa, dùng tay phải vịn cành

---

[75] Những bài viết không thuộc một thể loại nhất định được gọi chung là "tạp trước".

[76] Châu Chiêu Vương (Cơ Hà) làm vua từ năm 979 trước Công Nguyên đến năm 961 trước Công Nguyên, như vậy năm 26 đời Châu Chiêu Vương là năm 953 trước Công Nguyên. Nhưng Châu Chiêu Vương chỉ làm vua 19 năm, có lẽ nguyên bản sách này bị khắc sai. Theo ngu ý, có lẽ là Châu Mục Vương (960 trước Công Nguyên đến 923 trước Công Nguyên) thì đúng hơn, vì ông này làm vua đến 38 năm.

[77] Tịnh Phạn Vương (Śuddhodana), còn được phiên âm là Thủ Đồ Đà Na, Thâu Đầu Đàn Na, Duyệt Đầu Đàn, dịch nghĩa là Tịnh Phạn, Bạch Tịnh, hay Chân Tịnh. Theo kinh Khởi Thế, quyển 10, vua là con trưởng của Sư Tử Giáp (Simhahanu). Vua thọ 76 tuổi, và cũng được Phật khuyến hóa, nhiệt thành tu tập, đắc Sơ Quả.

[78] Bản tiếng Hán ghi là Tỳ Lam Ni, e rằng bị in sai vì vườn này có tên tiếng phạn Lumbini.

[79] Cây Vô Ưu (Aśoka) còn phiên âm là A Thâu Ca. A Thúc Ca, A Thư Ca, dịch ý nghĩa là Vô Ưu, tên khoa học là Jonesia Asoka Roxb, là một loài cây thuộc họ Đậu, rất phổ biến tại chân núi Himalaya, Tích Lan và bán đảo Mã Lai. Thân cây mọc thẳng, lá kép hình giống lông vũ loài chim, hoa to từ sáu đến 10 cm, có màu đỏ tươi rất bắt mắt. Quả có hình nón, dài hơn 20 cm. Trong văn học Ấn Độ, loại cây này được tượng trưng cho điềm lành.

toan hái, đức Thế Tôn bèn sanh ra đời từ hông phải của mẹ. Phật một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, mắt nhìn bốn phương, đi đủ bảy bước, nói: *"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn"*. Đến năm mười chín tuổi, vào nửa đêm ngày mồng Tám tháng Hai cưỡi ngựa Càn Trắc (Kanthaka), vượt thành bỏ đi, vào thẳng núi sâu tu đạo xuất thế. Lại muốn chỉ rõ ngoại đạo đều chẳng phải là chánh pháp nên Ngài lại đi khắp nơi trong suốt năm năm, tham học với khắp các tiên nhân. Sau đó, ngồi một mình quán tâm, ngày ăn một hạt mè hay một hạt lúa mạch, khổ hạnh sáu năm. Ngày mồng Tám tháng Chạp, đúng lúc sao Mai vừa mọc, ngước mắt nhìn chợt hoát nhiên đại ngộ, than rằng: *"Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh có đủ đức tướng, trí huệ của Như Lai chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí liền được hiện tiền"*.

Phải biết: Đức Thế Tôn xuất gia, tham học, khổ hạnh, ngộ đạo đều nhằm làm gương cho những người tu hành đời sau, chứ không phải trước đó Ngài thật sự chưa ngộ, đến lúc ấy mới ngộ đâu nhé! Chuyện này vào đúng năm Quý Mùi tức năm thứ hai đời Châu Mục Vương (năm 959 trước Công Nguyên). Từ đấy, tùy thuận cơ nghi độ thoát chúng sanh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, Thiên - Viên, Đốn - Tiệm, Đại - Tiểu, Quyền - Thật, quán sát căn cơ ban giáo pháp thích hợp khiến cho [người nghe] được lợi ích. Đến ngày Rằm tháng Hai năm Nhâm Thân tức năm thứ 52 (909 trước Công Nguyên) đời Châu Mục Vương, do hết thảy chúng sanh căn tánh chín muồi

đều đã chứng đạo quả, người căn cơ chưa chín muồi cũng đã tạo được nhân duyên đắc độ, sự nghiệp một đời đã xong, liền thị hiện nhập Niết Bàn, phân Pháp Thân trượng sáu được sanh bởi Định - Huệ thành tám hộc Kim Cang bất hoại xá-lợi, phân bố khắp cõi trời, nhân gian dựng tháp cúng dường, khiến cho khắp mọi chúng sanh đều gieo thiện căn.

Đến năm Vĩnh Bình thứ bảy (64) tức năm Giáp Tý đời Hán Minh Đế, vua mộng thấy người vàng, [phía sau] cổ có viên quang[80], bay đến trước sân điện. Sáng ra hỏi quần thần đó là điềm lành gì? Thái Sử Phó Nghị tâu rằng: *"Tây Vực có vị thần hiệu là Phật, vị bệ hạ mộng thấy chắc là Ngài đó!"* Vua liền sai quan Bác Sĩ Vương Tuân, Trung Lang Tướng Tần Cảnh, Lang Trung Thái Âm v.v… mười tám người đi cầu Phật pháp, đến xứ Nhục Chi[81] gặp hai vị tôn giả Ca Diếp Ma Đằng, Trúc

---

[80] Viên quang: Quang minh tỏa ra quanh đầu Phật có hình tròn nên gọi là "viên quang".

[81] Nhục Chi (Kusana): Tên một quốc gia tồn tại vào đầu thế kỷ thứ ba trước CN đến thế kỷ thứ năm, nằm vào phía Tây Bắc Ấn Độ, thuộc lưu vực sông Hằng. Theo Hán sử, thoạt đầu tộc người Nhục Chi sống ở vùng Đông Bắc Trung Quốc thuộc khu vực Đôn Hoàng, Kỳ Liên sơn. Đầu đời Hán, do tránh nạn Hung Nô xâm lăng họ phải thiên di sang Tây, thôn tính các tộc người Saka, Ô Tôn, Đại Hạ (Bactria), chiếm cứ phía Bắc sông A Mẫu, tự xưng hiệu là Đại Nhục Chi, những người còn ở lại vùng Đôn Hoàng (nay thuộc vùng phụ cận thành phố Tây Ninh) tự xưng là Tiểu Nhục Chi. Vua Đại Nhục Chi đóng đô tại Lam Tử Thành phía Bắc A Phú Hãn (Afghanistan), giao cho năm vương hầu thuộc giống Đại Hạ cai quản vùng đất cũ. Mấy trăm năm sau, Quý Xương hầu là Khưu Tựu Khước (Kujura Kadphises) diệt bốn vương hầu kia, chiếm ngôi vua Đại Nhục Chi, đổi quốc hiệu là Quý Xương (Kushān), lại chinh phục An Tức (Parthia), thôn tính Kabul, tiêu diệt Kế Tân (Dardisthan), chiếm đóng vùng Ngũ Hà (Panjab) của Ấn Độ. Do vậy, sử gọi thời đại này là Quý Xương vương triều, nhưng người Hán vẫn gọi là Đại Nhục Chi. Con của Kujura là Wema Kadphises II lại chiếm lãnh Bắc Thiên Trúc, cử người làm giám quốc xứ Kiện Đà La. Vua Wema đặc biệt chú trọng phát triển giao dịch, giao

Pháp Lan, thỉnh kinh tượng Phật, muốn hóa độ phương này bèn thỉnh [hai ngài] cùng sang [Trung Hoa]. Đến năm [Vĩnh Bình] thứ 10 (67) mới về đến Lạc Dương[82], tạm ngụ tại Hồng Lô Tự[83], sau lập nơi đó thành già-lam[84]. Nhân vì dùng ngựa trắng chở kinh, ở nhờ Hồng Lô Tự, nên bèn đặt tên chùa là Bạch Mã Tự.

---

thương cả với La Mã, cho đúc tiền bằng kim loại. Do giao thương với Tây Phương, ở Quý Xương hình thành nền nghệ thuật Phật giáo chịu ảnh hưởng Hy Lạp, thường gọi là nền mỹ thuật Kiện Đà La (Gandhara). Hậu duệ là vua Ca Nhị Sắc Ca (Kaniska) càng mở rộng lãnh thổ, đóng đô tại Purusapura, bảo hộ Phật giáo, kiến thiết chùa tháp. Vua lại còn nhóm họp năm trăm vị A La Hán tại nước Ca Thấp Di La để soạn bộ Đại Tỳ Bà Sa Luận. Sự cống hiến của vua đối với Phật giáo chỉ kém vua A Dục. Các vị luận sư trứ danh như ngài Long Thọ, Mã Minh đều sống vào thời đại vua Ca Nhị Sắc Ca. Đại Nhục Chi nằm giữa Trung Ấn và Trung Hoa nên đóng vai trò môi giới đặc biệt giữa hai nền văn hóa. Các vị pháp sư đại đức nổi tiếng trong thời kỳ sơ khởi Phật giáo ở Trung Hoa đều là người Đại Nhục Chi như các vị Ca Diếp Ma Đằng, Chi Lâu Ca Sấm, Chi Diệu, Chi Cương Lương Tiếp… Các vị hoằng pháp nổi danh như Chi Lương, Chi Khiêm, Trúc Pháp Hộ, Chi Pháp Độ, Chi Đạo Căn, Chi Thi Luân đều có tổ tiên là người Đại Nhục Chi. Vào giai đoạn Trung Kỳ Phật giáo cũng có những vị pháp sư trứ danh xuất thân từ Đại Nhục Chi như Diệu Âm, Pháp Thắng, Đàm Ma Nan Đề, Phù Đà Bạt Ma, Di Đà Sơn, Đạt Ma Mạt Ma v.v…

[82] Lạc Dương nằm ở phía Tây tỉnh Hà Nam, do nằm phía Nam sông Lạc Thủy nên có tên này.

[83] Hồng Lô Tự vốn là một cơ quan đặc trách lễ tân của triều đình. Cơ quan này có nhiệm vụ tiếp đãi các sứ đoàn ngoại quốc đến kinh đô cũng như hướng dẫn nghi lễ triều đình cho sứ bộ và các quan ở ngoài về kinh chầu vua. Thoạt đầu, Tự chỉ có nghĩa là một cơ quan hành chánh.

[84] Già Lam là gọi tắt của tiếng Phạn Sanghārāma, dịch nghĩa là Chúng Viên, Tăng Viên, Tăng Viện. Nghĩa gốc là nơi rừng hay vườn cây để chúng Tăng ở, về sau dùng để chỉ chung chùa chiền của Tăng chúng. Một ngôi Tăng Già Lam phải có đủ bảy kiến trúc, gọi là Thất Đường Già Lam. Tùy theo tông phái và thời đại mà bảy thứ kiến trúc này hơi khác biệt, nhưng thông thường gồm có: Tháp (để thờ xá-lợi), kim điện (tức chánh điện thờ Phật), giảng đường, lầu chuông, tàng kinh lâu, tăng phòng và trai đường. Chánh điện và tháp luôn xây ở phía Nam. Riêng các tự viện Thiền Tông lại quy định thất đường là Phật điện, pháp đường (tức giảng đường) nằm phía sau Phật điện, Tăng đường (tức Thiền Đường hay còn gọi là Vân Đường, vừa làm chỗ tọa thiền vừa là chỗ

Vua hỏi ngài Ma Đằng: "Đức Đại Giác Thế Tôn vì sao chẳng sanh tại Trung Quốc?" Ngài Ma Đằng đáp: *"Nước Ca Tỳ La Vệ nằm chính giữa đại thiên thế giới, tam thế chư Phật đều sanh nơi đấy, những quốc độ ở chung quanh chừng mấy trăm năm hoặc hơn ngàn năm, thanh giáo[85] sẽ dần dần truyền đến. Cõi này thuộc phương Đông nhưng tự xưng là Trung Quốc vậy!"* Do vua hết sức tôn sùng coi trọng Phật pháp là đạo mới truyền đến nên các đạo sĩ các núi thuộc Ngũ Nhạc[86] mang lòng ganh ghét.

Đến năm Vĩnh Bình 14 (71), nhằm ngày mồng Một tháng Giêng, bàn định việc triều chánh xong, [các đạo sĩ] dâng biểu xin tỷ thí, vua chấp nhận. Đến ngày Rằm ở ngoài cửa Nam chùa Bạch Mã, dựng đài đặt kinh lên, dùng lửa để thử. Các kinh Đạo giáo đều bị cháy tiêu, tượng Phật và kinh thảy đều phóng quang. Ngài Ma Đằng thân vọt lên hư không, hiện các thứ thần biến. Ngay khi ấy, tể quan, nho gia, dân chúng, đạo sĩ, phi tần

---

nghỉ ngơi của Tăng chúng. Nơi này bắt buộc phải thờ tượng Văn Thù Bồ Tát), khố phòng (nhà kho và nhà bếp), sơn môn (cửa tam quan), Tây Tịnh (nhà vệ sinh), Dục Thất (hoặc ôn thất, tức nhà tắm). Trong Tăng Đường, Tây Tịnh và Dục Thất cấm ngặt trò chuyện nên ba đường này được gọi chung là Tam Mặc Đường.

[85] Do cõi Sa Bà dùng âm thanh làm Phật sự, tức là chúng sanh phải nhờ nghe tiếng thuyết pháp mới lãnh hội được giáo pháp nên gọi là "Thanh Giáo".

[86] Ngũ Nhạc gồm Đông Nhạc Thái Sơn (thuộc huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông), Tây Nhạc Hoa Sơn (thuộc huyện Hoa Dương, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây), Trung Nhạc Tung Sơn (thuộc thành phố Đăng Phong, tỉnh Hà Nam), Bắc Nhạc Hằng Sơn (thuộc huyện Hỗn Nguyên, tỉnh Sơn Tây) và Nam Nhạc Hành Sơn (thuộc huyện Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam). Ngũ Nhạc đánh dấu ranh giới Trung Nguyên thời cổ và tương ứng với Ngũ Hành trong quan niệm Dịch Học. Theo truyền thuyết, Bàn Cổ (thủy tổ người Hán) sau khi chết, đầu và tứ chi hóa thành Ngũ Nhạc. Vì thế, Đạo Giáo coi đây là những ngọn núi thiêng, đặc biệt sùng bái sơn thần những núi này.

v.v… hơn một ngàn người xuất gia. Vua liền lập mười ngôi chùa, bảy ngôi chùa dành cho Tăng, ba ngôi dành cho ni. Nhưng khi ấy, Đông và Tây chưa hoàn toàn thông thương, người qua lại còn ít, nên Phật pháp chỉ được lưu truyền ở phương Bắc. Đầu thời Tam Quốc có ngài Khang Tăng Hội mới bắt đầu hoằng hóa ở đất Ngô, đến đời Tấn mới truyền bá khắp toàn quốc, lại truyền khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Tiêm La, An Nam, Diến Điện, Mông Cổ. Phật pháp khởi đầu từ đời Hán, khuếch trương vào đời Tấn, đến đời Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy thì ngày càng hưng thạnh.

Đến đời Đường thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, Tánh, Tướng các pháp không gì chẳng trọn đủ. Vào thời Ngũ Đại, Phật giáo ở phương Bắc hơi suy, phương Nam vẫn còn hưng thạnh. Đến đời Tống thì khí tượng của pháp môn chẳng kém đời Đường. Đời Nguyên, người Mông Cổ vào ải lên ngôi vua, tôn sùng kính trọng Phật pháp chẳng kém những triều đại trước. Các vua đời Minh vẫn rất sùng tín Phật giáo, chỉ có triều Gia Tĩnh (1522-1566, niên hiệu của Minh Thế Tông) là sùng tín Đạo Giáo, hơn bốn mươi năm pháp vận hơi suy. Từ niên hiệu Vạn Lịch (1573-1620, niên hiệu của Minh Thần Tông) trở đi, lại hưng thạnh trở lại. Cho đến đời Thanh, càng hết sức tôn sùng kính trọng. Thế Tổ Chương Hoàng Đế (Thuận Trị) chẳng xét thời cơ, kính tuân theo chế định của Phật, bãi bỏ lệ thí Tăng độ điệp, cho được tùy ý xuất gia. Đương thời, cao nhân như rừng, [lệnh ấy] quả thật có ích. Từ đời Càn Long trở về sau, pháp đạo ngày càng kém, lại thêm giặc tóc dài, giặc Hồi tàn sát Tăng lữ, thiêu hủy chùa chiền, pháp luân gần như ngừng xoay.

Từ đấy, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, bậc gương mẫu ngày càng ít ỏi, những phường kém cỏi, bại hoại, vô lại do chẳng phải thi làm Tăng nên xen lẫn vào Tăng chúng khá nhiều, buôn bán Như Lai, tạo đủ các nghiệp, khiến cho những người thấy biết nông cạn báng bổ đủ đường, đến nỗi có các hành vi sai trái như đuổi Tăng, phá chùa. Tuy do vô tri cho nên làm bừa, nhưng nói chung là vì Tăng giới không có người, hạnh lẫn giải đều khuyết, chẳng thể dùng pháp để cảm hóa người khác mà ra!

Xét từ khi pháp được truyền sang Trung Quốc, vua chúa các đời không ai không sùng phụng. Chỉ có Tam Võ diệt Phật, nhưng rồi Phật pháp lại được hưng thạnh. Ví như mùa Đông thời ngưng đọng kiên cố chính là để thành tựu cho lúc Xuân - Hạ nẩy mầm tăng trưởng. Mặt trời giữa hư không, một tay bưng bít nổi ư? Ngửa mặt nhổ lên trời, bẩn ngược thân mình! Tam Võ là Ngụy Thái Võ [Đế], Châu Võ Đế, Đường Võ Tông, thoạt đầu đều tin Phật pháp, hết sức tu tập. Ngụy Võ Đế tin lời sàm tấu mê hoặc của Thôi Hạo, Châu Võ Đế nghe lời sàm báng của Vệ Nguyên Tung, Đường Võ Đế tin lời vu báng của Lý Đức Dụ và đạo sĩ Triệu Quy Chân. Hủy diệt chưa bao lâu, người chủ trương, kẻ tán trợ đều mắc phải tai ương thật nặng. Ngụy Võ Đế phế giáo xong, chưa đầy năm sáu năm sau, Thôi Hạo bị diệt tộc mà chính vua cũng bị ám sát. Thái tử nối ngôi lại đại hưng Phật giáo. Châu Võ Đế phế giáo xong, Nguyên Tung bị biếm truất, chết đi; chưa tròn năm năm nhà vua thân mắc phải bệnh dữ, khắp thân lở lói, chết chưa được ba năm, Tùy Văn Đế học Thiền lại đại hưng Phật giáo.

Đường Võ Tông phế Phật giáo xong, chưa đầy một năm Quy Chân bị giết, Đức Dụ chết trong khi bỏ trốn, Võ Tông uống kim đan của đạo sĩ, lưng mọc ung nhọt chết tốt. Tuyên Tông lại đại hưng Phật giáo.

Tống Huy Tông lúc đầu cũng rất tin Phật giáo, sau nghe lời yêu vọng của đạo sĩ Lâm Linh Tố, bèn đổi tượng Phật theo hình tượng Đạo Giáo, gọi Phật là Đại Giác Kim Tiên, gọi Tăng là "đức sĩ", bắt mặc áo đạo sĩ, phàm mỗi khi làm pháp sự phải đứng sau các đạo sĩ. Vua xuống chiếu không lâu, kinh thành bị lụt to hệt như hồ, biển. Vua tôi hoảng sợ, vua sai Linh Tố ngăn nước, càng ngăn nước càng dâng, chợt có Tăng Già đại thánh hiện nơi cung cấm, vua đốt hương van xin, ngài Tăng Già chống tích trượng lên mặt thành nước liền cạn ngay; do vậy, vua bèn sắc truyền khôi phục quy chế cũ cho Phật giáo. Chưa đầy sáu bảy năm, cả cha lẫn con bị giặc Kim bắt đi, người Kim phong Huy Tông làm Hôn Đức Hầu, phong cho Khâm Tông làm Trọng Hôn Hầu. Huy Tông lẫn Khâm Tông đều chết ở thành Ngũ Quốc[87].

Phật chính là tam giới đại sư, là cha lành của bốn loài, là bậc thánh của các thánh, là trời của các trời, dạy người bỏ vọng về chân, trái trần hiệp giác, hiểu rõ Hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh sẵn có, cảm ân, báo đức, hộ trì, lưu thông còn chưa xuể, há có thể cậy thế lực một thời để diệt con mắt Huệ của chúng sanh, cắt đứt con đường bằng phẳng của trời người, đào hầm sâu địa ngục để chuốc lấy báo ứng nhãn tiền, bao kiếp trầm luân, để lại tấm gương tầy đình cho đời sau chê

[87] Thành Ngũ Quốc nay thuộc huyện Y Lan, tỉnh Hắc Long Giang.

cười ư? Kinh Thư chép: *"Thuận lý dẫn đến điều lành, trái nghịch thì xấu, đều do ảnh hưởng"*. Nhân quả báo ứng cũng là mẫu mực thánh trong Nho Giáo, nhưng chưa phát huy sâu xa đến cùng cực. Do vậy, đa phần con người ám muội không hiểu rõ. Từ đời Hán đến nay đã hơn một ngàn tám trăm năm, từ thiên tử cho đến thứ dân, người nương theo Phật pháp để minh tâm kiến tánh, liễu sanh thoát tử nhiều như cát sông Hằng. Đến nay nền Dân Quốc được xây dựng, danh nhân các giới đều biết Phật pháp là nguồn cội của đạo thế gian lẫn xuất thế gian nên bảo vệ, hộ trì, tán trợ.

Xứ Quảng Đông chúng ta chính là cuộc đất hoằng pháp thù thắng đã hơn một ngàn năm, một mạch Tào Khê[88] lưu truyền khắp trong nước ngoài nước. Linh Sơn ở Triều Châu là nơi Đại Điên thiền sư (Sư húy là Bảo Thông, người họ Dương ở Triều Châu, tham học với ngài Nam Nhạc Thạch Đầu Hy Thiên thiền sư được đại ngộ, bèn nối pháp ấy trụ tại Linh Sơn ở Triều Châu. Thứ Sử Hàn Thoái Chi lúc đầu không tin Phật, thường viết văn bài xích, đến năm Nguyên Hòa 14 đời Đường Hiến Tông (819) vì can gián nhà vua làm lễ nghênh đón xương Phật nên bị biếm xuống Triều Châu. Do đó, bèn qua lại với Đại Điên, mới sanh lòng tin tưởng đôi chút) đã

[88] Tào Khê là một con sông ở Thiều Châu (nay thuộc phía Đông Nam huyện Khúc Giang, tỉnh Quảng Đông), phát nguyên từ núi Cẩu Nhĩ (tai chó), chảy về Tây hợp lưu cùng sông Tấu Thủy. Do sông chảy qua vùng mộ Tào Hầu nên còn gọi là Tào Hầu Khê. Năm Thiên Giám nguyên niên (502) đời Lương, người Bà-la-môn xứ Thiên Trúc tên là Tam Tạng Trí Dược đến cửa sông Tào Khê, uống nước biết nguồn sông là cuộc đất thù thắng, bèn khuyên người dân trong thôn dựng chùa. Do cuộc đất nơi ấy giống như vùng Bảo Lâm Sơn ở Ấn Độ nên đặt tên chùa là Bảo Lâm. Trí Dược tiên đoán 170 năm sau, sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát khai diễn vô thượng pháp môn tại đây. Đến mùa Xuân năm Nghi Phụng thứ hai (677) đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng xuống tóc, thọ Cụ Túc Giới với ngài Ấn Tông tại đây. Do vậy, Tổ còn được gọi là Tào Khê Cổ Phật hoặc Tào Khê Cao Tổ.

nhiếp phục được bậc Đại Nho báng Phật, là nơi đạo tràng thù thắng nhập Phật pháp.

Đến nay pháp vận tuy suy, đất vẫn còn thù thắng như cũ. Các vị cùng quy y thuộc Tăng giới chúng ta ai nấy hãy nên lấy cổ nhân làm thầy, thấy người hiền mong được bằng, tinh tấn dũng mãnh, tận lực tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu Tông phong chẳng đến nỗi suy bại sát đất, làm nhục pháp môn. Huống chi ngoại hộ đã có người thì nội tu không chướng ngại, há có nên không tự gắng sức để đẩy lùi cơn sóng hung cuồng nghiêng ngửa, nối tiếp huệ mạng sắp bị dứt, hòng báo ân Phật trong muôn một ư?

2. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 2

Ngày hôm nay, Tăng - tục vân tập, hội tốt lành rộng mở. Danh nghĩa, tông chỉ, sự nghiệp, lợi ích rốt cuộc là như thế nào? Xin trình bày đại lược! Nói đến danh nghĩa thì danh (tên gọi) là "Triều Dương Phật giáo phân hội". Về nghĩa thì Phật chính là Giác: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì gọi là Phật, chỉ cho đức giáo chủ Sa Bà Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chứ không phải quá khứ - hiện tại - vị lai mười phương hết thảy chư Phật. Giáo có nghĩa là lời thánh nhân dạy cho người dưới, là pháp để người trên thi hành, người dưới bắt chước theo. Phật thấy bổn giác diệu tánh của hết thảy chúng sanh không khác gì chính Ngài, nhưng do nhân duyên mê nhiễm nên trở thành bất giác, huyễn khởi phiền não Hoặc nghiệp, oan uổng chịu khổ quả sanh tử.

Do vậy, đem cái lý chúng sanh vốn có do chính Ngài đã chứng để thuận theo căn tánh của họ nói đủ mọi cách Thiên - Viên - Đốn - Tiệm, Đại - Tiểu - Quyền - Thật khác biệt, khiến cho họ từ tâm bất giác khởi lên trí Thỉ Giác, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Chân cùng, vọng tận, triệt chứng Bổn Giác. Giáo pháp của cả Đại Tạng đều giảng về nghĩa này; các đệ tử Phật vĩnh viễn lấy đó làm khuôn phép. Đấy chính là nguyên do của Giáo vậy. Hội là tụ (nhóm lại), là hợp lại. Muốn trên cầu Phật đạo, nếu không tụ hợp lục độ vạn hạnh thì không có cách gì hết. Muốn dưới là lợi lạc chúng sanh mà chẳng tụ hợp tam tông tứ giáo[89] sẽ không thể được. Nay hội này tụ hợp các vị đại đức thuộc hai giới Tăng - tục, đồng tâm tận lực duy trì pháp môn, chấn hưng Phật giáo, trên là giúp cho nước nhà, dưới là giáo hóa đồng bào. Nhưng hội này cũng chính là hội tốt lành của đấng Pháp Vương, thuộc về hội pháp thí. Tông chỉ là *"chỉnh*

---

[89] Theo Hoa Nghiêm Tông thì Đại Thừa Phật giáo có thể chia thành ba tông như sau:
1. Pháp Tướng Tông: Chủ trương hết thảy hữu lậu vọng pháp và vô lậu tịnh pháp từ vô thủy đến nay, pháp nào cũng đều có chủng tử trong A Lại Da Thức, do gặp duyên huân tập, đều từ tự tánh khởi lên, chẳng dính dáng đến Chân Như. Do vậy, từ nơi sắc pháp và tâm pháp, lập ra các danh tướng như Ngũ Vị Bách Pháp, Tam Tánh Nhị Vô Ngã, Tứ Trí Tam Thân v.v… Du Già Tông, Duy Thức Tông v.v… thuộc về Pháp Tướng Tông.
2. Phá Tướng Tông: Chủ trương hết thảy các pháp tịnh - nhiễm, phàm - thánh đều không, vốn vô sở hữu, như mộng, như huyễn. Vì thế, các giáo nghĩa như Bát Bất Trung Đạo, Tứ Cú Bách Phi v.v… phá hết thảy các pháp tướng. Tam Luận Tông thuộc về Phá Tướng Tông.
3. Pháp Tánh Tông: Chủ trương y Chân khởi vọng, Chân Như bất biến, chẳng ngại tùy duyên. Như nói Pháp Thân lưu chuyển ngũ đạo, Như Lai Tạng thọ khổ lạc v.v… hễ ngộ vọng chính là chân thì chân - vọng bất nhị. Tâm hết thảy chúng sanh chẳng do đoạn Hoặc mà được thanh tịnh, nó vốn sẵn thanh tịnh. Đấy chính là pháp tánh của tâm hết thảy chúng sanh. Thiên Thai Tông, Hoa Nghiêm Tông thuộc về Pháp Tánh Tông. Tứ giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên.

lý pháp môn, bảo vệ tài sản của Tăng, khiến cho Tăng lẫn tục đều thấu hiểu trung hậu, khoan thứ, từ bi, vĩnh viễn hưởng hạnh phúc cộng hòa”. Sự nghiệp là giáo dục những Tăng sĩ còn nhỏ học tập kinh điển, cổ vũ, khuyến khích họ tiến lên, dốc sức tu Tịnh nghiệp. Nếu là tại gia cư sĩ thì chú trọng mong cho họ chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương. Lợi ích là giữ gìn giới cấm của Phật, tự hành, dạy người thì phong tục tốt đẹp, con người thuận hòa, y giáo tu quán, đoạn Hoặc chứng Chân để siêu phàm nhập thánh.

Thầy thuốc trị bệnh hễ bệnh hòa hoãn thì vun bồi cái gốc, hễ bệnh cấp bách thì trị cái ngọn. Ngoại giới xâm đoạt chính là cái bệnh nơi đằng ngọn của pháp môn. Do đây là căn bệnh cấp bách nên lấy chuyện bảo vệ tài sản của Tăng làm đầu. Nếu luận về đạo “gốc chánh nguồn trong” thì những người cùng một sắc áo với tôi nếu ai nấy đều tận lực giữ trọn thanh quy, dốc lòng tu Tịnh nghiệp, nếu thân mình tự lập được đạo hạnh thì đức sẽ cảm hóa đồng nhân, những kẻ thường mưu tính xâm đoạt, bài xích sẽ đâm ra cung kính, cúng dường còn không kịp, cần gì phải bảo vệ nữa? Nếu hội Phật giáo dù có lập mà hạnh vẫn y như cũ thì người lành sẽ chán ghét, kẻ ác ắt sẽ có chứng cớ cho [lời gièm báng] “Phật giáo vô ích”, càng thêm xâm đoạt, bài xích; dù có muốn bảo vệ cũng không cách gì thi thố được! Câu nói của Mạnh Tử: *“Phàm con người phải tự khinh thì sau đó người khác mới khinh mình được, nhà phải tự hủy rồi sau người ta mới hủy được, nước phải tự diệt rồi người ta mới diệt được”*, chính là nói đến ý này vậy. Phàm những ai cùng một sắc áo với tôi, xin hãy gắng

sức, nội hộ đắc pháp thì những khinh dễ bên ngoài sẽ tự tiêu.

3. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 3

Chư Phật, Bồ Tát bình đẳng tạo lợi ích cho các chúng sanh chẳng hề thiên vị, như trời che khắp, như đất chở trọn, như nhật - nguyệt chiếu khắp, như mưa lành thấm trọn, hoàn toàn không có tâm phân biệt yêu - ghét. Nhưng vì chúng sanh hướng về hay trái nghịch sai khác cho nên bị tổn thất hay được lợi ích khác biệt như trời với đất. Ví như con người sống trong vòng trời đất, do không giữ gìn sức khỏe hoặc do rét dữ, nắng gắt thành bệnh, hoặc do sa hầm xảy hố đến nỗi mất mạng, chỉ nên quy lỗi về chính mình, há có nên oán trời trách đất? Lại như mặt trời, mặt trăng giữa hư không, người mù tuy chẳng thấy được ánh sáng cũng vẫn được chiếu soi. Mưa đúng thời bình đẳng tuôn xuống, dẫu cây cỏ nhỏ khó thể mọc chọc trời cũng vẫn được tăng trưởng. Chiếu sáng và thấm ướt hệt như nhau, nhưng mỗi loài được lợi ích khác biệt là vì mắt hư, rễ nhỏ mà ra. Những chuyện chẳng thể nghĩ bàn do thệ nguyện từ bi đem công đức của chính mình hồi hướng cho chúng sanh, ngầm un đúc, gia bị, và hiện thân trong sáu đường hòa quang đồng sự tạo đủ mọi phương tiện lợi ích chúng sanh, nếu không triệt chứng bản tâm, đọc hết Đại Tạng làm sao thấy trọn biết hết cho được?

Nay tôi dùng một chuyện dễ thấy rõ ràng để luận, những ai có trí sẽ do một hiểu được nhiều, cảm nhận

sâu xa ân Phật, buồn cho mình được nghe pháp tu trì quá muộn. Đang lúc này đây là lúc đã cách thời Nghiêu - Thuấn - Vũ - Thang - Văn - Võ ba bốn ngàn năm, thế đạo nhân tâm kém xa chẳng bằng thời cổ, nhưng do biết lục đạo luân hồi theo nghiệp thăng trầm, qua lại thiên đường - địa ngục, chuyển biến trong nhân gian - súc sanh, nên dù là kẻ cùng hung cực ác ương ngạnh khó giáo hóa, hoàn toàn không có tín tâm thì tâm họ cũng vẫn bị pháp này chiết phục. Dẫu coi rẻ mạng người nhưng trong tâm vẫn ngầm ẩn bóng dáng kiêng nhân sợ quả, nên chẳng đến nỗi mười phần bạo ác. Như các chư hầu thời Liệt Quốc, đem những thần thiếp yêu thương và bá tánh giết đi để tuẫn táng, giết cả mấy chục, mấy trăm người chẳng cho là sai trái, ngược lại còn cho đó là vinh, chẳng phải là [họ nghĩ] do đây mà được trội hơn người khác ư? Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô chẳng biết mấy trăm năm, nhưng cái thói giết người tuẫn táng khắp cả thiên hạ, dù Lão, Trang, Khổng, Mạnh cùng ra đời cũng chẳng thể cứu vãn được phong tục đồi bại ấy! Từ sau khi Phật pháp truyền sang Đông, lý *"sanh tử luân hồi nhân quả báo ứng"* rạng ngời trong đời, đừng nói chi chư hầu, ngay đến kẻ quay mặt về Nam xưng Trẫm cũng chẳng dám làm. Nếu có làm thì cũng trọn chẳng dám cho là càng giết nhiều càng vinh.

Nếu không có pháp này, chỉ dùng thuyết *"chánh tâm thành ý"* để dạy con người dấy lòng trung thứ khoan hậu khăng khăng nghĩ con người như ruột thịt, như chính bản thân mình hòng chấm dứt tục tuẫn táng để toàn dân được sống sót thì tôi sợ rằng có khuyên

cũng uổng công, thói ấy càng được thạnh hành hơn! Huống gì sau này Nho gia chỉ biết đường lối cai trị, hoàn toàn chẳng biết đến tự tâm, muốn bài trừ Phật pháp, cưỡng lập môn đình, đều bảo rằng "chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, không có đời sau". Nếu không có lý *"sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng"* của đức Như Lai thấm vào lòng người thì trong đời sau nhân dân giữ được cái mạng một cách chánh đáng, chết yên lành sẽ hiếm hoi lắm! Đấy chính là pháp thiển cận nhất trong Phật pháp mà còn thắng được tàn bạo, trừ khử được giết chóc, huống chi những pháp lớn lao sâu xa viên đốn tột bậc ư? Thế trí phàm tình làm sao suy lường sự lợi ích của pháp ấy trong muôn một cho được!

4. Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương – bài 4

Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Bản thể tâm tánh bình đẳng như một, không hai, không khác, nhưng khổ - vui, thọ dụng cách biệt như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà ra! Lý ấy rất sâu chẳng dễ tuyên nói. Muốn chẳng tốn lời nên bèn dùng thí dụ để giảng. Chư Phật tu đức đến cùng cực, triệt chứng Tánh Đức, ví như tấm gương báu tròn lớn thể chất là đồng, biết nó có quang minh, hằng ngày chuyên chú chùi, mài, đổ công chẳng ngừng thì khi bụi hết, ánh sáng sẽ hiện, dựng trên đài cao, hễ có hình ắt có bóng: Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi nơi đầu sợi lông, sâm la vạn tượng đều hiện rành rành. Trong lúc vạn tượng cùng hiện ấy, gương

vẫn trống rỗng, thông suốt, trọn chẳng có một vật gì. Tâm chư Phật cũng giống như thế: Đoạn hết phiền não Hoặc nghiệp, đức tướng trí huệ sẽ phơi bày trọn vẹn, đến tận cùng đời vị lai an trụ trong Tịch Quang, thường hưởng pháp lạc, độ chín giới thoát lìa sanh tử, cùng chứng Niết Bàn.

Chúng sanh hoàn toàn mê Tánh Đức, không có mảy may Tu Đức, ví như gương báu phủ bụi, chẳng những không có mảy may quang minh nào, mà ngay cả chất đồng cũng bị phủ lấp chẳng còn hiện ra. Tâm chúng sanh cũng giống như thế. Nếu biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng ấy sẵn có quang minh chiếu trời soi đất, từ đấy chẳng chịu buông bỏ, ngày ngày chăm chú lau chùi, mài giũa. Thoạt đầu hơi lộ chất đồng, tiếp đó dần dần tỏa quang minh. Nếu vẫn cực lực mài sạch thì một mai hết sạch trần cấu, tự nhiên gặp hình bèn hiện bóng, chiếu trời soi đất. Nhưng quang minh ấy gương vốn sẵn có, chẳng phải đến từ bên ngoài, chẳng phải do mài mà được; nhưng không mài thì cũng không có cách nào đạt được! Chúng sanh trái trần hiệp giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế. Dần dần đoạn Phiền Hoặc, dần dần tăng trưởng trí huệ. Đến khi nào công hạnh viên mãn sẽ đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không thể đạt được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo, hoàn toàn chẳng khác gì với mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Tuy vậy chỉ là khôi phục cái sẵn có, hoàn toàn chẳng có gì là mới đạt được!

Nếu chỉ ỷ vào Tánh Đức, chẳng khởi Tu Đức thì đến hết đời vị lai sẽ thường chịu nỗi khổ sanh tử luân

hồi, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc hoàn lại cái nguồn. Bọn ta đã là Phật tử thì phải hành Phật hạnh, tuy chưa thể phá rỗng toang vô minh, nhanh chóng khôi phục tánh thể để tiến thẳng vào diệu giác quả hải, nhưng lẽ nào chẳng thể phát trọn ba tâm, dốc lòng tu Tịnh nghiệp để cầu đoạn phiền hoặc nơi thân này, gởi tâm thức nơi Liên Bang, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn lành của Đại Sĩ, an trụ tịch diệt, vẫy vùng trong cõi Phật, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh ư? Nếu chẳng tự gắng công, cứ đề cao thánh cảnh nhưng vẫn cam phận phàm ngu, chỉ e nửa đời tu trì siêng năng, nhọc nhằn, vẫn cam chịu bao kiếp trầm luân khổ sở! Mê muội [tưởng lầm] hạt châu nơi chéo áo chẳng quý, lên núi báu trở về tay không, dùng tánh Chân Như mầu nhiệm vô lượng công đức, trí huệ, thần thông, tướng hảo để oan uổng gánh chịu vô lượng nỗi khổ cùng cực phiền não sanh tử luân hồi huyễn vọng, há chẳng phải là mất trí cuồng tâm, ghét thăng, thích đọa, sống làm thây đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây ư? Tam thế chư Phật gọi [người như vậy] là "kẻ đáng thương xót"! Phàm những ai đồng hàng với tôi xin hãy nỗ lực.

5. Nói về chuyện bột ngọt có thể vãn hồi kiếp vận

Đối với con người ăn uống có quan hệ rất lớn. Được ăn thì sống, không ăn thì chết, nên mới nói: *"Thực vi dân thiên"*(Đối với dân, cái ăn giống như trời vậy). Nhưng trời đất đã vì con người sanh ra đủ loại hạt, đủ loại rau, đủ loại quả; những thứ để nuôi sống con người cũng rất nhiều. Chỉ vì miệng bụng mà bắt lấy những

loài vật sống dưới nước, trên cạn, trên hư không giết ăn nhằm sướng miệng một lúc, hoàn toàn chẳng đoái hoài chúng nó và bọn ta cùng bẩm thọ tánh linh minh, cùng mang cái thân máu thịt, cùng biết đau đớn, khổ - sướng, cùng biết tham sống sợ chết; nhưng do sức chúng cự không lại nên mới bị ta giết ăn. Lẽ nào chúng chẳng ôm oán kết hận mong báo thù trong đời vị lai ư? Thử nghĩ đi, há chẳng kinh sợ ư? Nỡ vì sướng miệng một chốc để rồi trong đời tương lai phải bị chúng nó giết chóc ư? Nguyện Vân thiền sư nói:

Thiên bách niên lai oản lý canh,
Oán thâm tự hải, hận nan bình,
Dục tri thế thượng đao binh kiếp,
Đản thính đồ môn dạ bán thanh
(Trăm ngàn năm qua trong bát canh,
Oán sâu tựa biển, hận khôn bình,
Muốn biết đao binh trong cõi thế,
Lắng nghe lò mổ giữa đêm thanh).

Nghĩ kỹ lời ấy ắt sẽ ngộ. Hiềm rằng người đời quen thói ăn thịt, khuyên họ ăn chay, dù có tâm trắc ẩn cũng khó nghe theo, bởi lẽ không có mùi vị gì để giúp cho món ăn cả! Gần đây có nhà hóa học nổi tiếng là ông Ngô Uẩn Sơ, có tâm lo cho đời, muốn vãn hồi sát kiếp nên đặc biệt chuyên nghiên cứu tỉ mỉ mùi vị thức ăn. Ông ta dùng chất cám lúa mạch ngâm ra thành mì căn, đem ủ nhiều ngày, chế thành bột nêm, bột ngọt dùng để tạo vị cho thức ăn. Ý tưởng này cũng rất tốt lành. Loại sản phẩm này tánh chất thuần hậu, hoàn toàn không

phải là đồ mặn. Xin những người ăn chay hãy tùy tiện dùng.

Khi Quang mới nghe nói cũng chẳng dám tin. Một bữa, vợ chồng ông Lâm Địch Am cùng đến quy y, nhân đó kể cùng họ kết quả thảm thương của việc ăn thịt, thiên tai nhân họa đa phần là do sát sanh ăn thịt mà ra. Hiềm rằng người đời do miệng lưỡi quá lệ thuộc vào mùi vị, nên khó tiêu diệt được cội gốc vậy. Ông ta bèn nói: "Bột ngọt, bột nêm của ông Ngô chế ra rất ngon lành. Nếu bỏ một chút vào trong thức ăn thì thức ăn dở tệ cũng thành ra ngon lành". Do vậy, tôi bèn nhờ cư sĩ Quang Hài Giang Vị Nông và hai ba người bạn cùng đến xưởng đó, xem xét cách thức chế biến, bội phục sâu xa một phen khổ tâm của ông Ngô. Bởi lẽ thứ sản phẩm này một khi được lưu hành không những cứu giúp, che chở sanh mạng loài vật mà còn cởi gỡ oán kết cho đồng nhân, khiến cho con người cùng hết thảy các loài vật đều được chung sống trong vòng trời đất đến hết tuổi trời; lợi ích ấy lớn lao thay!

Mạnh Tử nói: *"Người làm mũi tên há chẳng nhân từ bằng người chế tạo áo giáp ư? Người chế tên chỉ sợ không làm tổn thương được người, người chế tạo áo giáp chỉ sợ người bị thương. Đồng cốt và người thợ làm quan tài cũng giống như thế, cho nên chọn lựa nghề nghiệp chẳng thể không cẩn thận"*[90]. Trộm nghĩ: Sản

---

[90] Nguyên văn: *"Thỉ nhân khởi bất nhân vu hàm nhân tai? Thỉ nhân duy khủng bất thương nhân, hàm nhân duy khủng thương nhân. Vu, tượng diệc nhiên. Cố thuật bất khả bất thận dã!"* Chúng tôi dịch theo cách diễn giải nơi trang 440, thiên Công Tôn Sửu, sách Mạnh Tử của bộ Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích. Nói người đồng cốt và thợ làm quan tài cũng giống như thế là vì

phẩm này của ông Ngô, xét về tài nghệ đã đạt đến mức khéo léo, tuy ông ta lưu hành món này trong đời để kiếm lời nhưng thật ra cũng mang lòng lợi người, lợi vật, có lợi ích sâu xa cho việc cứu nước, cứu dân. Công ấy lớn lao thay! Từ Thọ Thâm[91] thiền sư nói:

Ẩm thực vu nhân nhật nguyệt trường,
Tinh thô tùy phận tắc cơ thương,
Hạ hầu tam thốn thành hà vật?
Bất dụng tương tâm tế giảo lượng!
(Tạm dịch:
Đời người ăn uống bao phen
Dở ngon tùy phận khỏi cơn đói lòng
Nuốt qua cổ họng là xong,
Tính toan tỉ mỉ nhọc lòng làm chi?)

Huống chi lại có sản phẩm vật này phụ trợ thì hết thảy mọi người hãy đều nên ăn chay để giữ cho thân mình đời đời kiếp kiếp chẳng gặp sát kiếp, bậc minh triết quân tử ắt chẳng cho lời Quang là hủ bại vậy!

đồng cốt chỉ mong cầu cúng cho người ta khỏi chết, thợ đóng quan tài chỉ mong người ta chết cho nhiều, không thể nói đồng cốt nhân từ hơn thợ làm áo quan!

[91] Từ Thọ Hoài Thâm (1077-1132), là một cao tăng đời Tống, quê ở Lục An, phủ Thọ Xuân, tỉnh An Huy, xuất gia năm 14 tuổi. Vào đầu niên hiệu Sùng Ninh (1102-1106), Sư yết kiến Trường Lô Sùng Tín thiền sư ở chùa Tư Thánh tại Gia Hòa (thuộc huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang), đắc pháp, nối nghiệp Ngài. Sư còn để lại bộ Từ Thọ Thâm Hòa Thượng Quảng Lục (4 quyển), tác phẩm này đã được đưa vào tập 73 của Vạn Tục Tạng Kinh.

6. Nói về chuyện ông Nhạc Bộ Vân vì cha mẹ lập Phật đường

Một niệm tâm tánh của chúng sanh chẳng khác gì với Phật. Do mê trái nên chẳng thọ dụng được, đâm ra dùng sức công đức Phật tánh ấy để khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi luân hồi tam đồ lục đạo, trọn chẳng lúc nào xong. Chẳng đáng buồn ư? A Di Đà Phật trong kiếp xưa đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, có một nguyện như thế này:

"Nếu có chúng sanh xưng danh hiệu ta, cầu sanh về nước ta, dù chỉ mười niệm, nếu chẳng được sanh thì chẳng giữ lấy Chánh Giác". Do vậy, biết Phật nghĩ đến chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu như chúng sanh sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương như con nhớ mẹ, thì tự nhiên khế hợp tâm Phật, cảm ứng đạo giao, trong đời này được Phật gia bị, nghiệp chướng tiêu diệt, các duyên thuận lợi, lâm chung được Phật tiếp dẫn đới nghiệp vãng sanh Cực Lạc thế giới. Từ đấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử; so với những kẻ cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ mãi cho đến khi Hoặc nghiệp hết sạch mới liễu sanh thoát tử thì khó - dễ khác gì trời với vực.

Cư sĩ Nhạc Bộ Vân tín tâm chân thiết, bẩm tánh lại chí hiếu. Cha ông là Vận Sanh, tuổi già mắt lòa. Ông Vân chí tâm niệm Phật, lại khuyên cha niệm Phật, nên hai mắt được sáng lại. Do vậy, cha mẹ đều niệm Phật lâu dài. Lại do công việc bận bịu, chẳng thể thường thăm viếng, hỏi han, ông bèn mời song thân lên tỉnh, thuê nhà để ở cho tiện hầu hạ, đặc biệt lập một Phật

đường để làm chỗ tu trì cho cha mẹ. Chính mình và vợ con đều hầu cha mẹ niệm Phật để mong cha mẹ được vui lòng, cũng có thể nói là khéo thờ cha mẹ, khuyên dụ cha mẹ vào đạo vậy. Kinh Thi có câu: *"Hiếu tử chẳng túng quẫn, vĩnh viễn ban cho ngươi"*, tất nhiên sẽ có người nghe được phong thái ấy bèn khởi tâm làm theo vậy!

7. Phổ khuyến yêu tiếc sanh mạng loài vật và dùng xà-phòng Thanh Minh chế tạo từ dầu thực vật để giảm sát nghiệp

Gần đây, thiên tai nhân họa xảy ra quá nhiều, nhân dân tử vong càng nhiều, càng thảm hơn nữa! Há có phải là đạo trời bất nhân hay chăng? Thật ra chỉ là vì ác nghiệp trong bao kiếp và hiện đời của chúng ta chiêu cảm mà thôi. Chắc chắn không thể nào không có nhân mà lại có quả được; chắc chắn cũng không hề có chuyện làm nghiệp lành lại bị quả ác. Nhưng vì tri kiến phàm phu chẳng hiểu rõ nhân duyên đời trước nên tợ hồ cũng có chuyện không đáng được mà được. Nếu có thể nhìn rộng ra nhiều kiếp, nhiều đời thì mỗi một quả thiện - ác [ta nay] phải gánh chịu đều như tiếng vọng ứng theo tiếng, như bóng theo hình, hoàn toàn chẳng sai lầm.

Nhưng trong các ác nghiệp, chỉ có Sát là nặng nề nhất. Khắp thiên hạ, không ai chẳng tạo nghiệp sát. Dẫu cả đời chưa hề sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt thì tức là hằng ngày sát sanh; do không giết thì chắc chắn không có thịt, bởi lẽ kẻ đồ tể, người săn bắn, kẻ bắt cá đều nhằm để cung cấp cho nhu cầu của người ăn thịt

nên mới giết thay cho họ. Một cửa ải ăn thịt hay ăn chay quả thật là cái gốc của sự thăng - trầm của chúng ta và [là cái gốc khiến] thiên hạ bình yên hay loạn lạc, [mối quan hệ ấy] chẳng nhỏ đâu! Những ai tự biết thương thân và yêu thương nhân dân khắp cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn thì hãy nên kiêng giết, ăn chay, đó chính là diệu pháp bậc nhất để vãn hồi thiên tai nhân họa. Do một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh chẳng khác gì với Phật, mà cũng chẳng khác gì chúng ta, chỉ vì ác nghiệp đời trước mà đọa trong dị loại. Vì thế, hãy nên sanh lòng thương xót lớn lao, há nên mặc tình giết ăn? Chớ như người đời vướng trong tập tục, thường lấy chuyện sát sanh ăn thịt làm vui, chẳng nghĩ những con vật bị giết hại ấy đau đớn oán hận đến mức độ nào! Cậy mạnh hiếp yếu, xem như chuyện đương nhiên, nhưng một khi đao binh dấy lên thì tình cảnh cũng giống như những con vật bị giết. [Bọn giặc cướp] thiêu đốt nhà các ông, gian dâm phụ nữ nhà ông, cướp đoạt tiền tài của các ông, giết thân mạng các ông, mà các ông vẫn chẳng dám thốt lời xấu ác đối với chúng vì sức không chống lại nổi. Loài vật đang sống mà bị giết cũng là vì chúng nó không chống cự lại được. Nếu như chống lại được, ắt chúng sẽ lập tức cắn xé con người mới đành! Sao con người không trong cảnh khổ ấy, hãy thử suy nghĩ lại? Loài vật và ta đều cùng tham sống sợ chết, ta đã sẵn có khí chất đội trời đạp đất, lẽ ra phải nên hỗ trợ quyền sanh thành dưỡng dục, khiến cho chim, thú, cá, rùa đều được sống yên, nỡ nào giết thân mạng chúng để thỏa thích bụng miệng ư? Do sát nghiệp cố kết đến nỗi phát sanh đao binh là tai vạ do con người gây ra, cũng

như những thiên tai lửa nước, hạn hán, lụt lội, đói kém, tật dịch, bão lốc, động đất, biển trào, sông tràn v.v… mỗi thứ liên tiếp giáng xuống.

Ví như người đời tặng quà Tết cho nhau, ta tặng quà đi, người biếu đáp lại, hoàn toàn chẳng có chuyện không tặng gì lại được biếu, hoặc tặng rồi không được biếu lại. Nếu có xảy ra như thế, ắt phải có nhân duyên khác ngăn trở, chứ thật ra chẳng thể vượt ngoài chuyện qua lại đáp đền được! Trời thưởng hay phạt cũng giống như thế, huống chi là con người báo đền! Vì vậy, kinh Thư chép: *"Làm lành trăm điều lành giáng xuống; làm điều bất thiện, trăm điều tai ương giáng xuống"*. Kinh Dịch chép: *"Nhà tích thiện ắt sự vui sướng có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa!"* Đạo trời khéo xoay vần, không gì qua rồi chẳng trở lại. Muốn tránh khỏi quả ác thì trước hết phải đoạn nhân ác, muốn được quả lành thì phải gieo nhân lành trước. Thiên lý, nhân tình hết sức xác đáng như vậy. Do vậy, những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm hiện thời không ai chẳng đề xướng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay niệm Phật để xiển minh sự lý sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng v.v… ngõ hầu nhân dân khắp cõi đời đều được hưởng yên vui, cùng được giải thoát.

Dùng xà-phòng là chuyện phổ biến khắp cả trong nước lẫn ngoài nước, nhưng chất liệu để chế tạo là mỡ bò, mỡ lợn để tăng độ nhờn. Xà-phòng được sử dụng thật rộng rãi thì giết chóc cũng thật nhiều. Gần đây có cư sĩ Châu Văn Minh vốn dùng lòng từ bi của đức Như Lai hành phương tiện giảm giết chóc, đặc biệt phát minh ra loại xà-phòng Thanh Minh làm bằng chất liệu

thực vật. Để tăng tính trơn mịn cho xà-phòng, ông dùng dầu dừa, loại xà-phòng này trừ chất dơ không thua gì loại xà-phòng chế từ mỡ động vật, mà giặt áo, tắm rửa vĩnh viễn chẳng lưu lại mùi tanh tưởi, nhơ uế. Chẳng những người ăn chay niệm Phật nên dùng, mà ngay cả hết thảy mọi người cũng đều nên dùng. Chỉ có ích không bị tổn hại thì ai chẳng nên dùng cơ chứ? Mong rằng khi loại xà-phòng này được phổ biến rồi thì những người làm xà-phòng bằng mỡ động vật đều đổi sang làm xà-phòng từ chất béo thực vật, [tính ra] mỗi năm trong nước lẫn ngoài nước giảm được sự giết hại sanh mạng không chỉ là trăm ngàn vạn ức.

Hiện thời mới bắt đầu tiến hành, ông Châu thấy tôi đề xướng những sự lý "kiêng giết, phóng sanh, nhân quả báo ứng" v.v… để mong cứu vãn thiên tai, nhân họa, nên xin tôi phát huy lòng thành giảm giết chóc này. Do vậy, tôi quên mình tệ kém, bèn trình bày tội lỗi của việc sát sanh ăn thịt và lợi ích trong hiện tại và tương lai của việc dùng xà-phòng chế từ chất béo thực vật này để mong người người kiêng giết, nhà nhà ăn chay hòng vãn hồi ý trời, ắt sẽ thấy mưa thuận gió hòa, thời thế yên bình, được mùa, phong tục tốt đẹp, nhân dân hiền lương, đao binh chẳng khởi, trở lại cõi đời đại đồng hòng vui với thiên chân của chính mình thì may mắn nào hơn? Nếu chẳng vì lão tăng thường nói như vậy mà coi thường thì thiên hạ, quốc gia may mắn lắm thay!

8. Đề nghị biện pháp dự phòng để tiêu tai, bảo vệ sanh mạng

Phàm những gì được dự phòng trước thì sẽ được bền vững, còn những gì chẳng dự phòng sẽ bị hư phế, cho nên bậc thánh hiền thời cổ đều lo bình trị ngay khi chưa loạn, giữ gìn đất nước ngay từ khi còn chưa nguy, khiến cho khắp nhân dân dưới gầm trời cùng hưởng phước thái bình, nhưng gần như chẳng lưu lại dấu tích để [hậu nhân] có thể tán dương, tường thuật cho được. Người sống trong thuở ấy may mắn nào bằng? Mấy lúc gần đây nỗi thảm đao binh kiếp từ xưa tới giờ chưa hề nghe nói đến, lại thêm lụt, hạn, dịch bệnh, sâu rầy, bão lốc, địa chấn, đủ mọi thứ thiên tai, dân bị khổ sở chẳng kham nổi! Lại thêm thổ phỉ nổi dậy tứ bề, cướp bóc, trộm cắp không cách gì đề phòng, chế ngự được, không kêu gào vào đâu được! Người trong nhà lại còn tranh chấp, dấy lên chiến tranh lớn lao, tiếng đại bác như sấm, đạn vãi như mưa. Một khẩu đại bác vừa nổ đã tử vong vô số, huống gì nhiều khẩu đại bác bắn suốt ngày trong nhiều buổi! Lại thêm máy bay thường bay đến, rải dày đặc địa lôi, không cách giết người kỳ lạ nào là chẳng có! Dân chúng, binh lính bị đạn pháo hoặc lôi đạn bắn trúng, tan thân nát xương kể sao cho xiết? Những người dân ở đúng vào chỗ có chiến trường thì nhà cửa đồ đạc hoàn toàn chẳng còn gì nữa! Nếu không bỏ chạy từ trước thì cũng bị cướp bóc, vợ con ly tán, trơ trọi lênh đênh, có kêu trời gào đất cũng chẳng được cứu vớt! Những cuộc đất phụ cận chiến trường và những chỗ binh lính tràn qua, nỗi thảm bị hãm hiếp, cướp bóc chẳng nỡ thấy, nghe! Huống chi trời đã sanh ra dân,

chẳng ban hạnh phúc cho nhân dân, lại khiến cho dân bị họa ương thì thật ra là cái tâm gì vậy?

Phải biết: Đưa đến điều lành hay chuyện dữ xét về lý không sai sót, họa phước vô môn chỉ do con người tự chuốc lấy. Nếu tự mình không gây mối oan nghiệt, chắc chắn chẳng cảm được tai nghiệt từ trời! Đã trồng nhân ấy chắc chắn chẳng thể tránh khỏi được báo ấy. Kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả".* Sợ nhân thì chẳng tạo ác nghiệp, sẽ tự chẳng có ác quả. Sợ quả thì đã phải chịu ác quả bèn lại tạo ác nhân, ngay trong lúc phải chịu ác quả vẫn cứ đây - kia tấn công nhau, báo hại lẫn nhau. Người đời tạo nghiệp, nói chung có ba điều là giết, trộm, dâm. Hai nghiệp trộm và dâm thì kẻ ngoan cố, ngu độn bị tình thế khống chế, còn người hiền bậc trí thì lại bị nghĩa buộc ràng, vẫn chẳng đến nỗi quá quắt. Đối với nghiệp giết thì người khắp cõi đời bất luận trí - ngu, hiền - tệ, thật ít có ai chẳng phạm. Do miệng bụng tham vị ngon nên hoặc dùng trí đánh bắt, hoặc bỏ tiền ra cầu tìm, bắt lấy hết thảy những loài sống trên cạn, dưới nước, bay trên không mà cắt nấu đủ cách để sướng miệng ta, nuôi cái thân ta, cũng như dâng lên cha mẹ cho tận hiếu, cúng bái tổ tiên nhằm tưởng nhớ, tế thần thánh để cầu phước, đãi khách khứa cho thỏa dạ. Phàm những chuyện thuộc quan - hôn - tang - tế không gì chẳng lấy thịt để biện lễ. Nếu không dùng thịt thì tợ hồ khinh miệt lý, trái đức, không còn mặt mũi nhìn người khác, nào nghĩ đến chúng nó cùng một hình hài, cùng một linh tánh, cùng lánh dữ tìm lành, cùng một thói ham sống sợ chết, nỡ nào chỉ vì tâm tưởng tham ăn vọng khởi mà chẳng đoái hoài đến phương diện khẩn

yếu khiến cho những loài vật kia bị nỗi khổ chém, chặt, cắt, nấu để cho thân tâm ta được an lạc, mọi sự đều toại ý ư? Không có gì khác ngoài lý do câu nệ thói đời, tập quen thành phong tục, chẳng suy xét sâu xa mà ra vậy!

Chỉ có đức Như Lai ta thấu suốt sự - lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho nên dạy hết thảy chúng sanh đừng tạo sát nghiệp, vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ quyến thuộc của chúng ta trong quá khứ, đều sẽ thành Phật đạo trong tương lai. Vì vậy, kinh Phạm Võng nói: *"Nếu là Phật tử thì do Từ tâm bèn hành nghiệp phóng sanh, hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Trong đời đời, không một ai chẳng phải là người sanh ra ta; do vậy, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết đi ăn thịt chính là giết cha mẹ vậy!"* Nói *"hết thảy nam tử, hết thảy nữ nhân"* là gộp chung hết thảy chúng sanh trong lục đạo, chứ không phải chỉ nói riêng về con người! Do vậy, tiếp đó, kinh dạy: *"Trong đời đời, không một ai chẳng phải là người sanh ra ta; do vậy, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta"*. Nếu nghĩ như vậy, lo cứu tế còn không xuể, nào dám giết hại! Kinh Nhập Lăng Già dạy: *"Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay, trong sanh tử luân hồi chẳng ngơi, không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc, cho đến bè bạn, người thân ái, kẻ hầu hạ. Qua đời khác phải mang lấy thân chim, thú v.v... sao lại bắt ăn? Bồ Tát quán các chúng sanh giống như chính thân mình, nghĩ thịt đều từ những loài có sanh mạng, cớ sao lại ăn?"*

Như Lai do đại từ bi muốn cho các chúng sanh đều được yên vui, vượt thoát sanh tử, nên đặc biệt nói sẵn

pháp tự cứu, cứu người. Nếu đối với loài vật còn chẳng nỡ giết, mong chúng được sống an ổn, thì chắc chắn chẳng tàn hại nhân dân, khiến họ phải chịu các nỗi khổ sở đến nỗi tử vong! Chớ nói *“con người và súc vật biến lẫn ra nhau, nhân quả tuần hoàn nào ai đích thân thấy được!”* Phải biết Phật pháp răn cấm nói dối, ắt Phật phải tự không nói dối lừa người. Người bậc thượng trong thế gian còn chẳng chịu nói dối để đánh mất phẩm hạnh, huống chi Phật là đại sư của ba cõi, là cha lành của bốn loài, há lẽ nào tự lập pháp rồi lại tự mình phạm pháp ư? Do vậy, biết rằng lời Phật không có mảy may nghĩa nào đáng ngờ, huống chi bộ truyện Xuân Thu và hai mươi hai bộ Sử cõi này chép rất nhiều sự tích thiện - ác báo ứng và sanh tử luân hồi. Tiếc cho người đời đa phần không xem, hoặc dù có xem cũng không chịu suy xét kỹ, đọc loáng thoáng qua đến nỗi cùng bị hãm trong hầm sâu muôn trượng “chẳng biết nhân quả”. Vì vậy, phải chịu quả báo thảm thương đồng phận chiêu cảm này.

Hết thảy nhân dân không ai chẳng muốn an lạc, trường thọ, cửa nhà yên vui, nhưng hằng ngày cứ giết loài vật để ăn, khác nào xông vào hầm lửa tìm sự mát mẻ, uống rượu có chất trầm độc để cầu trường thọ đâu! Cái nhân đã làm tương phản cái quả mong cầu, làm sao đạt được? Năm nay nạn lụt, nạn hạn hán gần như khắp cả toàn quốc, mấy nơi lại trải qua đại chiến, gạo quý như ngọc, dân không lẽ sống! May còn hưởng chút bình yên, nhưng nguyên khí nhất thời khó thể khôi phục, oan hồn còn chưa được yên; do vậy, lệ khí (khí ác, khí hung dữ) kết lại, khó tránh khỏi ôn dịch hoành hành. Bất Huệ

thương xót đồng luân gặp phải thảm kiếp này, nghĩ muốn dứt trừ hậu hoạn, cho nên chẳng nề hà tầm thường, ngu độn, tuân theo sự từ bi cứu tế chúng sanh, đạo "coi đồng nhân như một" của đức Như Lai, trình bày phương pháp dự phòng để tiêu thiên tai dứt nhân họa.

Nếu có thể mở rộng tầm mắt, thấu hiểu việc xương minh tâm "thương dân yêu vật" của thánh hiền xưa nay và đạo *"xem hết thảy chúng sanh như con một"* của đức Như Lai, đều cùng kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, tận lực giữ vẹn luân thường, ai nấy tận hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự hành, dạy người để cầu khắp mọi giới cùng theo phong thái này. Nhân tâm đã xoay lại, ắt trời sẽ tự hòa, sẽ thấy mưa thuận gió hòa, dân giàu, của cải dư dật, từ thiện thạnh hành, can qua vĩnh viễn dứt bặt, lễ nghĩa hưng khởi, cường bạo chẳng dấy. Như vậy thì tuy là người trong đời về sau mà chẳng khác thuở Hy - Hoàng, còn gì vui bằng? Nếu ai nấy đều nương theo tâm lực này để vãn hồi lòng trời thì cũng chưa hẳn là không thể làm được. Vả nữa, chốn chiến trường tử thi phân hủy, đa phần vùi lấp khe ngòi, những xác chết đó bị tôm cá ăn vào, tích chứa oán hận và những chất từ tử thi rữa nát, ắt mang chất độc nặng nề. Nếu con người ăn phải những thứ tôm cá ấy ắt mắc phải tai ương tật dịch. Vì thế, sau mỗi trận đại chiến thường có đại dịch, đều là vì bụng miệng tham cầu mà nên nỗi! Huống chi, những con vật đó đã từng ăn thây người chết, nay con người sao lại nỡ ăn những thứ đó. Nếu ăn thì có khác gì ăn thịt người cho mấy? Bất Huệ đã không có đạo lực, lại chẳng

có tài lực, chỉ cậy vào lời nói xuông để giãi bày tấm lòng ngu thành, cầu xin những vị rủ lòng đọc đến ai nấy đều đem lòng thương mình để thương loài vật, khiến cho loài vật cùng ta đều được an lạc sanh sống trong chốn trời cao đất dầy thì may mắn lắm thay!

9. Bàn về nhân quả là căn bản của thánh giáo Nho và Thích

Nhân quả báo ứng là phương tiện lớn lao để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh của thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian, nhưng thế nhân chẳng suy xét, đối với lời dạy của nhà Phật phần nhiều bài xích đủ cách, hoặc cho là nghĩa lý thiển cận rồi gạt phăng qua một bên, cậy vào Thế Trí Biện Thông của chính mình, chìm đắm dài lâu trong chốn tà kiến nhơ bẩn. Phàm những nghị luận đều chẳng phải là đạo căn bản để sửa mình trị người của thánh hiền, khiến cho điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt, dẫn đến mối tệ tranh giành danh lợi, quyền thế, địa vị, đến nỗi giết người ngập thành, ngập đồng chẳng ngưng. Ôi! Đáng buồn thay! Ngôn luận, sự thực nhân quả báo ứng được thấy rất nhiều trong kinh sử. Trong kinh Thư thì ghi *"thuận lý đưa đến điều lành, trái nghịch dẫn đến điều xấu chỉ vì ảnh hưởng, làm thiện trăm điều lành giáng xuống, làm điều bất thiện trăm tai ương giáng xuống"*. Nói như vậy chỉ là luận trên đời này và con cháu mà thôi.

Còn như ngũ phước, lục cực được nói trong sách Hồng Phạm nếu chẳng suy từ nhân đời trước, cứ quy

hết vào sự cai trị của vua thì hóa ra là chuyện bàn luận vô căn cứ; há nào phải là nguồn cội của cái tâm dạy dỗ muôn đời của vua Vũ và Cơ Tử[92] ư? Ngũ Phước gồm Thọ (sống lâu), Khang (mạnh khỏe), Ninh (bình yên), Du Hiếu Đức (yêu chuộng đức), Khảo Mạng Chung (chết tốt lành); và Lục Cực gồm Hung (xui xẻo), Đoản (chết sớm), Chiết (gian nan trắc trở), Tật (bệnh hoạn), Ưu (lo buồn), Ác (xấu xí), Nhược (yếu ớt), há có phải là do vua dùng quyền hành tạo ra được như thế hay chăng? Trong ấy, chỉ có giàu và nghèo là còn có thể do con người tạo ra, chứ những thứ khác đa phần là do túc nhân chiêu cảm. "Ác" chính là diện mạo xấu ác, chứ không có nghĩa là bạo ác. Nếu giải thích ác là bạo ác thì có nghĩa là vua có thể dùng oai quyền ép người ta phải trở thành bạo ác ư? Khổng Tử khen ngợi kinh Dịch, trong phần Văn Ngôn, viết rằng: *"Nhà tích thiện ắt điều tốt lành có thừa, nhà làm điều bất thiện ắt tai ương có thừa!"* Trong phần Hệ Từ Truyện[93] có câu: *"Xét từ cội nguồn đến chung cục cho nên biết: Nói đến sanh tử thì tinh khí là vật, du hồn là biến chuyển. Do vậy, biết được tình trạng của quỷ thần[94]"*. Đấy chẳng phải là nói về nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi hay sao?

---

[92] Cơ Tử: Tác giả sách Hồng Phạm. Ông này sống vào đời Thương, là chú của vua Trụ, được phong làm quan Thái Sử ở đất Cơ (nay thuộc Thái Cốc, tỉnh Sơn Tây). Từng dâng sớ can gián Trụ Vương, nhưng vua không nghe, lại bắt ông bỏ tù, mãi đến khi Châu Võ Vương diệt Trụ mới được thả khỏi tù. Theo truyền thuyết, về già, ông bỏ sang Triều Tiên sống.

[93] Hệ Từ là phần giải thích ý nghĩa của Quái Từ (Quái Từ là phần luận về ý nghĩa của mỗi quẻ trong kinh Dịch). Hệ Từ Truyện là phần giải thích ý nghĩa của Hệ Từ do Khổng Tử soạn.

[94] Nguyên văn: *"Nguyên thủy yếu chung, cố tri sanh tử nhi thuyết, tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng"*. Theo bài viết Đạo Giáo

Còn như những chuyện thiện - ác báo ứng, sanh tử luân hồi trong Xuân Thu Tả Truyện[95] và hai mươi hai bộ sử nhiều không thể ghi hết, bộ Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục hai quyển chỉ ghi được một phần, hay mười phần trong trăm ngàn mà thôi! Do vậy biết rằng nếu nhà Nho không tin vào sự lý nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi thì chẳng những trái nghịch kinh Phật mà thật ra còn trái nghịch thiên mạng, khinh rẻ lời thánh nhân nữa! Nếu không, sáu kinh sẽ chẳng phải là sách vở của Nho gia; Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu, Khổng và những vị chép sử các đời đều là tội

---

Nghiên Cứu của Cái Kiến Dân, giáo sư thuộc khoa Triết Học viện Văn Học Hạ Môn, thì câu *"nguyên thủy yếu chung"* đúng ra phải viết là *"nguyên thủy phản chung"*, Phản là suy ngược lại, tìm đến tận cội nguồn. Như vậy, *"nguyên thủy yếu chung"* là truy cầu sự vật từ ban đầu cho đến kết thúc. Nói cách khác, *"nguyên thủy yếu chung"* là cách suy luận dựa trên tình trạng nguyên sơ của sự vật và tình trạng lúc chung cục của chúng để quy nạp lại mà phán đoán, nhận định. Theo chương Nội Nghiệp sách Quản Tử thì *"tinh khí"* phải hiểu là "hồn thần". Trịnh Huyền giảng câu *"Tinh khí vi vật, du hồn vi biến"* như sau: *"Tinh khí là thần, du hồn là quỷ".* Tức là: Quỷ thần là hình thái do tinh khí biến hóa ra. Sách Lễ Ký cũng giảng: Thể phách tụ xuống đất thành quỷ, bốc lên không thành thần. Những thứ này có tri giác, hưởng thụ nhân gian cúng tế. Hàn Khang Bạch đời Tấn còn đi xa hơn, chú giải rằng: *"Khí tụ lại hiển hiện thành vật chất là Thần, phân tán, ẩn kín thì gọi là Hồn".* Trang Tử, Liệt Tử cho rằng Tinh Khí phải hiểu là hình hài thể chất, còn du hồn (linh hồn lãng đãng vô định) chính là tinh thần. Tổng hợp những cách giải thích này, ta có thể tạm hiểu như sau: *"Xét từ cội nguồn lẫn chung cục, cho nên biết: Nói đến sanh tử thì tinh khí là thể chất, du hồn biến chuyển. Do vậy, biết được tình trạng của quỷ thần".* Nói cách khác, Khổng Tử thừa nhận con người gồm hai phần: vật chất và linh hồn (nhà Phật gọi là Thức) tồn tại sau khi xác thân đã hư hoại.

[95] Xuân Thu Tả Truyện còn gọi là Tả Thị Xuân Thu, hoặc chỉ gọi gọn là Tả Truyện. Gọi như vậy để phân biệt với kinh Xuân Thu (cũng là sử biên niên nước Lỗ) do Khổng Tử san định. Đây là bộ biên niên sử cổ nhất Trung Hoa do sử quan Tả Khâu Minh (556 trước Công Nguyên – 451 trước Công Nguyên) biên soạn thời Xuân Thu (770-476 trước Công Nguyên), chủ yếu chép về lịch sử nước Lỗ và những sự kiện của các vua nhà Châu và chư hầu.

nhân dối đời lừa dân, có lẽ ấy chăng? Nếu không có nhân quả ba đời thì hóa ra trời ban phát cho con người không công bình, làm thiện uổng công, làm ác được lợi! Chỉ là do đời trước có công hay gây lỗi sai khác nên đời này hưởng thụ khác biệt. Do đó nói: *"Vĩnh viễn hợp với lòng trời, tự cầu nhiều phước*[96]*, họa phước vô môn, chỉ do con người tự chuốc lấy"*. Do vậy, kinh Phật mới dạy: *"Muốn biết cái nhân đời trước thì [hãy nhìn] vào những gì được hưởng trong đời này; muốn biết cái quả của đời sau [hãy nhìn vào] những việc làm trong đời này"*.

Hiểu rõ điều này thì khổ, sướng, hên, xui đều do tội phước của chính mình chiêu cảm, chứ không phải do trời giáng xuống, cũng chẳng phải do ai khác tạo ra. Do vậy, người quân tử chăm tu đức mình, hành xử thuận theo địa vị, trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người. Vì thế, kinh dạy: *"Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả"*. Do sợ nhân nên dùng Giới - Định - Huệ để chế phục cái tâm; khiến cho ý niệm tham - sân - si không do đâu khởi lên được! Khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi, không gì chẳng phải là lục độ vạn hạnh, là đạo lợi người giúp vật, khi tích chứa đến cùng cực, công thuần thục thì phước huệ vẹn cả đôi bề, triệt chứng tự tâm, dùng đó để viên thành Phật đạo. Chúng sanh chẳng biết quả do nhân chiêu cảm, niệm niệm cứ chăm chú phát khởi tham - sân - si, cho nên hành vi không gì chẳng phải là giết - trộm - dâm. Nhưng hai nghiệp dâm - trộm

---

[96] Đây là một câu trích từ kinh Thi: *"Vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước"*. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn Giảng Ký, hòa thượng Tịnh Không giảng như sau: *"Vĩnh là vĩnh hằng, "phối mạng" là hợp với lòng trời"*

thì bậc thượng trí bị nghĩa ràng buộc, kẻ hạ ngu do tình thế ngăn cản nên không đến nỗi quá đáng, chứ sát sanh ăn thịt có thể nói là chuyện đương nhiên. Do vậy, hoặc dùng trí để đánh bắt, hoặc dùng tiền của mong cầu, bắt hết thảy chúng sanh sống trên cạn, dưới nước, trên không, rồi giết chóc, cắt xẻ, nấu nướng cho sướng bụng miệng, nuôi thân thể ta, cũng như dùng để dâng lên cha mẹ, cúng kiếng tổ tông, tế lễ quỷ thần, đãi đằng khách khứa, chỉ cốt sướng mình, chẳng nghĩ đến nỗi khổ của chúng nó. Người khắp cõi đời thảy đều như thế! Sát nghiệp tích tụ lâu ngày sẽ phát sanh tai nạn đao binh, lụt lội, hạn hán, tật dịch v.v… Nghiệp quả đã chín muồi thì không cách nào trốn tránh được, dẫu có sanh lòng sợ hãi cũng chẳng ích gì! Do vậy, đức Như Lai thương các chúng sanh, dạy yêu tiếc tánh mạng loài vật, chớ nên ăn thịt. Lòng thương dân ấy hết sức sâu xa, chứ nào phải chỉ yêu thương loài vật mà thôi ư?

Người cùng quê với tôi là cư sĩ Vương Ấu Nông xưa đã trồng cội đức, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, bẩm tánh liêm khiết, phỏng theo "bốn điều biết" của Dương Chấn[97] để tu trì nghiêm minh, học theo "ba lượt phản tỉnh" của Tăng Tử, bất luận ra làm quan hay ở nhà đều chuyên chú thương dân yêu vật, đau đáu nghĩ nỗi thảm

---

[97] Dương Chấn lúc làm Thái Thú đất Kinh Châu từng đề bạt Tú Tài Vương Mật giữ chức Ấp Lệnh đất Xương. Về sau, khi Dương Chấn có việc đi qua Xương Ấp, Vương Mật chờ nửa đêm mang mười cân vàng đến biếu Dương Chấn để tạ ơn đề bạt. Dương Chấn cự tuyệt. Vương Mật nói: "Đêm khuya thanh vắng, không ai biết chuyện này, xin Ngài hãy yên lòng". Dương Chấn quở: *"Trời biết, đất biết, ta biết, ông biết, sao lại nói là không ai biết, ông hãy đem vàng về đi!"* Dương Chấn cả đời liêm khiết, thanh bạch, nên được xưng tụng bằng mỹ hiệu Quan Tây Phu Tử. Câu nói "trời biết, đất biết, ta biết, ông biết" của Dương Chấn về sau này được gọi bằng từ ngữ *"Dương Chấn tứ tri"*.

đao binh mấy năm gần đây, muốn giải quyết vấn đề từ căn bản, nên cùng vợ ăn chay trường, lại còn cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật, để mong sát nghiệp dứt, thiên hạ thái bình, phong tục nhân hậu được thạnh hành, nhân dân yên vui. Lại muốn cho con cháu đời đời tuân giữ thành quy củ, bèn xin tôi phát huy nghĩa lý cùng tột của nhân quả, khiến cho con cháu có cái để noi theo, cũng có thể gọi là *"người biết được cái gốc"* vậy! Thiên hạ loạn lạc là do gia đình không khéo dạy, khiến cho những đứa có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không thiên tư cam bề ngu độn. Hai loại này đều chẳng phải là phước cho quốc gia xã hội. Do đó biết: Dạy con là cái gốc của bình trị, dạy con gái lại càng thiết yếu nhất, bởi lẽ hiền nữ ngày nay mai kia sẽ là hiền thê, hiền mẫu của người. Con người được hiền mẫu giáo dục, được hiền thê phụ trợ, há có ai chẳng thành hiền nhân ư? Vì thế mới nói: *"Dạy con gái chính là căn bản để thiên hạ thái bình vậy!"*

10. Phổ khuyến kiêng giết ăn chay để vãn hồi kiếp vận

Thế nhân quen thói tàn nhẫn lắm thay! Chuyện gì cũng lấy sát sanh để thành lễ, chẳng biết như vậy là sai! Hết thảy chúng sanh cùng ta sống trong vòng trời đất, đồng có cái thân huyết nhục, đồng bẩm thụ tánh tri giác, cùng biết tìm lành tránh dữ, tham sống sợ chết. Huống chi kinh Phật thường nói: "*Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật, đều trong vô lượng kiếp*

đến nay, đây - kia làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của nhau". Há có nên vì muốn báo ân, báo đức, cầu phước, cầu thọ, hoặc tế lễ thiên địa, thần thánh, và cúng giỗ tổ tông, họ hàng, hoặc phụng dưỡng cha mẹ, hoặc đãi đằng bè bạn, hoặc vì sướng khoái bụng miệng ta, bồi bổ thân thể ta, mà chuyện gì cũng đều giết các sanh mạng để mong bày tỏ tấc lòng thành của ta, thỏa thích tâm ta, chẳng nghĩ đến chúng nó bị các nỗi khổ cùng cực, chẳng đoái nghĩ đại ân thân thuộc đời trước vậy.

Vả nữa, thiên địa lấy hiếu sanh làm đức, Nho gia vâng giữ ý niệm *"cùng là ruột thịt, vật giống hệt như ta"*, sao chẳng sanh tâm trắc ẩn nhân từ yêu vật mà cứ quen thói bạo hành mạnh ăn thịt yếu? Phải yêu thương loài vật thì mới có thể thương dân được, hễ thương dân ắt phải yêu thương loài vật. Nếu đối với dị loại còn chẳng nỡ giết thì chắc chắn chẳng nỡ giết hại người dân là đồng loại của ta. Nếu coi giết hại loài vật là chuyện bình thường, ắt sẽ giết người ngập thành ngập đồng chẳng những không thương xót, ngược lại còn coi đó là sung sướng, khoái trá. Ấy là vì hễ thói giết chóc vừa tăng trưởng thì cái tâm nhân từ bị mất ngay! Còn như tế lễ thiên địa, thánh nhân, há chẳng thể dùng nếp, gạo thơm[98], rau, quả để tỏ lòng thành, cần gì cứ phải sát hại mạng loài vật?

Chúng ta sống trong vòng trời đất, được trời đất che chở thì phải nên tích đức, làm điều nhân để bổ khuyết

---

[98] Nguyên văn là Tắc, tức là một thứ lúa thân dài đến hơn một trượng, là một giống lúa chín sớm nhất, ngày xưa cho là thứ lúa quý nhất trong trăm giống lúa. Ở đây tạm dịch là "gạo thơm".

quyền dưỡng dục của trời đất. Nếu luận về chuyện báo ân, dù có tan xương nát thân cũng khó thể báo đáp được muôn một, há những loại thịt trâu, dê, lợn… tanh tưởi, hôi dơ có thể [dùng để] báo ân được ư? Huống chi Thiên Đế và người cõi trời thanh tịnh, thơm tho, thanh khiết há lẽ nào còn hâm hưởng[99] những mùi vị ô trược, hôi nhơ ấy chăng? Ấy chính là dùng cái tâm tham lam cốt thỏa bụng miệng của chính mình để suy lường tâm trời đất. Lại xem trời đất như những quỷ thần ở trên không, dưới nước thì vu báng, miệt thị, khinh nhờn, ô nhục thiên địa quá đáng! Ngay như hai kỳ tế lễ Xuân - Thu ở thánh miếu văn võ, các tỉnh, phủ, châu, huyện đều giết trâu, dê, lợn v.v… để cúng tế, coi đó là báo ân đáp đức, sùng thánh trọng đạo.

Quang Tự nguyên niên (1875) đời Thanh, tại Văn Miếu thuộc tỉnh thành Thiểm Tây, một ngày trước bữa tế mùa Thu, tôi đến đó lễ yết. Trong điện Đại Thành, những con trâu, dê, lợn v.v… đều bày trên giá, để nguyên con, chỉ mổ bỏ ruột gan mà thôi. Mùi tanh hôi, tình trạng thê thảm gai mắt nhức mũi, chẳng nỡ thấy nghe! Khi ấy, tôi vừa mới theo đòi học vấn, vẫn còn bắt chước Hàn, Âu báng Phật, mà đã khôn ngăn than thở sườn sượt: "Có nên rốt cục biến lòng kính trọng thánh nhân rốt cuộc thành sự khinh nhờn thánh nhân đến mức độ cùng cực như thế này chăng?" Cứ thử bảo những người tế lễ ấy ngủ lại qua đêm trong điện để họ nhìn cho quen mắt, mũi ngửi cho quen mùi, ắt họ sẽ cật lực cự tuyệt chẳng chịu ở! Huống gì là bậc đại thánh nhân

---

[99] Hâm hưởng: Quỷ thần hưởng đồ cúng tế bằng cách ngửi hơi nên gọi là "hâm hưởng".

"Tổ Thuật Nghiêu Thuấn, Hiến Chương Văn Vũ, Vạn Thế Sư Biểu"[100] trăm đời của Nho Gia lại cam lòng hâm hưởng những vật ô uế chẳng thể kham nổi ấy ư?

Lại như ở phía Đông ngoài cửa miếu là chỗ để giết trâu, tôi trông thấy một cái nồi lớn, nước chứa trong ấy ô trược chẳng thể kham nổi vì nó là nước để rửa trâu. Nghĩ đến liền muốn phát ói. Than ôi! Bẩn thỉu đến thế mà dùng làm lễ để kính thánh nhân được ư? Nếp, tẻ không thơm tho, do Minh Đức bèn thành thơm tho, sao không dùng nếp, gạo thơm, rau, quả để tỏ lòng chí thành? Hơn hai ngàn huyện trong thiên hạ, mỗi năm hai lần khinh nhờn Văn Võ nhị thánh[101], khiến cho mấy vạn sanh linh đều lâm vào tử địa, thật là khinh thánh giết vật quá lớn! Sao không có bậc đại nhân tôn kính thánh nhân, yêu tiếc sanh mạng loài vật ra mặt thay đổi vĩnh viễn lệ cũ, lập ra cách thức mới, khiến cho oai linh của hai vị thánh chẳng bị những thứ đó xông sực ô uế, mấy vạn sanh mạng chẳng bị làm thịt để làm thức ăn cho những người tế lễ? Thánh nhân ôm lòng thương dân yêu vật, nào muốn chính mình bị ô uế, khinh miệt, lại còn làm cho mấy vạn sanh linh cùng lâm vào tử địa ư?

Quan Đế lúc còn sống thì tinh trung lòa nhật nguyệt, hạo khí ngút trời đất, phú quý chẳng dâm, nghèo hèn chẳng thay đổi, oai vũ chẳng khuất phục được, mất đi làm thần cai quản núi Ngọc Tuyền. Thời Tùy Văn Đế,

---

[100] Mỹ hiệu tôn xưng Khổng Tử của Nho Gia, ngụ ý: Khổng Tử là bậc vâng giữ, tiếp nối đạo của Nghiêu, Thuấn, phỏng theo, tỏ rõ quy chế, luật pháp của Văn Vương và Võ Vương, xứng đáng là bậc thầy gương mẫu cho muôn đời.
[101] Tức Khổng Tử và Quan Công.

Trí Giả đại sư đến Ngọc Tuyền[102], Quan Đế bèn vận dụng thần lực xây dựng chùa miếu, lại cầu được truyền giới để làm cái gốc cho đạo Bồ Đề, và phát nguyện ủng hộ Phật pháp (xem Quan Đế Toàn Thư và Ngọc Tuyền Tự Chí). Vì thế, các tùng lâm trong thiên hạ đều gọi Ngài là Già Lam Bồ Tát, cùng với Vi Đà Bồ Tát trấn giữ sơn môn. Hơn một ngàn năm qua, hộ quốc, hộ dân, được tôn lên địa vị đế vương, há cam lòng nhận lãnh những con trâu, dê, lợn v.v… còn sống ô uế chẳng kham nổi, cho chúng nó là những thứ ngon lành để hâm hưởng ư? Dẫu là bọn tham ăn hèn tệ cùng cực trong thế gian cũng chẳng đành lòng ngửi những thứ hôi nhơ ấy, mà lại bảo là Quan Đế ưng chịu ư? Sao lại coi hai vị thánh nhân văn võ hèn tệ cùng cực đến như thế ấy? Ô hô, buồn thay! Nếu như có bậc đại nhân hiểu rõ lý lẽ, thực hành lòng kính thật sự dấy lên sửa bỏ thói quen hèn hạ khinh thánh hại vật ấy, tôi sẽ thơm thảo đảnh lễ, chúc tụng khôn ngằn.

Còn như cúng bái tổ tông cố nhiên nên dùng nếp, gạo thơm, rau, quả để tỏ lòng kính, cần gì phải giết chóc hoặc mua từ hàng đồ tể? Cổ nhân cúng tổ tiên còn cầu thóc lúa từ nơi người nhân, nay vì trọn hết lòng thành tưởng nhớ người trước mà khiến cho những loài vật kia đều chịu nỗi thảm bị giết hại cắt xẻ, chẳng những đánh mất lòng nhân trắc ẩn của chính ta mà còn đánh mất sâu xa đạo tôn kính tổ tiên! Lấy giết chóc để tỏ lòng kính, ấy là đại nghịch! Huống chi tổ tông chẳng phải là bậc thánh nhân đã đoạn Hoặc chứng Chân, ắt phải luân hồi trong lục đạo tam đồ, chẳng vì họ làm

[102] Núi Ngọc Tuyền nằm ở phía Đông Nam huyện Đương Dương, tỉnh Hồ Bắc.

phước để họ được siêu thăng thì là đã đánh mất đạo của người đời sau, há có nên mặc tình sát sanh gây nên chuyện "đã té giếng còn bị quăng đá" nữa ư?

Còn như phụng dưỡng cha mẹ, thức ăn rau quả há chẳng đủ vị ngọt bùi mà cần phải ăn thịt, hãm cha mẹ vào cảnh đời đời kiếp kiếp bị giết để đền trả mối nợ oan uổng vì được ta hiếu dưỡng hay chăng? Nếu chẳng biết sự lý tam thế nhân quả, luân hồi lục đạo thì còn dung thứ được. Nay đã hiểu rõ chuyện người và súc sanh tuần hoàn, báo ứng, những chuyện ấy được thấy thấu triệt trong hai mươi bốn bộ sử và các sách vở, mà vẫn cố chấp thói quen hèn tệ chẳng chịu sửa đổi, cứ mong cho chính mình và cha mẹ cùng chịu báo này, kẻ như vậy chẳng phải là mất trí cuồng tâm, đem phê sương, trầm độc dâng cho cha mẹ mà mong được trường thọ, yên vui ư? Đáng buồn thay! (Những sự tích nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo trong sử chép rất nhiều. Muốn biết đại khái thì hãy xem sáu câu vấn đáp về vấn đề "thân diệt, tinh thần vẫn còn" trong ba trang từ bốn mươi ba đến bốn mươi lăm của bộ Dục Hải Hồi Cuồng sẽ biết đại lược. Lại nữa, Phật, Bồ Tát muốn làm cho con người kiêng giết, phóng sanh nên dùng lòng đại từ bi, thị hiện thân trong dị loại, giết rồi mới biết là thánh nhân thị hiện, khiến cho con người chẳng dám giết các loài vật để ăn ngõ hầu đây - kia cùng được giải thoát. Chuyện như vậy rất nhiều, chẳng thể ghi trọn, nên xem trang ba mươi "Vật loại hiện tướng" (hiện thân trong loài vật) trong quyển 1 của bộ Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng sẽ biết đại khái. Nguyện những người xem đến đều sanh chánh tín).

Nói đến chuyện đãi đằng bạn bè, vốn nhằm để thỏa lòng, phô bày tình cảm, sao lại dùng chuyện sát sanh thê thảm để giúp cho bữa tiệc thanh khiết ấy? Loài vật

cùng với ta và bạn ta chẳng hề có nỗi oán giết cha, sao lại xẻ thịt chúng bày thành tiệc để giúp cho khách khứa vui sướng? Cứ thử nghĩ đến tiền nhân hậu quả thì dù có ăn cũng chẳng thể nuốt trôi được! Người đời cưới vợ sanh con vốn để tiếp nối dòng giống, đó là chuyện tốt lành nhất, nếu như ăn thịt thì không còn gì hung hiểm hơn được! Ta muốn cho vợ chồng giai lão, con cháu đầy đàn mà làm cho những con vật kia chịu nỗi bi thương lìa bầy, hoặc bị nỗi thảm dao xẻ; đêm thanh suy nghĩ, yên lòng được chăng? Lại người ta cứ mỗi khi gặp dịp vui như chúc thọ, cưới vợ, sanh con v.v… nếu vô ý nói đến những chữ Chết, Tang v.v… chủ nhân không vui, nếu có chuyện như làm vỡ đồ đạc chẳng hạn liền cho là bất tường. Cớ sao giết các sanh mạng, cắt, chặt, nấu, nướng, cho đến xé ăn, lại ngược ngạo coi là vui, là lễ, là tốt lành, may mắn? Thật ra, ấy là cái tâm gì vậy? Chính là [làm theo] thói quen không suy nghĩ đó thôi!

Nếu nói đến chuyện để tự cung phụng mình thì lại càng không nên giết. Nên nghĩ rằng: Ta sanh trong thế gian có công đức gì đối với nhân dân, có phước trạch gì đối với tổ tông, cha mẹ, nay được nhờ phước ấm của tổ tông, cha mẹ che chở sâu dầy, chẳng cực lực làm lành để tăng thêm phước cho tổ tông, cha mẹ, lại cứ mặc tình sát sanh ăn thịt, chẳng những bất lợi cho mình, mà còn gây liên lụy cho tổ tông, cha mẹ. Huống chi ta bẩm thụ di thể từ cha mẹ, hằng ngày dùng loài vật để bồi bổ, lâu ngày khí chất sẽ biến đổi theo, thật đáng sợ! Nay tôi nêu chứng cứ đại lược ngõ hầu người biết yêu thương chính mình sẽ tận lực dứt bỏ thói tham ăn ngon ấy. Sách Vạn Thiện Tiên Tư chép: *“Đàn bà có thai ăn thịt*

thỏ thì con bị môi sứt, ăn thịt sẻ thì mắt lé, ăn cua thì phần nhiều con bị đẻ ngang, ăn ba ba thì cổ ngắn đầu teo, ăn cá chình, lươn thì phần nhiều khó sanh, ăn thịt ếch thì phần nhiều con bị câm ngọng". Sách Đại Đới Lễ[103] chép: *"Ăn thịt thì dũng cảm nhưng hung hãn, ăn ngũ cốc thì trí huệ, nhưng khéo léo; đều là khí chất bị chuyển biến theo khí chất của từng loài, từng vật vậy"*. Khí chất do cha mẹ để lại cho ta vì ăn thịt mà dần dần bị biến đổi ngấm ngầm thành khí chất của loài vật, đấy là đại bất hiếu. Từng thấy [người ta] chữa trị kẻ cứa cổ nhưng chưa đứt khí quản bằng cách cắt thịt chim hay thịt gà sống đắp vào chỗ bị thương, khi lành rồi chỗ ấy bèn mọc lên lông gà. Tuy đắp ở bên ngoài nhưng chỗ ấy vẫn là thể chất của súc vật. [Như vậy] suốt cả đời ăn thịt để bồi đắp bên trong há chẳng đáng kinh sợ hoảng hốt ư? Như vậy là gìn giữ di thể được bẩm thụ từ cha mẹ đó sao? Huống chi chất thịt đều chứa chất độc, do lúc bị giết hận tâm kết lại cho nên người ăn thịt phần nhiều hay sanh ghẻ chốc, khi ôn dịch lưu hành hay mắc bịnh truyền nhiễm. Người ăn chay thường ít mắc phải

---

[103] Đại Đới Lễ tức là sách Lễ Ký. Nguyên thủy, Lễ Ký là một trong sáu kinh trọng yếu của Nho Gia do Khổng Tử biên tập vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Sau khi Tần Thủy Hoàng đốt sách Nho, chôn học trò, Lễ Ký chỉ còn sót lại 130 thiên, được Lưu Hướng thâu thập. Đới Đức đời Hán đã rút gọn 130 thiên ấy thành 85 thiên, nên người đời sau gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, cháu của ông là Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới Lễ Ký một lần nữa thành 46 thiên, thêm vào các thiên Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành bộ Lễ Ký gồm 49 thiên, với danh xưng Tiểu Đới Lễ Ký. Bộ Lễ Ký được lưu hành hiện thời chính là bộ Tiểu Đới này. Các thiên sách Đại Học, Trung Dung được rút ra từ bộ Lễ Ký, hợp với Luận Ngữ, Mạnh Tử tạo thành Tứ Thư. Tuy mang tên gọi là Lễ Ký, nhưng sách này không chỉ nói đến lễ nghi, chế độ, mà còn bao gồm của những quan điểm nhân nghĩa đạo đức, xử thế thời cổ.

những chứng ấy. Phàm muốn giải thoát oán nghiệp, giữ gìn thân thể thì không thể không biết [chuyện này].

Nếu nói "tam sanh ngũ đỉnh[104], nhờ vào loài vật để tỏ lòng thành; nếu như ông vừa nói thì pháp do cổ thánh hiền đã lập đều sai trái hết hay sao?" Đáp: Thánh hiền thuận theo thói tục mà lập pháp, lúc đầu chẳng phải là thật nghĩa rốt ráo. Nay đã biết chuyện luân hồi của người và súc sanh thì cố nhiên phải bỏ Quyền theo Thật, há nên chấp Quyền bỏ Thật, tổn thương đức hiếu sanh của trời đất, chôn vùi lòng nhân bất nhẫn của chính mình. Huống chi nhờ vào vật để tỏ lòng thành thì sao không mượn nếp, gạo thơm, rau, quả mà cứ phải dùng những vật máu thịt ô uế? Há chẳng phải là nói trời, đất, đức Khổng, đức Quan thích vật nhơ uế, ghét những món thanh khiết ư? Không có gì khác ngoài quen thói chẳng biết là sai đó thôi! Đến như việc cúng tổ, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, tự dùng, hễ nhìn lại sẽ biết rõ là sai, đều thay đổi thói cũ, nên chẳng nói rõ.

Nếu như lại nói: "Nếu như ông nói thì hoàn toàn chẳng sát sanh ăn thịt, ắt loài vật sẽ đầy dẫy trọn khắp thế giới, biết làm sao đây?" Đáp: Những thứ con người ăn đều là do con người làm cho nó sanh sôi nẩy nở. Những loài lợn, dê, gà, vịt kia nếu như nhốt riêng các loài đực - cái, trống - mái thì chưa quá mười năm, chúng nó sẽ vĩnh viễn không tồn tại nữa! Huống chi

---

[104] Theo Nho lễ, để cúng tế phải dâng ba thứ thịt là bò (hoặc trâu), lợn, dê gọi là "tam sanh" (ba loại động vật dùng để hiến tế). "Ngũ đỉnh" là các thứ cỗ cúng phải được nấu thành năm món (thuở xưa dùng những cái đỉnh đồng không có nắp để đựng vật cúng). Về sau từ ngữ "tam sanh ngũ đỉnh" được dùng để chỉ cỗ bàn cúng tế hậu hĩnh.

những giống cọp, báo, chó sói, rắn, rết, con người đều chẳng ăn sao từ cổ đến nay chúng chẳng đầy khắp thế giới vậy? Phải biết: Nếu người ăn thịt nhiều thì người ta lập ra cách để những giống lợn, dê, gà, vịt v.v… sanh trưởng cho nhiều, thật ra quá nửa đều là vì bụng miệng tham muốn, chẳng tiếc mạng loài vật, phải theo nghiệp thọ báo, thác sanh trong những loài vật ấy để bị người ta giết ăn!

Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *"Tham lẫn ái cùng nẩy nở. Do tham chẳng thể ngưng dứt nên các loài noãn, thai, thấp, hóa trong thế gian cậy mạnh hiếp yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê, như thế cho đến mười thứ sanh loại, chết chết sống sống ăn nuốt lẫn nhau"*. Kinh Phạm Võng dạy: *"Nếu là đệ tử Phật thì do từ tâm bèn hành nghiệp phóng sanh, hết thảy người nam đều là cha, hết thảy người nữ đều là mẹ ta. Đời đời ta chẳng bao giờ không sanh ra từ họ"*. Vì thế lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt chính là giết cha mẹ. Kinh Lăng Già dạy: "*Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân yêu, kẻ hầu hạ, sang đời khác mang thân chim, thú v.v... Sao lại bắt lấy chúng để ăn thịt?"* Trong các kinh Đại Thừa, những câu nói như vậy nhiều lắm, khó thể trích đủ.

Quán lời Phật dạy, có thể biết rằng cái họa sát sanh ăn thịt rất sâu, con người và súc vật tuần hoàn, giết ăn lẫn nhau. Nếu vẫn chấp mê chẳng ngộ thì trở thành "kẻ đáng thương xót" như đức Như Lai đã gọi. Phải biết

kiếp đao binh đều do sát sanh phát khởi. Một ngày trong thế gian chẳng biết giết mấy vạn vạn triệu! Do ác tâm sát sanh ăn thịt và tâm oán hận của những con vật bị giết kết thành kiếp đao binh. Mười mấy năm qua, trong nước ngoài nước chiến tranh, người bị tử vong số đến vạn vạn. Huống hồ thiên tai liên tiếp giáng xuống, lụt lội, hạn hán, ôn dịch, bão lốc, động đất, biển trào, sông tràn, thổ phỉ, đạo tặc, các thứ tai nạn xảy ra dồn dập, thóc gạo đắt đỏ, dân không lẽ sống. Bọn ta gặp phải thời đại này mà vẫn chẳng phát lòng tự thương xót, tâm tự thương mình xót người để mong vãn hồi kiếp vận thì còn quý báu gì để dự vào trong số mục Tam Tài, là *"vạn vật chi linh"* nữa ư? Nỡ dùng tâm tánh *"sẵn đủ Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật"* để trầm luân bao kiếp dài lâu trong biển nghiệp ăn giết lẫn nhau không thể thoát ra được thì chẳng đáng buồn ư?

11. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng về hành trạng của Phùng Bình Trai Nghi Nhân [105]

Con người sống trong thế gian dù thiện hay ác đều phải có người phụ trợ thì mới thành được như vậy! Dẫu là bậc thánh bẩm sanh vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ cho đạo đức của vị ấy, huống gì những kẻ kém hơn ư? Do vậy, Thái Nhậm dạy con từ lúc còn nằm trong thai (thai giáo) nên sanh ra Văn Vương có thánh đức. Vì thế, kinh Thi khen ngợi [Văn Vương] nêu gương đức hạnh từ vợ cho đến anh em, [đức ấy] lan

[105] Nghi Nhân: Thời Minh, Thanh vợ các quan thuộc ngạch Ngũ Phẩm được phong là Nghi Nhân. Bà Nghi Nhân này họ Phùng, pháp danh là Bình Trai.

truyền ra cả nước. Nhưng đấy mới chỉ là luận theo phía Văn Vương, chứ nếu bàn về đức của bà Thái Tự[106] thì cố nhiên đức ấy cũng phụ trợ cho đạo của Văn Vương. Như hai ngọn đèn chiếu lẫn nhau bèn càng thấy sáng sủa; hai tay rửa lẫn nhau thì mới được sạch sẽ. Cứ xét theo câu trong bài thơ Tư Tề Thái Nhậm: "*Thái Tự kế thừa danh tiếng tốt đẹp"*[107] thì có thể biết được [đức của các bà]. Do vậy, mới nói: *"Đời thiếu hiền nhân là do cõi đời thiếu hiền mẫu và hiền thê!"* Ấy là vì vợ có thể ngầm giúp chồng, mẹ có thể dạy con cái từ lúc còn trong thai; huống chi mấy năm đầu đời, hằng ngày ở bên mẹ, thân cận tấm gương tốt lành, thường được răn dạy, nên tánh tình bị chuyển biến mà không biết không hay, có những điều chẳng mong mỏi mà đạt được. Tôi thường nói: *"Người nữ là cái gốc của việc tề gia trị quốc".* Lại thường nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa"*, chính là vì ý này vậy.

Bởi lẽ những kẻ thiên tư cao nếu được hiền mẫu un đúc, hiền thê phụ trợ sẽ tự có thể ý thành tâm chánh, làm sáng tỏ đức sáng, an trụ nơi chí thiện. Nếu khốn khó thì riêng thân mình thiện, nếu hiển đạt sẽ khiến cho thiên hạ cùng thiện. Kẻ thiên tư bình thường thì cũng có thể tuân thủ quy củ, làm một người dân lành giữ phận,

---

[106] Thái Tự là vợ của Văn Vương

[107] Đây là đoạn đầu bài thơ Tư Tề trong kinh Thi, nguyên văn: *"Tư Tề Thái Nhậm, Văn Vương chi mẫu, tư mị Thái Khương, kinh thất chi phụ, Thái Tự tự huy âm, tắc bách tư nam".* Theo chú giải được đăng tải trong trang nhà Trung Quốc Khổng Tử Võng (không rõ tác giả) thì đoạn thơ này phải hiểu như sau: *"Thái Nhậm phong thái đoan trang, mẹ đẻ của Văn Vương. Thái Khương đức cao đáng trọng, làm bậc chủ phụ trong vương thất. Thái Tự kế thừa danh tiếng tốt đẹp, nuôi dưỡng con cháu thật đông đảo".* Thái Khương chính là bà nội của Văn Vương.

quyết chẳng đến nỗi vượt lý nghịch phận, làm quấy, làm gian, làm nhục người sanh ra mình, gây hại cho đời. Tiếc cho người đời mơ màng, chẳng lấy chuyện *"trọn vẹn luân thường, tuân thủ bổn phận"* để dạy con gái. Nếu hằng ngày chỉ lo trau chuốt, ngoài ra không nhắc tới chuyện gì khác, mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, chẳng những không thể giúp chồng dạy con trở thành thiện sĩ, mà trái lại còn dạy con trở thành kẻ ác. Do vậy, nói: *"Chuyện dạy dỗ con gái quan trọng hơn việc dạy con trai rất nhiều!"* Những lời tôi nói như *"dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc"* và "*quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm hơn một nửa"* chính là lời chân thật vậy.

Gần đây, cái học mở rộng, con gái đi học đa phần bị những giáo viên chẳng biết dạy về cái gốc làm cho lầm lạc. Do vậy, chẳng chú trọng *"giữ vẹn luân thường, tuân thủ bổn phận, giữ yên cửa nhà, giúp chồng dạy con",* ai nấy đều muốn nắm chánh quyền, làm quan to, suy tính vượt phận, tập thành thói cuồng vọng, cũng là điều đáng cảm khái. Nếu như có bậc trưởng dân cực lực đề xướng khiến cho họ vun bồi trong gia đình, ngõ hầu đạt được hiệu quả của việc tu - tề - trị - bình một cách không hay, không biết, trọn không dấu vết thì may mắn chi bằng? Do vậy, tôi có cảm xúc rất sâu đối với hành trạng của bà Phùng Nghi Nhân.

Nghi Nhân chính là người vợ đức hạnh của cư sĩ Bao Bồi Trai, bản tánh khác lạ, từ thuở nhỏ mẹ ít phải nhọc công dạy dỗ, lúc chưa lập gia đình thì hiếu thảo với cha mẹ, xuất giá rồi bèn hiếu dưỡng bố mẹ chồng, lại còn hết sức tin tưởng Phật pháp, tu trì nghiêm cẩn.

Thoạt đầu, ông Bao chẳng cho như vậy là đúng, nhưng lâu ngày cũng bị cảm hóa bèn ăn chay trường niệm Phật, vì ông Bao tư chất thông minh, đặc biệt thấu đạt, lại hằng ngày ở chung với Nghi Nhân là người cung cách đoan trang, thầm lặng, giữ bổn phận, trọn vẹn luân thường. Tánh bà cảm động được người, cho nên ngấm ngầm cảm hóa được người mà chẳng hay chẳng biết. Ông Bao là bậc quân tử minh triết, tánh trong sạch như nước. Lúc ông làm quan, mỗi khi có thu nhập gì, nếu không biết rõ lai lịch, bà vẫn sợ có chỗ lầm lẫn nhân quả, bèn nghiêm sắc mặt khuyên răn, tra hỏi tường tận nguồn gốc để khỏi phụ lòng mới thôi. Bà lại thường khuyên con đừng tham dự vào chánh trường, nhưng vẫn sợ con có khi khó tránh khỏi, nên lại bảo: *"Tiền trong chốn chánh trường thì chỉ có lương bổng trả cho công việc hằng ngày là được nhận. Ngoài ra, đều là tiền trái phận, rốt cuộc cũng phải đền trả, chẳng thể không thận trọng!"*

Gương thơm thờ cha mẹ, giúp chồng, trông nom gia đình, dạy con, và những hành vi tốt lành như kiêng giết, phóng sanh, giúp đỡ người bị tai nạn, khốn khó, tận lực sám trừ túc nghiệp, dốc sức tu Tịnh nghiệp [của Nghi Nhân] đều đáng làm gương cho đời. Thậm chí trước khi mạng chung ba ngày, bà còn thiết tha dặn dò đừng làm đám tang rình rang, bảo con dùng quan tài xấu, vải thô, bởi lẽ cái chân thật đã đi mất rồi, há nên phí phạm tiền bạc cho cái thân huyễn vọng này, trái nghịch cả trời lẫn vật ư? Huống chi, xét về nguồn gốc thì tơ, lụa đều do giết chóc mà có, dùng những thứ ấy để tống táng càng tăng thêm tội nghiệp, rất trái nghịch với đạo thân ái vậy!

Một hai ngày trước khi lâm chung, bà thị hiện các sự đau khổ, dường như cảm thấy khó kham được nổi, nhưng vừa được thấy quang minh của Phật bèn kết ấn qua đời. Ấy là vì túc căn sâu dầy, hạnh trong đời này thuần thục. Lại được ông Bao hiểu sâu ý nghĩa trọng yếu, bèn bảo người nhà cùng trợ niệm, hoàn toàn chẳng nhắc đến những chuyện quyết biệt (giã biệt mãi mãi), mà cũng chẳng để lộ nỗi thương tâm, đau khổ chút nào. Lại thỉnh những bạn gái thông hiểu pháp thường đến khai thị cho bà. Sáu vị tỳ-kheo trợ niệm liên tục, cho đến ngày hôm sau mới nhập liệm, chẳng hề khóc lóc, khiến cho thần thức [người chết] chẳng nẩy sanh ái luyến, được toại nguyện vãng sanh. Như vậy, có thể nói là ông Bao đã thành tựu tịnh nghiệp đến cùng cực cho Nghi Nhân vậy.

Kinh Pháp Hoa dạy: *"Thiện tri thức là đại nhân duyên, là vì họ chỉ dạy [ta] khiến cho [ta] thấy được Phật"*. Nghi Nhân cố nhiên là thiện tri thức của ông Bao, mà ông Bao cũng là thiện tri thức của Nghi Nhân. Có thể nói rằng thiện gặp được thiện, cùng được lợi ích rành rành. Như Nghi Nhân đáng coi là bậc thầy cho nữ giới trong đời này, việc trợ niệm lúc lâm chung và những hành động của ông Bao đáng làm gương tốt lành cho người nhà cũng như con cháu của những ai tu Tịnh nghiệp. Vì thế, tôi nêu bày ra để khuyên lơn những ai yêu thương người thân, chứ không chép đầy đủ chi tiết về những sự thật khác.

12. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Khang Mẫu Vãng Sanh Kỷ Niệm San (viết thay cho Khang Ký Dao)

Ân cha mẹ dù trọn đời cũng không thể báo được. Hiếu là đạo lớn lao không gì ở ngoài nó được. Đại giáo của Như Lai lấy hiếu làm gốc. Bồ Tát thấy các chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Vì thế, ngài Địa Tạng có lời nguyện: *"Độ hết chúng sanh mới chứng Bồ Đề, địa ngục chưa trống thề chẳng thành Phật"*. Phạm Võng Giới Kinh coi hiếu thuận là pháp đạt đạo tột bậc, không những dạy phải hiếu thuận với phụ mẫu, sư tăng, Tam Bảo mà còn dạy đối với hết thảy chúng sanh phải sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dùng phương tiện cứu giúp, che chở, kiêng giết, phóng sanh, vì hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của ta trong quá khứ. Do vậy, nói: Đạo Hiếu của Phật giáo trước là thấu đến vô thủy, sau là đến tột cùng vị lai, không gì chẳng bao gồm trọn vẹn. Vì thế, ngài Liên Trì nói: *"Cha mẹ được lìa trần cấu thì đạo của con mới thành tựu"*.

Những kẻ cậy vào đạo hiếu chăm sóc phụng dưỡng trong đời này để bài báng Phật pháp bất hiếu chính là chấp nhặt khư khư vào kiến giải "ếch ngồi đáy giếng" của chính mình cho nên mới đưa ra lời bàn luận mù quáng của kẻ chưa từng thấy được biển cả ấy. Phận làm con cố nhiên phải tỏ bày đức của cha mẹ, biểu lộ bằng cách chú trọng nơi tận tụy thực hành, cho nên phải khắc kỷ giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành, biết lỗi phải sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, hiểu nhân biết quả, kiêng giết, phóng sanh, chớ làm các điều ác, vâng làm những điều

lành, sanh tín phát nguyện trì danh hiệu Phật, tự hành dạy người cùng sanh Tịnh Độ. Làm được như thế, dù người ta chẳng biết đến đức của cha mẹ người ấy, nhưng do kính ngưỡng đức của người ấy cũng sẽ ngưỡng mộ đức của tổ tông, cha mẹ người ấy, cho là đã ngầm tu từ lâu cho nên mới có được người nối dõi như thế. Nếu không, dù tổ tông, cha mẹ có đức tốt đẹp ai nấy đều biết, nhưng vì con cái bất tiếu[108], ắt người ta sẽ ngờ: Cha mẹ, tổ tông kẻ đó dẫu có đức cao đẹp, nhưng chắc là vẫn có chuyện ác ngấm ngầm. Nếu không, trong nhà đức hạnh tốt đẹp ấy sao lại nẩy sanh ra thứ con cháu bất tiếu như thế đó?

Do vậy, biết rằng: Lập thân, hành đạo chính là nêu tỏ đức của cha mẹ, tổ tông. Phận làm con phải chú trọng lòng kính, cẩn thận dè dặt, tận lực thực hành như thế nào để khỏi nhục lây người sanh ra mình, còn như những chuyện điếu văn, bài minh [ca tụng] của danh nhân đều là chuyện đằng ngọn. Đức của mẹ ông Khang có thể thấy đầy đủ qua điếu văn, qua những bài minh, cho nên tôi chẳng mất công nhắc lại. Tôi chỉ muốn nói đến chuyện ông Khang do tâm hiếu thuận, khéo giữ gìn di thể[109] của cha mẹ, chẳng để cho một lời nào, một hành vi nào, hoặc khởi tâm động niệm có chút nào trái nghịch chánh lý, đánh mất đạo hiếu! Lời lẽ tuy tợ hồ chung chung không sâu sát, nhưng nó thật sự chính là đạo "gốc chánh nguồn trong" của cả Nho lẫn Thích.

---

[108] Bất tiếu: Con cái không xứng đáng, không nối được phẩm hạnh của cha mẹ, tổ tiên.

[109] Di thể ở đây có nghĩa là cái thân ta do chính cha mẹ ban tặng, để lại cho ta nên gọi là "di thể".

Nếu ông Khang và những người đọc cuốn sách này ai nấy đều càng thêm gắng sức thì thiên hạ, quốc gia may mắn lắm thay, chứ nào phải riêng mình Khang mẫu được vẻ vang!

13. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Giang Mẫu Quách Thái Phu Nhân Tây Quy Sự Lược

Khổng Tử nói: *"Tánh thì gần giống nhau, nhưng do dạy dỗ, đào luyện mà thành ra khác nhau[110]"*. Lại nói: *"Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là không thay đổi"*. Mạnh Tử tuy hiền nhưng vẫn phải thuận theo thế tục, nương theo sự giáo huấn mà thay đổi. Bậc thượng trí, kẻ hạ ngu hiếm lắm, bao nhiêu chúng sanh do tập theo thói lành mà thành lành, tập theo thói ác bèn thành ác, những người chẳng bị thiện ác lay động chỉ là một hai phần trong trăm ngàn vạn ức phần! Cư sĩ Giang Vị Nông đoan trang, khiêm tốn, có phong cách của cổ nhân, tu trì thành khẩn nghiêm mật, chỉ mong được lợi ích thật sự, hoàn toàn không có những tập khí đàm huyền thuyết diệu, ham cao chuộng xa. Quang tuy khâm phục, kính nể ông Giang thiên tánh thuần hậu, chuyên dốc, nhưng vẫn đoán trong gia đình ông sự un đúc ắt phải có chỗ thật vượt trội mọi người. Đến khi trông thấy những sự thực đại lược về việc quy Tây của phu nhân mới biết tư cách của cư sĩ chịu ảnh hưởng rất

---

[110] Nguyên văn: *"Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã"*. Câu nói này xuất phát từ thiên Dương Hóa, sách Luận Ngữ. Chúng tôi dịch theo cách giải thích của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

sâu từ mẹ. Do vậy, biết rằng: Đời phải có hiền mẫu thì mới có hiền nhân!

Những vị thánh mẫu thời xưa dạy con từ thuở còn trong thai, bởi lẽ un đúc từ lúc mới bẩm thụ thể chất mới mong tập quen thành tánh. Thế gian dùng chữ Thái Thái để gọi nữ nhân là vì ba vị thánh nữ Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự, vị nào cũng giúp chồng dạy con, mở ra vương nghiệp tám trăm năm [của nhà Châu], cho nên người ta mới dùng chữ Thái Thái để xưng tụng nữ nhân. Quang thường nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm quá nửa"*. Lại thường nói: *"Dạy dỗ con gái chính là cái gốc để tề gia trị quốc bình thiên hạ"*, đấy là nhằm khuyên dạy trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con mà nói như thế. Chẳng giống như nữ giới ngày nay, đa phần chẳng giữ bổn phận, vọng động muốn nắm lấy chánh quyền, làm đại sự, chẳng biết vun bồi từ gia đình. Đấy chính là *"gồm thâu sắt của khắp chín châu muôn nước cũng chẳng thể đúc được một mối lầm lỗi lớn lao ấy"*. Do vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống; thiên tai nhân họa cứ thấy xảy ra liên tiếp. Tuy là do chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm, nhưng thật ra chính là vì trong gia đình đánh mất sự giáo dục mà nên nỗi!

Cho nên những kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, những kẻ không có thiên tư trở thành người dân ương ngạnh. Nếu như ai nấy đều được mẹ hiền uốn nắn thì người người đều có thể trở thành thiện sĩ, hễ túng quẫn thì riêng một mình ta thiện, lúc hiển đạt thì khiến cho người khác đều cùng được thiện, đâu đến nỗi trên không có đạo để hướng dẫn, dưới chẳng có pháp tắc để

tuân thủ, tệ hại, khinh nhờn trăm mối nẩy sanh, dân không lẽ sống! Cao đẹp thay bà mẹ ông Giang! Thoạt đầu dùng việc hiếu dưỡng bố mẹ chồng, dạy dỗ nghiêm nhặt, tụng kinh, niệm Phật để giáo hóa con. Cư sĩ Vị Nông lại càng mở rộng lời mẹ giáo huấn, chuyên tinh nghiên cứu Phật học, đem lợi ích của Tịnh Độ khuyên dụ mẹ từ trước. Đến khi mẹ lâm chung, lại trợ niệm nhiều cách hòng mẹ được nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Có thể nói là người dốc lòng thờ mẹ, hoàn toàn chẳng có gì phải tiếc nuối!

Nhưng ông vẫn chưa thấy thế là đủ, lại muốn cho những người con hiếu cháu từ trong cõi đời đều dùng đạo này để thành tựu cho cha mẹ. Hễ cha mẹ còn sống thì uyển chuyển khuyên dụ khiến cho họ đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã mất thì tận lòng thành, cạn lòng kính nhất tâm niệm Phật, để cầu cho cha mẹ được cao thăng phẩm sen, mau chứng Vô Sanh mới thôi! Đấy chính là ý nghĩa ẩn kín của tác phẩm Tây Quy Sự Lược, cho nên tôi mới đặc biệt nêu rõ ra.

14. Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng Phật và chúng sanh tâm hạnh, thọ dụng, tuyệt chẳng giống nhau, vì sao thế? Do Phật thì trái trần hiệp giác, còn chúng sanh thì trái giác hiệp trần. Phật tánh tuy đồng, nhưng mê -ngộ thật khác, cho nên sướng - khổ, thăng - trầm khác biệt một trời một vực. Nếu có thể suy xét kỹ

nghĩa lý *"tam nhân Phật tánh"* thì không mối nghi nào chẳng phá, không ai chẳng muốn tu tập. Tam nhân chính là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.

1) Chánh nhân Phật tánh chính là diệu tánh sẵn có ngay nơi cái tâm của chúng ta, là Pháp Thân chân thường được chứng bởi chư Phật. Đây chính là cái *"tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, ở trong sanh tử chẳng nhiễm, ngự Niết Bàn chẳng tịnh".* Chúng sanh triệt để mê trái, nhưng chư Phật rốt ráo viên chứng. Mê - chứng tuy khác, tánh thường bình đẳng.

2) Liễu nhân Phật tánh chính là Chánh Trí được phát sanh bởi chánh nhân Phật tánh; do từ tri thức hoặc từ kinh giáo được nghe đến nghĩa lý chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ. Biết do nhất niệm vô minh chướng lấp nguồn tâm, cho nên chẳng biết bản thể của cảnh giới lục trần vốn không, tưởng là thật có, bèn khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, đâm ra làm cho chánh nhân Phật tánh biến thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đấy liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng theo chân, ngõ hầu khôi phục bản tánh.

3) Duyên nhân Phật tánh: Duyên là trợ duyên. Đã liễu ngộ thì cần phải tu tập đủ mọi thiện pháp hòng tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, khiến cho đích thân chứng được rốt ráo cái lý sẵn có mà mình đã ngộ mới thôi!

Xin dùng thí dụ để làm sáng tỏ. Chánh nhân Phật tánh giống như vàng trong quặng, như lửa ẩn trong gỗ,

như ánh sáng từ nơi gương, như mầm nằm trong hạt ngũ cốc, tuy sẵn có, nhưng nếu chẳng hiểu rõ và trải qua những duyên như chưng luyện, xoi dùi, giồi mài, vun trồng, mưa thấm ướt v.v… thì chất vàng, lửa, ánh sáng, mầm… vĩnh viễn chẳng có ngày phát sanh. Do vậy, biết: Tuy có chánh nhân nhưng nếu không có duyên để hoàn thành thì chẳng thể thọ dụng được. Do vậy, đức Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, muốn khiến cho họ được giải thoát. Chúng sanh do chẳng liễu ngộ nên chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi luân hồi sanh tử bao kiếp dài lâu chẳng thể thoát ra được! Do vậy, đức Như Lai rộng bày phương tiện tùy cơ chỉ dạy, dắt dìu ngõ hầu chúng sanh bỏ vọng theo chân, trái trần hiệp giác.

Pháp môn tuy nhiều, nhưng ba môn Giới - Định - Huệ bao trọn không sót. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm chép: *“Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ. Đấy gọi là Tam Vô Lậu Học”*. Nhưng trong ba thứ này, Giới là quan trọng nhất; bởi lẽ giữ được Giới thì không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, hạnh gần với Phật, ắt tâm chẳng cách xa Phật cho lắm. Do đó, trong kinh Phạm Võng, đức Như Lai bảo đảm cho chúng sanh như sau: *“Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy thì giới phẩm đã đầy đủ”*. Lại nói: *“Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật liền nhập vào địa vị Phật, địa vị giống với bậc Đại Giác, thật sự là con chư Phật”*. Do vậy, pháp Trì Giới chính là đạo quan trọng bậc nhất để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu như chúng sanh chẳng đầy đủ Phật tánh, dẫu tu tập đủ mọi thiện

pháp, cũng chẳng có lẽ nào thành Phật được! Như đá không chứa vàng, băng không có lửa, ngói chẳng có ánh sáng, cát chẳng có mầm, dù có các duyên chưng luyện, xoi dùi, giồi mài, gieo trồng, mưa tưới v.v… tuy trải qua bao kiếp, mỗi thứ ấy vẫn chẳng thể sanh ra vàng, lửa, ánh sáng, mầm mộng v.v… Nếu biết nghĩa này, ai lại chịu dùng cái tánh sẵn có Bồ Đề, Niết Bàn, để lầm lạc tạo phiền não sanh tử, nhường cho chư Phật và thánh nhân Tam Thừa riêng hưởng sự vui chân thường, còn tự mình cam chịu nỗi khổ huyễn vọng nữa ư! Nhưng nếu ước theo cách dạy dỗ thông thường thì ở địa vị phàm phu muốn liễu sanh tử thật chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nếu ước theo pháp môn đặc biệt "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ" thì ngay trong một đời này đều được liễu thoát. Nếu thật sự đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì trong vạn người chắc chắn chẳng sót một ai. Chúng sanh đời Mạt chỉ có thể nương tựa vào một pháp này. Do đó, pháp vận càng về cuối thì pháp này càng thích hợp căn cơ, thiện tri thức đề xướng càng khẩn thiết, những chứng nghiệm do chân thật tu trì bèn được vãng sanh đôi khi vẫn thấy.

Ưu-bà-di Liễu Thường là vợ kế của cư sĩ Liễu Viên Trần Tích Châu ở huyện Vô Vi tỉnh An Huy, họ Hồ, bẩm tánh từ thiện, dốc lòng tin tưởng Phật pháp. Thoạt đầu, Tích Châu không biết Phật pháp, người con trưởng là Thiên Thọ khá thông minh, mất năm mười bốn tuổi. Ông cho rằng mình suy nghĩ, xử sự không có lầm lỗi gì lớn lao, sao lại bị như thế này, bèn đối với sự nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, nhất loạt cho là không có.

Phu nhân biết chẳng thể phá được kiến chấp ấy, bèn thầm lặng tu trì, chẳng để cho ông ta biết. Không lâu sau, phu nhân có thai, lúc sắp đến kỳ sanh nở, chợt mắc bệnh nặng. Trong hai mươi chín ngày không thể nói năng, ăn uống, trở mình được, thân nóng như lửa, mình gầy như que củi. Danh y bó tay, không còn hy vọng sống còn nào! Một tối, bà mộng thấy một bà lão cầm một cành sen dài, bảo: *"Ngươi do túc nghiệp nên mắc phải ác bệnh này, may là có thiện căn, cho nên ta từ Nam Hải đến an ủi ngươi!"* Bèn dùng cành sen phẩy từ đầu xuống chân, bảo: *"Phủi đi nghiệp chướng, khéo sanh con ngoan".* Bà chợt cảm thấy thân tâm mát mẻ, liền giật mình, tỉnh dậy, khỏe mạnh trở lại. Hôm sau, sanh con, đứa bé đầy đặn mập mạp chẳng khác gì những đứa được sanh bởi người mẹ khỏe mạnh; bèn đặt tên là Thiên Dân, đến nay đã mười lăm tuổi rồi! Do vậy, Tích Châu mới biết lòng Từ rộng lớn của Phật, lý - sự tam thế nhân quả chân thật chẳng dối! Từ đấy, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật, nỗ lực tu trì. Đối với chuyện cứu giúp người nghèo cùng, hoạn nạn, trai tăng, sửa chùa, tặng thiện thư, thí quan tài, thảy đều tận lực làm.

Tích Châu quy y với Quang, pháp danh là Liễu Viên, phu nhân gởi thư xin quy y, nhân đó bèn đặt pháp danh là Liễu Thường. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), vợ chồng con cái cả thảy năm người cùng thọ Bồ Tát Giới tại chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh. Mùa Xuân năm ngoái, phu nhân muốn đến Phổ Đà gặp Quang, nhân đó bèn triều bái Cửu Hoa Sơn trước. Trở về đất Hỗ (Thượng Hải) nhằm đúng lúc chiến cuộc ở Phụng Thiên

- Trực Lệ nổ ra nên chẳng thể đi được, thường lấy chuyện đó làm điều tiếc nuối. Quang an ủi: *"Chí tâm niệm Phật thì ngày ngày được cùng Phật Di Đà và thánh chúng gặp gỡ, sao lại tiếc nuối vì không gặp được ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo này?"* Do gặp phải cơn kinh sợ sâu xa nên thân thể gầy yếu, lâu ngày chẳng hồi phục được. Tích Châu xin Quang khai thị, Quang dạy hãy nghĩ lùi bước, hãy tưởng như đã chết, nên lại được lành mạnh.

Mùa Xuân năm nay, lại mắc bệnh suy nhược, chẳng thiết ăn uống. Ngày Hai Mươi Tám tháng Hai đang trong lúc niệm Phật thấy hai đồng tử cầm lá phan dài, trên đề bốn chữ *"Tây Phương tiếp dẫn"*, bà bảo Tích Châu rằng: *"Đối với tôi đây là điềm rất may, còn đối với ông thì không may, bởi tôi đã về Tây rồi thì trong nhà không ai chăm sóc; nhưng người niệm Phật chẳng tham sống, chẳng sợ chết!"* Nhân đó thỉnh bốn vị Tăng tụng kinh lễ sám niệm Phật suốt hai mươi tám ngày để cầu nguyện hễ tuổi thọ chưa hết thì chóng lành, thọ đã hết sẽ mau sanh Tây Phương. Từ đó, thân tâm vui sướng, trọn không bệnh khổ. Đến đầu tháng Tư, lại cảm thấy không thoải mái, biết kỳ hạn về Tây đã đến, bèn nhất tâm niệm Phật để cầu mau được sanh. Ngày mồng Năm, cả nhà đều niệm Phật. Lại thỉnh sư tăng thay phiên nhau niệm liên tục, ngày đêm tiếng niệm Phật không ngớt, phu nhân chỉ thầm niệm theo. Đến trước Ngọ ngày mùng Sáu, liền bảo người nhà chuẩn bị đồ tắm rửa. Tắm xong, mặc áo sạch, đến Phật đường lễ bái, dâng cúng hương hoa. Trở về bèn sai dời giường hướng về Tây, nằm nghiêng bên hông, chỉ chuyên niệm Phật,

hoàn toàn chẳng nhắc đến chuyện quyết biệt. Đến giờ Hợi, thấy Phật hiện đến, bà muốn ngồi dậy lễ bái, do vậy [người nhà] bèn đỡ ngồi lên. Bà chắp tay, cúi đầu, nói: *"Còn ba ngàn câu niệm Phật nữa, niệm xong sẽ đi".* Toàn gia cùng Tăng - tục hơn ba mươi người đều lớn tiếng niệm. Phu nhân bèn lớn tiếng niệm Phật qua đời, mặt lộ vẻ mỉm cười, trong nhà thoảng mùi hương lạ. Cả nhà đều chẳng lộ vẻ bi ai, lại niệm Phật hai tiếng nữa rồi mới sắp đặt [ma chay]. Ngày hôm sau, khâm liệm vào giờ Ngọ, đảnh đầu vẫn còn nóng ấm[111], tứ chi mềm mại, mùi thơm vẫn còn.

Ôi! Có thể nói là phu nhân xưa đã có thiện căn, đời này gặp thiện duyên, chẳng bị tình yêu thương thế gian trong đời hiện tại phá hoại chánh niệm, chỉ cậy vào tiếng niệm Phật của nhiều người để thành tựu tịnh tâm. Vì thế, được cảm ứng đạo giao nhờ Phật tiếp dẫn, lìa khỏi cõi khổ này, lên Lạc Bang kia, may mắn chi bằng? Một cửa ải lâm chung thật là khẩn yếu. Đời có kẻ ngu trong lúc cha mẹ, quyến thuộc lâm chung, bèn bi thương, đau đớn, khóc lóc, tắm rửa, thay áo, chỉ cốt sao đẹp mắt người đời, chẳng tính kể đến chuyện gây hại cho người chết. Người không niệm Phật thì không nói làm chi, chứ người mang chí hướng khẩn thiết vãng sanh, lúc lâm chung gặp phải hạng quyến thuộc này đa phần đều bị phá hoại chánh niệm, vẫn phải ở lại thế giới này.

---

[111] Xin các tịnh nghiệp hành nhân đừng quá chú ý thăm dò hơi nóng trên thân người lâm chung khiến người sắp chết đau đớn hay sanh ái luyến, khó thể vãng sanh.

Trợ niệm lúc lâm chung ví như kẻ yếu đuối trèo núi, sức mình chẳng đủ, may có sức của người đằng trước lôi, người đằng sau đẩy, người hai bên nâng đỡ nên bèn có thể lên đến được đỉnh cao chót vót. Lâm chung chánh niệm rỡ ràng bị phá hoại [bởi những chuyện như] tình yêu thương của quyến thuộc, dời đổi chỗ v.v… Ví như dũng sĩ trèo núi, sức mình sung mãn, nhưng thân hữu, người quen biết đều đem những vật của họ giao cho đội vác. Đội vác quá nhiều nên sức kiệt, thân nhọc, nhìn vách núi lùi bước. Lẽ được - mất này tuy do người khác gây ra, nhưng thật ra cũng do nghiệp lực thiện - ác của chính mình từ trong kiếp trước đã thành toàn hay phá hoại người khác mà ra. Phàm những người tu Tịnh nghiệp hãy nên thành toàn chánh niệm cho người khác và bảo cho quyến thuộc biết sẵn về lẽ lợi - hại, khiến cho ai nấy đều biết quan trọng ở chỗ thần thức sẽ đạt được, chứ chẳng phải ở chỗ dễ coi thuộc về phương diện tình cảm thế gian, để khỏi phải lo lắng nữa! Do nhận được tin báo tang, tôi liền nêu ra ý nghĩa ẩn kín của Phật tánh và việc trợ niệm cũng như thuật đại lược hành trạng của phu nhân để mong sao người tu Tịnh nghiệp biết rồi sẽ bắt chước theo.

15. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng của Đại Từ Bi Thất

Đại Từ Bi Thất chính là phòng ngủ của Châu Phu Nhân mẹ ông Vương. Châu phu nhân mẹ ông Vương chính là người vợ đức hạnh của Sơn Âm Xử Sĩ Vương Sở Thần ở Chiết Giang, là mẹ đẻ của hai cư sĩ Tâm Tam và Vi Nghiễm. Phàm Đại Từ Bi chính là nhà của

Như Lai, sao phu nhân lại trộm lấy tên này? Trong hội Pháp Hoa, đức Như Lai dạy những thiện nam tử, thiện nữ nhân hoằng kinh phải vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi giải thích: *"Nhà của Như Lai là tâm đại từ bi đối với hết thảy chúng sanh. Áo Như Lai là tâm nhu hòa, nhẫn nhục. Tòa của Như Lai là hết thảy pháp không"*. Lại [nói bài] tụng rằng: *"Đại từ bi là nhà, áo nhu hòa nhẫn nhục, các pháp Không làm tòa. Ở nơi ấy thuyết pháp"*. Hễ đã vào nhà ấy, chắc chắn không lẽ nào chẳng mặc áo, ngồi tòa. Phu nhân đã lấy "Đại Từ Bi" để đặt tên cho thất thì ba pháp hoằng kinh ấy có thật sự tồn tại hay chăng?

Đáp: Nghĩa này nên dùng thuyết Lục Tức để luận. Nếu luận về viên chứng rốt ráo thì chỉ có mình đức Phật. Nếu luận về Lý Tức [Phật] thì hết thảy chúng sanh không ai tâm chẳng sẵn đủ. Phu nhân do Danh Tự mà khởi Quán Hạnh để cầu chứng nhập Tương Tự, Phần Chứng. Xin trình bày đại lược! Phu nhân năm hai mươi sáu tuổi mới về với ông Vương. Nhà ông Vương khá giàu có, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tánh ưa bố thí, đã một mình dựng một ngôi miếu hai chái để thờ Quán Thế Âm và thần Thiên Y, ấy là vì muốn cho Đại Sĩ tầm thanh cứu khổ, Thiên Y ngầm tiêu các bệnh vậy. Hằng năm lại còn thường thí trà, thí thuốc, thí đèn, thí áo; đối với mỗi chuyện phóng sanh, tiếc chữ[112], đều lập hội để đề xướng. Trong họ hàng, nhờ vào ông để nổi lửa [nấu

[112] Xưa kia, người Tàu rất coi trọng chữ viết vì đối với họ, chữ Hán là văn tự ghi chép những giáo huấn, đạo đức, luân lý của thánh hiền. Những mảnh giấy có viết chữ Hán đều được thâu nhặt, cất giữ cẩn thận. Nếu giấy đã dơ rách thì thiêu đốt nơi lò sạch, đem tro đi chôn, hay đổ xuống sông.

cơm hằng ngày] mười mấy nhà, tiền chi phí cho con em trong họ đi học rất nhiều. Vì thế, gia đạo nghèo đi. Chuyện này tuy do ông Vương thực hiện, nhưng thật ra là do phu nhân ngầm giúp cho thành tựu. Nếu phu nhân không có tâm đại từ bi, tâm nhu hòa nhẫn nhục, và chẳng biết thật nghĩa của *"hết thảy các pháp không"* ắt sẽ sớm trì kéo, ngăn trở. Nếu không thì cũng sẽ liều mạng tranh giành, há để cho gia đạo rốt cuộc nghèo đi, nửa đời phải sống trong nghèo hèn, cùng quẫn ư?

Lại nữa, phu nhân sau khi đã về nhà chồng liền ăn chay, vĩnh viễn dứt bỏ thức ăn tanh hôi (đồ mặn). Phàm những thứ như dầu mè, trái cây có mùi thơm v.v… cũng không ăn, chỉ uống nước trắng, chỉ mặc áo vải thô, những thứ lụa là, áo cừu, vải the, son, phấn, trâm, xuyến đều bỏ hết. Ngày thì dệt cửi, khâu vá, đêm thì lễ Phật, tụng kinh, suốt năm chẳng ra khỏi cửa, trầm mặc, ít nói. Thân thích đến chơi, thăm hỏi xong, liền bàn về sự lý nhân quả báo ứng. Thờ bố mẹ chồng trọn hiếu, giúp đỡ chồng vẹn đức, dạy con đúng cách. Thế gian lấy [gương các bà] Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự để khen ngợi nữ nhân nên gọi [nữ nhân] là Thái Thái, đa phần đáng thẹn; còn như phu nhân thì chẳng thẹn với danh xưng ấy!

Sau mười lăm năm, ông Vương mất, Tâm Tam và Vi Nghiễm đều còn bé, phu nhân trên thờ mẹ già, dưới nuôi con thơ, trải đủ nỗi gian nan, cay đắng dường như quên bẵng xưa kia mình giàu có. Đến khi con đến tuổi theo học, bà liền bán sạch quần áo, trang sức [đã mang về nhà chồng] lúc vu quy để lo tiền học cho con. Bà giạm hỏi Lâu Thị cho Tâm Tam, chưa cưới thì [Lâu Thị]

đã bị mù, thân tộc đều khuyên nên thoái hôn, phu nhân tuyệt chẳng nghe. Cưới xong, bà dặn dò Tâm Tam phải khéo chăm sóc, không được ruồng rẫy. Phu nhân thoạt đầu mỗi ngày tụng thầm Tâm Kinh số biến nhất định; sau khi ở góa bèn nhất tâm niệm Phật để cầu thoát khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc.

Năm Tuyên Thống nguyên niên (1909), bà đã 60 tuổi, giữa tháng Ba, mẹ chồng mất; phu nhân đích thân lo liệu tống táng, nhọc nhằn, buồn thương thành bệnh. Qua bốn mươi ngày, hình dung khô gầy, nhưng thần khí cực sáng suốt. Hai ngày trước khi lâm chung, dặn dò Tâm Tam và Vi Nghiễm chuẩn bị áo tang, quan tài, nói: "Sau trưa mai ta sẽ đi", nhân đó, răn con: "Mong các con hãy tấn đức tu nghiệp, gắng làm người hoàn toàn. Trang Tử nói: *'Buồn không gì lớn bằng cõi lòng đã chết'*[113]. Các con hãy hiểu ý ấy thì tâm ta mới yên". Bình thường khi niệm Phật phu nhân đều thầm niệm. Đến lúc này, trông bà hết sức an nhiên, thư thái. Tâm Tam hỏi mẹ thấy gì, bà bảo: "Đừng quấy rối chánh niệm của ta", dặn con thắp đèn lồng trước cửa thất, rồi ngồi yên qua đời. Mất rồi, hai tay vẫn mềm mại như khi còn sống.

Ôi! Bình thời chí nguyện như thế đó, lâm chung an tịnh như thế này, được vãng sanh Tây Phương là điều

---

[113] Nguyên văn: *"Ai mạc đại vu tử tâm"*. Câu này trích từ sách Trang Tử, thiên Điền Tử Phương: *"Phù ai mạc đại vu tử tâm, nhi nhân tử diệc thứ chi"* (Buồn không gì lớn lao bằng cõi lòng đã chết, ngay cả cái chết của con người cũng chẳng bằng). *"Tử tâm"* tức là cõi lòng nguội lạnh, không mong cầu điều gì, thờ ơ, hờ hững, không quan tâm đến gì nữa. Dĩ nhiên sẽ không thể lo tấn tu đức hạnh, đạo nghiệp!

có thể đoan chắc. Quán Kinh lấy *"hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu mười thiện nghiệp và thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi và phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"* làm chánh nhân của Tịnh nghiệp. Trong mười một việc này, hành được một việc, dùng tín nguyện sâu, hồi hướng vãng sanh đều được như nguyện. Huống chi hơn ba mươi năm, phu nhân khắc khổ tinh ròng tu tập, vĩnh viễn dứt được thói quen của nữ giới, tận lực giữ khuôn phép khuê các, hai mươi năm qua nhất tâm niệm Phật, chán nhàm Ngũ Trược sâu xa, mong sanh về Liên Bang. Lúc lâm chung con hỏi còn sợ bị nhiễu loạn, chẳng được sanh về Tịnh Độ thì sẽ phải sanh về nơi đâu!

Nếu như phu nhân chẳng biết hết thảy pháp [đều là] không, chẳng có lòng nhu hòa, nhẫn nhục và tâm đại từ bi thì lúc mới vu quy, ắt sẽ hằng ngày chăm chút trang điểm, chỉ chuyên chú ăn ngon, mặc đẹp, há chịu cơm rau, áo vải, cam chịu đạm bạc giống như một vị lão đầu-đà trong chốn núi sâu ư? Như bà hành thí xả đến nỗi nhà cửa sa sút chẳng hối hận thì vẫn chưa phải là khó, giạm hỏi nhằm dâu mù mọi người đều khuyên thoái hôn vẫn kiên quyết không nghe, lại càng thương xót. Đấy đều là những chỗ hé lộ lòng đại từ bi, nhu hòa, nhẫn nhục. Ai nấy đều cho đó là khó khăn, nhưng phu nhân trọn chẳng nghĩ là khó vì đã biết hết thảy pháp [đều là] không. Nếu không [biết như vậy], những tướng nhân - ngã chẹn ngang trong ngực, quyết chẳng thể coi người khác như chính mình, coi phú quý như phù vân, vui giữ phận nghèo, lấy pháp làm niềm vui. Đến lúc

cuối cùng biết trước lúc mất, con hỏi thấy được gì vẫn răn *"đừng nhiễu loạn chánh niệm"*, bảo treo đèn ngoài cửa Đại Từ Bi Thất rồi liền ngồi qua đời. Trong tâm bà cố nhiên đã đem những tình mẹ con yêu thương, danh dự thế gian gạt bỏ hết sạch. Chuyện này thật ra thuộc loại *"châm kim xuống ngay đảnh đầu, trừ phi da dầy ắt thấy đau ngay"*. Hai tay mềm mại biểu thị sử dụng tánh đức nghèo và bệnh để làm chứng cớ cho lòng từ bi, nhẫn nhục. Ôi! Như phu nhân có thể nói là người hoàn thiện đôi bề. Trong đời hiện thời, giáo huấn "giữ yên cửa nhà" bị buông lỏng chẳng được đề cao, nếu chẳng có người phát tâm đại từ bi dùng thân làm gương hòng giữ vững [giáo huấn ấy] thì còn biết nhờ vào đâu? Cổ nhân nói: *"Dùng lời lẽ để dạy thì còn bị tranh cãi, chứ dùng thân để dạy thì [mọi người] đều vâng theo"*.

Đối với cả Nho lẫn Phật, phu nhân đều kham nêu gương. Bà chính là bậc nương theo bản nguyện làm bậc mẫu nghi chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ lưu. Tôi bẩm tánh cương trực, học thức nông cạn ngoài da, vì thế tự chôn sống ngoài hải đảo để mong giấu dốt, hầu tránh khỏi tội khiên, nhưng cư sĩ Tâm Tam lại lầm tưởng tôi là bậc tri thức, nên mới gởi thư thỉnh giáo. Do vậy, tôi chẳng biết kiêng dè, buông lời thẳng thừng, ngỡ ông ta nhất định tuyệt giao, ngờ đâu ông lại bội phục, ắt là trong gia đình khéo được dạy dỗ. Ông vẫn tiếc là chưa thể biểu lộ đức đẹp, lòng trinh của mẹ nên bèn viết rõ tâm hạnh, tu trì của thân mẫu xin tôi thuật bày. Vì thế, tôi bèn phát huy những nghĩa lý ẩn kín để những người làm cha mẹ và làm thân phụ nữ trong cõi đời biết cách học theo, ai nấy khéo dạy dỗ con

gái để mai kia giúp chồng dạy con. Nếu là những đứa có thiên tư sẽ đều là bậc hiền sĩ thân lành giác ngộ cõi đời, nếu là đứa không có thiên tư thì cũng là người dân lành vâng giữ quy củ, ắt là thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, hết sức cầu chúc vậy!

16. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín về sự thực vãng sanh của Diêu Phu Nhân nhà họ Mã

Quyến thuộc trong thế gian đều có nhân duyên, Bồ Tát nương nguyện còn chúng sanh theo nghiệp. Thiện - ác đều do từng loại mà tụ hợp, chủng tánh trọn chẳng sai. Hiếu Kinh nói: *"Muốn biết cha hãy nhìn vào con"*. Dịch Truyện ghi: *"Mọi thứ tụ họp theo từng loài, vật chia ra thành bầy"*. Vì thế, ngài Duy Ma Cật ở Tây Thiên, Phó Đại Sĩ, Bàng Cư Sĩ ở cõi này, cả nhà đều triệt ngộ tự tánh, tự chứng Vô Sanh, đến - đi tự tại, đắc đại giải thoát. Gần đây, danh nhân các giới mở rộng tầm mắt, đều cùng tôn sùng Phật pháp, ngầm chuyên tu trì. Cư sĩ Mã Thông Bạch ở Đồng Thành, tỉnh An Huy chính là bậc đại gia trong giới văn học hiện thời, trước thuật rất phong phú. Thoạt đầu cũng tiêm nhiễm ý kiến của Hàn, Âu, Trình, Châu, chẳng những không biết Phật là người như thế nào, lại còn chẳng biết nhất niệm tâm tánh của chính mình và Phật xét về bản thể trọn chẳng có hai. Đến khi về già, học thức ngày càng tiến, kiến địa ngày càng cao, mới biết Phật là bậc đại thánh nhân, giáo pháp của Ngài có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Từ đấy, hằng ngày tụng kinh Kim Cang, trì thêm danh hiệu Phật để mong lìa trọn vẹn tứ tướng, triệt

chứng nhất tâm, thoát khỏi ngũ trược ngay trong một đời này.

Cô con gái thứ ba của ông tên là Quân Cán khá thông minh, thông hiểu văn chương, có phong thái của bậc liệt nữ thời cổ, ông Thông Bạch rất thương yêu, nhưng đối với Phật pháp cô ta hoàn toàn không tin tưởng. Về sau, bị bệnh rất khổ chẳng thể chịu đựng được; Thông Bạch thương xót, đối trước cô niệm kinh Kim Cang. Cô vừa nghe tiếng tụng kinh thân tâm liền an lạc. Đến khi tiếng tụng kinh dứt lại thấy đau khổ. Thông Bạch liền vì cô niệm kinh suốt đêm. Cô chợt ngồi dậy bảo đừng niệm nữa, giống như người khỏe mạnh. Lại nói: *"Đối với những đạo lý kinh Kim Cang đã nói, con đều ngộ được"*. Cô lại muốn hiện tướng đại nhân, nói pháp Vô Sanh để hết thảy những ai thấy nghe đều gieo căn lành, bèn giả vờ nói nhà cửa chật hẹp, muốn đến y viện dưỡng bệnh; bởi lẽ Thông Bạch và người con rể tên Phương Thời Giản cùng trú ngụ tại kinh đô, thuê nhà cùng ở nên chẳng thể rộng rãi, u nhã được. Thông Bạch thấy con đã quyết chí, bèn bảo chồng cô ta đưa vào Đức Quốc Y Viện, chọn gian phòng tốt đẹp nhất cho cô nằm. Cô bảo chồng và y tá đi ra hết, rồi bèn ngồi chắp tay qua đời. Ôi chao lạ lùng thay! Cô này cũng giống như cô Linh Chiếu con gái Bàng Cư Sĩ, đợi cha vừa rời khỏi tòa liền tọa thoát ngay nơi tòa ấy, nào có khác gì?

Lý Mộc Công vốn hoàn toàn không tin Phật, nghe Thông Bạch kể nhân duyên ấy, cả nhà bèn quy y Tam Bảo. Phẩm Phổ Môn nói: "*Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp*", há chẳng tin ư?

Chồng cô ta là Thời Giản, dù được hiện tướng ấy, kiến giải vẫn cứ hẹp hòi, đối với hành trạng [của cô ta] lại còn vùi lấp đi, tội lỗi ấy chẳng nông cạn. Nay được cháu ông Thông Bạch là Hỗ Đình đem chuyện vãng sanh của bà thím và con bà ta là Căn Vĩ xót xa chỉ bày, mới biết Thông Bạch và vợ con ông ta đều có lai lịch lớn chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.

Căn cứ theo hành trạng, vợ ông Bạch họ Diêu, húy là Trạch Nhuận, được gia đình dạy dỗ cẩn thận từ nhỏ, thông hiểu đạo làm vợ, thờ cha mẹ, bố mẹ chồng một niềm kính cẩn. Mẹ chồng bệnh nặng, bà cắt thịt đùi hòa với thuốc, cầu khẩn với trời. Nhà vốn thanh bần, Thông Bạch dạy học, phu nhân thay chồng lo liệu việc nhà hết sức cần kiệm, nên chồng khỏi phải lo nghĩ. Dạy con cái đúng phép tắc, được xóm giềng khen ngợi. Mấy chục năm qua, trải bao nhiêu biến động trong đời, chán nhàm vô thường sâu xa, liền chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu thoát khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc. Tuổi ngoài bảy mươi vẫn khỏe mạnh. Đầu mùa Thu năm nay, thị hiện chút bệnh nhẹ, ăn uống giảm dần, nhưng sớm khuya lễ bái, trì tụng chưa từng gián đoạn chút nào. Đến ngày mồng Bốn tháng Tám, vừa mới đi nằm thì ngực bị nghẹn hơi, bảo con gái là Quân Vỹ và cháu dâu là Tôn Hiếu Đạt thay mình tụng kinh. Hiếu Đạt chính là vợ của Hỗ Đình; là người hằng ngày thường cùng bà tu tập Tịnh nghiệp khuyến khích lẫn nhau, nên thường chầu chực bên bà để phụ trợ. Đến đêm mồng Chín, phu nhân thấy chư Phật quang minh rạng rỡ, bèn phục trên gối lễ bái.

Lại thấy đức Quán Âm duỗi tay ra, bèn nắm lấy tay Bồ Tát, liên tục xưng niệm danh hiệu Bồ Tát không ngừng, bảo Hiếu Đạt tụng kinh Di Đà. Hiếu Đạt tụng đến đoạn kinh nói về các thứ trang nghiêm trong cõi Phật, bà nói: "Cảnh giới như vậy rành rành ngay trước mặt, ta thấy chẳng khác gì kinh nói cả!" Người nhà vây quanh niệm Phật theo, có người nuốt lệ, phu nhân quở trách: "Sao lại như thế? Gây phiền lụy cho ta!" Đến giờ Ngọ ngày mồng Mười, môi còn khẽ động, thoạt lâu sau bèn qua đời, vẻ mặt vàng tươi. Phía chân mày và trán sáng láng như gương, trên đảnh khí nóng tỏa ra ngoài cách đầu gần cả thước như thể đang được nung nấu. Ấy chính là biểu hiện của Tịnh nghiệp thuần thục, thân tâm thanh tịnh vậy.

Phàm muốn học Phật pháp trước hết phải tận lực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Xét những việc hiếu dưỡng cha mẹ, bố mẹ chồng, cũng như dạy con thì đấy chính là như Quán Kinh nói *"hiếu dưỡng cha mẹ, hành điều nhân từ thế gian"*. Bà nhàm chán vô thường sâu xa, chuyên tu Tịnh nghiệp, lại được người cùng chí hướng khuyến khích hỗ trợ, có thể nói là những nghĩa *"chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm"* và *"phát Bồ Đề tâm, khuyến tấn hành giả"* đều đầy đủ cả. Đã có đủ chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật thì chắc chắn cảm được cái quả *"cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tịnh Độ"*. Những kẻ trong cõi đời chẳng trọn hết bổn phận để giữ vẹn lòng hiếu, lòng từ, lầm lẫn muốn cậy vào Phật từ lực để đới nghiệp vãng sanh thì Phật lực, pháp lực tuy chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vì tâm địa của chính mình bất chánh và trái nghịch với chánh

nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật nên chắc chắn khó đạt được cái quả *"vĩnh viễn lìa các sự khổ, thường hưởng những sự vui"*. Người tu Tịnh nghiệp hãy nên lấy đó làm gương!

17. Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của chuyện cư sĩ Liễu Nghĩa Tào Vân Tốn thí nhà để lập Niệm Phật Lâm

Phật pháp rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, lý vốn tự tâm, tuy hạng phàm phu sát đất vẫn chẳng thiếu sót mảy may nào, nhưng đạo vượt khỏi những tình kiến thông thường, nếu chẳng phải là mười phương chư Phật sẽ chẳng thể hiểu biết trọn vẹn. Nếu luận sâu sát về pháp khế lý khế cơ thì chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất. Đạo tự lợi lợi tha, chỉ có phước đức chẳng trụ vào tướng để bố thí mới bằng được mười phương hư không. Cư sĩ Liễu Nghĩa đã nghe được pháp môn Tịnh Độ, công huân thù thắng, dẫu là kẻ phàm phu sát đất trọn đủ Hoặc nghiệp, chỉ cần có thể sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, tâm tâm tiếp nối, quyết định cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Do vậy, bèn phát đại Bồ Đề tâm, tu hạnh tối thù thắng. Lại muốn cho pháp giới hữu tình đều cùng được lợi ích, vì thế bèn dốc cạn tinh thần sức lực đề xướng tán dương. Con người có cùng một tâm này, tâm có cùng một lý này, đã được phát huy chỗ uyên áo thì không ai chẳng muốn được lợi ích.

Do vậy, thiện tín dự hội nhiều đến mấy trăm người, đều đầy đủ tín nguyện, dốc sức tu Tịnh nghiệp. Cư sĩ

mừng rỡ khôn ngăn, liền đem căn nhà của mình đang ở hiến cúng hết, biến nơi đó vĩnh viễn thành Cư Sĩ Niệm Phật Lâm. Ý ông chỉ muốn mình và người đều cùng tu Tịnh nghiệp, cùng trong một đời này vãng sanh Tây Phương, và hết thảy thiện tín xa gần, kẻ thấy, người nghe đều cùng phát khởi cho trọn khắp hoàn vũ, tồn tại vĩnh viễn chẳng suy mất. So với chuyện cầu danh dự trong thế gian và phước báo nhân - thiên thật khác biệt một trời một vực! Những người cùng liên xã cảm kích trước thạnh tình ấy, thầm sợ rằng nếu chẳng lập chứng cứ sau này sẽ bị mất đi, khiến cho tấm lòng một phen lợi người của cư sĩ bị biến thành đoạn diệt. Do vậy, bèn báo lên huyện lập giấy tờ, khắc bia đặt trong Niệm Phật Lâm, không chỉ nhằm để tán dương thạnh đức của cư sĩ mà quả thật còn nhằm để phát khởi nhiệt tâm cho người thấy nghe.

Lại do Bất Huệ tu tông này đã lâu nên bèn gởi thư, sai viết lời tựa dẫn giải ngõ hầu người đọc nghe đến phong thái ấy bèn khởi tâm, lần lượt truyền dạy, hoằng dương, theo chiều dọc là đến tận đời vị lai, theo chiều ngang là trọn khắp mười phương, khiến cho lời đức Như Lai dạy *"hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật"* đều thành sự thực, chẳng đến nỗi còn có chỗ tiếc nuối! Bất Huệ vâng theo thạnh tình ấy, kính cẩn trình bày đại lược những chỗ khó - dễ, nhanh - chậm trong việc y theo hết thảy pháp môn và pháp môn Tịnh Độ tu hành hòng liễu sanh tử, chứng Vô Sanh, ngõ hầu ai nấy tự xét sức lực của mình mà tu hành, chẳng đến nỗi bị tổn hại vì theo pháp chẳng khế hợp căn cơ,

luân hồi dài lâu trong tam đồ lục đạo, không thể thoát ra được!

Hết thảy các pháp môn được nói trong giáo pháp một đời của đức Như Lai không pháp nào chẳng nhằm làm cho chúng sanh đoạn phiền Hoặc liễu sanh tử, chứng Vô Sanh Nhẫn thành Phật đạo. Nhưng căn cơ của chúng sanh bất nhất, cho nên mỗi người đạt được lợi ích khác biệt. Những ai có túc căn sâu dầy thì có thể đoạn sạch được Kiến - Tư ngay trong một đời này, vượt thoát tam giới, tiến lên học theo đạo Bồ Tát *"trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh"* để cầu viên mãn Bồ Đề, may mắn gì hơn? Nếu như căn cơ kém cỏi hơn đôi chút, dẫu có sức Thiền Định sâu, triệt ngộ tự tâm, nhưng chưa đoạn được Kiến - Tư, ắt vẫn phải luân hồi y như cũ! Huống gì từ đời này sang đời khác, làm sao có thể tự bảo đảm được? Hễ bị phước làm mê, ắt đọa thẳng vào tam đồ! Kẻ kém hơn thì còn gì để nói nữa! Đấy là chỗ khó khăn của việc dùng tự lực để liễu sanh tử vậy.

Đức Như Lai sớm biết chúng sanh đời Mạt không có sức đoạn Hoặc, nên đặc biệt mở ra một pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khiến cho hàng Pháp Thân đại sĩ và hạng phàm phu đầy dẫy triền phược cũng như tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cực nặng đều cùng trong một đời này vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương thì liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh, ai nấy tùy theo khả năng của chính mình mà ngộ chứng. Tâm từ bi vỗ về, nuôi dạy ấy dù có lấy thiên địa phụ mẫu cũng chẳng thể sánh ví được muôn một. Bởi lẽ, pháp môn này cậy vào sức tín nguyện niệm Phật của chính mình để cảm sức từ bi

nhiếp thọ của Phật, cảm ứng đạo giao, cho nên chẳng cần đoạn phiền hoặc mà đới nghiệp vãng sanh. So với cách cậy vào tự lực thì khó - dễ dù có hết cả năm cũng chẳng thể nói trọn. Người niệm Phật nếu biết được nghĩa này sẽ tự chết được cái tâm chụp giựt, chuyên tu pháp môn này, chẳng đến nỗi ham cao chuộng xa, bị những lời lẽ của kinh giáo hay tri thức lay chuyển để rồi bỏ pháp này tu những pháp khác. Xin khắp những ai thấy nghe đều tin tưởng chắc chắn!

18. Bày tỏ những ý nghĩa ẩn kín của lời tựa chúc thọ cho tiên sinh Cừu Trác Đình và phu nhân

Con người sống trong vòng trời đất hình vóc nhỏ nhoi thay! Sao lại có thể sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài? Ấy là do con người đồng một tâm này, tâm cùng một lý này, ai nấy có thể là Nghiêu - Thuấn, ai nấy đều có thể làm Phật. Do có đủ công năng, đức dụng tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, giữ gìn giềng mối càn khôn, nên mới mang danh xưng tốt lành ấy. Nếu kẻ nào chẳng tự gắng sức đào luyện, cam bề phàm ngu, sống làm thịt đi thây chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, sống có hại cho xã hội, quốc gia, chết chịu khổ trong tam đồ, ác đạo, thì chính là vì không cẩn thận trong hành vi mà nên nỗi, chứ chẳng phải vì thiên chân Phật tánh sẵn đủ có gì sai khác! Vì vậy, Khổng Tử nói: *"Về tánh chất thì gần giống như nhau, nhưng do đào luyện mà thành ra sai khác"*. Như nói đến *"tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, gìn giữ giềng mối càn khôn"* nào phải chỉ là nói về những ai có

địa vị! Dẫu là thất phu, thất phụ đi nữa, ai nấy đều có thể dốc sức thực hiện. Nếu có thể chánh tâm thành ý, tự tu sửa cái thân để làm sáng tỏ Minh Đức, lòng thành bên trong thấu tỏ ra ngoài, tất nhiên người trong nhà, láng giềng, làng xóm, thân thích, bầu bạn thảy đều thấy được, cảm nhận được, ngấm ngầm được cảm hóa, thay đổi mà không hay không biết. Vì thế, khi trong làng có một vị thiện sĩ thì làng ấy càng thêm thuần hòa, nghiêm cẩn, yên tịnh, như Trần Thật Uyển đời Hán giáo hóa chàng quân tử trên kèo nhà khiến đạo tặc trong làng ấy tuyệt tích, người cô có đạo nghĩa nước Lỗ muốn bảo vệ đứa con nối dõi của anh mình khiến cho quân địch nước Tề lập tức lui binh[114]. Đấy chính là đầu mối để thất phu, thất phụ tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, giữ gìn giềng mối vậy.

Mạnh Tử nói: *"Nghèo cùng thì riêng thân mình thiện, hiển đạt thì làm cho thiên hạ cùng thiện"*, đấy chính là hướng theo đa số mà luận vậy. Trong cõi đời ngày nay, thế đạo nhân tâm đều đã suy vi đến cùng cực,

---

[114] Theo Liệt Nữ Truyện, thiên Tiết Nghĩa, khi quân Tề sang đánh nước Lỗ, thấy một người đàn bà quê tay ẵm một đứa con, tay dẫn một đứa nữa bỏ chạy. Quân Tề đuổi theo, chợt người đàn bà ấy bỏ đứa bé đang bồng xuống, ẵm lấy đứa kia chạy, mặc cho đứa nhỏ khóc lóc chạy theo. Quân Tề lấy làm lạ, bắt người đàn bà lại tra hỏi. Bà ta nói: "Đứa lớn là con của người anh tôi đã mất, đứa nhỏ là con ruột" "Sao bà lại bỏ con dứt ruột đẻ ra để cứu con anh mình?" Bà ta đáp: "Con tôi là tình riêng, còn con anh tôi là nghĩa chung. Nếu bỏ nghĩa chung để lo cho tình riêng thì vua chẳng dung, quan chẳng tha thứ, người nước Lỗ chẳng nhìn đến tôi nữa. Bỏ con đau đớn lắm chứ, nhưng thà bỏ con để trọn nghĩa, chứ vô nghĩa làm sao nhìn mặt người nước Lỗ cho được?" Tướng Tề bèn đóng quân lại, sai sứ tâu với vua Tề: "Chưa thể chinh phạt nước Lỗ được! Người dân nơi biên cảnh còn trọng đạo nghĩa như thế, chẳng chịu để lòng riêng tư làm hại đến lẽ công chánh, huống chi triều thần, đại phu!" Vua Tề nghe theo, cho rút quân.

chỉ cầu tự tư tự lợi, gạt bỏ đạo đức nhân nghĩa không ngó ngàng đến gần như hết thuốc chữa! Nhưng thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Nếu như ai nấy đều đứng lên gách vác trách nhiệm này, ai nấy đều giữ phận sống yên, biết nhân hiểu quả, hiếu cha mẹ, kính anh, đôn đốc tông tộc, nghiêm túc dạy dỗ con cái khiến cho chúng trở thành người lương thiện thì chỉ trong mười mấy năm, trong đời ai cũng là hiền nhân. Người hiền tạo ích lợi cho nhau, ắt sẽ cảm được thiên hòa[115], thiên tai, nhân họa nào còn có nữa! Do vậy, biết rằng xiển minh nhân quả, khéo dạy con cái chính là căn bản để thiên hạ thái bình.

Như vợ chồng ông Cừu Trác Đình ai nấy đều biết là người có nhiệt tâm thạnh đức, dùng tấm lòng vô tư, chí thành, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, nuôi nấng các cháu, châu cấp kẻ bần cùng, chấn hưng trường học, tin tưởng sâu xa vào Phật pháp và nhân quả, tế độ u hồn, cứu giúp sanh mạng, là gương sáng cho xóm làng, làm bậc mô phạm cho đồng nhân, khiến cho con cái, dâu, cháu đều hiền - hiếu, gia đạo hưng vượng, con cháu đông đầy[116]. Nhưng không ai biết đức ấy, tâm ấy vốn do từ vô lượng kiếp đến nay phụng hành lời dạy *"không làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đối xử với mọi người bằng lòng nhân bình đẳng, tự lợi lợi tha"* của

---

[115] Thiên hòa: Nói tắt của *"thiên thời, địa lợi, nhân hòa"* tức thời cơ tốt đẹp, thuận lợi về mặt vị trí (hiểu theo nghĩa rộng là về mặt vật chất) và con người đồng lòng đoàn kết.

[116] Nguyên văn *"lân chỉ trình tường"* (dấu chân lân hiện điềm lành). Điển tích này xuất phát từ bài thơ Chu Nam trong kinh Thi, ca ngợi con cháu Văn Vương đông đảo đức hạnh. Về sau, mỗi khi mừng ai sanh con trai, người Hoa thường tặng bức liễn có bốn chữ này.

đức Phật, lại thêm từ khi sanh ra đã được hiền phụ, hiền mẫu un đúc, giáo hóa, dưỡng dục mà thành ra như vậy.

Tiên sinh và phu nhân sắp đến bảy mươi, đồng nhân muốn chúc hai cụ sống lâu trăm tuổi, bèn kính cẩn chép lại những hành trạng hai cụ để góp phần chúc thọ, lại xin Bất Huệ tùy hỷ tán trợ. Trộm nghĩ: Trong lời tựa đã nêu bày đầy đủ đức của tiên sinh và phu nhân. Nếu chỉ viết xuông những câu văn bóng bảy để tán tụng thì chẳng những Bất Huệ tôi không thể làm được mà cũng không nên làm như thế. Do vậy, bèn suy xét nơi cái gốc để viết ra những lời lẽ nhằm phát huy những nghĩa lý còn bị ẩn kín. Phải biết: Tuổi thọ của con người vốn vô thủy vô chung. Do Chân Như Diệu Tánh bị phiền não Hoặc nghiệp che lấp mà tùy nghiệp thăng trầm trong lục đạo luân hồi, nên tuổi thọ rút ngắn chẳng thể kham diễn tả được nổi. Đức Như Lai thương xót bèn nói pháp đoạn Hoặc chứng Chân để họ hoàn lại cái gốc, trở về nguồn, siêu phàm nhập thánh. Trong ấy, pháp hạ thủ dễ thành công cao thì chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương là bậc nhất. Con cụ Cừu là Tố Doanh lập An Dưỡng Đường để làm chỗ cho song thân tu Tịnh, thật đã hiểu được đại thể của việc chúc thọ. Đợi đến khi [song thân] trăm tuổi, vãng sanh Tây Phương chứng vô lượng thọ thì mới là thật nghĩa rốt ráo của người con hiếu tôn kính cha mẹ, mới đáp được lòng thành ngưỡng mộ của đồng nhân ca tụng đức chúc thọ [cha mẹ] (Tố Doanh hiệu là Bội Tịnh).

19. Nêu bày nghĩa lý ẩn kín về hành trạng của Lâm Phu Nhân mẹ ông Tôn

Một niệm tâm tánh của chúng ta và tam thế chư Phật trọn chẳng khác gì. Nhưng trí - ngu, sướng - khổ khác biệt một trời một vực là do sự tu tập trong đời trước và đời này có thiện - ác, thuận - nghịch mà ra. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Nếu muốn biết rõ hết thảy tam thế Phật, nên quán pháp giới tánh: hết thảy duy tâm tạo"*. Nói *"pháp giới tánh"* chính là nói đến tánh Chân Như mầu nhiệm mà chúng sanh và Phật đều cùng có, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, trong sanh tử chẳng nhơ, chứng Niết Bàn chẳng tịnh, hằng cổ hằng kim, chẳng dời, chẳng biến, trạm tịch thường hằng, như như bất động. Tánh ấy tôn quý nhất, vì thế dù chúng sanh có mê đến cùng cực thì Như Lai vẫn hoàn toàn chẳng có một niệm buông bỏ, vẫn giáo hóa nhiều cách cốt sao họ khôi phục được bản tánh. *"Hết thảy duy tâm tạo"* chính là nói tu tập thuận hay nghịch. Thuận tu thì là người, là trời, là Thanh Văn, là Duyên Giác, là Bồ Tát, đến tối cực là viên thành Phật đạo, an trụ Tịch Quang; còn nghịch tu thì đọa vào Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, cùng cực là đọa mãi trong A Tỳ địa ngục trải trần điểm kiếp, chịu các sự khổ cùng cực, không do đâu thoát lìa được! Do vậy, ta thấy mười pháp giới đều do sự tu tập xưa nay mà ra, cho nên Khổng Tử mới nói: *"Xét về tánh thì gần giống nhau, nhưng do sự đào luyện mà khác xa nhau"*. Hiểu rõ điều này mà chẳng bỏ mê theo ngộ, trái trần hiệp giác, thận trọng tu tập thì là chuyện chưa bao giờ có vậy! Đạo để bỏ mê theo ngộ, trái trần hiệp giác cố nhiên chẳng phải là một mối; tìm

lấy một pháp hạ thủ dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh thì chỉ có mình pháp môn Tịnh Độ là được như vậy!

Lâm phu nhân là mẹ đẻ của ông Tôn Khánh Trạch, xưa đã trồng cội đức, bẩm tánh hiền thục, hiếu thảo cha mẹ, tôn kính chồng, dạy con, cai quản việc nhà, châu cấp kẻ nghèo cùng, túng thiếu, cứu giúp sanh mạng, đều đáng làm bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Bà lại còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu trì Tịnh nghiệp, từ trẻ đến già không hề phế bỏ. Huống chi đã mang thân nữ khó thể đi xa tham học với bậc cao nhân, lại sống ở Ngọc Điền[117], rất ít bậc thượng sĩ hoằng pháp, mà vẫn suốt đời khăng khắng tu trì thì chính là do nhiều kiếp huân tu tạo thành vậy.

Xét khi xưa, lúc phu nhân về với ông Tôn, nghèo cùng không đủ ăn, cần cù, vất vả quá người làm công. Tuổi trung niên trở đi, nhà cửa mới dần dần dư dả, có năm người con, mười mấy đứa cháu, tôi tớ rất đông. Lẽ ra nên an nhàn hưởng thụ, nhưng bà vẫn chịu thương, chịu khó như cũ, chỉ mặc áo vải thô, chẳng mặc lượt là, giặt giũ, chằm vá, chẳng nỡ bỏ đi. Thấy người khác đói rét khác nào chính thân mình đang khổ, ắt phải thí tiền cho cơm thì tâm mới yên. Có ai đến cầu xin bèn vui vẻ cho ngay. Đối với côn trùng, kiến bọ, đều răn [người nhà] chớ gây tổn thương; đối với rắn, rết, độc vật cũng dạy tìm cách đuổi đi, trọn chẳng chịu gây thương tổn cho chúng. Ấy là vì muốn cho con cháu đời đời giữ đạo

[117] Huyện Ngọc Điền nằm ở vùng Tây Bắc tỉnh Hà Bắc. Thời đầu Dân Quốc, đường sá nơi ấy rất hiểm trở.

cần kiệm nhân từ, lấy chính thân mình làm gương, ngõ hầu con cháu hành theo. Bình thời, cụ hay đem chuyện nhân quả báo ứng răn dạy con cháu, thường bảo: *"Lợi người thật ra là lợi mình, hại người khổ hơn hại mình rất nhiều. Phàm suy nghĩ, xử sự, nói năng đều phải quy vào phương diện từ thiện mới nên. Nếu các ngươi làm được như thế thì mới khỏi gây thẹn cho người sanh ra mình. Nếu không, dù phú quý tột bậc vẫn là đại oan gia ô nhục tổ tông"*. Do vậy, con cháu cụ đa số đều thuần hậu, kính cẩn, chẳng nhiễm thói tục hiện thời.

Chuyện lạ nhất là vào mùa Đông năm ngoái, khi chiến tranh nổ ra, Khánh Trạch đưa mẹ đi xa lánh nạn tại nhà họ hàng. Trong lúc ra đi, [mọi người] tâm lo lắng sợ sệt, phu nhân sai đem cái rương đựng quần áo cũ theo, nhưng chẳng nói rõ duyên do. Đến tháng Chạp cụ mất, dùng ngay quần áo ấy để khâm liệm. Tuy nói là cụ tuổi đã tám mươi tám, chẳng thể không dự đoán được, nhưng tâm địa cụ an tường, chẳng bị ngoại cảnh nhiễu loạn, từ chỗ này ta có thể thấy được. Trong lúc phu nhân lâm chung, Khánh Trạch đang đốc suất người nhà đồng thanh niệm Phật, chợt như phát cuồng, xé rách giấy dán cửa sổ. Ngay khi ấy, có hai con bướm to như bàn tay theo cửa sổ chui vào, sắc vàng chen lẫn những vằn đen trắng, rực rỡ phi thường, bay quanh quẩn trong nhà. Người nhà xua đuổi rốt cuộc vẫn không đuổi được. Độ hơn nửa ngày, tẫn liệm xong xuôi, khiêng [linh cữu] sang gian nhà khác, bướm cũng chấp chới bay theo quan tài. Đến khi linh cữu đã đặt yên, bướm mới bay ra khỏi nhà, hướng về Tây bay đi. Khi ấy, nhằm tiết tháng Chạp, huống hồ đất phương Bắc

đang rét căm căm làm sao có bướm được? Khi đó, người trong nhà và thân quyến bảy mươi mấy người đều kinh ngạc, cho là điềm lành chưa từng thấy nghe. Ấy chính là do thạnh đức, tịnh tâm của phu nhân chiêu cảm hòng biểu thị điềm lành lìa khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc, nhưng vì người đời căn cơ hèn kém nên bèn thị hiện thành bướm, chứ nào phải là bướm thật!

Khánh Trạch thuật đại lược tâm hạnh của mẹ, xin Quang phát huy ý nghĩa để khuyên đời. Ôi! Con xiển dương đức của mẹ, cố nhiên là bổn phận nên làm; nhưng xiển dương đức mẹ mà chẳng tu đức thực hành cẩn thận thì còn tệ hơn vu báng lỗi ác cho mẹ. Vì thế, Hiếu Kinh coi lập thân hành đạo, lưu danh hậu thế, khiến cha mẹ vẻ vang là tột cùng của đạo hiếu. Những vị như Khổng Tử, Mạnh Tử v.v… chưa từng thấy họ thuật bày đức của cha mẹ, mà thiên hạ hậu thế không ai chẳng tôn cha mẹ các ngài là bậc thánh phụ, thánh mẫu. Muốn phô bày đức của cha mẹ chẳng thể không biết [điều này]! Hiếu thế gian như thế có thể nói là tột bậc, nhưng chẳng có ích gì cho linh thức của cha mẹ! Nếu luận theo Phật pháp thì hễ cha mẹ còn sống bèn khuyến dụ cha mẹ nhập đạo, ngõ hầu họ bỏ mê theo ngộ, trái trần hiệp giác, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã mất thì chí thành niệm Phật, hồi hướng cho cha mẹ, cúng quải, đãi khách nhất loạt chẳng dùng đồ mặn, ngõ hầu cha mẹ chưa vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh liền tăng cao phẩm sen. Đấy chính là đạo trọng yếu của đức Như Lai để phổ độ chúng sanh khiến họ khôi phục Phật tánh vốn có. Phận làm con muốn báo ân cha mẹ, xiển dương đức của cha

mẹ thì suốt đời phải phụng hành để rộng cảm hóa, chỉ dạy. Lợi ích ấy chỉ có Phật mới biết được, chứ ngôn ngữ, văn tự chẳng thể hình dung được nổi!

20. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín trong chuyện vãng sanh của Tôn phu nhân mẹ ông Thôi

Đạo Thành Minh của thánh nhân, pháp chân thường của đức Như Lai, thất phu, thất phụ đều kham biết được, làm được; bởi lẽ con người có cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Phàm - thánh tuy khác, tâm thể chẳng khác! Vì thế nói: *"Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh. Ai cũng có thể làm Nghiêu - Thuấn, ai cũng có thể làm Phật"*. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, do mê trái nên oan uổng hứng chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi. Phật coi lục đạo chúng sanh đều giống hệt như con một. Huống chi những người sanh lòng tin, phát nguyện, kiền thành trì Phật hiệu, hành đủ mọi điều thiện thế gian, kiêm trì kinh, tụng chú, chí thành hồi hướng để cầu được vãng sanh, có ai chẳng cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn lìa cõi Sa Bà sanh sang Cực Lạc?

Thôi mẫu Tôn phu nhân là người vợ đức hạnh của xử sĩ [Thôi] Chú Xuyên, là mẹ đẻ các ông Tường Cưu, Tường Côn, Tường Hồng, tánh tình trầm mặc, thuần hậu, xử sự cần kiệm, khoan hòa, hiếu thuận cha mẹ, giúp chồng, chăm sóc việc nhà, dạy con, giúp nghèo, cứu nguy, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, thảy đều đáng nêu gương cho hàng khuê các, là bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Nếu chẳng phải là xưa đã có thiện căn, há

có được như thế hay chăng? Cụ lại còn dốc lòng tin tưởng Phật pháp, chân thành thọ Tam Quy Ngũ Giới. Tuổi ngoài bảy mươi bèn chuyên tinh tu Tịnh nghiệp. Con cụ là Tường Hồng lại giúp đỡ mẹ nhiều cách, cho nên bà cụ biết trước lúc mất, chánh niệm vãng sanh, đáng gọi là bậc trượng phu trong giới nữ, là hoa sen nở trong lửa, chẳng cô phụ ơn Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình. Những kẻ tu mi trượng phu trong cõi đời, lắm tài, lắm nghệ, tự cậy mình phi phàm, đến khi lâm chung nghiệp thức mịt mờ, chẳng có gì để trông cậy được, vẫn cứ y như cũ luân hồi trong tam đồ lục đạo, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

Nếu như nói: Thường thấy chép trong sách vở những bậc suốt đời tu trì, Định lực lẫn Huệ lực đều sâu, Tông lẫn thuyết đều thông, giải hạnh tương ứng, rất nhiều vị chẳng giải quyết được sanh tử, vẫn phải thọ sanh. Lẽ đâu Thôi mẫu (Tôn phu nhân) chỉ do năm sáu năm công phu bèn được vãng sanh, liễu sanh tử? Có chứng cứ gì mà biết bà cụ quyết định được vãng sanh?

Đáp: Ông chưa biết duyên do liễu sanh tử có chuyện nhờ vào Phật lực và tự lực vậy! Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Tịnh Độ hoàn toàn cậy vào Phật lực. Cậy vào tự lực mà Kiến - Tư chưa hết sạch thì sẽ không có cách nào thoát lìa sanh tử được! Cậy vào Phật lực nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, ắt được đới nghiệp vãng sanh. Ví như vượt biển, một đằng do tự nổi, một đằng do ngồi thuyền, tuy cùng đến bờ kia, nhưng khó - dễ, an - nguy khác biệt vời vợi như trời với vực. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy về ba thứ chánh nhân Tịnh nghiệp: Một là hiếu dưỡng

cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện Nghiệp. Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi. Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Mười một việc này nếu có được một hai việc, kèm thêm tín nguyện niệm Phật thì đều được vãng sanh. Huống chi Thôi mẫu làm được gần đủ? Hơn nữa, chúng sanh Ngũ Nghịch Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm Phật hoặc được mười tiếng hoặc chỉ được mấy tiếng rồi liền mạng chung, cũng vẫn có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm. Huống chi Thôi mẫu năm sáu năm qua ngày đêm đều hệ niệm ư?

Nói đến chứng cứ thì lúc lâm chung chẳng khởi ái luyến, thầm lặng niệm Phật, giơ tay tỏ vẻ tôn kính, ngồi ngay ngắn qua đời. Mấy tướng lành ấy chính là tướng vãng sanh; huống chi mất rồi, toàn thân đã lạnh, đảnh đầu vẫn còn ấm. Đến khi nhập liệm, diện mạo giống như còn sống. Căn cứ theo thuyết *"đảnh thánh, nhãn sanh thiên"* như kinh luận đã nói thì cụ được vãng sanh còn ngờ chi nữa?

Nếu nói: "Cảnh ấy, Sư chưa đích thân thấy, làm sao biết không phải là do con bà cụ thêu dệt?" Đáp: Thêu dệt thì trong đời cố nhiên là có, ấy là do không biết nhân quả nên mới làm như thế. Tường Hồng muốn cho đồng nhân cùng sanh tín tâm, cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tây Phương, ngõ hầu mẹ ông ta được tăng cao phẩm sen, quyết chẳng phạm tội đại vọng ngữ khiến cho cả mẹ lẫn bản thân đều mắc phải tội nặng tột

bậc "chưa đắc đã nói đắc, chưa chứng đã nói chứng, đem phàm lạm thánh" vậy!

21. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính

Sát kiếp thê thảm trong thời gần đây xưa nay chưa từng nghe thấy. Xét đến nguyên do đều do ăn thịt mà ấp ủ thành, nghĩa là: Ăn thịt là nhân gây nên sát kiếp, sát kiếp là cái quả của việc ăn thịt, rồi quả lại tạo nhân, nhân lại cảm quả, xoay vần giết lẫn nhau để ăn thịt, trọn chẳng có lúc nào ngưng, chẳng đáng buồn ư? Nỗi thảm sát kiếp ai nấy cùng kinh sợ, nhưng nỗi thảm sát sanh ăn thịt, ai nấy cùng vui! Thật chẳng khác gì tự giết mình để ăn thịt và tự giết cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc để ăn thịt vậy. Do đó, kinh Nhập Lăng Già dạy: *"Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay, luân hồi trong sanh tử chẳng ngơi. Không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc, thậm chí bè bạn, người thân ái, kẻ hầu hạ, qua đời khác phải thọ những thân cầm thú. Sao lại bắt lấy những con vật trong số ấy để ăn thịt?"* Lỗi hại của sự ăn thịt chẳng thể kể xiết!

Các thiện sĩ ở Tuyền Châu[118] muốn vãn hồi sát kiếp nên lập ra Đại Đồng Phóng Sanh Hội. Phóng sanh chính là muốn cảm phát lòng từ bi của mọi người, từ đó chẳng nỡ ăn thịt. Đã không ăn thịt thì hiện tại chẳng tạo sát nghiệp, tương lai chẳng phải chịu sát báo. Tuy nói là yêu tiếc sanh mạng loài vật, nhưng thật ra là nhằm bảo

---

[118] Tuyền Châu là một thành phố thuộc vùng duyên hải Đông Nam tỉnh Phước Kiến, nhìn thẳng qua đảo Đài Loan.

vệ sẵn cho bản thân mình. Nếu mọi người cùng mang chí này, khó gì chẳng cảm được thiên hòa. Nếu người phóng sanh cứ phóng sanh, kẻ ăn cứ ăn thì những con vật được thả chỉ hữu hạn, những con vật bị ăn là vô cùng, tiêu trừ sát nghiệp cho cá nhân phóng sanh thì được, chứ chưa thể tiêu trừ sát nghiệp cho những người đồng phận được. Vì thế, thâu tóm những lời lẽ khuyên răn rõ ràng dễ hiểu của cổ nhân, [soạn thành bộ sách] đặt tên là Từ Bi Kính (Gương Từ Bi) lưu truyền khắp trong làng xóm, ngõ hầu người thấy nghe đều dấy lòng từ bi, đều cùng kiêng giết, đều cùng ăn chay hòng vãn hồi kiếp vận, cùng hưởng thái bình. Do vậy, tôi bèn lược thuật lỗi hại của việc ăn thịt để phụ trợ. Nguyện những ai ăn thịt sẽ nghĩ loài vật như chính mình, nghĩ chính mình [đang lâm cảnh khổ] giống như loài vật, nghĩ như thế lâu ngày ắt sẽ bị sức ép đến nỗi ăn thịt cũng chẳng dám, há còn vì mong cầu thỏa mãn bụng miệng đến nỗi tế thần, cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách nếu dùng món chay là không được, cứ phải sát sanh mới được ư?

22. Trình bày nghĩa lý ẩn kín của việc xây kèm tháp của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành vào phần mộ cha mẹ họ Đường

Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể làm Phật, bởi con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này. Những kẻ không làm được đều là hạng tự cam phận kém hèn, chẳng nỗ lực cho nên mới không làm được, chứ không phải là thật sự không thể

làm được! Lễ Kinh nói: *"Uống ăn, trai gái là điều con người ham muốn nhất; chết chóc, nghèo khổ là điều con người chán ghét nhất"*. Nhưng đã có chí làm Nghiêu - Thuấn, làm Phật thì chẳng đem điều chán ghét nhất đổi lấy điều ham muốn nhất. Do vậy, Khổng Tử nói: *"Chí sĩ, nhân nhân vô cầu sanh dĩ hại nhân. Hữu sát thân dĩ thành nhân[119]"* (Bậc có chí, người có đức hạnh tốt đẹp chẳng cầu sống để làm hại đến lòng nhân, có người hy sinh để thành tựu điều nhân). Mạnh Tử nói: *"Sống cũng là điều ta ham muốn, mà nghĩa cũng là điều ta ham muốn. Nếu hai điều ấy chẳng cùng trọn vẹn được thì bỏ cái sống để giữ lấy cái nghĩa"*.

Đối với bà ni Thanh Liên ở am Đại Thành tôi có cảm xúc sâu xa. Ni sư vốn vợ ông X… ở Tây Giao, Võ Tấn[120], xuống tóc từ lúc còn trẻ, tinh tu phạm hạnh, được thiện tín xa gần kính ngưỡng. Năm Hàm Phong thứ 10 (1860) đời Thanh, giặc vây hãm Thường Châu, ni sư mặc ca-sa lễ Phật, nhảy xuống ao trước am. Đến khi giặc tràn đến, thôn lẫn am đều thành cuộc đất hoang vắng. Mấy ngày sau có hai ông Uông và Thiệu ngầm trở về thăm dò, thấy xác ni sư nổi trên mặt ao. Hai ông ngưỡng mộ đức đẹp, tiết tháo trong sạch của ni sư nên đợi đến lúc đêm khuya, vớt xác lên, chôn tạm dưới nền

---

[119] Theo từ điển Từ Hải, thiên Vệ Linh Công của sách Luận Ngữ có câu: *"Hữu sát thân dĩ thành nhân"* và giải thích: Phàm những ai vì chánh nghĩa mà hy sinh đều gọi là "thành nhân". Sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải Giảng: *"Người có chí gọi là chí sĩ, người có đức hạnh tốt đẹp gọi là nhân nhân. Chí sĩ nhân nhân trọn chẳng vì ham sống mà làm hại đến điều nhân, chỉ bỏ mạng giết thân để thành tựu điều nhân vậy. Sát thân thành nhân là hy sinh bản thân nhỏ bé của chính mình để làm lợi cho mọi người"*. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của bộ Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

[120] Võ Tấn là một thị trấn trực thuộc thành phố Thường Châu, tỉnh Giang Tô.

am. Mười sáu năm sau, nhằm lúc Quang Tự cải nguyên[121] (1875), cha của ông Đường Đà là Tuân Chi mất, mẹ ông Đà là bà Trâu Cung Nhân[122] tom góp được mấy chục ngàn [đồng] mua đất làm phần mộ, tức là nền am Đại Thành khi ấy. Người trong thôn muốn bán đất bèn lén đem hài cốt ni sư đem chôn trong khu mộ địa [bà Trâu] vừa tậu, đắp thành một nấm mộ nhỏ. Trâu Cung Nhân xét kỹ nguồn cơn, chẳng những không tỵ hiềm, trái lại còn sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ. Mỗi dịp tế lễ, tảo mộ, anh em ông Đà cũng cúng tế mộ ni sư luôn. Thuở ấy, Trâu Cung Nhân tuổi còn đang thanh xuân, cam phận nghèo, thủ tiết, vì chồng nuôi dạy con cái, gia kế chẳng dư dật, phải siêng năng khâu vá, thêu thùa, giặt giũ quần áo cho người ta để sống qua ngày. Khi ấy, anh của ông Đà là Quang Thịnh mười một tuổi, ông Đà mới chỉ lên năm, em gái vừa lên ba, lênh đênh cô khổ không sao nói nổi. Trâu Cung Nhân gắng sức bươn chải nuôi dạy con khiến cho anh em ông Đà đều thành người có đức hạnh tốt đẹp. Hoàn cảnh của bà tuy khác với ni sư Thanh Liên, nhưng đức đẹp, trinh tâm chẳng thua kém ni Thanh Liên! Đến năm Quang Tự hai mươi tám (1902), Trâu Cung Nhân qua đời, được hợp táng cùng ông Tuân Chi. Anh em ông Đà đi làm việc nơi khác, hơn hai mươi năm chưa cùng tế lễ, tảo mộ.

Đến năm Dân Quốc thứ 10 (1921), anh ông Đà từ quan trở về quê, ông Đà cũng thường từ Thượng Hải trở về đất Thường cùng nhau tế lễ, tảo mộ, tìm mộ phần ni

---

[121] Vua mới lên ngôi, đổi niên hiệu, gọi là “cải nguyên”.

[122] Thời Minh - Thanh, vợ các quan tứ phẩm được gọi là Cung Nhân. Bà Cung Nhân này họ Trâu nên gọi là Trâu Cung Nhân.

sư không được, hỏi chủ đất thì được biết do không tiện cho việc cày cấy, đã dời sang ruộng dâu. Ông Đà bàn cùng anh là Quang Thịnh: "Hiện thời vẫn còn có người biết được đức của ni sư, cho nên còn có ý niệm bảo vệ, gìn giữ [phần mộ]. Nếu không tính kế, sau này khó tránh được nỗi thảm mộ bị dời, xương cốt bị bộc lộ. Huống chi hai vị Uông và Thiệu mạo hiểm để chôn lén, hằng năm mẹ chúng ta dẫn anh em mình đi cúng tế. Nếu bỏ qua việc này không quan tâm đến thì chẳng những phải thẹn với hai vị Uông và Thiệu mà còn đắc tội rất lớn đối với mẹ chúng ta; làm sao bọn ta chịu đựng được nổi!" Do vậy, bèn lựa ngày tốt, dời về chôn chung trong phần mộ cha mẹ. Lại còn lập một tòa tháp đá, viết chữ to *"Đại Thành Am Thanh Liên Ni Sư Chi Tháp"* (tháp của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành), đề ở mặt sau rằng: *"Ni sư đắp ca-sa tuẫn nạn, chí hạnh của ngài đáng tưởng nhớ, nên dời di cốt về chôn trong mộ phần cha mẹ chúng tôi, chỉ mong người đời cùng nhau gìn giữ".* Ý của ông Đà là tính kế lâu dài phòng sau này con cháu dời đi nơi khác, hoặc không còn ai nối dõi, không thể không cầu người đời gìn giữ cho!

Có kẻ can gián, cho là không hợp lẽ, ông Đà nói: "Bà ni này chính là vị Tăng tu hành chân thật trong nhà Phật. Lúc còn sống được xa gần kính ngưỡng, khi giặc sắp tràn đến, liền đắp ca-sa tự nịch[123], chẳng kém những bậc đức đẹp, nghĩa sĩ thời cổ cho lắm! Huống chi mẹ tôi rất khâm phục ni sư, thường bảo anh em tôi cúng tế. Nay đem chôn trong phần mộ của cha mẹ cũng giống như thỉnh cao Tăng về nhà cúng dường, có gì là không

[123] Tự nịch: Gieo mình xuống nước tự tử, còn gọi là tự trầm.

được? Hơn nữa, vị ni sư này đức đẹp, tiết tháo trong sạch, có lẽ đã siêu phàm nhập thánh, nếu cha mẹ chúng tôi thường được thân cận sẽ được nương nhờ từ lực ngài liền được cao siêu tam giới, gởi thân nơi chín phẩm sen. Do vậy, lòng cha mẹ tôi được vui sướng!" Mạnh Tử coi *'phú quý chẳng dâm, bần tiện chẳng đổi chí, oai vũ chẳng khuất phục'* là bậc đại trượng phu. Như bà ni đây thoạt đầu bỏ điều ham muốn lớn lao là "ăn uống, trai gái" để trường trai thờ Phật, tinh tu phạm hạnh, khi mất thì có tiết tháo lớn lao *"tự giết mình để thành tựu điều nhân, bỏ mạng sống để giữ nghĩa"*, ngõ hầu chẳng phụ tánh linh của chính mình, chẳng gây tỳ vết cho sự giáo hóa của Phật, nêu gương cho trời - người, dứt thói tục suy đồi đời Mạt, chẳng đáng gọi là bậc trượng phu trong nữ giới hay sao? [Ni sư] đáng để Đường Đà dựng tháp, lại còn cầm "y câu"[124] cầu khắp các danh nhân đề lời tán thán hòng phát huy u quang nơi đức hạnh ngầm kín của bà ta, mong sao thế đạo khỏi suy đọa vậy. Do đó, tôi bèn nêu bày nghĩa lý ẩn kín như thế đó.

23. Bày tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc lập trường học trong nhà thờ ông Đường Hiếu Tử

Mạnh Tử nói: *"Ai cũng có thể là Nghiêu - Thuấn"*. Lại nói: *"Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là Hiếu - Đễ mà*

[124] "Y câu": Cái móc cài y ca-sa. Ở đây được dùng chỉ hành trạng, đức hạnh của vị xuất gia.

thôi!" Hữu Tử[125] nói: *"Quân tử chăm lo nơi cái gốc, gốc được lập thì đạo sanh. Hiếu - Đễ chính là cái gốc của lòng Nhân vậy".* Như vậy, thành Nghiêu - Thuấn, đạt lòng nhân chẳng ngoài tận lực hành Hiếu - Đễ, thoạt đầu chẳng có gì là lạ lùng, đặc biệt, huyền diệu, gian nan khốn khổ đến nỗi dù muốn làm cũng không thể làm được! Ai nấy phải nên gắng sức để khỏi phụ đức tánh chỉ riêng con người là *"vạn vật chi linh"*, sánh cùng thiên địa gọi là Tam Tài. Trời đất thật rộng, thật lớn, con người chỉ có cái thân bảy thước mà lại có thể xưng ngang hàng với trời đất là vì có thể tán trợ sự sanh trưởng, nuôi nấng của trời đất, kế tục chí hướng, sự nghiệp của thánh hiền. Nếu không, cứ mưu mẹo, quỷ quyệt, bại hoại luân thường, gây loạn phong tục, gây ô nhục cho cả trời đất lẫn nhân loại thì hình dáng tuy là người, nhưng thật ra chẳng bằng cầm thú! Cầm thú chẳng biết lễ giáo, còn con người biết lễ giáo, biết lễ mà trái nghịch thì phải ở dưới loài cầm thú. Con người như vậy sống làm loài cầm thú mặc áo đội mũ, chết ắt đọa trong tam đồ ác đạo.

Con người sao lại khổ sở dùng cái tư chất làm Nghiêu - Thuấn, làm bậc nhân từ, để cam lòng mãi mãi làm loài chúng sanh đáng thương trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, thật ra là do cái tâm gì vậy? Không có gì khác cả, đều là do giáo dục trong gia đình chưa tới nơi tới chốn, cũng như do chính mình chẳng nỗ lực mà nên

---

[125] Hữu Tử (khoảng 518 trước Công Nguyên), tên Nhược, tự là Tử Nhược, người ở Phì Thành, là học trò của Khổng Tử, từng đề xướng thuyết "dùng lễ, coi trọng hòa hiếu". Do ông này khí chất, hình dáng rất giống Khổng Tử, nên sau khi Khổng Tử mất, các môn sinh khác rất kính trọng ông.

nỗi! Gần đây, phong tục Âu Tây dần dần lan đến, những kẻ theo tân học chán cái cũ, thích cái mới, ùa theo như ngựa chạy quàng. Phàm những chỗ hay vì nước vì dân của người Âu thảy đều chẳng học, còn những chỗ khinh miệt lễ nghĩa, loạn luân thường của họ lại dốc sức học đòi. Rốt cuộc phế kinh, phế luận, căm ghét lòng hiếu v.v… không gì chẳng làm, chỉ muốn cho con người hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú mới thôi! Những người có lòng lo cho thế đạo nhân tâm, ai nấy đều ôm lòng lo lắng.

Ông Đường Đà ở Võ Tấn muốn cứu vãn phong tục suy đồi, thấy sự tích của tiên tằng tổ[126] là Đường Hiếu Tử, tức An Bang Công, tuy đã được phô tỏ, chép trong ấp thừa (sổ bộ trong làng), nhưng chưa lập miếu thờ, người biết đến cũng ít nên bèn lập miếu, khắc bia để tỏ rõ đức. Lại lập một trường tiểu học trong miếu thờ, đặt tên là Đường Hiếu Tử Từ Hiệu (trường học trong nhà thờ ông Đường Hiếu Tử) để những con em nhà nghèo nơi ấy đến học, ngõ hầu trông thấy tên nghĩ đến nghĩa, học đòi tiền nhân, giữ vẹn cái gốc, trọng luân thường, tận hết bổn phận. Ban đầu thì hầu hạ, phụng dưỡng cho cha mẹ được an thân; kế đến là lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang. Đã có hiếu thì ắt sẽ có thể dốc sức tu tập hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v… Đã thực hiện được cái đạo làm người thì cái đạo làm Nghiêu - Thuấn, làm bậc nhân từ cũng đạt được, mà cái đạo *"tán trợ quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất, kế tục chí hướng, sự nghiệp của thánh hiền"* cũng có thể tùy phần mà đạt được! Ý của ông Đà là như thế đó.

[126] Tằng tổ: Ta gọi là ông cố.

Do vậy, chẳng từ nhọc nhằn, bán chữ để lo liệu, thật có thể nói là người dốc lòng nơi cái gốc, trọng luân thường, đề cao đức, hâm mộ nghĩa, ông Đà là người hiền vậy. Cháu ông ta là Doãn Trung cũng tùy sức khuyến trợ, đủ thấy trong họ Đường có lắm người hiền.

Tuy thế, ông Đà hiền là có nguyên do. Xét ra, khi ông Đà mới được năm tuổi, cha là cụ Tuân Chi qua đời; khi ấy, anh ông Đà là Quang Thịnh mười một tuổi, em gái mới ba tuổi, gia cảnh nghèo nàn, lênh đênh cô khổ không sao nói nổi. Mẹ ông là bà Trâu Cung Nhân hằng ngày siêng năng khâu vá, thêu thùa, giặt quần áo thuê để kiếm sống qua ngày hầu nuôi dạy con khiến cho anh em ông Đà đều thành người vẹn đức. Bà lại vì chồng mua đất làm nơi chôn cất. Lập xong, người trong thôn dời di cốt của ni sư Thanh Liên thuộc am Đại Thành vào chôn trong đó. Trâu Cung Nhân hỏi han kỹ, biết [ngọn ngành], chẳng những không lấy đó làm điều tỵ hiềm, trái lại còn sanh lòng kính ngưỡng sâu xa. Hằng năm, cúng tế, tảo mộ, dạy hai con đến tế mộ ni sư. Đến khi Cung Nhân mất đi, chủ đất dời [hài cốt ni sư] chôn đi nơi khác. Anh em ông Đà cảm lòng từ của mẹ, lại sợ sau này mất dấu, nên đem về chôn trong phần mộ của cha mẹ, lại dựng tháp để biểu lộ đức cao đẹp, tiết tháo thanh khiết của ni sư. Khi chồng mất, Trâu Phu Nhân tuổi còn rất trẻ, cam phận nghèo cùng, thủ tiết nuôi dạy hai con, kính ngưỡng ni sư đem thân tuẫn pháp[127] giống như Từ Mẫu nước Ngụy[128], người cô có nghĩa đất Tề,

[127] Tuẫn pháp: Vì pháp mà hy sinh.

[128] Theo Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Hội Biên, Từ Mẫu là người xứ Mạnh Dương, thời Châu Ngụy, là vợ sau của Mang Liễu, sanh được ba người con.

đức đẹp, trinh tâm đáng làm gương cho đời. Vì thế, khiến cho ông Đà tuổi quá năm mươi vẫn chẳng giảm lòng quyến luyến, ngưỡng mộ, muốn tỏ rộng lòng hiếu để báo ân mẹ, nên mới lập nhà thờ này, lập trường học trong ấy để dạy con em nhà nghèo trong làng, hòng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Có thể nói là dốc lòng thờ mẹ, trọn hết đạo con.

Do vậy, tôi bèn phát huy ý nghĩa ẩn tàng ngõ hầu hiếu hạnh của An Bang Công và đức ngầm của Trâu Cung Nhân đều được tỏ rõ, khiến cho người thấy nghe thảy đều phát tâm. Hiếu Kinh nói: *"Đại hiếu là kinh của trời, nghĩa của đất, hạnh của dân"*. Do vậy, nói rằng: *"Một lời, một hạnh chẳng hợp đạo đều là bất hiếu!"* Vì thế mới nói: *"Hiếu - Để là cái gốc của lòng nhân. Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là Hiếu - Để mà thôi!"* Phàm những ai làm con không thể không suy nghĩ sâu xa, cực lực hành theo vậy!

Năm người con của đời vợ trước đều không ưa bà. Bà đối xử thật tốt với con chồng, chúng càng thêm căm ghét. Bà dạy con mình chẳng được so bì với con bà vợ trước, thứ gì cũng dành phần hơn cho con chồng. Chẳng lâu sau, đứa con thứ hai của người vợ trước phạm tội, bị xử tội chết. Từ Mẫu hết sức thương xót, sáng tối chạy vạy tìm cách cứu giúp. Có người bảo: "Nó đã không thương bà quá đáng như thế! Sao còn phải nhọc nhằn lo toan như thế?" Bà đáp: "Dẫu con không thương mình, tôi vẫn phải cứu nó. Nếu không như thế, con người vợ trước có khác gì không có mẹ. Vì sợ nó cô đơn nên cha nó phải lấy vợ kế. Kế mẫu làm vợ người ta mà chẳng thương con vợ trước thì có gọi là Từ Mẫu được chăng? Thương con mình, bỏ mặc con chồng, có đáng gọi là Nghĩa hay chăng? Bất từ, bất nghĩa, có đáng sống trên đời nữa chăng? Dẫu nó không thương tôi, tôi quên được nghĩa hay sao?" Có người thuật chuyện với vua Ngụy, vua cảm động bèn hạ lệnh ân xá. Từ đấy năm đứa con chồng đều thương bà như mẹ ruột. Bà dạy dỗ tám đứa con đều thành tài, về sau đều thành đại phu khanh sĩ nước Ngụy.

24. Duyên khởi của Hội Nghiên Cứu Phật Học Cao Châu, tỉnh Quảng Đông (viết thay cho ông Hà Kiếm Tinh)

Phật pháp không gì lớn chẳng bao trùm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu. Y theo pháp này tu tập thì chẳng những có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử, mà đối với đạo *"cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu - tề - trị - bình, làm sáng tỏ Minh Đức, đạt đến chí thiện"* nếu như thấu hiểu Phật pháp sẽ bớt được nửa công sức mà đạt hiệu quả gấp bội. Bởi lẽ những gì thánh nhân thế gian đã nói chỉ nhằm dạy con người trọn hết bổn phận, chỉ có bậc thượng trí mới có thể tuân theo trọn vẹn, chứ nếu là kẻ căn tánh trung hạ ắt sẽ hờ hững bỏ qua. Phật dạy tường tận sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và *"hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ Phật tánh, đều có thể thành Phật",* khiến cho kẻ thượng trí ắt mong chứng được điều mình sẵn có, kẻ hạ ngu cũng chẳng dám phóng túng buông tuồng kẻo chuốc lấy tội khổ trong vị lai, thế tất nhiên sẽ cải ác hướng thiện, mong thành thánh thành hiền, dẫu ở trong nhà tối, phòng kín vẫn thường như đối trước Phật, trời.

Đức Như Lai dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để thâu nhiếp khắp hàng tại gia nam nữ. Tu được Ngũ Giới Thập Thiện sẽ thắng được hung tàn, dứt bỏ giết chóc, bỏ tồi tệ, khôi phục thuần hòa, mãi mãi lìa khỏi ác báo tam đồ, thường hưởng khoái lạc trời - người. Pháp nông cạn nhất còn được như thế, huống chi là pháp sâu xa nhất. Vì thế biết đức Như Lai là đại sư của tam giới, là cha lành của bốn loài, là bậc thánh của chư thánh, là trời của các trời. Do vậy, vua thánh tôi hiền,

người thông hiểu, bậc thấu đạt không ai chẳng y giáo tu tập, hộ trì, lưu thông bởi lẽ hết thảy các pháp lấy tâm làm gốc, chỉ có Phật pháp dạy rõ rốt ráo cái tâm. Xét từ thời Đông Hán, đại giáo từ phương Tây truyền qua. Gần hai trăm năm, chỉ lưu truyền ở phương Bắc. Đến thời Tam Quốc, ngài Khang Tăng Hội cảm hóa được Tôn Quyền, người phương Nam mới bắt đầu được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật. Đến đời Tấn, Phật pháp truyền khắp toàn quốc và Cao Ly, Nhật Bản v.v… Đến đời Đường, các tông đều có đủ, có thể sánh bằng Tây Thiên.

Mấy trăm năm qua, pháp đạo lưu thông, cao nhân như rừng, chép trong các truyện ký không biết bao nhiêu mà kể. Pháp phái Tào Khê phát xuất tại đất Việt Đông[129] ta, truyền tâm ấn của Phật, không ai chẳng sùng mộ. Do vậy, biết đất Việt (Quảng Đông) tuy là nơi biên địa, nhưng lại có đại nhân duyên đối với đại pháp của Như Lai. Do vậy, Thiền Tông hưng khởi mạnh mẽ, trong hai chúng tại gia cũng vẫn có nhiều người triệt ngộ cái mình sẵn có, minh tâm kiến tánh. Đến các đời Tống, Nguyên, Minh, pháp đạo chẳng suy. Vào cuối thời Minh, đột nhiên [Phật pháp] hưng khởi mạnh mẽ, ngài Hám Sơn do hoằng pháp bị sàm báng, phải tội đày đi Việt Đông, [nhờ đó] trung hưng Tào Khê. Khi ấy, giặc giã tứ bề, bá tánh khốn khổ, quan Chế Đài[130] chẳng biết tính cách nào, ngài Hám Sơn dùng lời giảng giải

[129] Đất Quảng Đông còn gọi là Việt Đông.
[130] Chế Đài: Chức quan văn đứng đầu một tỉnh thời Minh - Thanh, sau đổi thành Tổng Đốc.

dẹp tan. Đọc bộ Hám Sơn Niên Phổ và Niên Phổ Sớ sẽ biết dân đất Việt gội ân đức đại sư rất sâu.

Đến khi có nhà Thanh, tôn sùng, kính trọng Phật pháp thật mạnh mẽ, Thế Tổ (Thuận Trị) tuân theo chế định của Phật, bãi trừ lệ thí Tăng và quy chế cấp độ điệp, cho tùy ý xuất gia. Đương thời, cao nhân như rừng, lệnh ấy khá hữu ích, nhưng điềm khiến cho Phật pháp suy vi thật sự đã bắt đầu từ đây. Từ đó về sau, hơn một trăm năm, Phật pháp vẫn còn hưng thạnh. Từ thời Gia Khánh - Đạo Quang trở đi, bậc triết nhân ngày càng hiếm, người nêu gương càng kém, quốc gia chẳng chú trọng đề xướng, tăng lữ suy đồi chẳng gắng sức. Lại thêm vào thời Hàm Phong - Đồng Trị, chiến tranh liên miên, bậc tiền tu đã mất, đám hậu côn (con cháu) cũng chẳng nghe thấy ai, đến nỗi nhiều kẻ thô bỉ, bại hoại, vô lại trà trộn vào pháp môn. Hàng nho sĩ tại gia nếu không có tri kiến lỗi lạc không ai chẳng cho Phật pháp là ung nhọt, cho là vô ích đối với nhân dân, quốc gia, nhưng đại kinh đại pháp *"cách vật trí tri, chánh tâm thành ý, tu - tề - trị - bình và đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử"* của đức Như Lai nếu không nghiên cứu nào ai biết được. Những kẻ theo tân học xuất hiện, lầm lạc cậy vào ý mình, mặc tình gièm báng, khinh nhờn, đến nỗi những kẻ hủy chùa, đuổi Tăng nối nhau dấy lên. Mấy năm gần đây, nhân sĩ các giới mở rộng tầm mắt, biết Phật là đạo độc nhất vô nhị trong thế gian, chẳng những không xung đột với hết thảy triết học, khoa học, chính trị, luật pháp, mà còn có thể giúp cho hết thảy triết học, khoa học, chính trị, pháp luật đều đạt được lợi ích thật sự. Do vậy, phàm những ai có chí

muốn tự thấy được bản lai diện mục và vãn hồi thế đạo nhân tâm không ai chẳng nghiên cứu Phật pháp, thọ Tam Quy để chánh tam nghiệp, vâng giữ Ngũ Giới, tu Thập Thiện, ăn chay, niệm Phật, kiêng giết, phóng sanh, [những chuyện] xưa kia bị chê bai là hạnh của kẻ ngu phu, ngu phụ, nay vĩ nhân, danh sĩ đều làm. Do vậy, mọi nơi đều lập ra hội nghiên cứu Phật học, Phật kinh lưu thông xứ (nơi phát hành, truyền bá kinh Phật). Suy đồi cùng cực ắt sẽ khôi phục, bỉ cực ắt thái lai. Nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cực điểm, nếu chẳng dùng *"nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật"* để giáo huấn, quyết khó thể thâu được hiệu quả. Do một niệm tâm tánh của chúng ta bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, hễ gặp ngộ tịnh duyên bèn chứng tam thừa và Phật pháp giới. Hễ theo mê nhiễm duyên bèn thành nhân - thiên và bốn ác thú pháp giới. Tuy mười pháp giới thăng - trầm, sướng - khổ khác xa như trời với đất, nhưng tâm tánh sẵn có tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Nếu hiểu chắc chắn nghĩa này, dẫu táng thân mất mạng quyết chẳng chịu bỏ ngộ tịnh duyên, chọn lấy mê nhiễm duyên để rồi bao kiếp luân hồi, không thể thoát ra. Do vậy, biết những pháp nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi trị được cả gốc lẫn ngọn, là đại đạo để phàm lẫn thánh cùng theo, là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian, xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong thời buổi hiện tại, nếu bỏ pháp này thì dẫu cho Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu, Khổng cùng xuất thế cũng chẳng biết làm sao!

Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Phật pháp cao vời bị điêu tàn đã lâu, xuất gia lẫn tại gia đều đang trong mộng mị. Những đồng nhân lập ra hội nghiên cứu Phật học và Phật kinh lưu thông xứ để những người có chí tự lập, lập người tùy theo thiên tư của mình mà tu trì. Người sâu xa bèn thấy sâu xa, khó gì chẳng đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Người nông cạn sẽ thấy nông cạn, cũng có thể sửa lỗi làm lành, mong thành thánh thành hiền, vãn hồi thế đạo nhân tâm, thúc đẩy đạo đức của nhân quần, cố nhiên phạm vi chính trị và tôn giáo chẳng giẫm chân nhau, mà cũng chẳng mâu thuẫn nhau. Một lòng thành khăng khăng, xin hãy rủ lòng soi xét.

25. Duyên khởi của Thượng Hải Phật Học Biên Tập Xã

Tâm tánh chính là căn bản để hết thảy phàm - thánh trong mười pháp giới đọa địa ngục hay sanh lên trời, chứng chân, thành Phật. Nhân quả là phương tiện lớn lao để hết thảy thánh nhân thế gian, xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nhưng tâm tánh này ai nấy vốn tự có đủ, chân thường tịch chiếu, mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được. Chỉ do mê chưa ngộ nên chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn dùng sức tâm tánh này để khởi Hoặc tạo nghiệp; do nghiệp đọa khổ, xoay vần trầm luân, mê muội, luân hồi sáu nẻo đến tận đời vị lai, trọn không có lúc thoát ra được, khiến cho đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ta rủ lòng thương xót, khởi lòng Vô Duyên Từ, vận lòng Đồng Thể Bi, chẳng

lìa Tịch Quang, thị hiện giáng sanh trong thế gian, tinh tu phạm hạnh, thành Đẳng Chánh Giác. Do vậy, Phật than: "*Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí liền được hiện tiền".*

Bởi đó, tùy cơ thuyết pháp khiến cho [chúng sanh] được độ thoát. Nhưng do căn khí sai biệt nên pháp không có tướng nhất định, hoặc Tiệm, hoặc Đốn, hoặc Quyền, hoặc Thật, hoặc Hiển, hoặc Mật, hoặc Tánh, hoặc Tướng, cốt sao đều được triệt ngộ, triệt chứng diệu Chân Như tánh *"tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, suốt ngày tùy duyên, nhưng suốt ngày bất biến"* mới thôi. Do tâm tánh này về Thể tuy bất biến, nhưng Dụng lại thường tùy duyên, do thuận theo mê nhiễm duyên dầy hay mỏng sai khác mà thành sáu phàm pháp giới. Do nương theo ngộ tịnh duyên sâu - cạn khác biệt mà thành bốn thánh pháp giới. Đã biết Thể thường bất biến, do mê - ngộ, thuận - nghịch nên Tướng - Dụng khác biệt vời vợi, ai không muốn bỏ mê nhiễm duyên, thuận theo ngộ tịnh duyên, khôi phục thiên chân sẵn có, viên thành vô thượng giác đạo ư? Mười pháp giới mỗi mỗi đều chẳng ra ngoài nhân quả, muốn lìa khổ được vui siêu phàm nhập thánh thì cố nhiên nên chọn lựa cẩn thận.

Lại sợ chúng sanh nghiệp nặng chướng sâu, dù có trồng thiện căn, được sanh trong trời - người, nhưng chưa đoạn Hoặc ắt phải tạo nghiệp, một khi đọa vào ác đạo, chẳng có lúc hết khổ. Vì vậy, do tâm đại từ bi, đức

Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để phàm phu đầy dẫy phiền não trong đời hiện tại liền thoát khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc, cùng với các vị Bồ Tát thuộc những địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v… cùng tụ hội một chỗ, thân cận Phật Di Đà để dần dần chứng được đạo quả. Ôi! Ân Thế Tôn có thể nói là tột bậc, dẫu trời che đất chở cũng khó ví được chút phần! Đến khi chúng sanh căn cơ [phù hợp] đã hết, sự ứng hiện của Như Lai phải thôi dứt, nhưng lòng đại bi lợi sanh trọn chẳng cùng tận. Do vậy, các đại đệ tử phân bố xá-lợi, kết tập Kinh Tạng hòng lưu thông khắp pháp giới, để tất cả đều được thấm nhuần pháp. Đến thời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền sang [Trung Hoa]. Nhưng do phong khí chưa được mở mang nên chỉ lưu truyền ở phương Bắc, đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội khai hóa ở Kiến Nghiệp[131], được xá-lợi của Như Lai giáng lâm, khiến Tôn Quyền hết sức tín ngưỡng bèn dựng chùa xây tháp để hoằng dương pháp hóa. Pháp được lưu truyền ở phương Nam từ đó. Đến đời Tấn, pháp được truyền khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Diến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đấy trở đi, ngày càng hưng thạnh. Đến đời Đường có đủ các tông, có thể nói là cực thạnh. Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoằng Giáo, Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoằng Tông, Nam Sơn nghiêm tịnh Tỳ Ni (Luật),

---

[131] Kiến Nghiệp chính là Kim Lăng (Nam Kinh) ngày nay. Cái tên Kiến Nghiệp đã có từ thời Hán Hiến Đế (181-234); trước đó, đất này được gọi là Kim Lăng dưới thời Sở Oai Vương, Tần Thủy Hoàng đổi thành Mạt Lăng, Hán Hiến Đế đổi tên thành Kiến Nghiệp.

Liên Tông chuyên tu Tịnh Độ. Như những chức vụ thuộc các ty sở của các bộ, như công dụng của sáu căn giúp đỡ lẫn nhau. Ấy là vì Giáo là Phật ngữ, Tông là Phật tâm, Luật là Phật hạnh. Ba thứ tâm, ngữ, hạnh quyết khó thể tách rời, ước theo chỗ chuyên chú mà lập những danh hiệu ấy. Chỉ có mình pháp Tịnh Độ thoạt đầu là phương tiện để phàm phu nhập đạo, chứ thật ra là chỗ quy túc rốt ráo của các tông. Vì thế, kẻ sắp đọa A Tỳ còn được dự vào phẩm cuối, bậc chứng bằng với chư Phật vẫn mong vãng sanh.

Khi Như Lai tại thế, ngàn căn cơ đều được dưỡng dục, vạn phái chầu về; đức Phật diệt độ rồi, bậc hoằng pháp đại sĩ mỗi vị hoằng dương một tông, để mong thâm nhập một môn thì các pháp đều thông. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, mỗi một hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng một châu lại nhập vào trong khắp ngàn hạt châu, ngàn hạt châu được nhiếp trong một hạt châu, hòa lẫn vào nhau nhưng chẳng xen tạp, riêng biệt nhưng chẳng tách rời. Kẻ câu nệ hình tích cho là hết thảy pháp, mỗi pháp đều khác biệt. Người khéo hiểu thấy hết thảy pháp, pháp nào pháp nấy viên thông. Như bốn cửa thành, gần cửa nào bèn vào bằng cửa đó, cửa tuy bất đồng, nhưng vào [trong thành] rồi chẳng khác gì nhau. Nếu biết ý này thì há phải đâu chỉ có những lý chắc thật rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để quy chân đạt gốc minh tâm kiến tánh? Khắp cả thế gian, hết thảy Ấm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v… mỗi mỗi đều là pháp để quy chân đạt gốc minh tâm kiến tánh. Đã thế, mỗi mỗi đều là Chân, là Gốc, là Tâm, là Tánh. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Ấm,

Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Do vậy, nói *"không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật"*.

Hiềm rằng chúng sanh châu trong chéo áo trọn chẳng biết hay; ôm của báu đi ăn xin, chịu nghèo khổ oan uổng, dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát để chịu khổ luân hồi, chẳng đáng buồn ư? Vì vậy, bậc hoằng pháp đại sĩ chẳng nề khổ sở, dùng đủ mọi phương tiện chỉ bày, hướng dẫn, khiến cho họ hiểu chắc thật sự lý nhân quả của mười pháp giới, triệt ngộ tự tánh của cái tâm để rốt ráo viên chứng. Từ Đường tới Tống, sang Nguyên, sang Minh rồi đến Thanh, trọn một ngàn năm, thanh giáo chẳng suy. Tuy chẳng hưng thịnh bằng đời Đường, vẫn có thể nói là chỉ kém hơn đôi chút. Từ thời Hàm Phong - Đồng Trị trở đi, chiến tranh liên miên, đói kém liên tiếp, cao nhân ngày càng hiếm hoi, kẻ tầm thường ngày càng đông đảo, quốc gia chẳng rảnh rang để đề xướng, tăng lữ không có sức chấn hưng. Do vậy, những vị cao nhân tại gia vì chưa từng nghiên cứu, lầm lạc học theo thói cũ của họ Âu, họ Hàn, khiến cho Phật pháp suy bại sát đất.

Đến cuối đời Thanh, học giới mở rộng, những người thiên tư cao đều xem đọc kinh Phật, mới biết cái gốc đạo là đây, bèn đều lắng lòng nghiên cứu. Đến khi Dân Quốc thành lập, pháp luật, quy chế đổi mới, quyền tự do tôn giáo được ghi trong hiến pháp. Hơn mười năm qua, phong khí rộng mở. Phàm vĩ nhân thuộc các giới chính khách, quân sự, học thuật, thương nghiệp, đa phần đều nghiên cứu Phật pháp, ăn chay, niệm Phật.

Các vị cư sĩ Cố Liên Thừa, Triệu Vân Thiều v.v…muốn khiến cho đồng nhân cùng được thấm nhuần pháp lợi nên tính lập Phật Học Biên Tập Xã tại ngõ Trường Khang đường Bắc Kinh ở Thượng Hải. Phàm những luận thuyết giải thích rõ tâm tánh, nêu rõ nhân quả, lợi ích của việc kiêng giết, phóng sanh, những chuyện cảm thông của việc niệm Phật vãng sanh, cùng những giải thích kinh luận sâu xa uyên áo, những sự tu trì của bậc nhân sĩ cao đẹp đều thâu thập, biên tập, mỗi tháng ra một số để hiến cho người đương thời, ngõ hầu những người không biết Phật pháp sẽ do đây được biết, kẻ biết Phật pháp đôi chút [sẽ do đây] dần dần hiểu biết thù thắng hơn. Nếu có thể tuân theo ngôn giáo của Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, trọng lòng kính, giữ lòng thành, gột tâm rửa lòng thì không những thiên tai, nhân họa sẽ do đây được tiêu diệt, mà phong tục lại thuần hậu, tốt đẹp, hưởng mãi thái bình. Sẽ thấy triệt ngộ duy tâm, đích thân thấy được Phật tánh, xa lìa nhân khổ quả khổ tam giới, chứng nhân vui, quả vui Nhất Thừa, để khỏi phụ Chân Như diệu tánh sẵn có trong tâm này vậy.

26. Đề từ và duyên khởi của Thường Trai Hội

Tâm tánh của chúng sanh bằng với chư Phật. Do thiện nghiệp hay ác nghiệp mà quả báo chia thành con người hay súc sanh. Con người có tri thức, súc sanh chẳng có tài khéo. Cậy mạnh hiếp yếu, bèn giết chúng ăn thịt. Con nhà thành đạt còn chẳng vay nợ nặng, há nên giết thân chúng chỉ để sướng miệng, oán hận cố kết,

trải bao kiếp đền trả lẫn nhau! Thử suy nghĩ đến đó, trong tâm đau thương. Vì vậy, bèn nhóm họp đồng nhân cùng lập ra hội này. Phàm trăm chuyện thù tiếp đều dùng đồ ăn chay, lập riêng quy ước và thuật duyên khởi, nguyện khắp cả những ai thấy nghe đều dốc lòng nghĩ chúng sanh như ruột thịt, coi chúng như chính bản thân mình.

Vốn là vì hết thảy những chúng sanh trên không, dưới nước, trên cạn, không một loài nào chẳng biết đau đớn, sướng - khổ, không một loài nào chẳng biết tham sống sợ chết, không một loài nào chẳng phải là cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, bằng hữu, thân thích trong vô lượng kiếp của chúng ta. Hơn nữa, trong đời vị lai không con vật nào chẳng thể gieo sâu thiện căn, tu trì Tịnh nghiệp, đoạn Hoặc chứng Chân, viên thành Phật đạo; chỉ vì ác nghiệp đời trước, phải đọa trong dị loại. Do vậy, hãy nên sanh lòng thương xót che chở, khiến chúng đều được sống yên vui, há nên cậy mạnh hiếp yếu, hoặc dùng trí bắt lấy, hoặc dùng tiền mua lấy những loài ấy để cung cấp cho bụng miệng? Chúng nó tuy sức không chống cự lại được, nhưng cố nhiên tâm [oán hận] cố kết, cho nên trong đời đời kiếp kiếp lần lượt giết lẫn nhau. Vì thỏa bụng miệng một chốc để rồi thân mạng bị giết nhiều kiếp. So với chuyện tự giết mình còn khốc liệt hơn vạn phần. Sao lại khổ sở chuốc lấy chuyện tai ương, họa hại; sao lại ngu mê cùng cực đến thế?

Xưa kia, nước Lỗ có hai gã dũng sĩ, nghe tiếng nhau nhưng chưa gặp gỡ, một ngày kia gặp được nhau, mua rượu cùng uống. Một gã nói: “Không có thịt uống rượu

chẳng vui, hãy đi mua thịt!” Gã kia đáp: “Thịt của tôi với anh đây nè, cần gì tìm nữa!” Gã trước cho rằng kiến giải ấy rất cao, liền trật áo cắt thịt mình để đôi bên cùng ăn. Gã sau lại cắt thịt mình để đáp tạ gã trước, dương dương tự đắc, cho là tình giao du của chúng ta quả thật là tha thiết. Cắt thịt, ăn thịt nhau mãi đến chết! Phàm những ai thấy nghe đều than hai gã ấy ngu quá. Người đời do ăn thịt nên tạo các sát nghiệp, đến nỗi bao kiếp tàn sát lẫn nhau, so với bọn dũng sĩ kia càng khốc liệt hơn nữa. Do không có con mắt Huệ, chẳng biết hậu báo, đâm ra đắc ý, tự kiêu, khoe khoang, chê trách người ăn chay là mê tín và bạc phước. Thế tục quen thói, điềm nhiên chẳng biết là sai. Vì thế, trong kinh Đại Thừa như Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già v.v… đức Như Lai đã bày tỏ cùng cực lỗi họa của việc sát sanh ăn thịt, có thể nói là lòng chân từ đại bi nhổ gốc, lấp nguồn vậy.

Cõi đời gần đây, sát kiếp thê thảm, ngàn xưa chưa từng nghe thấy. Huống chi những tai nạn nước, lửa, tật dịch, bão tố, động đất, hạn hán, lụt lội v.v… không lúc nào chẳng có. Nói chung là do sát nghiệp làm duyên khởi, khiến cho thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống. Do vậy, thiên tai, nhân họa tiếp nối nhau dấy lên, như đứng trước gương chẳng trốn được bóng. Đồng nhân lo lắng, muốn làm cho người đời cùng vâng giữ chuyện kiêng giết, ai nấy đều ăn chay. Bất luận chúc thọ, cầu phước, quan - hôn - tang - tế, đãi khách, nhóm bạn v.v… đều dùng tiệc chay, một là để trọn vẹn cái tâm trắc ẩn của ta, hai là mong cho những vị thần thánh ta tôn thờ và tổ tông, cha mẹ, bè bạn, thân thích của ta dứt trừ sát nghiệp, tăng trưởng thiện căn, chứ không phải

chỉ riêng lo cho hết thảy loài vật sống trên không, dưới nước, trên cạn. Lại mong đây kia bắt chước nhau cho đến khắp cả làng, cả nước và toàn thiên hạ, ắt thấy phong tục tốt đẹp thuần hậu, dân giàu nước mạnh, cùng hưởng sự giáo hóa đại đồng, vĩnh viễn dứt bặt thói tranh đua, chim thú, cá, rùa đều được yên vui, ngõ hầu con người đứng cùng trời đất xưng tên là Tam Tài, cũng như nghĩa lý *"Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, nhân dân và ta cùng là ruột thịt, loài vật cũng giống như ta"* chẳng đến nỗi chỉ là nói xuông, chẳng có mảy may thật nghĩa nào!

27. Duyên khởi quyên mộ xây dựng Tịnh Độ Đường tại Liễu Thị, Lạc Thanh[132]

Tam giới không yên giống như nhà lửa, các khổ đầy dẫy thật đáng sợ hãi. Chúng sanh ngu si, thường sống trong ấy, dẫu chịu khổ sở cùng cực vẫn chẳng cầu thoát lìa. Dù sẵn có Phật tánh, nhưng do mê trái nên [tánh ấy] lại biến thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp, đến nỗi trải trần điểm kiếp không do đâu giải thoát được. Chẳng đáng buồn ư? Huống chi nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, sát kiếp thê thảm suốt từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy. Lại thêm trào lưu tân học bác không nhân quả, [bài xích] đạo nghĩa của thánh hiền, chê là cổ hủ, mặc sức đề xướng ý kiến ức đoán của chính mình. Người đui dẫn lũ mù kéo nhau vào lửa, đến nỗi thiên tai, nhân họa, liên tiếp giáng xuống. Dân đen

[132] Lạc Thanh là một huyện thuộc miền Đông Nam tỉnh Chiết Giang. Liễu Thị là một trấn thuộc Lạc Thanh.

ngây ngô thật đáng thương xót! Do vậy, những người có tâm lo cho thế đạo mạnh mẽ dấy lên chí lớn muốn cứu giúp dân, bởi lẽ những nghiệp quả ấy đều vì chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng biết tam thế nhân quả thiện ác báo ứng, cho là người chết đi thần thức liền diệt, nào có linh hồn theo nhân duyên tội - phước mà thọ sanh trong trời - người hay tam đồ ác đạo! Nếu thiện - ác đều đồng bị diệt mất như nhau, sao không mặc sức mà làm cho sướng khoái thân tâm? Do vậy, hăm hở tranh nhau làm những chuyện nghịch trời, trái lý, tổn người, lợi mình và sát hại sanh mạng hòng sướng bụng miệng, chẳng kiêng dè, áy náy chi!

Nếu biết nhân quả ba đời ắt sẽ sợ phải thọ báo, chẳng dám nẩy sanh chút ý niệm ấy, há còn thực hiện những chuyện ấy hay sao? Do vậy, sự lý nhân quả ba đời sanh tử luân hồi do đức Phật ta đã nói chính là huệ nhật trong đêm dài, niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là thuyền từ trong biển khổ sanh tử. Muốn vãn hồi kiếp vận mà bỏ pháp này thì không còn cách nào cả. Do vậy, những vị Tăng - tục đại tâm các nơi đều miệt mài đề xướng Phật học ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Cư sĩ Hồ Thiên Bộc ở Lạc Thanh dựng một tòa Tịnh Độ Đường tại Hồng Kiều, khai giảng vào ngày Rằm tháng Tám, muôn người đều vui vẻ, khen là chưa từng có. Các thiện sĩ ở Liễu Thị ngưỡng mộ khôn cùng, cũng muốn lập một chỗ như vậy nơi thành phố của họ để ai nấy đều được thấm nhuần pháp. Ngoài những khoản đóng góp do những người đề xướng bỏ ra, họ còn tính quyên mộ bốn phương nên cư sĩ Bao Hựu Vũ xin Quang viết sớ.

Trộm nghĩ: Một pháp nhân quả chính là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh; một hạnh Niệm Phật quả thật là đạo thông đạt để mười phương tam thế chư Phật làm cho các chúng sanh được thoát khổ trong hiện đời. Bỏ pháp này thì tà kiến không do đâu diệt được, lợi ích thật sự sẽ không thể nhờ vào đâu để đạt được! Khế lý, khế cơ lợi ích khó thể nghĩ lường! Khẩn thiết mong những vị đại nhân có sức ai nấy đều tán trợ, khiến cho Phật đường hoàn thành, giảng hội được khai diễn dài lâu, nhân tâm xoay chuyển, kiếp vận mau dứt, ngõ hầu thắng hung tàn, trừ khử giết chóc, phong cách "đối xử với hết thảy mọi người bằng lòng nhân từ" lại được thấy trong ngày nay. Công đức lợi ích ấy ắt sẽ có thọ lượng bằng với mười phương hư không, không ngọn bút nào có thể diễn tả được nổi!

28. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng kinh Pháp Hoa (viết thay giám viện chùa Pháp Vũ)

Cúi mình trộm nghĩ: Tri kiến của Như Lai ẩn náu trong tâm chúng sanh, nếu chẳng do đức Phật nói ra, ai có thể tự ngộ được? Hết thảy các kinh được nói trong cả một đời đức Thích Ca, chỉ có mình kinh Pháp Hoa bàn thông suốt nghĩa ấy. Giơ tay, cúi đầu đều thành Phật đạo; xử sự, nói năng đều thuận chánh pháp. Chỉ minh châu trong chéo áo, thoát khỏi hiểm nạn nhà lửa. Đứa con ăn mày nghèo cùng côi cút lênh đênh là con đích thật của ông trưởng giả. Từ đất dầy vô minh, đạt được suối ngọt pháp tánh. Từ ngay tâm của chúng sanh chỉ ra

Như Lai Tạng. [Những điều ấy] nếu chẳng được giảng diễn, ai hòng biết được?

Kính nghĩ: Tịnh công đại pháp sư xưa đã lãnh nhận lời Phật phó chúc làm sứ giả của Như Lai thường hoằng đại giáo, lợi lạc khắp muôn loài. Dùng đại trí huệ phát đại biện tài khiến cho đá tảng cũng phải gật đầu, hoa trời rơi đầy đất. Vãn bối ngưỡng mộ phong cách đức hạnh đã lâu, chưa được một lần gặp gỡ. Duyên kém, chướng dầy, thẹn thùng chi xiết! Do vậy, chủ nhân tệ tự tính trong mấy tháng mùa Hạ năm sau thỉnh Ngài giảng diễn kinh Pháp Hoa. Vốn biết tọa hạ vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, nên mới mạo muội khẩn cầu, chỉ mong Ngài lặng im chấp nhận, ắt hội Linh Sơn khi xưa sẽ lại được thấy, ai nấy đều cùng chiêm ngưỡng. Vào dịp ấy ai ai cũng đều vào được Phổ Môn của đức Quán Âm. Cúi mong Ngài rủ lòng từ bi thì pháp môn may mắn lắm mà chúng sanh cũng may mắn lắm. Thưa lên cùng Ngài, hết sức khẩn cầu mong mỏi đến cùng cực vậy!

29. Bài văn cung thỉnh pháp sư Tịnh Quyền giảng Di Đà Sớ Sao (viết thay trụ trì chùa Pháp Vũ)

Cúi mình trộm nghĩ: Viên giác diệu tâm hữu tình ai nấy đều có, nhưng tu trì để chứng đắc mấy ai biết phải nên như thế nào. Kính nghĩ: Tịnh công đại pháp sư xưa đã nhận lãnh lời Phật phó chúc thừa nguyện tái lai, khai tri kiến Như Lai, nối tiếp đạo pháp của tông Thiên Thai. Đế quán viên dung, Thiền -Tịnh nhất trí, dắt tam thừa cùng chứng chín phẩm, dẫn ngũ tánh cùng chứng duy

tâm. Vãn bối ngưỡng mộ cao phong đã lâu, nhưng thật ít dịp được thân cận. Hổ thẹn làm người giữ gìn môn đình chùa Pháp Vũ, trọn chẳng có trí lực để hoằng dương pháp đạo. Xét kỹ thời tiết, cơ nghi đời hiện tại, chỉ có Tịnh Độ là thích hợp căn cơ nhất. Nghĩ rằng giảng Di Đà Sớ Sao, ngoài Ngài ra, ắt không ai có thể đáp ứng lòng mong mỏi của đại chúng được! Khẩn cầu Ngài chẳng trái bổn thệ, rủ lòng thuận theo hạ tình, đến tháng Bảy năm sau chống tích trượng vào núi hoang, khiến cho tứ chúng trăm ngàn người được gởi lòng nơi bí tạng. Dùng biện tài huyền diệu cuồn cuộn như dòng sông để phô trọn bản hoài của đức Như Lai, khiến cho bản kinh không ai hỏi tự nói này, lời sớ phô rõ cả lý lẫn sự này đều được sáng tỏ thì chẳng những chốn núi hoang được may mắn sâu xa mà pháp môn cũng may mắn sâu xa thay! Chỉ xin Ngài từ bi lặng yên chấp thuận. Thưa lên cùng Ngài, hết sức tha thiết, mong mỏi đến cùng cực vậy!

30. Quảng cáo khai trương tiệm bán đồ chay của Ninh Ba Công Đức Lâm

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật đời vị lai. Lập phương cách cứu giúp, che chở còn e chẳng kịp, lẽ nào chỉ nhằm sướng bụng miệng ta mà giết thân mạng chúng ư? Phải biết những loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều có cùng một tâm linh minh giác tri như ta, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng cho nên hình thể rất khác biệt, miệng chẳng nói được. Nhìn vào tình trạng tìm tòi cái

ăn, trốn tránh cái chết sẽ tự hiểu chúng nó chẳng khác gì con người. Chúng ta nương vào sức túc phước, may mắn được sanh trong loài người, tâm có trí khôn, lẽ ra phải giữ vẹn tình cha trời mẹ đất, coi dân như ruột thịt, xem loài vật như chính mình, hòng khỏi phụ [cái tiếng] sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài, phụ trợ quyền sanh trưởng dưỡng dục của trời đất, khiến cho dân lẫn loài vật đều được sống yên, cùng được [trời đất] che chở, cùng hưởng niềm vui [sống hết] tuổi trời thì mới nên!

Nếu chẳng cảm nhận đức hiếu sanh của trời đất, cứ mặc tình giữ ý niệm tham ăn, tham uống, cậy ta mạnh lấn hiếp loài yếu, ăn thịt chúng nó cho thỏa bụng mình, ắt đến ngày nào đó phước xưa đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng bị đổi đầu thay mặt, lần lượt bị chúng nó giết ăn, há có được chăng? Huống chi thịt có chất độc do lúc chúng bị giết hại tâm oán hận cố kết lại. Vì thế, những khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít bị truyền nhiễm. Hơn nữa, thịt là thứ uế trược, ăn vào khí huyết dơ, tinh thần tăm tối, phát triển nhanh nhưng chóng suy, là đầu mối dễ nẩy sanh bệnh tật nhất. Đồ chay là phẩm vật tinh khiết, ăn vào khí chất trong sạch, trí óc sáng sủa, khỏe mạnh lâu dài, lâu già, do có nhiều khả năng bồi bổ. Đây tuy là lời bàn thông thường về phép vệ sinh, chứ thật ra chính là lời luận cùng tột tánh. Do tập tục quen thói đến nỗi mê muội chất chứa, không thể phản tỉnh được!

Phải biết: Nhân từ đối với dân thì phải thương yêu loài vật, tàn nhẫn đối với loài vật quyết khó thể nhân từ đối với dân, do tập tánh khiến ra như thế. Vì vậy, khi vua thánh cai trị cõi đời, chim, thú, cá, rùa đều sống yên

vui. [Thánh vương dùng] đạo sáng dạy dân, chất keo dính (để bẫy chim), gậy gộc, đạn, cung đều bỏ hết. Thử nghĩ xem, từ xưa đến nay, phàm những kẻ tàn nhẫn, tham tàn, dòng dõi đa phần tuyệt diệt. Người nhân từ cứu giúp con cháu ắt thạnh vượng. Kẻ làm ác, Khổng Tử phán đoán kẻ ấy vô hậu. Kẻ mặc tình ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói xuông *"xa lánh chuyện bếp núc",* đấy chính là lời nói quyền biến thuận theo thế tục. Hãy nên vĩnh viễn dứt những thứ hôi tanh thì mới là thật nghĩa xứng lý.

Gần đây, nỗi thảm sát kiếp quả thật là nghìn xưa chưa từng nghe thấy. Nếu suy xét kỹ càng căn nguyên thì đều là do ăn thịt mà ra. Những bậc lo cho đời ai nấy đều muốn nhổ rễ lấp nguồn, mà Công Đức Lâm được sáng lập ở vùng Thân Giang (Thượng Hải - Giang Tây) là chỗ đã dựng lá cờ đầu. Các vị hương thân[133] như quan Đạo Doãn họ Hoàng, quan Trấn Sử họ Vương, quan Tri Sự họ Khương, ông Trương Nhượng Tam, và ông Ngô Đông Sơn v.v… các vị sa-môn như Đế Nhàn pháp sư, Khai Như, Liễu Dư v.v… cùng thương xót cho sát kiếp trong cõi đời, tính gieo trồng nhân, thọ, hạnh phúc, bèn dấn mình vào chốn bụi trần miền Thân Giang, tự đặt mình làm người xướng suất cho vùng Ninh Ba, lập ra Công Đức Lâm này, đề xướng tiệc chay khiến cho người dân trong vùng mỗi dịp quan - hôn - tang - tế đều dùng tiệc chay, đãi khách, nhóm bạn đều dùng món chay. Dùng hành động nấu nướng nhỏ nhoi thay cho người khác này để tạo thành phương tiện vãn hồi kiếp vận lớn lao. Chuyên mang chí lợi sanh, hoàn toàn chẳng

[133] Hương thân: các vị thân sĩ (có địa vị, tiếng tăm, đạo đức) trong một vùng.

phải chỉ để kiếm lời; do vậy, bèn mời những thợ khéo chế biến món ngon để đáp ứng nhu cầu quan - hôn - tang - tế tiệc tùng của người dân trong vùng, hoặc đến Công Đức Lâm này để dùng, hoặc gởi đến tận nhà cho họ thụ dụng. [Trả công] ít - nhiều, nồng hậu hay sơ sài đều tùy ý. Phàm những ai đoái tưởng tới, quyết chẳng phụ lòng. Khẩn thiết mong thiện tín chốn quan trường hay thương mãi đều phát tâm kiêng giết, bảo vệ sanh vật, cùng bỏ ăn mặn, cùng nhau ăn chay, khiến cho từ phong (gió từ) từ đây được thổi khắp, ngõ hầu sát kiếp từ đây tiêu diệt. Sẽ thấy thời thế hòa bình, được mùa, dân giàu, vật mạnh, vĩnh viễn không có thiên tai nhân họa, hưởng mãi yên vui thái bình. Đấy chính là thâm tâm của các vị như Đạo Doãn phát khởi Công Đức Lâm này, cho nên tôi sáng tối thắp hương niệm Phật khẩn cầu, mong sao các nơi bắt chước theo. Do vậy, bèn trần thuật duyên khởi.

31. Bài Tiểu Tham[134] dành cho lễ cử hành pháp hội Thủy Lục

(Khải kiến Thủy Lục thọ diên tiểu tham)

(viết thay cho bạn)

---

[134] Tiểu Tham: Dụng ngữ của nhà Thiền, có nghĩa là tùy thời thuyết pháp, khác với bài thuyết pháp theo quy củ nhất định trong pháp đường ("Đại Tham"). Tiểu Tham không có nơi chốn nhất định. Mỗi tối, sau khi đánh chuông thu không, vị phương trượng thấy chúng nhiều hay ít, bèn quyết định thuyết pháp tại tẩm đường (nhà nghỉ), pháp đường hay phương trượng. Lời thuyết pháp thường đề cập đến những điều trọng yếu cũng như những chuyện đúng sai vụn vặt trong ngày. Đến thời Nam Tống, Tiểu Tham mới được phát triển thành loại định kỳ thuyết pháp, có nghi thức nhất định. Do pháp hội Thủy Lục này được tiến hành thay cho tiệc sinh nhật, nên gọi là Thọ Diên.

Chỉ một niệm Bồ Đề tâm này chính là thường trụ vô lượng thọ, khiến cho khắp các chúng sanh trong pháp giới công đức tánh - tu đều thành tựu. Kính trông: Trai chủ của Vô Giá Thắng Hội là Thái Thái Tần Định Thánh túc căn sâu dầy, bẩm tánh hiền thục, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, quy y Tam Bảo, tu chân trong cõi tục, làm bậc mẫu nghi trong chốn khuê các, tùy duyên hiểu đạo, làm bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới. Thường nhàm lìa Sa Bà, không chỉ lo tính kế quay về cho riêng mình, một dạ vui cầu Cực Lạc mà thường muốn phổ độ quần manh. Nay gặp lúc tuổi bước vào độ lục tuần (sáu mươi), sao Vụ[135] sáng ngời giữa trời, xa lìa những thói quen thế tục, đến thẳng đạo tràng viên thông, tận lực tạ từ những lễ nghi chúc tụng, ăn mừng của hàng thân thích bằng hữu, mà mở hội lớn cho thánh phàm trong pháp giới. Dùng lòng thành của chính mình để cảm từ lực của Tam Bảo khiến cho chồng lẫn mình đều được nghiệp chướng ngầm tiêu, các duyên đều tốt lành: Lúc còn sống hưởng được năm điều phước như sách Hồng Phạm[136] đã nói, khi lâm chung lên ngay Thượng Phẩm trong chín phẩm sen, con vinh, cháu quý, hưởng tốt lành dài lâu trong đời, đạo tốt đẹp, thời thế yên vui, cả nước đều hưởng vui mừng. Chứ nào phải chỉ nhằm làm

---

[135] Tức sao Vụ Nữ, ngôi sao tượng trưng cho nữ giới, còn gọi tắt là sao Nữ (là một ngôi sao trong Nhị Thập Bát Tú), thuộc chùm sao Huyền Vũ (gồm các sao Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích). Sao Nữ còn có tên khác là Tu Nữ, Chức Nữ. Thật ra, sao Nữ là một chòm sao gồm bốn ngôi sao nhỏ ở phương Bắc. Đạo giáo coi ngôi sao này là con rùa thiêng của Huyền Thiên Thượng Đế (tức Huyền Vũ Chân Quân).

[136] Thật ra Hồng Phạm là một chương sách của Kinh Thư, nhưng thường được tách riêng ra như một cuốn sách. Tương truyền tác giả của thiên sách này là Cơ Tử.

cho những vị tổ tiên, những người đã mất trước của họ Vương, họ Tần đang được lập trai hội cầu siêu đây đều cùng được sanh Tịnh Độ!

Kính mong mười phương pháp giới, tứ sanh lục đạo, hết thảy hàm thức cùng chứng chân thường. Vốn là dùng cái tâm "tự lập, lập người" của Nho gia để hành chuyện "tự lợi, lợi người" của Bồ Tát. Chỉ vì do tâm sẵn có Phật nên nguyện đem lại tuổi thọ cho mọi người. Ôi! Tánh sẵn có phước thọ mầu nhiệm khó thể diễn tả, khác nào như biển cả, như núi non, cùng tận ba đời không sanh diệt, vượt khỏi hai tầng ải nghĩ - bàn.

32. Bài Tiểu Tham dành cho các vong linh (viết thay)

Tam giới vốn chẳng phải là pháp nào khác, chỉ là do nhất tâm tạo ra. Hiểu các pháp đều do tâm thì siêu phàm chứng giác nào có khó gì! Xét nghĩ như vị cư sĩ X… đang được làm chay để cầu siêu đây xưa đã có linh căn, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, thông minh, trí huệ, hiếu thấu suốt, ôn hòa, hiền lành, cung kính, cần kiệm. Lòng hiếu thuận phát xuất từ thiên tánh, lòng nhân từ thấu khắp người vật. Suy nhân tính quả, dùng tâm nghiệm phước, ắt cư sĩ sẽ hưởng thọ dầy, tước cao để rộng mở mối kinh luân. Ngờ đâu tuổi mới vừa nhược quan (hai mươi tuổi) đã chết yểu, liền mất thân mạng. Chắc là do tình yêu thương cha mẹ tha thiết, muốn cho [cha mẹ] cùng được sanh Tịnh Độ nên mới thị hiện vô thường, hòng khích động cái tâm xuất thế cho cha mẹ để thành tựu lòng hiếu "không lòng hiếu thế gian nào lớn lao hơn được"! Có thể nói là *"tuy bất hiếu nhưng lại chính là*

đại hiếu, do vô thường chứng được chân thường” hòng báo ân cha mẹ cũng như cảnh tỉnh đồng luân, hiện thân thuyết pháp, hay khéo không gì sánh ví được!

Nào ngờ lại làm cho tâm cha mẹ thương yêu con càng thêm chân thành, thiết tha, chỉ sợ Tịnh nghiệp của ông chưa chín muồi chẳng thể vãng sanh, bèn đến đạo tràng viên thông, lập Vô Ngại Hội, cứu tế khắp các cô hồn. Do công đức này sẽ khiến cho ông nếu chưa vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh ắt tăng cao phẩm vị. Như vậy là muốn cho ông hiểu Đệ Nhất Nghĩa, ngự lên tòa sen Thượng Phẩm, thấy Di Đà nơi tự tâm, chứng Vô Sanh trong đương niệm, lập bày tiệc chay thơm thảo, lại dạy pháp yếu.

Phải biết: Trước khi được cha mẹ sanh ra, vốn không hề có tướng nam hay nữ; sau khi Tứ Đại chia lìa, chỉ có mỗi một cái tâm linh tri. Do huyễn nghiệp buộc ràng nên chẳng thể liễu thoát ngay lập tức. Nếu phàm tình mau chóng dứt bặt, triệt để gánh vác nào có khó chi? Tướng do nghiệp mà huyễn sanh, nghiệp do tâm mà vọng khởi. Tâm nếu chẳng sanh, nghiệp bèn tiêu diệt. Nghiệp tận tình không, hoàn lại cội, quay về nguồn. Ví như mây tan giữa không trung, vầng mặt trời nhanh chóng hiển hiện bản thể; nước đổ vào biển cả, sông ngòi và biển sâu rộng nào khác chi nhau? Trọn mười phương không thiếu, không thừa, tột cùng ba đời bất sanh bất diệt.

Lý ấy tuy ngộ dễ dàng, chứng được thật khó! Hãy nên phát tâm tín nguyện, cầu sanh Tây Phương, nhất định cậy vào sức của Phật Di Đà mau chóng lìa ngũ

trược. Từ đây, hầu cận Như Lai, tham dự vào hải chúng, nghe pháp thọ ký, khai tri kiến Phật, đoạn Hoặc chứng Chân, đạt được cái vốn sẵn viên thông. Rồi cậy vào từ lực của Phật, nương theo nguyện luân của chính mình hiện sắc thân trọn khắp pháp giới khiến cho những kẻ mê cùng được lên bờ giác. Ôi! Lâu đài gần nước được thấy vầng trăng trước, hoa cỏ hướng về mặt trời sớm gặp được tiết Xuân. Từ khi được ngài Biến Cát (Phổ Hiền) chỉ dạy, dẫn về [Tịnh Độ], hải chúng đều phế bỏ chuyện đi về phương Nam[137].

33. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong trai hội Thủy Lục (viết thay cho bạn)

Sa Bà vốn là cõi nước khổ đau, sanh tử luân hồi thật đáng đau thương, nhổ trừ rễ ái trở về Tây, nhiệt não bao kiếp nhanh chóng biến thành mát mẻ. Kính trông vị được cầu siêu trong trai hội này là tiên sinh Thiệu Cầm Đào, xưa đã trồng cội đức, giữ hạnh trong sáng; đọc sách hiểu lý, nêu gương điển hình trong chốn trần ai, học đạo yêu người, giúp việc chánh trị trong chốn quan phủ, buôn bán qua lại khiến cho nước giàu mạnh, ai nấy đều được hưởng gió mát từ hai ống tay áo; giúp nạn phò nguy, tâm riêng nêu một vầng trăng sáng. Lại còn dốc

---

[137] Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, ngài Văn Thù (Diệu Cát Tường) dạy Thiện Tài đồng tử lần lượt đi về phương Nam tham học với 53 vị thiện tri thức để học cách thành tựu Bồ Tát Đạo. Vị thiện tri thức thứ 53 là ngài Phổ Hiền (Biến Cát) dạy Thiện Tài dùng mười đại nguyện vương Phổ Hiền để hồi hướng vãng sanh Cực Lạc. Câu này ý nói: Sau khi được ngài Phổ Hiền chỉ dạy quy tâm về Tịnh Độ, đại chúng nhất tâm tu tập Tịnh nghiệp, không cần phải tham học với khắp các tri thức để tìm một pháp môn nào khác thích hợp với căn cơ nữa!

lòng tin tưởng Phật pháp, tôn sùng, kính trọng Tam Bảo. Tuy chưa chuyên tu Định Huệ, nhưng thật đã hợp với từ bi. Sắp bước vào tuổi tri mạng (50 tuổi), liền vứt bỏ thân huyễn; [đây là] chuyện đáng đau lòng nên nhờ cánh tay vàng [của Phật giúp đỡ]. Do vậy, hiếu nam là những vị tên… cùng với các quyến thuộc tính làm lễ truy tiến, mở ra hội lớn Vô Giá.

Phải biết: Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt. Do mê hay ngộ bất đồng cho nên thăng hay trầm thật khác! Nghĩ ngài xưa đã nêu gương "gió mát, trăng trong" tốt lành, vốn là nương oai thần của Pháp Thân Bát Nhã. Hiểu được điều này sẽ tự dứt được cái tâm cuồng nhận lầm hình bóng, khởi chánh trí phản chiếu, mới biết đầu vốn chẳng mất, Phật tự viên thành! Chẳng lìa niệm này, nhập thánh siêu phàm, vĩnh viễn lìa khỏi huyễn khổ hư vọng, thường hưởng pháp lạc chân thường. Lý tuy có thể đốn ngộ, sự khó thể viên mãn ngay. Hãy nên phát thâm tâm tín nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chắc chắn sẽ được đức Từ Phụ Quang Thọ dẫn về Liên Bang. Từ đây thần thức siêu thăng cõi Thanh Thái[138], nghiệp tạ từ trần lao, sen nở hoa Thượng Phẩm, Phật thọ ký ngay trong một đời. Sau đấy sẽ nương theo nguyện luân của chính mình, trở vào Sa Bà, nghịch - thuận - ẩn - hiển độ thoát chúng sanh, khiến cho hữu tình khắp pháp giới cùng chứng Phật tánh thường trụ, khiến cho tấm lòng hiếu lý yêu người, tiết tháo gió mát trăng trong theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Như vậy mới có thể gọi

[138] Thanh Thái: Tên khác của cõi Cực Lạc. A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Kinh gọi cõi Cực Lạc là Thanh Thái.

là chẳng cô phụ ân Phật giáo hóa, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, siêu quần bạt tụy, thật sự là bậc đại trượng phu. Ôi! Băng và nước tánh ướt nào hai? Chúng sanh và Phật vốn cùng một tâm giác. Chỉ cần quay trở lại nhìn vào tự tánh liền đạt được của quý báu vô giá sẵn có.

34. Bài Tiểu Tham dành cho vong linh trong lễ cầu siêu cha mẹ ông Trương Tổng Nhung[139] trấn Định Hải (viết thay)

Nhất niệm Chân Như tâm tánh sáng ngời trọn đại thiên. Ngộ - mê tuy khác, bản thể vẫn là thiên nhiên. Kính trông: Vị được sắc phong là Trương lão đại nhân… lúc sanh tiền tích thiện tu đức, xử sự nhân nghĩa, cho nên khi mất rồi, con cháu nối tiếp nhau hưởng mãi phước lành, gương đức luôn như mới, trâm anh tiếp nối mãi mãi, làm bậc đứng đầu trong chốn cổ quăng[140], làm nanh vuốt cho nước nhà. Nay pháp hội rộng mở, kính cẩn cầu siêu.

Phải gấp hiểu rõ: Lúc sống tích đức nên nay mới có cái tâm hưởng sự cầu siêu. Tánh vốn như như, chẳng dời, chẳng biến, thường tịch, thường chiếu, lìa niệm, lìa

---

[139] Tổng Nhung là tên một chức quan võ đời Thanh, còn gọi là Tổng Binh. Từ năm 1663 trở đi, chức quan cai quản binh bị toàn một tỉnh được quy về tay quan Tuần Vũ là chức quan văn. Tổng Binh là người trực tiếp chỉ huy quân lính theo mạng lệnh của quan Tuần Vũ. Tuy không có phẩm trật nhất định, nhưng Tổng Binh là người có thế lực nhất trong một phủ hay một tỉnh. Một viên quan Tổng Binh có thể chỉ huy từ một vạn đến một vạn rưỡi quân. Dưới triều Thanh, cả nước Trung Hoa chỉ có chừng 83 tổng binh.

[140] Cổ là bắp đùi, Quăng là cánh tay (từ khủy tay đến bàn tay). Từ ngữ "cổ quăng" được dùng để chỉ những bầy tôi thân cận hữu ích của vua.

danh, viên mãn vô lượng công đức, trọn đủ vô biên diệu dụng. Phàm chẳng thể làm cho tâm ấy giảm tổn, thánh chẳng thể làm cho tâm ấy tăng thêm, chẳng phải sắc, chẳng phải không, trải khắp mười pháp giới chẳng khác, bất sanh, bất diệt, tận cùng ba đời thường hằng. Tâm được diễn tả là "*linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần, thể lộ chân thường, chẳng câu nệ vào văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa được vọng niệm thì chính là Như Như Phật*". Nếu hiểu được như thế sẽ tự nhiên thấy được thiên chân Phật tánh, thẳng đến vô thượng Bồ Đề. Nếu như chưa thể [làm được như vậy] thì hãy cậy vào đại bi nguyện lực của Phật A Di Đà vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu phát trọn vẹn ba tâm thì ngay khi đó sẽ lên được chín phẩm, hoa nở thấy Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn. Mới biết từ trước thăng trầm sáu nẻo, tích thiện tu đức, cho tới bây giờ đến dự pháp hội, nghe pháp, hưởng thụ sự dâng cúng. Nhất niệm tâm tánh vốn từ đầu đã thanh tịnh không bị nhiễm ô, vốn tự sẵn đủ hằng sa công đức. Ôi! Đường Tây phương rộng rãi thênh thang, thẳng bước về nhà chẳng cần hỏi lối. Do tự mình chẳng về, chứ hễ về liền được. Gió trăng quê cũ há ai tranh?

35. Văn tế ông Thịnh Dần Hoài (viết thay sư Liễu Dư)

Nhân ngày… tháng… năm…, bạn phương ngoại[141] là Liễu Dư kính cẩn dùng lễ hương, trà, cỗ chay đến tế trước vong linh ông Thịnh Dần Hoài như sau:

---

[141] Bạn phương ngoại: Tăng sĩ quen biết cùng người tại gia thường xưng là *"phương ngoại hữu"*. Chữ *"phương ngoại"* ngụ ý đã tách ngoài cõi đời.

Như ông tuy sanh mà bất sanh, duyên hội họp bèn sanh. Tuy ông diệt nhưng chẳng diệt, duyên hết bèn diệt. Nếu triệt ngộ tự tâm thì sanh diệt khác gì hư không. Nếu chưa thấu hiểu cái sẵn có, đến - đi nào khác trăng trong nước? May nhờ túc nhân sâu dầy, bẩm tánh chân thành; điều đáng than thở là duyên với Phật hãy còn sơ sài, tiếc chưa được nghe bí quyết *"hoành siêu Tịnh Độ"*. Luận nơi nhân hiện tại, ông sáng suốt, liêm khiết, công bình, chánh trực, lai báo[142] ắt tại cung điện chư thiên, hoặc nhà vương công, phiệt duyệt[143]. Tuy tạm hưởng huyễn phước nhân thiên, khó khỏi hoa tàn, trăng khuyết. Xin hãy đem phước đời hồi hướng Cực Lạc tịnh vực, ắt được từ phụ Di Đà duỗi cánh tay sắc vàng nghênh tiếp. Từ đấy, giã biệt mãi mãi đời ác ngũ trược, thường hưởng ngũ thanh, ngõ hầu chẳng phụ tình tôi quen biết ông đã lâu, cũng an ủi [tôi] lúc cuối cùng chưa nói lời thành thật cùng ông được. Thượng hưởng!

36. Văn tế cư sĩ Hàn Sơn Hy

(viết thay cho Thường Trụ Pháp Vũ, cư sĩ phẩm hạnh đoan chánh đáng đứng đầu giới thương nhân)

Ôi! Tâm ông trung hậu, hiền từ, tốt lành; hạnh ông liêm khiết, đoan chánh. Sống trong cõi trần nắm giữ quyền chánh, gió đức trọn khắp mọi xứ, khiến kẻ xa xỉ liền cần kiệm, kẻ yếu ớt trở thành mạnh mẽ, kẻ hung ác

---

[142] Lai báo: Quả báo trong đời kế tiếp đời này.

[143] *"Phiệt duyệt"* là từ ngữ chỉ những dòng họ, gia đình quyền quý, có danh vọng. Theo Thiều Chửu, viết công trạng vào ván hay giấy, dán ngoài cửa, phía bên trái gọi là Phiệt, bên phải gọi là Duyệt. Sách Sử Ký giảng: *"Nêu rõ thứ bực là Phiệt, số ngày tích lại gọi là Duyệt"*.

biến thành hiền lành, kẻ phóng đãng hết cuồng, dốc lòng tin tưởng Phật thừa, lắm cách hoằng dương, hộ trì, tán trợ. Xét ngược lại tám mươi bốn năm trước, vốn chưa từng sanh; còn như hiện tại đây, lại nào đã mất. Đến - đi tuy không có tướng nhất định, chủ nhân ông vốn tự lộ rành rành. Nếu suy nhân để nghiệm quả thì nếu chẳng hưởng phước chốn cung trời, chắc cũng hầu đấng Nguyện Vương nơi thế giới Cực Lạc. Phải biết: Phước trời dễ hết, sự vui Cực Lạc đến tận cùng vị lai trọn chẳng phải cầu! Kính xin hãy phát trọn ba tâm, lên thẳng Thượng Phẩm, ngõ hầu triệt chứng cái mình sẵn có, để vĩnh viễn làm thuyền bè cho chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ. Thượng hưởng!

37. Văn tế bà nội ông Hồ Gia Khoa (viết thay)

Than ôi! Nghĩ tổ mẫu ta, mẫu đức đáng làm thầy, mỗi khi nghĩ đến lòng liền bi thương. Nêu gương lành cho nữ giới, làm bậc hướng dẫn tốt lành cho chốn khuê các, quả thật đã học được hạnh của ba bà Thái đời Châu, hai bà phi của vua Ngu[144], nuôi nấng vỗ về đứa cháu bất tiếu châu đáo, thiết tha như trời che đất chở chẳng sót.

---

[144] Ba bà Thái là Thái Khương, Thái Tự và Thái Nhậm. Vua Ngu tức là vua Thuấn (thuộc dòng họ Đường Ngu). Hai bà phi này tên là Nga Hoàng và Nữ Anh. Khi vua Thuấn đi tuần du lâu ngày chưa về, hai bà theo dấu tìm nhà vua, thuyền bị gió đánh lênh đênh trên hồ Động Đình. Nghe tin vua đã mất ở Thương Ngô, hai bà nhìn mặt nước hồ Động Đình mênh mông, vịn những cành trúc bên núi Động Đình, khóc than đến chảy cạn máu mắt mà chết. Tương truyền giống trúc tại vùng Động Đình ngày nay có vằn trắng là do nước mắt của hai bà vẩy vào (thường gọi là trúc Tương Phi). Do hai bà thường được gọi là Quân Phi, Tương Phi nên núi Động Đình được đổi tên thành Quân Sơn. Hiện còn mộ của hai bà tại đó.

Những mong cháu học thành tài, lập được đức; ra làm quan sẽ là bậc phù tá nước nhà, sống trong làng xóm sẽ thành gương mẫu. Ngờ đâu cháu bất tài, lại không tu đức, chẳng học thành điều gì. Ngửa lên trông trời, cúi xuống nhìn đất, hổ thẹn khôn cùng. May nhờ đi khắp nơi học lung tung, đọc tràn lan, gặp được văn từ phổ độ chúng sanh của Như Lai, mới biết một niệm tâm tánh của chúng ta cùng với chư Phật thật chẳng hai, chẳng khác, hằng cổ, hằng kim, chẳng chuyển dời. Chỉ vì mê trái, chạy theo cảnh sanh tham, khởi Hoặc tạo nghiệp, đến nỗi phải thọ quả báo trong tam đồ lục đạo, nhưng thật ra bổn tánh chẳng giảm hào ly!

Pháp môn tu trì vô lượng vô biên đều chẳng thích hợp bằng cậy vào Phật từ lực hoành siêu tam giới (siêu thoát tam giới theo chiều ngang). Vì nếu có thể sanh lòng tin, phát nguyện, dùng tâm chí thành niệm "nam mô A Di Đà Phật", cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn vãng sanh trong ao bảy báu cõi Tây Phương. Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền được tiếp dẫn dự vào Hạ Phẩm Hạ Sanh. Huống chi tổ mẫu ta đức đẹp, hạnh lành, đôi bề trọn vẹn. Tưởng nghĩ: Vua Vũ là bậc đại thánh, chẳng cứu nổi thần thức ông Cổn[145] đọa trong Vũ Uyên, hóa làm con Hoàng Nãi (con ba ba có ba chân) khôn ngăn

---

[145] Ông Cổn là cha vua Vũ, theo truyền thuyết ông Cổn là hậu duệ của Hoàng Đế. Khi Đế Nghiêu làm vua, ông Cổn trông nom việc phòng lụt, nhưng càng đắp đê ngăn lụt, lụt lội càng dữ dội hơn. Khi vua Thuấn kế nghiệp vua Nghiêu đã xử tử ông Cổn vì tội tắc trách trong nhiệm vụ, sai ông Vũ tiếp tục công việc trị thủy. Khi chết, ông Cổn hóa thành con ba ba có ba chân sống trong vực núi Vũ Uyên. Nhờ trị thủy thành công, Đại Vũ được vua Thuấn truyền ngôi cho.

buồn - vui lẫn lộn, như cuồng, như si! Bởi lẽ *“Tây Phương có bậc đại thánh nhân”,* lời ấy thốt từ đức Chí Thánh Tiên Sư Trọng Ni đất Lỗ. Kính nguyện tổ mẫu ta hãy tin chắc chắn, đừng nghi ngờ, thì ngay lập tức được nhờ cậy Phật từ. Lại nguyện tổ phụ ta và ông bà nhiều đời cùng phát tâm sợ hãi nỗi khổ sanh tử để cảm Phật từ bi, y theo đó tu trì, ngõ hầu dẫn nhau cùng dự vào Liên Trì hải hội, thân cận Phật Di Đà, hầu hạ thánh chúng. Nhờ đấy, triệt ngộ Phật tánh sẵn có để viên chứng vô thượng đại Bồ Đề. Thượng hưởng!

38. Tán dương tượng Phật A Di Đà

Buồn thay chúng sanh không nơi nương tựa, lẻ loi lênh đênh như đứa con bỏ trốn. Dù nghe Phật pháp y giáo tu hành, tự lực yếu kém, khó phá vô minh. Cao đẹp thay! Đức Thế Tôn tâm từ bi tha thiết, bốn mươi tám nguyện, bình đẳng nhiếp ba căn, khiến cho khắp chúng sanh tín nguyện trì danh, cậy Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cảm ứng đạo giao như nam châm hút kim. Như Lai ân đức dẫu khen ngợi hết kiếp chẳng trọn. Chỉ mong hàm thức đều nương theo Phật nguyện.

39. Bài tán dương bức hình Quán Âm ở đầu cuốn sách Quán Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng

Cao đẹp thay Đại Sĩ, thệ nguyện khó thể tuyên nói. Vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, tầm

thanh cứu khổ, tùy loại hiện hình, hiện mọi sắc thân ứng khắp hữu tình, vô tình. Nếu có chúng sanh gặp các khổ nạn, vừa xưng danh Ngài, liền thấy cứu giúp. Giàu, thọ, con cái, hễ có sở cầu, lễ bái, cúng dường, tùy nguyện đáp ứng. Vì sao xưng danh liền được cảm thông? Vì tâm Bồ Tát đã chứng Chân Không từ thuở lâu xa. Cái tâm vô tâm ấy khế hợp tâm chúng sanh và tâm của Phật. Chúng sanh mê trái, chẳng được thọ ân. Do gặp tai nạn dốc lòng khẩn thiết, vừa phát lòng thành, bèn cảm ứng đạo giao! Như trăng trong mát sáng tỏ giữa trời, hiện bóng trong mọi dòng nước, không đâu chẳng trọn. Nếu như chẳng tín, không thể cảm được. Như nước đục ngầu, xao động, bóng trăng chẳng tỏ. Lỗi tại nơi nước, phải đâu trăng không chiếu! Nếu nước trong lặng, ắt hiện sáng ngời. Cũng như nắng xuân nẩy nở các mầm; gặp phải thứ rễ khô, càng thêm mục nát. Mưa ngọt xối khắp, thảo mộc cùng được tốt tươi. Chỉ có thứ không rễ chẳng thể sanh thành.

Yếu chỉ nhập đạo, Tín là bậc nhất. Muốn được Ngài từ bi cứu giúp, không tin chẳng được! Kính nghĩ Bồ Tát sao lại có thể được như thế? Là vì có nguồn cội sâu xa, nên mới được như vậy. Nguồn cội sâu xa là gì? Ngài đã viên chứng ba giác, hiệu là Chánh Pháp Minh, phước - huệ cùng đủ, tuy trụ Tịch Quang, bi nguyện chưa thỏa, lại hiện thân Bồ Tát phù tá Pháp Vương. Trong mười pháp giới thân, không thân nào chẳng hiện. Theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Công đức của Bồ Tát khó thể tán dương trọn hết. Nêu bày đại lược, làm ánh sáng trong đêm dài; riêng cầu cư sĩ [Hứa] Chỉ Tịnh ở Giang Tây,

đọc khắp kinh điển trong Đại Tạng, soạn thành bài tán tụng, cung kính mô phỏng [vẽ] thánh tượng để lưu truyền trọn khắp pháp giới, khiến cho hàm thức đều được che chở.

40. Bài tán dương bức hình vị Tăng bị điên[146]

Kẻ gian Tần Cối nhận hối lộ gây rối nước, rối dân; khiến thầy ta nhọc lòng cầm chổi quét. Một cây chổi chống đỡ trời đất, mấy câu pháp ngữ trấn càn khôn. Tiếc là gã chìm đắm đã quá sâu đậm, tuy được chỉ dạy chẳng buồn hỏi han, đến nỗi thần hồn đọa A Tỳ! Tượng sắt muôn đời quỳ trước mộ họ Nhạc[147]!

---

[146] Ông Tăng bị điên (phong tăng) ở đây chính là ngài Tế Điên hòa thượng.

[147] Thừa tướng Tần Cối nhà Tống từng được ngài Tế Điên cảnh tỉnh nhưng vẫn gian ngoan không chừa, cấu kết với Tống Cao Tông hãm hại Nhạc Phi. Trong khi đại quân của Nhạc Phi đang đại thắng, đánh cho tướng Kim là Ngột Truật thất điên bát đảo, chiếm lại rất nhiều đất đai đã mất vào tay quân Kim, thừa thắng vượt Trường Giang (sông Dương Tử) vây hãm Biện Kinh. Vua Kim cho người mua chuộc Tần Cối, Cao Tông cũng sợ Nhạc Phi chiến thắng sẽ đem Huy Tông và Khâm Tông (đang bị giam lỏng ở Biện Kinh) về lại đất Tống nên cùng nhau một ngày hạ đến 12 tấm kim bài buộc Nhạc Phi phải bãi quân. Nhạc Phi bị tước hết binh quyền mà Tần Cối vẫn chưa hả dạ, lại còn vu cáo Nhạc Phi mưu phản và ra lệnh cho Đại Lý Tự (cơ quan tư pháp của triều Tống) xử tử Nhạc Phi. Nhạc Phi chết, quân Kim chiến thắng quân Tống dễ dàng. Như vậy có khác nào Tần Cối đã hai tay dâng giang sơn nhà Tống cho quân Kim nên người Trung Hoa hết sức căm ghét Tần Cối, tạc hình tượng Tần Cối bằng sắt quỳ trước cửa miếu thờ Nhạc Phi. Người đến lễ miếu Nhạc vương gia (Nhạc Phi) thường dùng chày sắt đập trên đầu Tần Cối. Tương truyền, loại bánh dầu cháo quẩy (du xao quỷ: quỷ chiên dầu) chính là mô phỏng hình ảnh vợ chồng Tần Cối đang bị quỷ sứ chiên trong chảo dầu nơi địa ngục.

41. Tịnh Độ Vấn Đáp và Lời Tựa

Lớn lao thay giáo pháp Tịnh Độ! Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, pháp Trực Chỉ Nhân Tâm phải thua pháp này về mặt kỳ đặc (đặc biệt, lạ lùng). Mười niệm, một niệm liền lên Bất Thoái. Dù trải bao kiếp tu chứng vẫn ngưỡng mộ phong thái cao xa của pháp này. Độ khắp thượng trung hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiền Tông. Mưa đúng thời nhuần thấm mọi vật, như biển cả thâu nạp muôn sông. Hết thảy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này; hết thảy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, không hạnh nào chẳng quy hoàn pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp, được dự vào Bổ Xứ. Ngay trong một đời này, chứng Đại Bồ Đề. Chúng sanh chín pháp giới lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Do vậy, Hoa Tạng hải chúng đều tuân theo mười đại nguyện vương. Hội Pháp Hoa xưng niệm một tiếng đều chứng Thật Tướng các pháp. Lực dụng lớn lao như thế, chư Phật cùng tuyên dương. Phát huy tột bậc đến như vậy, chư Tổ đều cùng như thế. Thật có thể nói là lời cực đàm (bàn luận đến tột cùng) của cả một đời giáo hóa, là đại giáo Nhất Thừa vô thượng vậy! Chẳng trồng cội đức, dù trải bao kiếp cũng khó được gặp gỡ! May được nghe ngóng, un đúc, gắng sức tu trì, sợ lũ cuồng đồ vô tri kia chê là thiển cận, cho nên y giáo khen ngợi, thuật bày để họ phụng hành vậy!

Hỏi: Pháp môn Niệm Phật người ngu cũng tu được, Luật, Giáo, Thiền Tông kẻ trí còn khó hiểu được, sao lại nói pháp này thống nhiếp các pháp kia?

Đáp: Muốn biết nghĩa này, cần phải hiểu kỹ sự lớn - nhỏ, hơn - kém giữa Phật lực và tự lực thì hết thảy nghi hoặc sẽ ào ạt tiêu tan, cởi gỡ ngay! Phật và chúng sanh tâm tánh tuy đồng, nhưng nếu luận về lực dụng thì khác biệt vời vợi như trời với đất. Ấy là vì chúng sanh có đủ vô lượng phiền não ác nghiệp, nên công đức - trí huệ chẳng thể hiện tiền. Phật đầy đủ vô lượng công đức - trí huệ, phiền não ác nghiệp hết sạch không còn sót. Phật và chúng sanh mê - ngộ bất đồng, cho nên lực dụng hơn - kém thật khác! Luật, Giáo, Thiền Tông đều cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử. Vì thế, trải kiếp dài lâu vẫn khó thoát khỏi. Pháp môn Niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực kiêm thêm tự lực để liễu thoát sanh tử. Vì thế, hết một đời này liền lên Bất Thoái.

Hỏi: Tự lực, Phật lực nghĩa như thế nào, xin giảng rõ cho!

Đáp: Luật, Giáo, Thiền Tông thoạt đầu phải hiểu sâu xa giáo lý, y giáo tu hành, công tu hành sâu, đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát sanh tử. Nếu chẳng hiểu giáo lý thì là tu mù luyện đui. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ, liền bị ma dựa, phát cuồng. Dẫu cho hiểu lý, công sâu, cũng phải đoạn Hoặc. Nếu còn mảy may chưa đoạn sạch thì vẫn y như cũ chẳng thoát khỏi vòng khổ. Đến khi nào Hoặc nghiệp hết sạch mới có thể lìa khỏi sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa. Lại phải trải qua bao kiếp tấn tu mới có thể viên mãn Phật

quả. Ví như thứ dân sanh ra thông minh, trí huệ, đọc sách học văn nhọc nhằn nhiều năm, học vấn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, cho nên từ chức nhỏ được thăng lên dần, cho đến làm tể tướng, làm quan cực phẩm, không thể thăng lên được nữa. Trong quần thần địa vị bậc nhất, nhưng nếu so với thái tử, quý - hèn một trời một vực, huống gì [sánh với] hoàng đế? Suốt đời làm bầy tôi, phụng hành mạng vua, cúc cung tận tụy, giúp vua cai trị quốc gia. Nhưng địa vị tướng quốc ấy thật chẳng dễ dàng, nhọc nhằn cả nửa đời người, nai lưng chịu đựng, rồi đến rốt cuộc chẳng qua chỉ như vậy! Nếu học vấn tài năng hơi kém cỏi hơn, chẳng đạt được như vậy ắt có đến trăm ngàn vạn ức người! Đấy là tự lực. Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến chức Tể Tướng ví như công tu hành sâu dầy, đoạn Hoặc chứng Chân. Chỉ có thể xưng là thần, chẳng dám xưng là vua (Bầy tôi nhất định chẳng dám xưng là vua. Bầy tôi muốn làm vua trừ phi thác sanh trong cung vua, làm hoàng thái tử. Tu các pháp môn khác cũng có thể thành Phật, nhưng so với pháp Tịnh Độ thì khác biệt còn gấp nhiều lần [sự khác biệt] giữa ngày và kiếp. Người đọc phải khéo hiểu ý này, đừng chấp chặt vào từ ngữ. Nhưng theo như phần cuối kinh Hoa Nghiêm, Đẳng Giác Bồ Tát còn dùng mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh, rất giống với ý nghĩa thác sanh trong hoàng cung, làm hoàng thái tử. Pháp môn Tịnh Độ có được kinh Hoa Nghiêm giống như biển cả dung nạp vạn con sông, như thái hư bao trùm vạn tượng. Cao đẹp thay! Lớn lao thay!) ví như tuy thoát sanh tử, nhưng còn chưa thành Phật! Những kẻ học vấn chưa đầy đủ, chẳng thể [đạt được] như vậy rất đông; ví như những người chưa đoạn sạch Hoặc, chẳng thể thoát khỏi biển khổ sanh tử rất nhiều.

Trong pháp môn Niệm Phật, dẫu chưa hiểu giáo lý, chưa đoạn Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung quyết định được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khi đã sanh về Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, ngay trong một đời này quyết định bổ vào địa vị Phật. Đây là Phật lực lại kiêm tự lực. Nói "tín nguyện trì danh" chính là do tự lực có thể cảm được Phật. Thệ nguyện nhiếp thọ, rủ lòng Từ tiếp dẫn chính là Phật lực có thể ứng với ta. Do cảm ứng đạo giao cho nên được như thế. Nếu lại hiểu sâu xa giáo lý, đoạn Hoặc chứng Chân thì phẩm vị vãng sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng lẹ! Do vậy, Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Tạng hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông đều nguyện vãng sanh. Ví như thác sanh trong hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ đã sang quý lấn át quần thần, đấy là nhờ vào sức vua. Đến khi khôn lớn, học vấn, tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ, bèn có thể kế thừa ngôi vua, bình trị thiên hạ. Hết thảy bầy tôi đều phải nghe chiếu dụ. Đấy chính là vương lực, tự lực đều cùng có.

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như thế. Chưa đoạn Hoặc nghiệp, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, liền thoát khỏi sanh tử. Ví như Thái Tử mới sanh đã sang quý lấn át quần thần. Đã được vãng sanh thì Hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bổ vào địa vị Phật, như Thái Tử khôn lớn, thừa kế ngôi vua, bình trị thiên hạ. Lại nữa, những vị đã đoạn Hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông, những vị đã đạt tới địa vị Bổ Xứ như Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Tạng hải chúng

đều nguyện vãng sanh. Ví như thuở xưa, trấn giữ chốn biên cương quê mùa, chẳng thể kế thừa ngôi báu; nay sống tại Đông Cung chẳng bao lâu sẽ đăng cực (lên ngôi vua). Xin hãy bỏ sạch thói cũ, đối với pháp môn này sanh lòng tín nguyện cùng cực, chuyên tinh tu tập thì vô tận phiền não nhanh chóng đoạn sạch chẳng khó khăn gì, vô lượng pháp môn tự nhiên chứng nhập. Viên thành vô thượng Phật đạo, độ thoát vô biên chúng sanh như trao bằng khoán ra lấy lại vật cũ. Hãy nên cố gắng! Hãy gắng sức lên!

42. Vì tại gia đệ tử lược nói Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện

Buồn thay chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi lục đạo, lưu chuyển tứ sanh, không được cứu giúp, không nơi quay về, không chỗ nương nhờ. Như con côi mất cha, như người cùng quẫn tan cửa nát nhà. Đều là do phiền não ác nghiệp, cảm lấy khổ quả sanh tử này; đui mù không có con mắt Huệ, chẳng thể tự thoát! Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian vì chúng sanh thuyết pháp, dạy thọ lãnh Tam Quy làm cái gốc để đổi tà về chánh, dạy trì Ngũ Giới để làm nguồn đoạn ác tu thiện, dạy hành Thập Thiện để làm cái gốc thanh tịnh ba nghiệp thân - khẩu - ý. Từ đây, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Ba nghiệp đã tịnh thì sau đấy mới có thể tuân tu đạo phẩm hòng trái trần hiệp giác, chuyển phàm thành thánh, đoạn cội rễ tham - sân - si phiền não, thành đại đạo Giới - Định - Huệ Bồ Đề. Vì thế, đức Phật nói ra pháp Tứ Đế, Thập

Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, ba mươi bảy phẩm Trợ Đạo v.v… vô lượng pháp môn. Lại muốn cho [chúng sanh] mau thoát sanh tử, chóng thành Phật đạo, nên bèn nói pháp môn Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ, khiến [họ] chẳng mất nhiều sức lực lại được thành tựu ngay trong đời này. Ôi! Ân Thế Tôn có thể nói là cùng cực; dẫu thiên địa phụ mẫu cũng chẳng đủ để sánh ví. Bất Huệ thọ ân rất sâu, không cách nào báo đền.

Nay các ông nghe lầm lời người, chẳng nề hà cách xa mấy ngàn dặm đến đây, muốn thờ tôi làm thầy; nhưng tôi tự xét mình vô đức, đôi ba lượt khước từ, các ông vẫn chẳng nghe theo. Nay bất đắc dĩ đem ý nghĩa đức Như Lai xuất thế thuyết pháp độ sanh thuật đại lược cùng các ông, cũng như đem Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện và pháp môn Tịnh Độ giải thích đại lược ý nghĩa, khiến cho các ông có cái để học theo, có cái để tuân thủ. Tứ Đế cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ Đạo không phải là những pháp mà trí lực các ông có thể biết được. Vì thế, lược đi không viết. Nếu các ông y giáo phụng hành thì đấy chính là tôn Phật làm thầy, huống gì Bất Huệ! Nếu chẳng y giáo phụng hành thì ân Bất Huệ còn phụ bạc, huống chi ân Phật?

1) Tam Quy (chữ Quy 歸 còn viết là Quy 皈. Quy (皈) là trở về với cái trong trắng, theo ý nghĩa chuyển nhiễm thành tịnh vậy): Một là quy y Phật, hai là quy y Pháp, ba là quy y Tăng. Quy là gieo vào, trở về, Y là nương gởi. Như người té xuống biển, chợt có thuyền đi tới bèn lội đến bên thuyền; đấy là ý nghĩa của chữ "quay về, gieo vào". Lên thuyền ngồi yên là nghĩa "nương nhờ". Sanh tử là

biển, Tam Bảo là thuyền. Chúng sanh quy y liền lên bờ kia. Đã quy y Phật, thờ Phật làm thầy thì từ hôm nay trở đi cho đến lúc mạng chung, chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần. Đã quy y Pháp, lấy Pháp làm thầy thì từ nay trở đi cho đến lúc mạng chung, chẳng được quy y điển tịch của ngoại đạo (Pháp chính là kinh Phật và các pháp môn tu hành. "Điển tịch" chính là kinh sách vậy). Đã quy y Tăng, thờ Tăng làm thầy thì từ hôm nay trở đi cho đến lúc mạng chung, chẳng được quy y đồ chúng ngoại đạo.

2) Ngũ Giới: Một là chẳng sát sanh. Hai là chẳng trộm cắp. Ba là chẳng tà dâm. Bốn là chẳng nói dối. Năm là chẳng uống rượu.

Loài vật cũng như ta ham sống sợ chết; ta đã ham sống thì lẽ nào loài vật lại muốn chết hay sao? Cứ theo đó mà suy thì có nên giết hại sanh mạng hay chăng? Hết thảy chúng sanh luân hồi trong sáu nẻo, tùy theo nghiệp lành, dữ sẽ bị thăng lên, giáng xuống, vượt lên hay chìm xuống. Trong nhiều kiếp, ta cùng với chúng thay phiên làm cha mẹ, con cái; phải nên nghĩ cách cứu vớt, lẽ nào nỡ giết hại? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật trong đời vị lai. Nếu ta đọa lạc thì còn mong [được họ] cứu giúp! Hơn nữa, đã tạo nghiệp sát ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, giết hại lẫn nhau chẳng biết bao giờ mới thôi! Lấy đó mà suy, sao dám giết hại? Nguyên do của sát sanh là vì ăn thịt. Nếu đã biết nhân duyên như trên vừa nói sẽ tự chẳng dám ăn thịt nữa. Kẻ ngu còn cho thịt là ngon, chẳng hề biết thịt vốn do tinh - huyết tạo thành, trong chứa đầy phẩn, tiểu,

ngoài lẫn chất dơ, tanh tưởi, hôi bẩn, ngon ở chỗ nào? Thường nên quán bất tịnh thì ăn vào ắt sẽ phát ọe.

Thêm nữa, chúng sanh gồm có con người, cầm thú, giòi tửa, cá, tôm, muỗi mòng, rận, rệp. Hễ có sanh mạng thì đều là chúng sanh; chẳng thể bảo hễ con vật lớn thì chẳng nên giết, con vật nhỏ thì giết được. Kinh Phật đã dạy tường tận về lợi ích công đức của việc tránh sát sanh và phóng sanh. Người đời không đọc được những kinh ấy thì nên xem tác phẩm Vạn Thiện Tiên Tư của An Sĩ tiên sinh, ắt sẽ biết được đại khái.

Chẳng trộm cắp: Thấy giới này liền nghĩ được nghĩa, nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Chuyện này người biết liêm sỉ bèn có thể không phạm. Như bàn tỉ mỉ thì nếu ai chẳng phải là bậc đại thánh, đại hiền đều khó khỏi không phạm. Dùng của công vào việc tư, tổn người lợi mình, cậy thế đoạt của, dùng mưu đoạt vật, ganh tị sự phú quý của người khác, mong cho người khác nghèo hèn, phô trương làm lành để lấy tiếng, gặp các việc lành tâm không sốt sắng. Hoặc như khi lập nghĩa học (trường học làm nghĩa, không thâu học phí) lại chẳng chọn thầy nghiêm khiến cho con em người khác bị lầm lạc. Hoặc khi thí thuốc men, chẳng xét thật - giả khiến người ta bị hại mạng. Phàm thấy nạn gấp mặc kệ chẳng cứu ngay; lề mề, hời hợt, thờ ơ đến nỗi làm hỏng việc, chỉ làm tắc trách cho xong việc, lãng phí tiền tài người khác, trong lòng chẳng coi là khẩn yếu. Những điều như thế đều gọi là trộm cắp vậy. Do các ông đang

sống trong thiện đường[148] nên trích ra những điều tốt lành hay tệ hại để nói đại lược vậy.

Chẳng tà dâm: Người đời nam nữ lập gia đình sanh con đẻ cái thì trên là vì phong hóa, dưới là để [có người] thờ phụng tổ tiên. Vợ chồng hành dâm không phạm vào điều cấm; nhưng phải nên kính nhau như khách, chỉ cốt tiếp nối giòng giống [để có người] thờ cúng tổ tiên, chẳng nên vì khoái lạc mà chạy theo lòng dục đến nỗi mất mạng. Tuy là vợ mình nhưng nếu tham lạc quá thì cũng là phạm giới; nhưng tội ấy vẫn còn nhẹ, nhỏ. Nếu chung chạ bừa bãi với người chẳng phải là vợ mình thì gọi là tà dâm; tội ấy rất nặng! Hành tà dâm là đem cái thân người làm chuyện súc sanh; khi báo hết mạng dứt, trước sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, sau sanh trong súc sanh đạo ngàn vạn ức kiếp chẳng thể xuất ly. Hết thảy chúng sanh đều do dâm dục sanh ra cho nên giới này khó giữ dễ phạm; ngay cả bậc hiền đạt có lúc còn vấp ngã, huống là kẻ ngu. Nếu lập chí tu trì thì trước hết phải hiểu rõ lợi - hại và phương pháp đối trị: Như thấy rắn độc, như gặp oán tặc, sợ hãi e dè thì dục tâm tự tắt. Phương pháp đối trị đã được ghi nhiều trong kinh Phật. Nếu người đời chẳng có duyên xem đến thì nên xem cuốn Dục Hải Hồi Cuồng của An Sĩ tiên sinh, ắt sẽ biết được đại khái (Lợi: Cái lợi do chẳng phạm, hại là họa hại do phạm giới này vậy)

Chẳng nói dối: Tức là lời nói đáng tin, chẳng thốt ra lời dối trá. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy bảo thấy, lấy dối làm thật, có nói là không v.v… phàm khi

---

[148] Thiện đường: Cơ quan hay tổ chức nhân đạo (charity).

tâm và miệng chẳng tương ứng, muốn dối gạt người thì đều là nói dối cả. Nếu lại có kẻ chưa đoạn Hoặc mà bảo là đã đoạn Hoặc; tự chưa đắc đạo bảo là đắc đạo thì gọi là đại vọng ngữ; tội ấy rất nặng, sau khi mạng chung quyết định đọa thẳng vào A Tỳ địa ngục, trọn chẳng có kỳ ra. Hiện nay, có nhan nhãn những kẻ tu hành nhưng chẳng hề biết đến giáo lý Phật pháp cho nên phải thống thiết răn đe; rất quan trọng vậy.

Bốn điều trên đây chẳng luận là xuất gia hay tại gia, đã thọ giới hay chưa thọ giới, hễ phạm phải đều có tội lỗi vì thể tánh [của những sự ấy] là ác. Người chẳng thọ giới tội lỗi một tầng; người đã thọ giới tội nặng gấp đôi: ngoài tội làm điều ác còn thêm tội phạm giới. Nếu trì mà chẳng phạm thì công đức vô lượng vô biên. Vì vậy, cần phải gắng công giữ giới!

Chẳng uống rượu: Là vì rượu có thể làm mê loạn lòng người, hư hoại hạt giống trí huệ. Uống vào khiến người điên đảo, hôn cuồng, làm điều xằng bậy nên Phật chế giới cấm hẳn. Phàm người tu hành đều chẳng được uống. Thêm nữa, đối với các thứ hành, hẹ, giới (nén) (薤 đọc là Giới, là một loại tỏi nhỏ), tỏi… năm thứ hăng nồng (ngũ huân), mùi vị hôi hám, thể chất chẳng thanh khiết. Ngũ huân hễ ăn chín thì phát sanh lòng dâm, ăn sống thì thêm nóng giận; phàm là kẻ tu hành đều chẳng được ăn. Tuy nhiên, đối với người chưa thọ giới này thì uống rượu, ăn ngũ huân đều chẳng bị tội; còn nếu đã thọ giới rồi còn uống rượu, còn ăn ngũ tân thì mắc một tầng lỗi, tức là tội phạm Phật giới. Phật đã cấm ngăn mà

các ông lại phạm nên có tội (Ngũ Huân[149]: Tây Vực có đủ năm thứ, ở đây (Trung Hoa) chỉ có bốn loại).

3) Thập Thiện: Một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng nói thêu dệt, sáu là chẳng nói đôi chiều, bảy là chẳng ác khẩu, tám là chẳng keo tham, chín là chẳng nóng giận, mười là chẳng tà kiến.

Trong những giới này, ba giới đầu tiên là thân nghiệp; bốn giới giữa là khẩu nghiệp; ba giới sau cùng thuộc về ý nghiệp. Nghiệp là Sự. Nếu giữ gìn chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện; nếu vi phạm chẳng giữ được thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia ra làm thượng, trung, hạ; sẽ cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện cũng chia ra làm thượng, trung, hạ, được thân trong ba đường lành: trời, người, A Tu La. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác,

---

[149] Huân, gọi đủ là huân tân (hăng nồng và cay), chỉ những thứ thực vật có mùi hôi nồng, có vị cay. Theo kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới quyển hạ, Ngũ Huân (thường gọi phổ biến hơn là Ngũ Tân) gồm đại toán, cách thông, từ thông, lan thông và hưng cừ (hành, hẹ, tỏi, kiệu và củ nén). Theo Tứ Phần Luật quyển 15, Thập Tụng Luật quyển 17, Câu Xá Luận quyển 14 và 18, Pháp Uyển Châu Lâm quyển 93, đều chép Phật cấm rượu và Ngũ Tân. Theo lão hòa thượng Diễn Bồi, rượu ở đây bao gồm tất cả những thứ có men gây say, dù là loại bia nhẹ hay sâm-banh, vang nhẹ đều không được uống; các loại cây dù không thuộc trong danh sách Ngũ Tân nhưng hăng nồng như boa-rô (tỏi tây), hành tây… chẳng hạn cũng không nên dùng. Hiện thời tại hải ngoại có một số giảng sư chủ trương không kiêng Ngũ Tân, thậm chí còn bảo chuyện kiêng Ngũ Tân là do cổ đức Trung Hoa bịa đặt ra, chứ trong giới luật không có! Không rõ những luận thuyết ấy căn cứ vào đâu, vì Tứ Phần Luật và Thập Tụng Luật đều nói rất rõ chuyện này. Trong các tự viện Trung Hoa khi xưa, trước cổng Tam Quan thường có tảng đá hay bia đá khắc chữ to *"bất hứa huân tửu nhập sơn môn"* (chẳng cho người uống rượu, ăn thứ tanh hôi vào sơn môn). Bia ấy thường được gọi là Cấm Bi Thạch, Giới Đàn Thạch, Huân Tửu Bi.

quyết định không nghi, tơ hào chẳng lầm. Những điều "giết, trộm, dâm, nói dối" đã giảng trong phần nói về Ngũ Giới.

Nói thêu dệt là nói lời vô ích, phù phiếm, bóng bảy, đẹp đẽ, bàn soạn chuyện dâm dục khiến người ta nghĩ bậy v.v… Nói đôi chiều là đến người kia nói chuyện người này, hướng đến người này nói chuyện kẻ kia; khêu gợi thị phi, đòn xóc hai đầu. Ác khẩu là ngôn ngữ thô ác như đao, như kiếm, phơi bày những điều xấu người ta muốn giấu, chẳng biết kiêng dè. Nếu lại còn mạo phạm đến cha mẹ người thì gọi là đại ác khẩu; tương lai sẽ mắc quả báo súc sanh. Đã thọ Phật giới thì nên cẩn thận chớ phạm. "Keo tham" (xan tham) là chẳng chịu thí của cải của chính mình cho người thì gọi là Keo. Đối với của cải của người ta chỉ muốn đoạt về mình thì gọi là Tham. Nóng giận là phẫn hận, giận dữ: Thấy người đạt được điều gì thì lo buồn, phẫn nộ; thấy người bị mất mát, lòng khoan khoái sung sướng. [Nóng giận] cũng có nghĩa là cậy thế lực, buông lung tâm tánh, khinh rẻ cả người lẫn vật. Tà kiến: Chẳng tin làm lành được phước, làm ác mắc tội; nói là không có nhân quả, chẳng có đời sau; khinh miệt lời của hiền thánh, hủy kinh giáo của Phật.

Thập Thiện này bao gồm hết thảy mọi sự. Nếu có thể tuân hành Thập Thiện thì không ác chi chẳng dứt được, không điều lành chi chẳng tu. Tôi sợ kẻ sơ tâm chẳng thể hiểu rõ nên nay nêu đại lược một hai việc:

a. Một là nên hiếu thuận phụ mẫu, chẳng trái, chẳng nghịch, mềm mỏng, uyển chuyển, khuyên cho cha mẹ

nhập đạo, bỏ mặn, ăn chay, trì giới, niệm Phật, cầu sanh Tây phương liễu thoát sanh tử. Nếu cha mẹ tin nhận thì không điều lành nào lớn hơn nữa! Nếu như cha mẹ nhất quyết chẳng làm theo thì cũng chớ ép buộc vì sẽ mất đạo Hiếu; chỉ nên đối trước Phật thay cha mẹ sám hối tội lỗi; đó mới là điều nên làm. Với anh em bèn hết dạ; với vợ chồng thì tận kính; với con cái thì cực lực giáo huấn khiến cho chúng tốt lành. Cẩn thận chớ mặc tình kiêu hãnh quen thói đến nỗi thành phường trộm cướp. Đối với xóm giềng làng nước nên hòa mục, nhún nhường. Vì họ nói nhân quả, thiện ác khiến họ đổi ác, hướng lành. Đối với bằng hữu thì tận tín; với tôi tớ thì từ ái. Đối với việc công cũng tận tâm hết sức như làm việc tư. Hễ thấy người thân, kẻ quen biết thì gặp cha bèn nói về lòng từ; gặp con liền nói về hiếu.

b. Về làm ăn tuy là bỏ vốn kiếm lời, cũng chẳng nên dùng đồ giả, gạt gẫm người khác.

Nếu phong hóa này được thạnh hành ở một làng, một ấp sẽ tiêu được cái họa loạn khi chưa chớm, đến nỗi hình phạt thành ra vô dụng thì có thể nói là ngoài nội tận trung, sống ở nhà mà tham dự quyền cai trị vậy.

43. Dạy bà tỳ-kheo-ni X… (Bà này là người xuất gia thuộc dòng dõi thế gia, viết thay cho bạn)

Quang âm nhanh chóng, thời thế đổi dời trong từng sát-na, chẳng ngừng nghỉ dẫu chỉ một niệm. Đấy chính là tạo vật hiện tướng lưỡi rộng dài vì khắp hết thảy chúng sanh như bà với tôi mà nói *“mạng người vô*

thường, vinh hoa chẳng tồn tại dài lâu, hãy gấp đi theo diệu pháp vô thượng để khỏi bị trầm luân”. Bà đã nhàm bỏ vinh hoa cõi thế, phát tâm xuất gia, ắt phải nỗ lực siêng tu, chớ nên chần chừ để ngày tháng trôi qua. Một hơi thở ra khó thể giữ lại, thở ra không hít vào được nữa liền thuộc vào đời sau. Hãy nghĩ hình chất tuy thuộc Ngũ Lậu[150], nhưng tâm tánh vốn đủ Tam Đức. Đau đáu gột rửa tập khí nữ nhân từ bao kiếp, tận lực trì thánh hiệu Di Đà, quán cõi Sa Bà này trược ác còn hơn chuồng xí, tin cõi Cực Lạc kia chính là quê nhà ta vốn sẵn có. Chẳng cầu những phước lạc trời - người đời này, đời sau, chỉ nguyện báo hết mạng tận được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Sáng sao chiều vậy, niệm đâu nghĩ đấy, niệm cực công thuần, cảm ứng đạo giao, đến lúc lâm chung ắt được thỏa nguyện. Đã sanh về Tịnh Độ đốn ngộ Vô Sanh, nhìn lại phú quý thế gian khác nào ánh nắng dợn, hoa đốm trên không, hệt như ngục tù, biển độc!

Nhưng muốn sanh Tịnh Độ trước hết phải đối trị nhiễm tập (những tập khí nhơ uế). Kinh Phật thường dạy: *“Phú quý khó học đạo, nữ nhân cũng khó học đạo”.* Ấy là vì kẻ phú quý, kiêu mạn thành tánh, xa xỉ đầy lòng, còn chưa thể khiêm cung tiếp nhận sự vật để

[150] Lậu có nghĩa là rò rỉ, đánh mất, hàm nghĩa do phiền não nên bị rơi rụng trong tam giới. Thông thường có Tam Lậu, Lục Lậu, Thất Lậu. Ở đây nói đến Ngũ Lậu nhằm ám chỉ năm món lậu chính trong Thất Lậu, tức: 1. Kiến Lậu (các thứ tà kiến) 2. Căn Lậu (các phiền não nơi sáu căn). 3. Ác Lậu (những phiền não sanh khởi do ác duyên bên ngoài như vua ác, bạn ác…) 4. Thọ Lậu (phiền não tạo bởi các cảm thọ sướng, khổ, xả) 5. Niệm Lậu (phiền não do tà niệm sanh khởi).

tự chăn giữ chính mình, sao có thể dứt nghĩ, quên duyên, hư tâm cầu đạo? Nữ nhân chỉ cậy bóng sắc, thường ôm lòng ghen ghét, chẳng biết dẫu là hạng sắc nước hương trời vẫn cứ là đãy phân, túi da y như cũ! Đã tham luyến thân huyễn, sao ngộ được diệu tánh? Nhằm trị bệnh này, đức Như Lai dạy tu quán Tứ Niệm Xứ: Một là quán thân bất tịnh, hai là quán thọ là khổ, ba là quán tâm vô thường, bốn là quán pháp vô ngã. Quán này nếu thành thì tập khí yêu mến cái thân, ỷ thế sẽ tiêu diệt không còn sót, chẳng khác lò lớn nung tan mảnh tuyết. Bà vốn là nữ nhân phú quý xuất gia, phàm những tập khí kiêu ngạo, xa hoa, đẹp đẽ, bóng bảy phải triệt để vứt bỏ, chẳng để cho mảy may nào chứa chấp trong lòng thì tương lai mới có phần thoát khổ. Hiện thời, pháp yếu ma mạnh, thầy lành bạn tốt thật chẳng dễ được, phải nên tôn kính cổ nhân, lấy cổ nhân làm thầy. Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hãy nên thường đọc kỹ, ngõ hầu có cái để học theo, không do đâu bị đọa vào bè ma. Gần đây Tăng - Ni đa phần không đúng pháp, chớ nên lạm thâu đồ chúng, hoại loạn Phật pháp, đấy thật là điều thiết yếu nhất. Hãy nên tận lực giữ gìn Thanh Quy, tận lực tu Tịnh nghiệp, sống làm gương cho nữ nhân, chết dự vào Liên Trì, mới khỏi phụ công trốn khỏi hầm lửa vạn trượng, đích thân làm đệ tử Như Lai. Hãy gắng sức lên, chớ quên lời ta.

44. Giới Đường Tiểu Thực Bảng[151]

Thể Tam Đức viên dung được tỏ lộ bởi Giới. Thân do Tứ Đại huyễn thành, sống nhờ ăn uống. Tiến đến Bồ Đề hoàn toàn nhờ vào Giới Độ; tinh tu đạo phẩm ắt phải dựa vào cái ăn. Các ông đã phát Vô Thượng Đạo Tâm, muốn đắc Tam Tụ Tịnh Giới[152], hãy nên dốc cạn tâm lực gieo lòng thành lễ sám. Các vị thầy ngoài Giới Đường và các vị hộ pháp chỉ sợ các ông thân tâm nhọc mệt, đạo nghiệp khó thể hoàn thành, nên trước bữa cơm trưa, đặc biệt lập ra bữa Tiểu Thực để các ông đỡ lòng hòng được yên ổn. Phải biết bữa ăn này về Thể chính là Thiền Duyệt[153], vô sanh vô diệt, chính là Sắc, chính là Không, giống như cơm thơm của ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật) thì Hoặc mới tiêu được đôi chút. Nó chính là

---

[151] Ta thường gọi Tiểu Thực là "bữa lỡ", tức bữa ăn nhẹ trước bữa ngọ. Đây là bài Cảnh Sách được treo trong Giới Đường để chư Tăng quán niệm khi dùng bữa lỡ. Thông thường, Giới Đường đối diện với Trai Đường, là nơi ở dành cho hàng Sa-di tu tập để cầu được thọ Cụ Túc Giới.

[152] Tam Tụ Tịnh Giới (Tri-vidhāni śīlāni), chỉ giới pháp của Đại Thừa Bồ Tát, còn gọi là Tam Tụ Thanh Tịnh Giới, Tam Tụ Viên Giới. Tụ có nghĩa là họp thành loại. Do ba tụ giới pháp này vô cấu thanh tịnh, nhiếp trọn các giới Đại Thừa vô ngại viên dung nên gọi là Tam Tụ Tịnh Giới, gồm:
1. Nhiếp Luật Nghi Giới (Samvara-śīla): Đoạn hết thảy ác, ngăn dứt các ác (Chỉ Ác môn) như Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới, Cụ Túc Giới v.v…
2. Nhiếp Thiện Pháp Giới (Kuśala-dharma-samgrāhaka-śīla): Bao gồm hết thảy Bồ Đề đạo giới, thuộc Tu Hành Môn trong Luật Nghi. Đem tất cả điều lành từ thân - khẩu - ý hồi hướng vô thượng Bồ Đề, thường siêng tinh tấn, cúng dường Tam Bảo, tâm không phóng dật, nhiếp thủ các căn, hành lục Ba La Mật v.v.. Nếu phạm lỗi bèn như pháp sám trừ.
3. Nhiếp Chúng Sanh Giới (Sattvārtha-kriyā-śīla), còn gọi là Nhiêu Ích Hữu Tình Giới, dùng từ tâm nhiếp thọ, lợi ích chúng sanh, tức là Lợi Sanh Môn trong Luật Nghi.

[153] Thiền Duyệt: Sự vui sướng, an vui khi nhập Thiền.

chất Kim Cang[154] trong kinh Hoa Nghiêm, dù kiếp hoại [Kim Cang] vẫn không hoại. Nếu các ông hiểu được [như vậy] thì tam luân thể không, liền giác được lục trần, nhất niệm chẳng sanh, mười cõi tiêu mất. Thức ăn, pháp, tâm, cảnh mỗi mỗi bình đẳng. Giống như hư không hợp với hư không, như nước đổ vào nước, biến mất nhưng chẳng hoại, trở thành một thể. Như vậy mới xứng là người trì tịnh giới, mới gọi là người báo đáp được ân. Nếu không, hạt gạo to như núi làm sao ăn cho tiêu được, tương lai chắc phải có ngày khoác lông đội sừng đền, các ông ai nấy hãy cố gắng!

45. U Minh Giới Điệp[155]

(Bốn chữ *"hiện tọa đạo tràng"* chỉ Phổ Đà mới có thể dùng, những chỗ khác nên dùng chữ *"tầm thanh cứu khổ")*

Thể của Tâm vốn tịnh, nhân mê vọng mà phiền hoặc bèn sanh. Thế giới vốn trong sạch, do huyễn nghiệp mà trược ác liền nhanh chóng hiện ra. Một phen mê thì mãi mãi mê, từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân trong cõi sanh tử, chìm mất trong trần lao. Quán chiếu chưa khởi, sao biết được Ngũ Uẩn vốn không?

---

[154] Kim Cang (vajra): Còn dịch âm là Phạt Xà La, Bạt Xà La, Bạt Triết La, Phạ Nhật Ra, Phạt Triết La, Bạt Nhật La. Thông thường, Kim Cang được hiểu là chất cứng rắn nhất trong các kim loại, hoặc loại bảo thạch quý báu nhất, không gì phá hoại được, đốt không cháy, xuyên thủng các vật. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương quyển 9 nói Kim Cang có các đặc tính xuyên thủng mọi vật, thanh tịnh, cứng rắn, tối thắng, khó suy lường, hiếm có, trong suốt, trang nghiêm, không phân biệt v.v…

[155] Khi truyền giới cho người đã mất, giới điệp cấp cho vong linh được gọi là U Minh Giới Điệp.

Tham nhiễm thành tánh, nào rõ lục trần chính là giác! Ôm bảo châu vô giá oan uổng chịu khốn khổ, sẵn đủ Phật tánh thường trụ lại cam chịu luân hồi. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót thị hiện thành Chánh Giác, chế ra giới pháp. Trên từ Tam Thừa Thập Địa, dưới đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, phàm những ai có tâm thảy đều nên thọ trì. Ấy là vì hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí liền được hiện tiền. Do sức của Tam Tụ Tịnh Giới này, ngay lập tức dứt ác ngừa quấy, bỏ vọng theo chân, dơ hết, sáng hiện, vi trần vỡ, kinh lộ ra, cái tâm nghiệp thức biến thành Như Lai Tạng, khôi phục chân tâm thường trụ chẳng dời chẳng biến, chứng Pháp Tánh tịch diệt không giảm không tăng; nhập địa vị chư Phật, làm con đấng Pháp Vương, đến tận cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh, ngõ hầu mình cùng người đều thành giác đạo. Cao quý thay đức Thế Tôn! Dùng Giới độ sanh, khiến cho lìa khổ được vui, khiến cho phàm phu trở thành thánh. Từ ân bát ngát, pháp lợi mênh mông. Dẫu thiên địa, phụ mẫu cũng chẳng thể sánh ví được muôn một.

Nay có tín sĩ X… sống trong huyện… phủ… tỉnh… của Trung Hoa Dân Quốc, thuộc Nam Thiệm Bộ Châu trong tứ thiên hạ, thờ Phật, tu nhân, siêu tiến vong linh vãng sanh liên bang, kính vì [hương linh]… sanh năm… tháng… ngày… giờ… hưởng thọ… tuổi, trong ngày… tháng… năm… đột nhiên qua đời. Đau đớn nghĩ: Thân lìa trần thế, thần thức vào chốn u minh, chưa liễu nhất tâm, khó thoát lục đạo. Muốn cậy nhờ Phật lực

dẫn dắt thần thức vãng sanh Cực Lạc, nên đến chùa này, xin thuyết giới để trước hết gột sạch căn thân. Do vậy, kính vâng theo lời Phật sắc truyền, lập đàn tác pháp, phụng thỉnh Sa Bà Giáo Chủ Thích Ca Thế Tôn, Cực Lạc Đạo Sư A Di Đà Phật, Phật Thuyết Phạm Võng Bồ Tát Giới Kinh, U Minh Giáo Chủ Địa Tạng Bồ Tát, Hiện Tọa Đạo Tràng Quán Âm Đại Sĩ, thập phương tam thế vô tận Tam Bảo giáng đàn chứng minh, rủ lòng từ gia bị khiến cho giới pháp vô tác mầu nhiệm tốt lành từ đảnh môn nhập vào thân tâm, thành tựu pháp khí, tiếp nối hưng thạnh dòng giống Phật.

Do vậy, trước hết dạy [vong linh] quy y Tam Bảo, phản tà quy chánh, kế đó, dạy sám hối nghiệp chướng, thanh tịnh căn thân. Tiếp đó, dạy phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện, thượng cầu hạ hóa. Sau đó, mới vì [vong linh] nói Tam Tụ Tịnh Giới khiến cho thân - khẩu - ý nghiệp có chỗ nương tựa. Từ đấy, đoạn ác tu thiện, tự lợi, lợi tha. Nếu tự có thể mạnh mẽ không ngừng nghỉ, sẽ phá được Ngũ Trụ, thoát khỏi nhị tử, viên mãn Tứ Hoằng, chứng Tam Đức nào có khó gì! Phải biết: Sa Bà trược ác, gặp phải duyên bèn gây chướng đạo; Cực Lạc thanh tịnh, thấy cảnh tâm bèn sáng tỏ. Đem công đức thọ giới vô thượng này hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phát trọn vẹn ba tâm, xưng danh mười niệm, chắc chắn được Phật Di Đà đích thân tiếp dẫn, thánh chúng đều đến đón. Trong khoảng khảy ngón tay liền sanh sang cõi kia, gởi thân nơi thai sen, vĩnh viễn lìa các khổ, nghe pháp thọ ký, đốn chứng Vô Sanh. Rồi từ đó nương theo nguyện luân của chính mình, trở vào Sa Bà, ứng trọn khắp các căn cơ, hiện thân hình tùy

theo từng loại để thành tựu trọn các duyên, xiển dương pháp *"tự tánh chính ngay nơi tâm",* khiến cho chúng sanh trong khắp pháp giới đều cùng vào trong Di Đà nguyện hải, đáng gọi là Phật tử tối thượng, là bậc đại trượng phu thật sự! Tác pháp đã xong, cấp cho điệp văn. Nhờ công đức này liền được sanh về Tịnh Độ.

46. Dạy Trần Sanh (ông này sống nhờ tại trường học Hóa Vũ ở Phổ Đà, cha ông ta dạy học tại trường này)

Mạnh Tử cho rằng bậc quân tử có ba điều vui[156] còn hơn làm vua thiên hạ, điều thứ ba chính là được dạy dỗ bậc anh tài trong thiên hạ. Có thể thấy rằng chuyện giáo dục anh tài rất lớn lao, trách nhiệm rất nặng, quan hệ thật chẳng phải nông cạn. Ấy là vì nếu bậc anh tài được giáo dục sẽ nối tiếp được thánh nhân đời trước, chỉ bảo cho người học đời sau, giữ yên đất nước, khiến đời yên dân lành. Nếu không được giáo dục thì bậc thượng do không có khuôn phép [để noi theo] nên chẳng thể siêu quần xuất chúng, trở thành một kẻ tầm thường; còn bậc hạ sẽ bầu bạn với kẻ gian, đàn đúm với kẻ trộm cướp, làm quấy, làm ác, hoặc hãm thân trong phường gian thần tặc tử mà chẳng tự biết! Bất Huệ khi trẻ chẳng nỗ lực, đến già chẳng thành trò trống gì, trên phụ tấm lòng sư phụ dạy dỗ, dưới bị mất đi niềm vui giáo dục bậc

---

[156] Theo Mạnh Tử, người quân tử có ba điều vui trọng yếu trong cuộc đời:
1. Hiếu kính cha mẹ, gia đình hòa thuận, cha mẹ anh em cùng vui hưởng niềm vui thiên luân.
2. Dùng lương tâm đối xử người khác, bỏ nhiều lấy ít, nghiêm khắc với bản thân, khoan dung với người, hành xử chẳng thẹn với trời.
3. Giáo dục bậc anh tài không mệt mỏi.

anh tài. Chỉ mong anh tài trong thiên hạ đều được giáo dục, cùng hưởng cái tâm vui sướng ấy, chưa từng một ngày nào quên đi điều đó!

Ông tướng mạo xuất chúng, thông minh hơn người, nếu chịu phát phẫn học hỏi, tương lai nhất định đạt đại thành tựu chẳng thể suy lường được! Chỉ sợ ông ham chơi, luống uổng thời gian, đến nỗi tài vén mây ngút trời trở thành cái tài quẩn quanh trong gang tấc. Bài thơ đã nói chiều qua, sợ ông chưa thể nhớ được, nên hôm nay chép lại đưa cho ông, mong giúp phần tạo nên cái tâm phát phẫn học hành cho ông ngõ hầu trở thành bậc đội trời đạp đất vô song trong cả cõi đời. Thơ rằng:

Thiếu niên thanh xuân tự quá câu,
Song tiền sự nghiệp cánh hà như,
Dục vi thiên hạ vô song sĩ,
Tu độc nhân gian vạn quyển thư,
Vũ lộ nan tư khô căn thảo,
Phong lôi đản hóa hữu lân ngư,
Tương Như[157] *bất phẫn đề kiều chí,*

---

[157] Tư Mã Tương Như (170 trước Công Nguyên - 118 trước Công Nguyên) là một văn nhân hữu danh thời Tây Hán, chuyên viết Từ và Phú. Ông tên tự là Trường Khanh, người Thành Đô, Thục Quận (nay là tỉnh Tứ Xuyên). Thích đọc sách múa kiếm, thời trẻ được Hán Cảnh Đế thường cho theo hầu bên kiệu. Cảnh Đế không thích thơ phú nên ông bèn cáo bệnh từ quan, qua đất Lương là đất phong của Lương Hiếu Vương, tụ họp cùng những danh gia thời ấy như Trâu Dương, Mai Thừa v.v… viết ra bài Tử Hư Phú rất nổi tiếng. Lương Hiếu Vương chết, Tương Như quay về đất Thục, đi qua Lâm Cung gặp được người con gái góa là Trác Văn Quân. Cô này nghe khúc Phụng Cầu Hoàng do Tương Như gảy, say mê bỏ nhà trốn theo về Thành Đô. Do Tương Như quen ăn tiêu phung phí nên không bao lâu gia sản khánh kiệt, bị mọi người khinh rẻ, phẫn chí, khi qua cầu Thăng Tiên ở Thành Đô, Tương Như đã căm phẫn viết lên trụ

Yên đắc cao thừa tứ mã xa,
(Tạm dịch:
Tuổi xuân như bóng bạch câu[158],
Bên song sự nghiệp biết đâu mà lường?
Muốn thành thiên hạ vô song,
Hãy nên đọc lấy muôn vàn quyển văn,
Cỏ khô rễ đẫm sương vô ích,
Cá có vảy sấm gió mới thành,
Bên cầu phẫn chí ghi thề,
Tương Như mới có ngựa xe dập dìu!)

Lại nói:

Tam xích Long Tuyền, vạn quyển thư,
Lão thiên sanh ngã ý hà như?
Sơn Đông tể tướng, Sơn Tây tướng,
Bỉ trượng phu hề ngã trượng phu!
(Long Tuyền[159] ba thước, sách vàn muôn,

---

cầu: *"Chẳng ngồi xe cao bốn ngựa kéo, chẳng thèm đi qua cầu này nữa!"* Khi Hán Vũ Đế lên ngôi, đọc bài Tử Hư Phú vô cùng tán thưởng bèn triệu Tương Như ra giữ chức Trung Lang Tướng.

[158] Theo Hiện Đại Hán Ngữ Từ Điển của Vương Đồng Ức, Câu là con ngựa non chưa đầy hai tuổi, hoặc những con ngựa non khỏe mạnh cao từ năm đến sáu thước. Ngựa non chạy khá nhanh nên thường được dùng để ví với thời gian như trong câu thành ngữ *"bạch câu quá khích"* (con ngựa non trắng chạy qua khe cửa), ý nói: Mới thấy đó đã qua mất rồi.

[159] Long Tuyền: Tên một thanh gươm báu thời cổ. Tương truyền kiếm ấy được đúc từ huyện Long Tuyền thuộc tỉnh Chiết Giang nên mới có tên như vậy. Cho đến nay, huyện Long Tuyền vẫn rất nổi tiếng về nghề đúc kiếm và binh khí.

Trời sanh ra tớ, há chuyện xuông?
Sơn Đông tể tướng, Sơn Tây tướng[160],
Người trượng phu, ta cũng trượng phu!)

Hai bài thơ ấy của cổ nhân nhằm khích lệ tấm lòng anh tài, có thể nói là thân thiết, khẩn thiết đến cùng cực không chi hơn được nữa! Mong ông hãy đọc kỹ, nghĩ chín chắn thì may mắn lắm thay!

47. Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận

Đức Như Lai ra đời vốn nhằm làm cho các chúng sanh đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử mãi cho đến khi thành Phật mới thôi! Nhưng vì chúng sanh căn tánh không đều nhau, cho nên Như Lai phải thuận theo cơ nghi, nói ra hết thảy các pháp Đại - Tiểu, Quyền - Thật, Thiên - Viên, Đốn - Tiệm. Pháp tuy đủ mọi loại bất nhất, nhưng đều nhằm để thành thục thiện căn cho chúng sanh, khiến cho họ rốt ráo thành Phật. Nhưng đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử há phải dễ dàng ư? Nếu chẳng phải thuộc hai loại người, [tức là] hạng đã gieo trồng [hạt giống] từ trước đến nay chín muồi và hàng Pháp Thân thị hiện, thì dù có tu trì cũng chẳng thể ngay trong đời này, hoặc trong một hai đời

[160] Đây là một thành ngữ ý nói: Ta và người không hề kém cạnh nhau. Tỉnh Sơn Đông nổi danh là có nhiều danh thần, đại tướng từ thời cổ. Có thể tạm nêu: Y Doãn, Quản Trọng, Yến Anh, Gia Cát Lượng, Vương Mãnh, Vương Đạo, Phòng Huyền Linh v.v… Ngay cả người sáng lập ra nước Tề thời Chiến Quốc là Khương Tử Nha và người lập ra nước Lỗ là Châu Công Đán cũng là người Sơn Đông.

giải quyết nhanh chóng được! Kẻ căn cơ độn dù trải qua kiếp số lâu xa vẫn khó thể liễu thoát bởi lẽ chỉ cậy vào tự lực! Như Lai nghĩ thương chúng sanh tự lực liễu thoát khó khăn, nên bèn đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật thì tuy là tội nhân Ngũ Nghịch Thập Ác cực nặng sắp đọa địa ngục A Tỳ vẫn được vãng sanh. Huống chi những ai không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện ư? Huống gì những Phật tử thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới ư?

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, chính là để tiếp dẫn căn khí Thượng Thượng, và là tiếp dẫn kèm thêm hạng trung hạ. Kẻ ngu thường hay chê [pháp này] là thiển cận, Tiểu Thừa, nói chung là vì do chưa đọc kinh luận Đại Thừa, chưa gặp được bậc thông suốt có đầy đủ con mắt, dùng cái tâm điên đảo, chấp trước của chính mình để dò lường đạo thông suốt từ ban đầu cho đến chung cục của Như Lai. Như kẻ mù nhìn mặt trời, như kẻ điếc nghe sấm, cố nhiên bọn họ chẳng thấy, chẳng nghe, cho nên mới bình luận lầm lạc! Phải biết: Một pháp Tín Nguyện Niệm Phật chính là lời tuyên thuyết phát xuất tâm từ bi triệt để phổ độ chúng sanh của đức Như Lai; chỉ có các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v… mới có thể gánh vác rốt ráo. Bọn họ thấy ngu phu, ngu phụ đều có thể niệm Phật bèn coi [pháp này] là thiển cận, là Tiểu Thừa, có khác gì thấy ngôi sao treo nhỏ tí trên không trung bèn cho trời là nhỏ nhoi, thấy con trùng bé xíu bò trên đất bèn cho là đất cỏn con hay chăng?

Nếu có thể tin tưởng được pháp này thì chính là nhiều đời nhiều kiếp đã gieo sâu thiện căn. Nếu có thể dùng lòng tín nguyện sâu xa trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì chính cái tâm phàm phu ấy sẽ biến thành Như Lai Tạng, như người nhiễm mùi hương thân có mùi thơm. Hiện tại được tiếp xúc với khí phận của Phật, lúc lâm chung lẽ nào chẳng cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn hay sao? Những pháp như nhiếp tâm niệm Phật và tùy phận tu trì, tùy duyên hóa đạo, cũng như duyên do của Thiền Tông, Tịnh Tông, Phật lực, tự lực lớn - nhỏ, khó - dễ đã được trình bày tường tận trong Ấn Quang Văn Sao, xin hãy lắng lòng đọc kỹ ắt sẽ tự biết, nên ở đây không ghi lại cặn kẽ.

Chỗ quan trọng trong việc tu hành chính là đối trị tập khí phiền não. Tập khí ít đi một phần thì công phu tiến thêm được một phần. Có người càng ra sức tu hành, tập khí càng dấy động là vì chỉ biết tu trì theo mặt sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, kiên quyết trừ khử những vọng tình trong tâm họ mà ra. Nếu ngay trong lúc bình thời đã đề phòng sẵn, thì lúc gặp cảnh đụng duyên, phiền não sẽ chẳng phát khởi. Nếu bình thời biết được thân tâm ta đây hoàn toàn thuộc về huyễn vọng, cầu lấy thực thể, thực tánh của Ngã hoàn toàn chẳng thể được thì đã không có Ngã, nào còn có nhân cảnh (cảnh nơi nhân), nhân nhân (đối tượng con người nơi nhân) mà hòng sanh khởi những chuyện phiền não! Đây chính là phương pháp giải quyết tối thiết yếu từ trên căn bản vậy! Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật Ngã Không, hãy nên nương theo pháp Ngũ Đình Tâm Quán đức Như Lai đã dạy để đối trị (Ngũ Đình Tâm nghĩa là dùng

năm pháp này để điều hòa, ngưng lặng cái tâm, khiến cho tâm an trụ, chẳng bị chuyển theo cảnh nữa!) Có nghĩa là: Chúng sanh nhiều tham thì hành Bất Tịnh Quán; chúng sanh nhiều sân thì hành Từ Bi Quán; chúng sanh nhiều tán loạn thì hành Sổ Tức Quán; chúng sanh ngu si thì hành Nhân Duyên Quán, chúng sanh nhiều chướng thì hành Niệm Phật Quán.

Tham có nghĩa là thấy cảnh bèn dấy lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do ái sanh. Nếu có thể quán sát mỗi mỗi kỹ càng thân mình, thân người từ ngoài vào trong thì chỉ thấy hờm đất, mồ hôi, đờm rãi, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bẩn như chuồng xí, ai có thể sanh lòng tham ái đối với vật này cho được! Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt được trộn lẫn, như vải trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự giảm được nửa mà công gấp bội, lợi ích khó nghĩ suy!

Sân là thấy cảnh khởi tâm bực bội, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận. Phàm mọi chuyện muốn được như ý phải có người [để sai bảo], hễ hơi chút sai trái liền sanh phẫn nộ, nhẹ thì buông lời dữ ác, nặng thì roi vọt vụt đánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng! Lại nữa, tâm sân nếu khởi lên thì vô ích cho người, tổn hại cho mình, nhẹ thì cũng khiến cho tâm ý bực bội, xáo động; nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn thương. Hãy nên giữ sao cho trong tâm thường có một khối nguyên khí thái hòa thì bệnh tật tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng. Xưa kia vua A

Kỳ Đạt (A Xà Thế) cả đời thờ Phật, giữ vững năm giới, khi lâm chung do người hầu cầm quạt đuổi ruồi, quạt lâu mệt mỏi, hôn trầm, đánh rơi cây quạt rớt trúng mặt vua, tâm vua sanh phiền hận, ngay lập tức mạng chung. Do một niệm ấy liền mang thân mãng xà. Do sức túc phước, còn biết được nhân ấy bèn cầu sa-môn dạy cho Tam Quy, Ngũ Giới, liền thoát thân mãng xà, sanh lên trên trời. Do vậy biết thói nóng giận gây hại rất lớn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Một niệm sân tâm khởi, trăm ngàn cửa chướng mở!"* Cổ đức nói: *"Sân là lửa trong tâm, cháy trụi rừng công đức. Muốn học đạo Bồ Đề, nhẫn nhục phòng tâm sân".*

Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân tu Từ Bi Quán như sau: Xem hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì nên nghĩ đời trước họ có ân đức sanh thành, dưỡng dục, thẹn chưa thể báo đáp, há có nên vì chuyện trái ý nhỏ nhặt bèn ôm lòng phẫn nộ ư? Đã là vị lai chư Phật ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Nếu ta chưa giải quyết được sanh tử, vẫn mong họ đến độ thoát! Chẳng những chuyện trái ý nhỏ nhặt không nên nổi nóng, dẫu là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận! Vì vậy, lúc Bồ Tát xả đầu, mắt, tủy, não, đều xem người xin những thứ ấy như thiện tri thức, coi như ân nhân, coi như người thành tựu đạo Bồ Đề vô thượng cho mình. Xem phẩm Thập Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết. Lại nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta và chư Phật không hai. Chỉ vì mê trái bổn tâm, chấp chặt Ngã Kiến nên hết thảy các duyên đều thành đối đãi. Như cái bia để bắn đã lập thì các mũi

tên đều nhắm vào. Nếu biết được tâm ta vốn là tâm Phật, Phật tâm không, vô sở hữu. Giống như hư không: Sâm la vạn tượng không gì chẳng bao gồm. Cũng như biển cả: Trăm sông mọi nguồn nước không gì chẳng dung nạp. Như trời che chở khắp, như đất nâng bình đẳng, chẳng coi chuyện che chở, nâng đỡ là đức. Nếu ta do chuyện nghịch ý nhỏ nhặt bèn sanh nóng giận thì chẳng những khiến cho tâm lượng chính mình thành hẹp hòi, mà còn tự đánh mất cả đức. Tuy có đủ Phật tâm lý thể nhưng khởi tâm động niệm toàn là xử sự theo phàm tình, coi vọng là chân, biến tớ thành chủ; suy nghĩ như thế há không hổ thẹn ư? Nếu bình thời thường nghĩ như thế thì tâm lượng sẽ rộng lớn, không gì chẳng dung được, coi muôn loài như chính mình, chẳng thấy đây - kia. Điều nghịch xảy đến còn thuận chịu được, huống gì những chuyện trái ý nhỏ nhặt mà lại sanh nóng giận ư?

Ngu si nghĩa là hoàn toàn không có tri thức, tức là nói thế nhân đối với cảnh duyên thiện - ác chẳng biết đều là do túc nghiệp chuốc lấy, do hành vi trong hiện tại cảm lấy, lầm lạc bảo là không có nhân quả báo ứng, và những chuyện đời trước, đời sau v.v… Hết thảy chúng sanh không có con mắt Huệ, nếu không chấp Đoạn thì lại chấp Thường. Chấp Đoạn là nói con người bẩm thụ khí chất của cha mẹ mà sanh ra, trước lúc được sanh ra vốn chẳng có vật gì, đến lúc chết rồi, hình hài đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm gì có đời trước cũng như đời sau! Những nhà Nho câu nệ, hẹp hòi cõi này đa phần nói như thế. Chấp Thường là nói con người thường làm người, súc vật thường làm súc vật; chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển.

Thời cổ có kẻ cực độc từ ngay nơi thân ấy biến thành mãng xà, có kẻ cực tàn bạo, ngay từ chính nơi thân ấy biến thành cọp. Ngay trong lúc nghiệp lực đang mạnh mẽ, dữ dội, còn có thể biến đổi được hình thể, huống chi nhằm lúc sau khi chết đi, trước lúc được sanh ra, thức do nghiệp lôi kéo mà chuyển biến ư? Do vậy, đức Phật nói mười hai nhân duyên chính là lời luận bàn xuyên suốt cả ba đời. Nhân trước ắt cảm lấy quả sau, quả sau ắt có nhân trước. Báo ứng thiện - ác, phước - họa xảy đến đều do tự mình làm, tự mình chịu, nào phải trời giáng xuống! Chẳng qua do hành vi của người ấy mà trời đứng ra làm chủ mà thôi.[161] Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực, muốn khôi phục bổn tâm để liễu sanh tử mà bỏ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì chẳng thể được! Ba thứ Tham - Sân - Si là căn bản của sanh tử. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh chính là diệu pháp để liễu sanh tử. Muốn bỏ ba thứ ấy thì cần phải tu ba pháp này. Ba pháp này tu đắc lực thì ba thứ ấy tự tiêu diệt. Pháp quán Sổ Tức không nhất thiết phải dùng, bởi lẽ trong lúc niệm Phật nhiếp tai lắng nghe thì sự nhiếp tâm ấy tương tự Sổ Tức, nhưng lực dụng khác Sổ Tức một trời một vực. Về pháp quán trong khi Niệm Phật chỉ cần xem Ấn Quang Văn Sao và những trước thuật Tịnh Độ sẽ tự biết.

Hỏi: Nếu như nói: "Dẫu táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh nóng giận", thì giả sử như có người ác đến hại mình cũng chẳng bận tâm, mặc cho họ giết chóc ư?

---

[161] Tức là đứng ra làm thực hiện họa phước ứng với nhân quả chứ không phải trời cố ý giáng họa hay ban phước!

Đáp: Phàm người tu hành có người là phàm phu, có vị là Bồ Tát đã chứng Pháp Thân. Lại có người lấy việc duy trì thế đạo làm chủ, có người lấy liễu giải tự tâm làm chủ. Nếu chỉ nhằm liễu giải tự tâm và là bậc Bồ Tát đã chứng Pháp Thân thì giống như trên đã nói: Coi muôn vật và ta như nhau, sống - chết hệt như nhau. Nếu là kẻ phàm phu, lại muốn duy trì thế đạo thì suy nghĩ nên giống như Bồ Tát từ bi lớn lao, sâu xa, không gì chẳng dung nạp, nhưng xử sự thì vẫn phải y theo lẽ thường của thế gian, hoặc làm chuyện ngăn cản, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng nhân từ để cảm hóa. Sự việc chẳng nhất loạt giống nhau, nhưng tâm nhất quyết chẳng được có lòng sân độc, kết thành oán hận! Những điều chỉ dạy trong đoạn văn phía trước chính là để dạy người "dùng chuyện giả dụ nhằm tiêu diệt tập khí nóng giận". Nếu pháp quán này thành thục thì tập khí nóng giận tự diệt. Dẫu gặp phải cảnh hại thân thật sự cũng vẫn giữ được tấm lòng thản nhiên, hành đại bố thí. Nhờ vào công đức ấy liền sanh về Tịnh Độ. So với chuyện giết chóc lẫn nhau, bao kiếp dài lâu báo đền thì chẳng phải là cách biệt như trời với đất ư?

48. Biện định về sự sai ngoa trong việc sát sanh tế lễ tại Chiêu Văn Cổ Hội (tức hội tế lễ Chiêu Minh Thái Tử ở Y Huyện, tỉnh An Huy)

Thế tục mê hoặc, coi ác là thiện, xem tạo nghiệp là tu phước, đa số là như vậy! Chuyện mắt nhìn thê thảm, tâm đau xót nhất không gì bằng chuyện mở hội tế thần.

Nhà giàu có sang cả ắt giết những con vật lớn để tế. Một là để cầu được nhiều phước, hai là để phô phang sự giàu có. Dẫu cho nhà nghèo cùng, nhỏ nhoi cũng phải giết gà, giết vịt để mong thần thường ban ân che chở, khiến cho phước thọ tăng trưởng, mọi chuyện như ý. Chẳng biết trời đất lấy hiếu sanh làm đức, thần thánh làm chủ tể các sự cho trời đất, lẽ nào tâm họ lại trái nghịch trời đất, vì bản thân hưởng một kỳ tế lễ lại khiến cho vô số sanh mạng cùng chịu nỗi khổ cắt chặt, há còn đáng gọi là một vị chánh thần thông minh chánh trực, thưởng thiện phạt ác nữa ư?

Nguyên do là vì kẻ ngu phu tham ăn mượn danh tế thần giết chóc loài lớn, loài nhỏ cho sướng khoái bụng miệng, tập quen thành thói, chẳng biết là đã tạo thành đại ác nghiệp! Nói là "để tế thần" chứ thần có ăn đâu? Huống chi đã gọi là "thần" thì ắt phải có đức thông minh chánh trực, ắt phải lấy chuyện làm thiện hay làm ác làm chuẩn mực để giáng phước hay gieo tai ương. Lẽ nào sát sanh cúng ta, tức là làm ác [ta] cũng giáng phước; không sát sanh cúng ta chính là làm thiện [ta] cũng giáng họa hay sao? Nếu như vậy thì tâm hạnh của vị thần ấy có khác gì bọn vô lại tiểu nhân đầu đường xó chợ đâu? Sao còn xứng danh là một vị thần thông minh chánh trực được nữa? Đã là vị thần thông minh chánh trực chắc chắn chẳng làm chuyện yêu ma quỷ quái, không tuân theo chuyện đạo đức nhân nghĩa ấy!

Huống chi thái tử Chiêu Minh là vị thâm nhập Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, nhận lãnh đại giới của Phật, cả đời ăn chay ư? Xét ra, thái tử họ Tiêu, tên là Thống, tên tự là Đức Thí, là con trưởng của Lương Võ Đế. Lúc

sống thông duệ, nhân từ, khoan thứ, cung kính, cần kiệm, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tận lực tu Tịnh nghiệp, xem khắp các kinh, thấu đạt sâu xa đế lý, thọ Bồ Tát Giới, vốn thường ăn chay. Trong cung lập riêng một điện Huệ Nghĩa, chiêu tập danh tăng giảng luận huyền áo. Ngay cả Võ Đế cũng ăn chay nhiều năm, cúng tổ tiên thì dùng bột mì để chế thành những con vật hiến tế. Sở ngộ, sở chứng của thái tử vượt trỗi Võ Đế gấp mười lần, xưa nay trong hàng cư sĩ chẳng thấy được mấy người! Sự tích, lời lẽ của Ngài chép trong bộ Lương Thư và Quảng Hoằng Minh Tập cùng Cư Sĩ Truyện[162].

---

[162] Chiêu Minh Thái Tử (499-529), con trưởng của Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Triều. Tánh linh mẫn, thông duệ, lên ba tuổi đã đọc thông Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Ngũ Kinh Nho Giáo. Năm Thiên Giám nguyên niên (502) được phong Hoàng Thái Tử. Thái Tử tín phụng Phật giáo, thọ Bồ Tát Giới, giữ giới nghiêm cẩn, đọc rộng các kinh, thấu hiểu ý nghĩa sâu xa. Lập cung Huệ Nghĩa để quy tụ danh tăng giảng luận kinh điển. Thái tử nhân ái, ra lệnh bỏ hình ngục, suốt hai năm không hề chứa nữ nhạc trong cung, thường thích giảng luận kinh sách cùng những bậc danh sĩ. Trong Đông Cung chứa đến ba vạn bộ sách. Tháng Ba năm Đại Thông thứ ba, Thái Tử mắc bệnh, đến tháng Tư thì mất, hưởng thọ 31 tuổi. Trong triều, ngoài nội không ai chẳng thương tiếc, vua ban thụy hiệu là Chiêu Minh. Di trước còn có Văn Tập 20 quyển, Cổ Kim Điển Cáo Văn Ngôn Chánh Tự 10 quyển, Anh Hoa Tập 10 quyển, Văn Tuyển 10 quyển.
Lương Thư là biên niên sử triều Lương.
Quảng Hoằng Minh Tập gồm ba mươi quyển được ngài Đạo Tuyên (596-667) soạn vào năm Lân Đức thứ nhất (644), được xếp vào tập 52 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Sách này ghi chép những chuyện trọng yếu trong đạo Phật. Trước đó, ngài Tăng Hựu soạn bộ Hoằng Minh Tập ghi chép những sự kiện hộ pháp từ đời Đông Tấn đến Tống, Tề, Lương. Đến đời Đường, ngài Đạo Tuyên soạn Quảng Hoằng Minh Tập để chép tiếp từ thời Lục Triều đến đời Đường, ghi lại tiểu sử của hơn ba trăm nhân vật. Nội dung bao gồm những chuyện hưng phế của Phật giáo Trung Hoa cho đến đời Đường và những nội dung thảo luận, tranh biện Phật pháp trong các thời, cũng như những luận

Há lẽ nào khi sống trì giới, nhân từ như thế, chết đi bèn trở thành vị thần tham muốn ăn thịt, nếu người ta sát sanh để tế thì bèn giáng phước, nếu không, bèn giáng họa hay sao? Ấy là vì thế nhân chỉ nghĩ ăn thịt là ngon, bèn dựa vào ý kiến tham ăn những thứ hôi nhơ tanh tưởi của chính mình nghĩ rằng thần cũng giống như thế. Từ đấy, đây kia bắt chước nhau, chẳng biết là sai. Ví như giòi tửa ăn phân, cho là thiên tiên cũng sẽ tham vị ngon lành này, bèn thường muốn dâng cúng để cầu được ban tặng phước khánh! Những con vật bị giết ấy phần nhiều đều là những người đời trước sát sanh tế thần ngõ hầu chính mình được ăn thịt nay phải đền trả quả báo sát sanh! Những kẻ ngu cứ nghe nói sát sanh tế thần bèn hoan hỷ, hớn hở, cho là làm phước, chẳng biết tương lai bị biến thành những sanh mạng ấy, lúc bị người ta giết, có miệng mà chẳng nói được, không cách gì trốn thoát! Huống hồ đối với bậc cao nhân lỗi lạc thâm nhập Phật pháp, nhận lãnh đại giới của Phật, cả đời ăn chay lại đặt điều trắng trợn "Ngài là hạng tham ăn thịt" để rồi giết vô số sanh mạng cúng tế. Cái tội trái trời nghịch lý, vu khống miệt thị thánh hiền càng đáng bị trong đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn làm những loài vật bị giết hại ấy, há chẳng đáng buồn quá đỗi ư?

---

thuyết, văn thư, thi phú, chiếu lục v.v… của những nhân vật Phật giáo hữu danh.

Cư Sĩ Truyện gồm 56 quyển, do Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh) soạn vào đời Thanh, chép ngôn hạnh của hơn 200 vị cư sĩ nổi tiếng từ thời Hậu Hán đến thời Càn Long nhà Thanh, bắt đầu bằng các vị Mâu Dung, An Huyền… cho đến Châu An Sĩ, Tri Quy Tử kèm thêm phần bình luận của Uông Đại Thân.

Cư sĩ Lô Trí Duệ ở Y Huyện thuộc tỉnh An Huy thương xót cho nỗi thảm sát sanh tế thần trong làng mình, sợ hãi sâu xa rằng hạng ngu nhân vô tri do vì sát sanh mà tương lai phải tự thọ báo, xin tôi giảng rõ chân lý để chỉ dạy, ngõ hầu bậc quân tử hiểu rõ lý cùng nhau thổi gió Từ vãn hồi kiếp vận, khiến cho hết thảy sanh mạng có linh thức đều được an nhàn sanh trưởng, loài nào loài nấy hưởng hết tuổi trời trong vòng trời đất. Do vậy, bèn thuật bày duyên do, mong sao bọn họ biết mình hết sức sai trái, tận lực sửa đổi để làm nền móng cho thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Đã biết sát sanh tế thần là sai thì chuyện sát sanh để cúng tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, tự cung phụng mình là sai trái cũng không cần phải khuyên dạy nữa! Nếu có thể vui vẻ lãnh hội thì lợi ích ấy chỉ có mình đức Phật mới biết được, xin hãy suy nghĩ kỹ!

49. Bài chúc tụng nhân việc khánh thành ngôi chùa mới của Thế Giới Phật Giáo Cư Sĩ Lâm

Chân Như Phật Tánh mọi hàm thức đều có, hiềm vì chẳng biết, mê cái đầu nên phát cuồng bỏ chạy[163]. Vì vậy, đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian khiến cho khắp các chúng sanh ai nấy ngộ được tánh thiên (bầu trời tánh đức). Do căn cơ bất nhất khiến cho cách giáo hóa bất đồng, bèn mở ra Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh tông. Các tông khác đều là tự lực, còn Tịnh tông

---

[163] Kinh Thủ Lăng Nghiêm, quyển 4 có chép chuyện chàng Diễn Nhã Đạt Đa ở thành Thất La soi gương trông thấy cái đầu của chính mình bèn hoảng sợ, phát cuồng, bỏ chạy.

kiêm thêm Phật lực, liễu thoát ngay trong hiện đời, thật là bậc nhất. Pháp môn lớn lao thay! Thông trên thấu dưới, Đẳng Giác, nghịch ác cùng hướng về, cùng hành theo. Pháp truyền sang Đông Độ, mở đầu tại Lô Sơn, một ngàn mấy trăm năm hoằng truyền khắp cõi. Xuất gia tứ chúng, tại gia bốn loại, những người được vãng sanh nhiều khó thể kể xiết! Gần đây vận đời ngày càng suy hoại, muốn vãn hồi ngọn sóng cuồng loạn, ngoại trừ Phật ra thì không thể dựa vào ai khác được! Các đại cư sĩ cực lực đề xướng lập ra ngôi Cư Sĩ Lâm mới đứng sừng sững tại đất Hỗ (Thượng Hải), các tông đều hoằng nhưng chú trọng Tịnh Độ, pháp nào cũng viên thông, noi theo quy củ chư Tổ. Quang vốn là một ông Tăng tầm thường, không có sức hoằng pháp noi theo dấu thơm ấy, tâm thật vui sướng, dốc tấm lòng ngu thành của tôi để chúc tụng: Theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc tột cùng thảy đều bắt chước theo!

50. Bài tụng phổ hồi hướng việc quyên mộ khắc kinh Hoa Nghiêm

Lớn lao thay kinh Hoa Nghiêm, là vua trong các kinh! Pháp môn và công đức hai thứ đều chẳng thể lường. Đức Như Lai thành Chánh Giác, nói thẳng vào pháp đã chứng. Những người dự pháp hội ấy đều là Pháp Thân Bồ Tát. Tuy Nhị Thừa cũng tham dự, vẫn chẳng thấy chẳng nghe, huống gì các phàm phu lại được dự nghe, un đúc hay sao? Do tấm lòng đại từ bi, đức Phật thâu tóm chỗ cạn cợt vào chỗ sâu nhất, chỗ quy tông cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm] dạy thân

cận đức Di Đà. Chỉ có mình pháp lạ lùng, đặc biệt này là phàm - thánh đều nên tuân hành, thâu nhiếp trọn vẹn Đẳng Giác và quần manh trong lục đạo. Người độn căn đời Mạt đoạn Hoặc thật khó. Người tín nguyện niệm Phật quyết định ngự lên chín phẩm sen. Sức công đức của kinh này hệt như châu Ma Ni, tùy ý tuôn ra các thứ báu thảy đều phù hợp các ý nguyện. Các thiện tín giúp khắc kinh ai nấy đều ước nguyện khác nhau, cầu siêu cho người thân hoặc cầu phước, không ai chẳng được cảm thông. Cầu con liền được con, cầu sống lâu liền được sống lâu, túc chướng đều tiêu diệt, việc làm đều như ý. Ví như ánh nắng Xuân rọi đến, cây cỏ đều tươi tốt; cũng như mặt trời mọc lên giữa trời, mọi việc đều nhờ đó được thành. Dẫu cầu phước thế gian rốt cuộc cũng thành nhân xuất thế, như bệnh gặp được thuốc tiên, ngay khi ấy liền thành chân [tiên]. Nguyện những người thí tiền của sở nguyện đều đạt được. Đến ngày xả báo, cùng sanh về cõi Cực Lạc, diện kiến Phật A Di Đà, được Phật đích thân thọ ký, chứng Vô Sanh Pháp nhẫn, làm công việc Phật làm. Muốn thuật công đức trải bao kiếp khó thể tán dương. Những ai tin nhận được đều cùng chứng vô lượng quang!

51. Đề từ cho tập sách Hám Sơn Đại Sư Lục Vịnh

(Khế Chân là pháp danh của Lý Quốc Tùng)

Hám Sơn đại sư đại quyền thị hiện, công hoằng pháp sâu dầy, bị kẻ đố kỵ vu hãm, phải đầy đi làm lính thú đất Quảng Châu, chế ngự được họa loạn. May gặp quan Thái Sử nhìn Ngài bằng con mắt đặc biệt; hoằng

pháp Tào Khê, nối lại huệ mạng đã đứt. Thuyết pháp xứng cơ, tệ lớn tiêu diệt. Hộ quốc an dân công vượt trội ngài Văn Hiến; mất rồi, nhục thân chẳng hoại, chẳng biến đổi! Đất Việt (Quảng Đông), đất Cám (Giang Tây) tranh giành, đưa [nhục thân] về bên Tào Khê. Lục Tổ, Thất Tổ lừng danh trong ngạn ngữ đương thời, Phật nhật thêm sáng, làm thành lũy pháp. Trước thuật hoằng truyền, nhật nguyệt sáng ngời; Đại Tạng lưu thông, tiếc rằng chỉ được một nửa[164], bị lạc mất thì nhiều, cũng có khi xuất hiện. Diệu kệ Lục Vịnh, bút pháp mạnh mẽ, văn nghĩa siêu diệu, càng đọc càng phơi phới. Hơn ba trăm năm, may sao chẳng bị tàn khuyết. Phật tử Khế Chân tìm được tác phẩm này tại cửa tiệm ở đất Hỗ (Thượng Hải), muốn biểu lộ chí hướng mênh mông của đại sư, nên cho in thành những tập sách nhỏ, cậy Quang đề từ để nêu khuôn phép. Do vậy, bèn lược thuật đại cương để mong cho những người thông sáng sau này được thấy nghe.

52. Đề tại Tâm Phật Các

(Cư sĩ Tiền Dưỡng Nguyên ở Giang Tô xin đề từ cho ba mục Tâm Phật Các. Trước nay chưa từng gặp gỡ, sợ ông ta chấp lý phế sự, lầm nhận tin tức, chánh - tà hỗn loạn, nhân đấy bèn kéo dài thành ba bài ca, mong sao ông ta sẽ trừ bỏ được màng mộng, trừ sự lòa tối, chánh - tà phân minh, lý - sự viên dung. Đối với luật lệ thanh vận tôi không hiểu rõ, mong hãy nhìn vượt ra ngoài chữ nghĩa, lời lẽ, thì may mắn lắm thay!)

---

[164] Ý nói những trước tác của Hám Sơn Đại Sư được đưa vào Đại Tạng và Tục Tạng quá ít.

Chúng sanh, Phật bình đẳng chỉ một tâm này, do mê - ngộ bất đồng nên thăng trầm. Muốn khôi phục Chân Như Phật Tánh sẵn có, phải phụng sự đấng Đại Giác viên chứng. Kiền thành lễ kính tội nghiệp diệt. Khẩn thiết ức niệm phước huệ sâu. Một mai Hoặc tận, Thường Quang hiện. Soi tỏ thiên địa và xưa nay.

53. Đề Minh Tâm Kiến Tánh Trai[165]

Đêm vắng, trai phòng thanh tĩnh, kiệt lực tham cứu. Tham đến thấu triệt trước lúc cha mẹ chưa sanh ra, Tứ Đại, Ngũ Uẩn đều rớt mất. Lục căn, thất tình đều tiêu vong. Phiền hoặc hết sạch, biển lặng sóng. Chân thường hiển lộ, mặt trời sáng rực giữa trời. Hiểu được tâm thấu được gốc như thế, chẳng phụ mang tên tự là Dưỡng Nguyên.

54. Đề từ cho sách Tiên Phật Hợp Tông

Tiên - Phật khác tông, sao hợp được? Một đằng tham cứu cái tâm, một đằng chấp vào cái vỏ. Trường sanh rốt cuộc cũng phải kết thúc. Vô sanh rốt ráo chẳng diệt mất. Nếu bảo Tam Giáo là một nhà thì tôn ty trong một nhà thật rõ ràng. Giống như trong cùng một thân người đây, há có thể lẫn lộn giữa đầu và chân ư? Phải biết chúng sanh và Phật tâm bình đẳng, trăm ngàn đạo khác chưa giác ngộ thấu triệt, riêng mình đức Phật đại

---

[165] Trai ở đây là một căn nhà riêng, hay gian nhà yên tĩnh để đọc sách, hoặc để dọn mình trước khi tế lễ.

giác Thích Ca ta viên chứng tâm này thật siêu việt, lại thương chúng sanh trong pháp giới mê trái tâm này như anh chàng Diễn Nhã, nên tùy cơ rộng diễn các pháp môn, lắm cách gỡ niêm, cởi trói. Hoặc Thiền, hoặc Giáo, hoặc Luật Nghi, rốt ráo đều đưa về một chỗ, nếu trong đương niệm lìa được Năng - Sở thì trăng rạng giữa trời, nước dồn vào khe.

Nếu như căn độn, cơ chưa chín, nên lấy Tịnh Độ để nương tựa. Như Lai tâm triệt để đại bi, rất sợ trung hạ căn luân lạc mãi, nói pháp chẳng thể nghĩ bàn này, khác nào diệu dược A Già Đà. Sanh tín, phát nguyện trì danh Phật, chỉ cầu lâm chung sanh Cực Lạc, như con nhớ mẹ không gián đoạn, cảm ứng đạo giao khó suy lường! Được Phật tiếp dẫn liền vãng sanh, vĩnh viễn tạ từ biển ác khổ sanh tử, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh. Viên minh Ngũ Nhãn, tuyệt màng mộng. Nương Phật từ lực và nguyện luân của chính mình, trở vào Sa Bà độ ngũ trược, khiến cho khắp vô tận các hàm thức khôi phục nguồn tâm, đều thành Phật. Đấy chính là bậc đại trượng phu lỗi lạc, thật sự có bản lãnh tự lợi, lợi tha. Một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp, pháp ước lược chính là pháp rộng rãi, pháp rộng rãi chính là pháp ước lược. Phật pháp rộng lớn không ngằn mé, điều thiện nhỏ nhặt nào trong thế gian cũng bao hàm, chỉ có phép trường sanh luyện đan trọn chẳng có một lời nào dạy con người học. Hãy thử đọc bộ Hộ Pháp Luận của ngài Thiên Giác, Ngài phê phán thẳng thừng, sắc bén, văn từ, lý lẽ rộng rãi, há nào phải nhà Nho riêng xu nịnh Phật, mà chỉ là thấy điều thiện bèn đề cao, không chi không thích đáng!

Một bộ sách Tiên Phật Hợp Tông là do tà nhân hủy báng Phật nên xuyên tạc xằng bậy, trích dẫn lời Phật, bẻ cong ý nghĩa để chứng minh phép luyện đan: Chất trầm độc và cam lộ đựng trong cùng một bát! Ma kinh Huệ Mạng cũng giống như thế, đọc vào bị mù chánh nhãn. Những phường như vậy còn chẳng phải là đồ đệ của Lão Tử, đã tước sạch thể thống đạo đức, huống gì đối với tối thượng thừa của đức Như Lai, làm sao họ có thể liễu giải rồi sanh lòng cung kính tận lực tuân thủ? Họ lầm lạc dùng ý nghĩ nhặm lẹ của chính mình để vu báng, kẻ đui dẫn lũ mù đi vào vạc lửa. Giá như có bậc đại lực vì khắp thế gian này gõ mõ gỗ, khiến cho họ ra khỏi nẻo tà trở về đường chánh, ai nấy thân tâm được giải thoát. Nếu cho là lời tôi chẳng đáng nghe, cứ mặc tình bay lên trời và hóa thành hạc. Ông xem đó: Người có trí trong thế gian, ai lại đem Ma Ni bắn sẻ vàng. Kiếp xưa nếu đã gieo thiện căn thật sự quyết chẳng bỏ lời dài dòng này, nắm tay kéo đi cũng không được, chấp thuận hay không mặc lòng ông châm chước!

55. Vì chủ rạp hát X…. thượng đường[166]

[166] Thượng đường là thuật ngữ trong Thiền Lâm có nhiều nghĩa khác nhau:
1. Lên tòa nói lời khai thị tại thuyết pháp đường. Thường do vị trụ trì tự viện (hoặc một vị trưởng lão) đảm nhiệm, có nhiều loại như đán vọng (giảng trong mồng Một, ngày Rằm), ngũ tham (mồng 5, 10, 20, 25)? v.v…
2. Các nghi lễ trong lễ nhậm chức của vị tân trụ trì.
3. Thượng đường thuyết pháp xong, tới Trai Đường thọ cúng dường gọi là Thượng Đường Trai.
4. Gian trên của Tăng Đường gọi là Thượng Đường, các gian khác gọi là Hạ Đường.
Thông thường, từ ngữ "thượng đường" được hiểu theo nghĩa thứ nhất. Ở đây, Tổ giảng thượng đường cho một chủ rạp hát nên dùng nhiều thuật ngữ của nghệ thuật tuồng.

Tam giới vốn là một hý trường (sân khấu diễn tuồng), mọi người hãy gấp trở về quê nhà, đừng đợi đến khi chiêng, trống đều ngưng bặt, chẳng biết nẻo về, phải bơ vơ oan uổng! Pháp không có tướng nhất định, gặp được duyên nào bèn đề cao pháp ấy. Sơn tăng một gậy tùy thân, chẳng ngại gặp sân khấu bèn diễn tuồng, ứng theo căn cơ người đến hỏi khiến cho họ biết đường trở về nhà. Phải biết: Tánh thấy - nghe - hay - biết trong một niệm hiện tiền của chúng ta và tánh tịch diệt thường trụ của mười phương tam thế hết thảy chư Phật không hai, không khác. Chỉ vì tâm mê chạy theo cảnh, trái giác, hiệp trần, đến nỗi luân hồi lục đạo, trọn chẳng có lúc ra. Do thiện nghiệp mà tạm được thăng lên nhân thiên, theo ác nghiệp phải đọa vĩnh viễn trong tam đồ! Vạc sôi, lò than, thai lừa, bụng ngựa, hứng chịu muôn nỗi khổ, một linh tánh vĩnh viễn bị mê muội. Tưởng cái thân nghiệp báo trong lục đạo là bổn mạng nguyên thần của chính mình, cậy vào Phật tánh hằng cổ hằng kim chẳng dời chẳng biến để hứng chịu nỗi khổ thoạt chìm, thoạt nổi, chợt thăng, chợt đọa. Hoa trong gương, trăng dưới nước trọn không có Thật Tướng, chẳng khác gì diễn tuồng trên sân khấu, kép, đào, hề, vua, quan, hầu cận thay vai, nhưng bản lai diện mục chủ nhân ông chẳng biến đổi mảy may.

Tiếc cho chúng sanh mê ngay trong cuộc, coi huyễn là chân, trái bỏ cái mình sẵn có, bị luân hồi oan uổng. Chư Phật, Bồ Tát thương xót, dùng Như Huyễn Tam Muội Du Hý Thần Thông chẳng thể nghĩ bàn thị hiện sanh trong thế gian để đồng sự với họ, ứng cơ thuyết pháp, hát lên ca khúc trở về quê hương, chỉ ra con

đường trở về nguồn cội, khiến họ đều hiểu cảnh, minh tâm, trái trần, hiệp giác, tự thấy được bản lai diện mục, triệt chứng Phật tánh chân thường. Lại sợ kẻ căn cơ kém cỏi, chưa thể nhanh chóng thoát khỏi trần lao, nếu thọ sanh khó tránh khỏi bị đắm chìm như cũ, liền mở ra phương tiện lớn lao, dạy họ vãng sanh Tây Phương, thoát khỏi sân khấu trở về ngồi yên trong nhà, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng những sự vui. Tuy nhiên, nhân mừng dịp vui trai hội, bèn khen một câu, diễn trò một chút (động trượng nói): Ôi!

Phùng trai nhược hội khất phạn nhân,
Kham hiện thần thông du hý thân.
(Gặp hội xin cơm kìa mấy kẻ,
Hãy hiện thần thông du hý thân)

56. Lời chúc dành cho dịp xuất bản Đại Vân nguyệt san

Nhà lửa hừng hực, ngọn lửa thật mạnh. Lại còn tà thuyết giúp thêm uy thế. Bác không nhân quả, ai nấy mưu toan tự lợi, anh em trong nhà đánh nhau, trọn chẳng đoái hoài, kiêng dè! Xót thay đồng bào không được che chở, dẫu muốn thoát lìa chẳng biết về đâu! Bèn có bậc Khai Sĩ (Bồ Tát) riêng phát hoằng thệ, đề xướng Phật pháp để cứu tế. Ví như mây to tuôn xuống mưa lớn, khiến cho lửa dữ tắt ngay lập tức. Nhân quả tuần hoàn nêu cặn kẽ lý ấy, dạy “lợi người chính là lợi mình”, khiến cho biết được tự tâm và Phật đồng thể, hết

thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, phải nên nâng đỡ như anh, như em. Cạnh tranh tiêu diệt, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, tấn tu Tịnh nghiệp, thổi khắp liên phong. Sống dự bậc thánh, mất lên cõi Phật. Chỉ mong báo này lưu thông khắp cõi. Mong mấy lời chúc tụng này thích hợp với những điều báo đang đề cao.

57. Diễn từ hoan nghênh hội Phật giáo Đông Doanh (Nhật Bản) đến thăm núi

Như Lai đại pháp trọn khắp pháp giới, tam thừa lục phàm không đâu chẳng nương tựa. Bổn ý đức Phật là khiến cho khắp tất cả đều được thành Phật. Do căn cơ bất nhất, đối bệnh phát thuốc, Đại - Tiểu, Quyền - Thật, Thiên - Viên, Đốn - Tiệm, Tông, Giáo, Luật, Mật đều thích nghi. Như bốn cửa thành vào bằng cửa nào đều được! Theo đường về nhà đỡ tốn tâm lực. Bình, mâm, thoa, xuyến vốn cùng là vàng; trăm ngàn pháp môn chẳng lìa tự tâm. Chứng được tự tâm thì gọi là thành Phật; đạt cái không thể đạt được, viên mãn ba giác. Nhưng các pháp ấy đều cần tự lực, nghiệp tận tình không mới đạt được lợi ích thật sự. Kẻ lợi căn sẽ đạt được ngay trong hiện đời; nếu độn căn kém cỏi, trải bao kiếp khó đạt được! Do vậy, đức Như Lai riêng rủ lòng từ mẫn, mở ra môn Tịnh Độ để cứu vớt hết thảy. Bất luận thượng thánh cùng với hạ phàm đều cùng trong đời này lên chín phẩm sen. Pháp tuy vô lượng nhưng năm tông này nhiếp trọn. Cầu lấy pháp ổn thỏa, chỉ có Tịnh Độ là tối thắng. Dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nhân quả bao gồm trọn khắp, mầu nhiệm không gì sánh

bằng. Do vậy, kinh luận không gì chẳng tán dương rộng rãi, những người gánh vác pháp đạo làm cho khắp mọi người quyết định thành tựu.

Đại pháp truyền sang Đông gần hai ngàn năm, Luật, Giáo, Thiền, Mật hoằng truyền khắp cõi. Một tông Tịnh Độ bắt nguồn từ Lô Sơn, mãi cho đến nay hết sức hưng thạnh. Một nước Nhật Bản tuy ở phía Đông, núi sông un đúc, đời nào cũng có bậc cao hiền. Xét từ thời Đông Tấn, pháp truyền sang cõi ấy. Từ đấy, người sang đây học chẳng đếm nổi số, tam giáo ngũ tông, Đông Lâm, Nam Sơn, Kim Cang, Bí Mật đều do từ đây mà truyền. Những trước thuật của cổ đức phần nhiều được bảo tồn, khiến cho các nước cầu pháp tìm được cửa. Bởi lẽ đó, nhân tài đông đảo, bờ cõi tuy nhỏ lại xưng hùng toàn cầu.

Năm ngoái hội Phật giáo [Nhật Bản] mời sang thăm viếng, tiếp đãi ân cần, quà tặng nồng hậu. Năm nay đến thăm núi, thẹn chẳng có vật báu để biếu khách quý hầu thỏa tấm lòng. May có bộ sách mới tên là Quán Âm Tụng, nhờ đây biểu lộ chút lòng thành, dùng làm quà tặng. Từ ân của Đại Sĩ trọn khắp pháp giới, chuyện nhỏ nhặt như thế này làm sao thể hiện lòng cảm kích cung kính cho được? Chỉ nguyện các vị đều vốn sẵn lòng từ của Phật, giúp vua hoằng pháp, chỉ thực thi lòng nhân từ. Phàm những gì thuộc về quốc dân đều coi như một thể, chẳng phân chia khu vực, chẳng có chút riêng tư. Người đã được gội ân, trời tự mến đức mà ban điều lành, đạt được phước vĩnh cửu chẳng sai! Người giàu tặng của, người nhân tặng lời, thẹn chẳng thật có hai thứ ấy, chỉ dâng lời xuông. Chú trọng đến quyền thế, lợi

lộc, trải bao kiếp bị trừng phạt; chú trọng đến đạo nghĩa Bồ Đề ắt sẽ thành tựu. Lời nói xuông chẳng trống rỗng, pháp đạo lưu thông, các nước bắt chước theo, tiếng tăm vô cùng!

58. Bài minh trên bia mộ của Hoàng Thái Phu Nhân mẹ ông Lý

Sách Luận Ngữ chép: *"Thiên hạ loạn lạc, thất phu có trách nhiệm"*, bởi lẽ thiên hạ do mỗi một nhà hợp thành. Nếu chồng vợ từng nhà đều biết đạo nghĩa cũng như nhân quả, giữ vẹn bổn phận, trọng luân thường, tận tụy thực hành chẳng thiếu sót thì con cái do họ sanh ra sẽ quen thấy quen nghe, như nước trút vào đồ đựng, như vàng được đúc khuôn, tánh tình tự thành hiền thiện, ắt chẳng đến nỗi bạo ác, phóng túng, coi làm ác là chuyện đương nhiên. Nhưng con người có hiền hay không là nhờ nơi mẹ, so với cha [con chịu ảnh hưởng của mẹ] nhiều hơn lắm. Do lúc trong thai bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc nhỏ được mẹ chăm nom nên chẳng mong như vậy mà lại thành vậy. Vì thế Châu Tử viết sách Tiểu Học, trong chương mở đầu bèn nói về chuyện thai giáo. Văn [Vương], Võ [Vương], Châu Công, Khổng, Mạnh đều nhờ hiền mẫu gầy dựng cái gốc nên thành đức đạt tài trở thành thánh nhân. Do vậy, biết rằng quyền của đàn bà giúp chồng dạy con thật ra chẳng kém gì đạo trị nước yên dân của đàn ông. Nhưng cõi đời hiểu lầm, thực hành ngược ngạo, chẳng dốc sức nơi đây lại lo tham chánh làm quan. Nào có khác gì cầm đao phía lưỡi bén, chẳng bị đứt tay ngay lập tức ư?

Ông Lý Nguyên Hiền thuộc giới buôn bán, có phong cách của nhà Nho, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tận lực hành đạo hiếu hữu, chuộng thiện, ưa thí, ấn tống thiện thư. Quang đoán trong gia đình ông về mặt giáo dục ắt phải có người lỗi lạc. Nay ông gởi cho xem hành trạng của mẹ, xin Quang viết lời minh cho bia mộ, mới biết mình đoán không lầm. Căn cứ theo bài tường thuật thì phu nhân họ Hoàng, người làng Thủy Ma, huyện Vĩnh Xuân, lúc nhỏ mẹ chẳng phải nhọc công dạy dỗ, tánh tình nhân hiếu, từ hòa, hiểu việc đời sâu xa. Năm hai mươi sáu tuổi lấy ông Lý Kế Như. Ông Như mồ côi từ nhỏ, nhà nghèo, lênh đênh trơ trọi. Phu nhân vui theo mạng trời, siêng năng dệt cửi kiếm sống để ông Như yên tâm kinh doanh, khỏi phải bận tâm việc nhà hòng tạo thành sự nghiệp. Thường mấy năm mới quay về, vợ chồng kính trọng nhau như khách. Thoạt đầu không có con, bèn nuôi con nuôi là Nguyên Xuân, xem như do chính mình đẻ ra. Về sau, sanh được Nguyên Hiền và con gái là Cầm Nương, đều thương yêu như nhau, trọn chẳng hề phân biệt thân sơ. Đến khi hai con khôn lớn, nhà đã hơi khá giả, phu nhân vẫn siêng năng, tiết kiệm, ôn hòa như cũ. Ông Như thấy thế, vui vẻ, bảo với hai con: "Nhà ta được như ngày nay đều là do mẹ các con siêng năng, tiết kiệm, chăm chút giữ gìn mà được vậy!"

Cuối thời Quang Tự nhà Thanh, ông Như quay về dựng nhà, gã thổ phỉ ở địa phương biết ông giàu có, toan nuốt trộng, bèn kiện lên quan. Phàm những việc thuê nhân công, mua vật liệu, tính toán chi dụng đều do phu nhân đích thân trông nom. Do phu nhân bình thời giúp nạn cứu nghèo, giúp đỡ kẻ mồ côi, góa bụa, sửa

cầu, chữa đường, chấn hưng công ích, khiến xóm làng cảm động, bội phục, cho nên thiện nhân quân tử đều muốn cứu giúp. Gã thổ phỉ sợ mọi người giận dữ, khó thể xâm phạm nên đành ỉm việc ấy đi. Do đây mà biết được tài đức, kiến thức của phu nhân vậy. Đến khi ông Như mất đi, phu nhân liền trì trai niệm Phật, dạy các cháu đọc sách. Cầm Nương sớm góa bụa, nhà nghèo, cụ liền cho đón về nhà nuôi, khuyên răn những đại nghĩa như thủ tiết nuôi con côi, và tụng kinh, niệm Phật, mẹ con giúp nhau tu trì làm lệ thường. Tuổi già, cháu chắt quanh quẩn dưới gối. Nguyên Hiền lại kế tục nghề cha, phu nhân càng ráo riết khuyên răn chớ tự mãn, hãy khiêm tốn, chẳng để cho người trong nhà kiêu ngạo, xa hoa và sát sanh. Phàm ra ngoài đều cầm theo tiền bạc để mong gặp người nghèo cùng thì châu cấp cho. Thói ưa thiện chuộng thí xuất phát từ thiên tánh. Cụ làm chuyện lành rất nhiều, tạm nêu một hai chuyện:

Cầu Đông Quan trong ấp là con đường trọng yếu trong ấp, bị gió lốc phá hủy, gặp lúc thế đạo loạn lạc, không ai hỏi đến. Phu nhân đi qua đó, nôn nao thương cảm, lập tức bảo Nguyên Hiền chọn ngày tu bổ, phí tổn lớn lao nhưng không tiếc nuối chút nào. Cầu xây xong, nhân sĩ trong ấp làm hoành phi, câu đối ca tụng. Nguyên Hiền buôn bán ở Tinh Châu (Singapore). Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), do địa phương không yên ổn, bèn đón mẹ xuống phương Nam. Hoa kiều ở Tinh Châu muốn lập Hoa Kiều Y Viện (bệnh viện của kiều bào người Hoa), phu nhân liền quyên ra một vạn đồng để xướng suất. Về sau, phí tổn lớn quá, không thể thực hiện được, phu nhân sai đem khoản tiền ấy để lo cho

việc bình thiếu[167] và trường học trong ấp. Cụ thường sợ hai con chẳng thấu hiểu ý, bèn nói: "Không phải là mẹ không mong nhà mình giàu có, nhiều lần đem những khoản tiền lớn ra làm việc nghĩa chính là vì các con trừ họa, tích đức đấy, hãy khéo hiểu ý mẹ!"

Đến năm Dân Quốc 12 (1923), tức năm Quý Hợi, nhằm giờ Thân ngày Mười Chín tháng Năm, cụ mất tại chỗ trú ngụ bên Tinh Châu. Cụ sanh vào giờ Tuất ngày mồng Hai tháng Mười năm Kỷ Mùi, nhằm năm Hàm Phong thứ chín (1859), hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Vào ngày… tháng… năm Dân Quốc 16 (1927) hợp táng với Kế Như tại núi Đại Bằng ở ấp nhà. Hai con trai, một con gái, tám cháu trai, năm cháu gái, chắt năm đứa. Ôi! Như phu nhân có thể nói là giữ đức hạnh người nữ, giúp đỡ chồng, làm thầy nữ giới, nêu gương cho bạn khuê các, trọn hết đạo làm mẹ, chẳng nhục đấng sanh thành. Nếu những kẻ làm mẹ trong cõi đời đều được như phu nhân thì nào đến nỗi người trong nhà đánh nhau, giết hại lẫn nhau khiến cho vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, cũng như đủ mọi thiên tai thường thấy xảy ra! Tôi thường nói: *"Quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm quá nửa!"* Lại nói: *"Dạy con là cái gốc để trị quốc bình thiên hạ, nhưng dạy con gái lại càng thiết yếu!"* Ấy là vì đời thiếu hiền nhân là do cõi đời thiếu hiền mẫu. Có hiền nữ ắt sẽ có hiền thê, hiền mẫu! Có hiền thê, hiền mẫu thì chồng con họ chẳng thành hiền nhân cũng hiếm hoi lắm! Những ai muốn

---

[167] "Bình thiếu" là mua trữ sẵn gạo để chờ lúc gạo tăng giá vì mất mùa, chiến tranh chẳng hạn, bèn tung ra bán cho dân với giá bình thường khiến cho giá gạo không tăng lên được.

vãn hồi thế đạo, chánh nhân tâm hãy nên dốc sức nơi việc này!

Minh rằng: Cao đẹp thay cụ Lý! Bẩm tánh hiền thục, nhân hiếu từ hòa vốn sẵn tánh trời. Giúp chồng dạy con thảy đều thích đáng. Phước do đức lớn, họa do lìa nhân từ. Cứu nạn giúp nghèo, giúp đỡ kẻ mồ côi, góa bụa. Phàm có chuyện nghĩa không gì chẳng hỷ xả. Dựng cầu lợi người, phí tổn lớn lao chẳng tiếc. Y viện chưa lập, đem tài khoản giúp người cùng quẫn. Biết giàu chiêu họa, nhiệt tâm làm việc nghĩa, tích đức để làm kế sách vĩnh viễn chẳng bị suy sụp. Dốc lòng tin Phật pháp, tu trì nghiêm cẩn, mẹ con đồng tâm, nêu gương nữ giới. Nhờ công đức này cầu sanh Tịnh Độ, do lòng thành chiêu cảm, được Phật đón rước. Vị hiền mẫu này xứng mặt anh thư; nếu mẹ nào cũng được như thế đời sẽ tự thái bình. Cảm cõi đời cạnh tranh, càng ngưỡng mộ tấm gương tốt lành, nên viết những nét chánh để làm gương soi đời!

59. Bài ca ngợi nhân dịp mừng cư sĩ Phan Đối Phù sắp được bảy mươi tuổi

Cao đẹp thay cư sĩ! Nương đại nguyện luân thị hiện trong cõi đời trược ác này, hiện thân tể quan, nhẹ gảy khúc đàn, gió nhân chở đạo, đến khi về hưu, tu trì càng sâu. Ban ân cho kẻ nghèo khốn, thí khắp gạo tiền. Hưng khởi chốn tịnh cư, khôi phục đạo tràng cổ, kiêng giết, phóng sanh, khuyên dạy siêng gắng. Nghĩ đến kiếp vận, không dùng những cách trên đây sẽ chẳng thể cứu giúp

được. Tuổi thọ sắp được bảy mươi, tuổi càng cao càng khỏe. Tâm tâm Di Đà, thường trụ chẳng dời, làm sứ giả của Như Lai phù tá pháp vương, dẫn khắp đồng nhân cùng lên Lạc Bang.

60. Ca tụng hạnh cao đẹp của cư sĩ Vương Hân Phủ

Ông Vương Ư Mục xưa đã trồng cội đức, bẩm tánh chuyên dốc, giữ hạnh nghiêm cẩn, hiếu dưỡng cha mẹ, đối xử hòa mục từ ái với tông tộc, cảm hóa xóm làng, chuyển biến thói tục thành thuần thục. Lúc làm quan nắm quyền chỉ chăm chú làm lợi cho dân, cai quản bảy ấp, mọi người đều ca tụng là bậc chí nhân. Mỗi khi xử án, chẳng cần rườm lời, cứ thật lý, thật tình xử cho thích nghi, thượng quan tin cậy, hạ dân cảm kích. Trong cuối đời Thanh, không ai được tiếng bằng ông; nhưng vì bản tánh chất phác, chẳng bận tâm bợ đỡ, khiến cho chức phận đến cuối cùng vẫn chỉ là quan huyện. Mong tận thiên chức, không màng tiếng tăm, chỉ nội việc này cũng đủ tỏ tấm lòng trong trắng. Tuổi tri mạng (50 tuổi) từ quan, mong tận hiếu dưỡng, hưng khởi học vấn, giữ vẹn bổn phận, nêu gương cho đời. Đến tuổi vãn niên, lịch duyệt càng sâu, dốc sức tu Tịnh nghiệp, mong thoát khổ luân. Đến khi lâm chung, quả nhiên thỏa túc nguyện, được sanh Tây Phương, có thể nghiệm thấy qua hơi nóng trên đảnh đầu. Nhìn hình tượng ông, đọc hành trạng của ông, thật là gương cao tột cho cõi đời. Do vậy chọn lấy những nghĩa chánh yếu, viết thành bài tụng để mong nêu tấm gương lành cho con, cho cháu.

61. Ca ngợi chuyện quy Tây của Tưởng Thái Phu Nhân mẹ ông Vương

Xét nghĩ đức đẹp đáng ca ngợi của cụ Vương: từ hòa, an tường, vui vẻ, hòa thuận, làng nước đều nghe tiếng. Trên học theo hai bà Phi[168] và ba bà Thái, con cháu hiền thiện, đáng bậc mẫu nghi. Con cả tên là Chấn, hiếu từ bậc nhất. Phàm có chuyện lành gì thảy đều giúp sức. Khi xưa, trông thấy con liền biết được mẹ, bởi không có mẹ như vậy, sao có con như vậy? Dốc sức tu sự thiện thế gian, thâm tín Phật thừa, mẹ con đồng lòng niệm Phật cầu vãng sanh. Tuổi quá bát tuần (80), thân tâm mạnh mẽ, nhớ Phật, niệm Phật chẳng tạp, chẳng loạn. Đến khi lâm chung chánh niệm phân minh, qua đời tốt lành, theo Phật về Tây. Ngự lên chín phẩm sen, địa vị chứng Bất Thoái, lưu lại gương đẹp này vĩnh viễn cho các ngươi.

62. Ca ngợi chuyện quy Tây của Uẩn Không Trương Phu Nhân *(bà này vốn tên là Uẩn Tuyên, pháp danh là Uẩn Không)*

Lúc nói Ngũ Uẩn đương thể là Không. Hiểu rõ ý nghĩa này, Hoặc nghiệp tiêu dung. Bẩm tánh nhân ái, thương dân yêu vật, từ bi hỷ xả, thảy đều bộc lộ. Tu chân trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo, phát trọn ba tâm chuyên trì Phật hiệu. Tinh thành cùng cực

---

[168] Tức hai bà Nga Hoàng và Nữ Anh đã được nhắc đến trong chú thích trong bài 37 "Văn tế bà nội ông Hồ Gia Khoa".

bèn cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, vượt ngang ra khỏi Nhẫn Giới (cõi Sa Bà). Đoái tưởng, dặn dò dâu, con phải nên thường niệm. Tự lợi lợi tha, từ chỗ này có thể thấy được! Kính khuyên những ai thấy nghe đều phát tín tâm, ngõ hầu đều chứng diệu nhân ngay trong đời hiện tại.

63. Ca ngợi hạnh đẹp của Dương Thái Phu Nhân mẹ ông Vương (Mẹ ông Vương Cửu Linh ở Vân Nam, tánh tình tịnh định, không chấp trước. Một vị cư sĩ nói: *"Phu nhân đời trước đã từng tham Thiền, ngộ nhưng chưa chứng"*)

Tâm tánh của chúng sanh giống như chư Phật. Mê hay ngộ, hướng về hay chống trái đều có duyên do. Cao quý thay cụ Vương! Túc căn rất sâu, hiếu hữu từ thiện, đức dầy nêu gương cho nữ giới, tướng mạo như núi, tánh tình như đá, quyết định, phán đoán không ai dò biết được! Tuy chưa đọc sách tâm vẫn hợp đạo, biểu hiện, lời lẽ đều thuộc về những nghĩa lý trọng yếu. Khổ - vui, tốt - xấu, hiểm - lành, thuận - nghịch, đều xem bình đẳng, có sức trấn tịnh. *"Xét quả nghiệm nhân thì đời trước đã từng học Thiền, ngộ nhưng chưa chứng"*, lời ấy khá đúng! *"Đại chúng chịu khổ, há ta hưởng vui riêng? Thăng trầm tùy duyên"*, đích thị là phong thái nhà Thiền (Cửu Linh khuyên mẹ niệm Phật vãng sanh, bà đáp: "Đại chúng chịu khổ, há ta hưởng vui riêng? Ta chỉ mặc cho thăng trầm tùy duyên mà thôi"). Chỉ biết tự lực, chẳng biết Phật lực, nên đến nỗi đối với Tịnh Độ đánh mất lợi ích lớn lao. Con đã tin sâu, thay mẹ tu trì, ắt sẽ nhờ vào lòng từ của đức Phật gởi thân nơi ao sen. Một khi lên

được cõi Tịnh, triệt chứng duy tâm, mới có thể nương nguyện phổ độ quần luân.

64. Ca tụng điềm lành do chép kinh của phu nhân Cung Viên Thường

Phu nhân của cư sĩ Khoái Nhược Mộc là bà Cung Viên Thường trường trai thờ Phật, tu trì nghiêm cẩn. Năm Dân Quốc thứ năm (1916), chích máu cánh tay chép các kinh chú Di Đà, Địa Tạng, Đại Bi, Vãng Sanh v.v… để cầu tiêu trừ túc nghiệp, lâm chung vãng sanh. Đến ngày viên mãn, vào lúc quá nửa đêm, đi nằm chưa ngủ, chợt thấy phía cuối chân giường hiện ra một viên quang to như cái mâm, sáng hơn ánh chớp, cả hơn một giờ mới biến mất. Đã thấy tướng lành ấy bà càng thêm tinh tấn, mấy năm sau, niệm Phật qua đời. Nhược Mộc bèn kiểm lại những kinh do bà đã chép bằng máu, cho là chuyện này có thể khơi gợi tín tâm nên liền vẽ hình, viết lời thuật rõ, gởi một phần cho Quang. Do vậy, Quang bèn ca tụng rằng:

Tuyệt thay Cung phu nhân, xưa trồng đại thiện căn. Chí muốn chấn hưng nữ giới, thị hiện sanh trong nhà nổi tiếng, bẩm tánh hiếu hữu, từ ái. Từ nhỏ mẹ đã ít phải nhọc công dạy dỗ, thờ cha mẹ, phụng dưỡng bố mẹ chồng. Trong ngoài không bị chê trách. Giúp chồng dạy con cái, mỗi mỗi đều hợp lễ. Vận xấu, vận tốt chẳng phiền hay vui. Do tri mạng nên mới được như thế. Đến khi nghe Phật pháp, dốc sức quay trở lại nghe nơi tánh nghe, muốn chứng lẽ thật viên thường, chép kinh để nối tiếp viên âm, giơ lưỡi dao vô tình, chích máu từ cánh

tay, khiến cho máu phàm phu hoàn toàn trở thành lời đấng Thiện Thệ. Phàm - thánh vốn bất nhị, kinh và máu hòa vào nhau chẳng khác. Do vậy, khế hợp Chân Trí, tánh quang bèn tiết lộ. Tánh quang vừa viên vừa thường, há đâu vừa nhỏ vừa ngắn ngủi? Phải biết có đủ vô minh thì không thể thấu tỏ toàn thể. Cậy vào sức tu trì ấy, hồi hướng sanh Tịnh Độ. Lâm chung được Phật tiếp dẫn, gởi thân trong sen báu. Thấy Phật chứng Vô Sanh, tu Phổ Hiền hạnh nguyện, lúc Trí Đoạn rốt ráo, tánh quang mới hiện hoàn toàn. Ông Khoái tiếc cho người đời đa phần chưa giác ngộ, nhờ vào bức thụy ứng đồ (bức tranh mô tả điềm cảm ứng tốt lành) này để dẫn nhập [người đời] bước vào Như Lai Địa.

65. Nêu bày ý nghĩa ẩn tàng của việc khuyên trì kinh Kim Cang

Mười pháp giới thánh - phàm, chúng sanh - Phật, cao - thấp bất đồng, khổ - vui thật khác biệt, nhưng bản thể của cái tâm đều tịch chiếu thường hằng, chẳng sanh, chẳng diệt, linh minh tinh diệu, không biến, không dời. Nói: *"Con người cùng một tâm này, tâm cùng một lý này. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh"* là vì lẽ này vậy. Phải biết cái tâm này chẳng liên can đến nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật, nhưng nhân - quả, tu - chứng, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều được kiến lập trên cái tâm này. Ấy là vì Thể tuy bất biến, Dụng thường tùy duyên. Hễ theo ngộ tịnh duyên bèn thành tứ thánh pháp giới. Nếu theo mê nhiễm

duyên liền thành lục phàm pháp giới. Dù ngộ tịnh đến cùng cực viên mãn Bồ Đề, an trụ trong Tịch Quang, hay mê nhiễm đến tột cùng vĩnh viễn đọa trong A Tỳ, chịu các nỗi khổ cùng cực, căn thân khí giới[169] cố nhiên phải khác biệt một trời một vực, nhưng bản thể của tâm đều hoàn toàn chẳng có tăng thêm hay bị tổn hoại trong những thời gian ấy. Nếu biết được nghĩa này, ai lại chịu dùng cái tâm có thể thành Phật đầy đủ pháp lạc này để làm chúng sanh vĩnh viễn oan uổng hứng chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi?

Kinh Kim Cang là diệu pháp để triệt chứng tự tánh ngay nơi tự tâm của hết thảy chư Phật, là con đường tắt để hết thảy chúng sanh rốt ráo siêu phàm nhập thánh. Vì thế, nói: Hết thảy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều phát xuất từ kinh này. Kinh Hoa Nghiêm ghi: *"Lạ thay! Lạ thay! Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa được vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí, Vô Ngại Trí liền được hiện tiền".* Do vậy, kinh này nhiều lần răn cấm trụ vào pháp, chấp vào tướng; bởi lẽ trụ vào pháp chấp vào tướng thì tuy có tu tập, vẫn trọn chẳng thể thoát ra ngoài vọng tưởng, chấp trước. Nếu toàn thể đã thuộc trong vọng tưởng, chấp trước thì trí huệ Như Lai còn do đâu hiển hiện triệt để được nữa? Do vậy, kinh dạy phát Bồ Đề tâm độ thoát hết thảy chúng sanh, khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn hòng

---

[169] Khí giới là một thuật ngữ của Hoa Nghiêm Tông, chỉ hoàn cảnh bên ngoài để cho chúng sanh hữu tình nương vào đó mà tồn tại, như sơn hà, đại địa v.v… Nói cách khác, khí giới còn gọi là Y Báo. Căn thân là chánh báo.

diệt độ, nhưng lại chẳng thấy có một chúng sanh nào được diệt độ. Bởi lẽ: Tâm chúng sanh vốn sẵn có Vô Dư Niết Bàn, nhưng do mê chân chạy theo vọng nên biến thành phiền não nghiệp khổ, chứ tự ban đầu nào bị mất đi. Đã được chỉ dạy bèn bỏ vọng theo chân, thì phiền não nghiệp khổ lại trở thành Vô Dư Niết Bàn, chứ nào phải đến bây giờ mới có! Ước theo Trí thì gọi là trí huệ Như Lai; ước theo Lý thì gọi là Vô Dư Niết Bàn. Tên gọi tuy khác, Thể vốn là một. Do tâm trụ vào Thật Tướng, chẳng trụ nơi Huyễn Tướng, nên bên trong chẳng thấy ta là người độ, vì vậy không có Ngã Tướng; ngoài thì chẳng thấy có người khác và chúng sanh được độ nên không có Nhân Tướng và Chúng Sanh Tướng; chính giữa chẳng thấy Vô Dư Niết Bàn để đạt được nên không có Thọ Giả Tướng. Bốn tướng đã không thì tam luân thể không, cho nên vạn hạnh khởi như mây nhóm, chẳng chấp vào một pháp nào. Do đó, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành các hạnh như Bố Thí v.v… Bố Thí đứng đầu lục độ vạn hạnh nên kinh chỉ nêu hạnh đầu tiên để làm chuẩn cho những hạnh khác. Lời Phật hay khéo, chẳng cần phải rườm lời! Như vậy thì sóng trào biển Hạnh, mây bủa trời Từ, chẳng hề khoe khoang, làm mà không thấy mình làm thì trên khế hợp quả giác của Như Lai, dưới khế hợp tự tánh của tự tâm, cho nên thọ trì bốn, ba, hai, một câu kệ, công đức bằng với mười phương hư không. Người đời chẳng biết nhìn vào chỗ lìa tướng vô trụ, bèn bảo kinh này phá tướng, chẳng biết kinh này chính là vô thượng diệu tướng dạy người rộng hành lục độ vạn hạnh, thượng cầu hạ hóa, khởi lòng Từ vô duyên, vận lòng Bi đồng thể. Phải biết lợi ích thật sự nơi Phật pháp ắt phải do chẳng

chấp trước, do vô trụ mà đạt được. Muốn chẳng chấp trước, chẳng trụ mà không tận hết lòng thành, cạn hết lòng kính thì không được! Tận hết lòng thành, cạn hết lòng kính chính là đạo trọng yếu để tu tập Phật pháp thành thủy thành chung vậy. Đại sư Chân Đạt muốn khiến cho người thọ trì đều dấy tâm hoan hỷ, thành kính, bèn thỉnh cư sĩ Uông Hồng Tảo chép kinh theo lối chữ Khải để ấn hành lưu thông, và kèm thêm bài ca tụng công đức đằng sau ngõ hầu người thọ trì đều đạt được sở đắc như tiền nhân.

66. Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của ba mươi hai ứng thân Quán Thế Âm Bồ Tát

Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện hoằng thâm, từ bi rộng lớn. Tuy đã thành Đẳng Chánh Giác, nhưng lại thị hiện làm Bồ Tát. Tuy đã thị hiện thân Bồ Tát, lại còn hiện đủ mọi sắc thân trong mười phương pháp giới, tầm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh. Hiện thân trong mười pháp giới, không thân nào chẳng hiện, khiến cho hết thảy chúng sanh xưng danh chí kính trong hiện tại lìa được những huyễn khổ đang phải gánh chịu, tương lai được thành tựu sự vui chân thật là thành Phật. Ngài có nhân duyên sâu đậm nhất đối với thế giới Sa Bà này. Vì vậy, trong phẩm Phổ Môn, Vô Tận Ý Bồ Tát nghe xong nhân duyên Quán Thế Âm Bồ Tát có được danh hiệu như vậy, lại hỏi đến chuyện Bồ Tát dạo qua thế giới này, phương tiện thuyết pháp; đức Phật bèn nói đại lược ba mươi hai ứng thân để chỉ dạy đại khái. Ba mươi

hai ứng thân là trong bốn thánh pháp giới thuộc mười pháp giới, chỉ lược nêu ba thân pháp giới Phật, Bích Chi Phật (tức Duyên Giác) và Thanh Văn (thân Bồ Tát chính là bổn vị nên chẳng nhắc đến). Trong sáu phàm pháp giới thì về loài trời, nêu đại lược sáu thân: Phạm Vương, Đế Thích, Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Thiên Đại Tướng Quân, Tỳ Sa Môn Thiên[170] mà thôi. Với loài người thì nêu mười lăm thân: tiểu vương, trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà-la-môn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đồng nam, đồng nữ, các thân phụ nữ thuộc hàng trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà La Môn. Trong tám bộ thì trời đã được nêu trong phần trước, nên ở phần này không kể ra nữa, chỉ có Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, lại còn có Chấp Kim Cang Thần[171]. Tám thân này thì

---

[170] Tỳ Sa Môn (Vaiśravana), dịch nghĩa là Đa Văn, hoặc Chủng Chủng Văn Thiên, là một trong bốn Đại Thiên Vương, lãnh nhiệm vụ thủ hộ phương Bắc cõi Diêm Phù Đề. Cung điện của Ngài ở mặt Bắc tầng trời thứ tư ngang hông núi Tu Di. Ngài thống lãnh loài Dạ Xoa, La Sát v.v… Thường thủ hộ đạo tràng, nghe giảng Phật pháp nên mới có tên là Đa Văn. Ở Ấn Độ, ngài còn được coi là vị thần Chiến Thắng nên rất được vua chúa sùng bái. Ngài thường được tạc tượng mặc giáp trụ, đạp trên hai con quỷ, tay trái bưng bảo tháp, tay phải cầm gậy báu.

[171] Càn Thát Bà (Gandharva) là một trong những thiên chúng thuộc quyền cai quản của Đông phương Đề Đầu Lại Tra thiên vương (Dhṛtarāṣṭra), là nhạc thần của Đế Thích, thích ngửi mùi hương, nên thường được dịch nghĩa là Hương Thần.

Khẩn Na La (Kimnara) cũng là nhạc thần, có đầu chim hình người.

Ma Hầu La Già (Mahoraga) là loại rắn lớn, có thần thông, nhưng thường hay bị chim Ca Lâu La bắt ăn thịt.

Chấp Kim Cang Thần (Vajrapani): Trong Mật Giáo, Chấp Kim Cang Thần là danh xưng chung của những vị Kim Cang thần, do các vị này tay thường cầm Kim Cang Xử nên có danh xưng như thế. Danh xưng của các vị thường được hiểu như sau:

1. Mười sáu vị Chấp Kim Cang Thần trong hội Thành Thân thuộc Kim Cang Giới Mạn Đồ La, gồm: Hư Không Vô Cấu Kim Cang, Kim Cang Luân, Kim

thân Tu La thuộc vào Tu La pháp giới, kỳ dư đều thuộc thiên [pháp giới], hoặc thuộc súc sanh, hoặc thuộc quỷ. Lục phàm pháp giới chỉ thiếu địa ngục pháp giới.

Cang Nha, Tô Rị Đa (Diệu Trụ) Kim Cang, Danh Xưng Kim Cang, Đại Phận Kim Cang, Kim Cang Lợi, Tịch Nhiên Kim Cang, Đại Kim Cang, Thanh Kim Cang, Liên Hoa Kim Cang, Quảng Nhãn Kim Cang, Chấp Diệu Kim Cang, Kim Cang Kim Cang, Trụ Vô Hý Luận Kim Cang, Hư Không Vô Biên Du Bộ Kim Cang. Theo sách Kim Cang Đảnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sanh Nghĩa thì mười sáu vị Chấp Kim Cang Thần này do tâm Bồ Đề mạnh mẽ của hết thảy Như Lai hóa hiện, biểu thị lúc đức Như Lai tu hành có vi trần tâm chướng phiền não, Phật dùng trí huệ sắc bén như chất Kim Cang đập tan, thành tựu trí môn nhiều như vi trần. Do dùng trí huệ Kim Cang đối trị phiền não nên các vị Kim Cang này được tạc hình tướng dữ tợn, hung ác.

2. Tứ Chấp Kim Cang: Lại gồm hai thuyết:

a. Những vị Kim Cang thần thủ hộ bốn cửa đàn Quán Đảnh, tức là Trụ Vô Hý Luận Kim Cang ở phương Đông Nam, Hư Không Vô Cấu Kim Cang ở phương Tây Nam, Vô Cấu Nhãn Kim Cang ở phương Tây Bắc, Bị Tạp Sắc Y Kim Cang ở phương Đông Bắc. Sách Đại Nhật Kinh Sớ giảng: *“Đàn Quán Đảnh hình vuông tượng trưng cho Tâm Vương Kim Cang Giới. Trụ Vô Hý Luận chính là tam thế vô ngại trí giới nơi bản tánh vốn thanh tịnh. Hư Không Vô Cấu là nương vào trí giới không chướng ngại, dứt trừ mọi hý luận, thanh tịnh như hư không. Vô Cấu Nhãn là giống như hư không hễ không có cấu chướng thì thấy được hết thảy, giống như Bát Nhã lìa hết thảy tướng, nhưng không gì chẳng thấy nghe hay biết. Bị Tạp Sắc Y giống như người mắt sáng tự tại làm mọi việc, xem thấy hết thảy các căn duyên, khéo léo chỉ dạy”.*

b. Bốn vị đại thần Đất, Nước, Gió, Lửa trong Kim Cang Giới Hiện Đồ Mạn Đồ La. Những vị thần này đứng ở bốn góc hội Thành Thân, tay cầm Kim Cang xử nên gọi là Chấp Kim Cang Thần.

3. Mười chín vị Chấp Kim Cang Thần trong pháp hội Đại Nhật, là quyến thuộc của Phật Tỳ Lô Giá Na, gồm: Hư Không Vô Cấu, Hư Không Du Bộ, Hư Không Sanh, Bị Tạp Sắc Y, Thiện Hạnh, Trụ Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng, Ai Mẫn Vô Lượng Chúng Sanh Giới, Na La Diên Lực, Đại Na La Diên Lực, Diệu, Thắng Tấn, Vô Cấu, Nhẫn Tấn, Như Lai Giáp, Như Lai Câu Sanh, Trụ Vô Hý Luận, Như Lai Thập Lực Sanh, Vô Cấu Nhãn và Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ. Những vị này tượng trưng cho một khía cạnh đại trí đức của Như Lai. Nếu xét kỹ, 18 vị đầu là biệt đức, Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ là tổng đức. Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ là giáo lệnh luân thân của Phổ Hiền Bồ Tát theo kinh Kim Cang Phong Lâu Các Du Già Du Kỳ.

Nhưng đây là nói tóm lược, chứ không phải là Bồ Tát không hiện thân trong chốn đó để cứu khổ. Phải biết: Ba mươi hai ứng thân chẳng qua là nói sơ lược đại khái để nêu ví dụ cho những thân khác. Nếu nói tường tận thì chẳng thể kể trọn hết được. Bồ Tát hưng khởi lòng Từ Vô Duyên, vận lòng Bi Đồng Thể, tùy cơ ứng hiện, thần biến khôn ngằn, nếu hiểu được ý thì diệu nghĩa sẽ phô bày trọn vẹn. Nếu cứ khư khư chấp nhặt vào Tích để luận thì đã đánh mất sự hay khéo *"chẳng động Chân Tế, hiện các oai nghi, trọn không tính nghĩ, không gì chẳng thích đáng, như một vầng trăng in bóng khắp ngàn con sông, ngàn con sông đều hiện toàn vẹn bóng trăng, một mùa Xuân tăng trưởng khắp mọi cây cỏ, mỗi loài đều được hưởng ánh nắng Xuân"* của Bồ Tát vậy! Nhưng Bồ Tát chẳng chỉ hiện thân hữu tình, [mà còn hiện những thân vô tình] như núi, sông, thành trì, lầu, đài, nhà cửa, cầu, bến, đường sá, cây cối, thóc lúa, tùy theo cơ duyên thảy đều thị hiện. Ngài Di Sơn đã nói: *"Đời tật dịch hiện làm cỏ thuốc, thuở đói kém hiện làm gạo thóc"*, đủ chứng tỏ tấm lòng từ bi của Bồ Tát.

Đại sư Tông Thiền tại chùa Châu Cương thuộc Cao Đường, Phiên Ngung[172], Quảng Châu nghĩ đến ân đức của Bồ Tát rộng lớn, trọn khắp, thiết tha, nên bèn dựng

[172] Phiên Ngung là một khu vực hành chánh thuộc miền Đông Nam của tỉnh lỵ Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, nằm ngay trên bờ sông Châu Giang. Xưa kia, Phiên Ngung thuộc cấp huyện, đã được tổ chức thành quận lỵ vào năm thứ 33 đời Tần Thủy Hoàng (214 trước Công nguyên). Năm 204 trước Công Nguyên trở thành kinh đô nước Nam Việt của Triệu Đà. Thời Đường - Tống, Phiên Ngung bị sát nhập vào huyện Nam Hải, đến năm 1949 mới tái lập huyện Phiên Ngung như cũ.

một căn gác để thờ thánh tượng. Trong ấy thờ bổn tượng Quán Âm, hai bên thờ tượng ba mươi hai ứng thân. Ba mươi hai người như cư sĩ Bổn Nguyện v.v… ai nấy đều tùy sức mình bỏ tiền ra giúp, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Trộm nghĩ: Trong kiếp quá khứ, một người nữ tu bổ tháp Phật, ba mươi hai người giúp cho mới thành. Sau họ đều cùng được sanh lên Tam Thập Tam Thiên, người đề xướng trở thành Đế Thích, người giúp đỡ trở thành những vị trời thuộc tám cõi trời ở bốn phương. Tông Thiền đại sư, Bổn Nguyện cư sĩ v.v… chẳng cầu phước báo nhân thiên, chỉ nguyện người đề xướng, người trợ giúp và những người chiêm lễ, cúng dường trong hiện tại, vị lai đều được ngay trong hiện đời phước rạng huệ cao, dự vào bậc thánh hiền cao quý; lâm chung tình không nghiệp tận, lên thẳng cõi Cực Lạc, thấy Phật, nghe pháp, chứng Vô Sanh Nhẫn, trở về Sa Bà độ thoát chúng sanh mà thôi! Lại cầu mưa thuận, gió hòa, dân yên, vật mạnh, binh đao dứt, thiên hạ thái bình, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, phong tục thuần mỹ. Do vậy, bèn nêu bày ý nghĩa ẩn tàng như thế đó.

67. Đề từ cho bộ Gia Ngôn Lục

Tịnh Độ đại pháp môn lớn lao không gì ở ngoài nó được, như trời che khắp, như đất chở trọn. Bậc Đẳng Giác muốn thành Phật còn phải cậy nhờ pháp này; kẻ nghịch ác sắp đọa A Tỳ mười niệm lên cõi sen, thích hợp khắp với căn cơ chín pháp giới, đều cùng đảnh lễ kính vâng, sướng thỏa tâm độ sanh của Phật, duy nhất

không còn pháp thứ hai nào nữa! Tôi do sức túc nghiệp, từng làm một gã Nhất Xiển Đề, bắt chước bọn Âu, Hàn v.v… ngu xuẩn không sao chữa được. May là bị bệnh mấy năm, lúc ấy mới suy nghĩ kỹ càng: Các bậc thánh hiền xưa nay lẽ đâu đều vô tri cả? Bọn họ đều cùng tôn thờ, ta nào dám chê bai? Dẫu bậc thánh vẫn có chỗ không biết, nhưng bọn họ vẫn đủ sức làm thầy bọn Âu, Hàn. Từ đó, quy y Phật, xuống tóc, khoác áo thâm. Tự lượng túc nghiệp sâu xa, Tông, Giáo mình đều chẳng thích hợp, chỉ có cậy vào Phật lực mới hòng thỏa lòng mong, nên chuyên tâm tu Tịnh nghiệp hầu được dự vào Liên Trì.

Gần mười mấy năm qua, người khác đều lầm hỏi đến, lời đáp cũng giống như thế ấy, chẳng dám vượt phận tí nào. Ông Từ Úy Như ở Hải Diêm[173] cho những lời lẽ ấy thiết thực, gần gũi, hai ba lượt đem in ở Bắc Kinh, Thượng Hải. Lời lẽ tuy chất phác, nhưng mọi người chẳng giận, tìm đọc càng nhiều, có nhiều người sanh chánh tín. Cư sĩ Lý Viên Tịnh túc căn càng sâu

---

[173] Hải Diêm là một huyện thuộc phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Từ Úy Như (1878-1937): Tên tự là Văn Úy, hiệu Tàng Nhất, thuộc dòng dõi thế gia ở Hải Diêm, Chiết Giang, là một cư sĩ hữu danh thời cận đại. Ông theo mẹ tụng kinh lễ Phật từ nhỏ, sau quy y với ngài Đế Nhàn theo lời dạy của tổ Ấn Quang, tự đặt trách nhiệm hoằng truyền, ấn hành kinh Phật. Ông xuất bản những lá thư của tổ Ấn Quang lần đầu tiên vào năm 1918 nhờ đọc được những lá thư ấy trên tờ Phật Học Tùng Báo do cư sĩ Cao Hạc Niên đăng tải. Từ đó, suốt đời ông tận lực sưu tập và biên tập những lá thư, trước tác của ngài Ấn Quang để tạo thành các bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Tục Biên, và Tam Biên. Về sau, ông sáng lập Bắc Kinh Khắc Kinh Xứ, Thiên Tân Khắc Kinh Xứ v.v… Năm 1937, quân phiệt Nhật chiếm cứ Hoa Bắc, ông cùng các cư sĩ thuộc hội Phật giáo Thiên Tân tận lực cứu giúp những người dân tản cư lánh nạn. Do quá nhọc nhằn, ông ngã bệnh và mất trong năm ấy, thọ sáu mươi tuổi.

dầy, chú thích các kinh luận, xiển minh Như Lai tâm, sau đó vì hao tổn tinh thần, yếu bệnh mỗi ngày càng thêm nặng, bèn bỏ nơi rộng lớn chọn lấy chỗ ước lược, lập chí nối gót Đông Lâm. Lại muốn lợi lạc hàng sơ cơ, tạo thành quy củ, châm ngôn [cho họ], nên bèn trích yếu những lời trong bộ Văn Sao, phân thành từng loại để biên tập, cũng như tự bỏ ra tịnh tài in tặng những ai hữu duyên, mong cho hết thảy mọi người đều gắng sức mong thành thánh, thành hiền, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ai nấy đều hoàn thành tánh thiên của chính mình, vâng làm các điều thiện, tiêu trừ sạch các điều ác, tín nguyện siêng năng niệm Phật, cầu lên được chín phẩm sen, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, đều được như trăng in bóng trên sông, ngay lập tức vãng sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát vực sâu sanh tử. Thấy Phật ngộ Vô Sanh, dần dần đạt đến phước huệ trọn vẹn. Do vậy, thỉnh tôi viết mấy câu để rộng lưu truyền. Lời quê lọt vào mắt nhã, uổng chuốc lấy tiếng cười chê, thương xót. Mặt dầy mày dạn dâng tấm lòng ngu thành, mong ai nấy đều xét tỏ tường. Nếu chưa vượt lên được bậc Đẳng Giác thì cũng dự vào hàng Hồi Hướng vậy.

68. Đề từ cho sách Phật Thuyết Luân Chuyển Ngũ Đạo Tội Phước Báo Ứng Kinh Tập Giải

Bản tánh của chúng sanh vốn không sanh - diệt. Do mê trái nên luân chuyển bao kiếp. Tam giới không yên ví như nhà lửa, các khổ đầy dẫy, thoát lìa không được! Luân chuyển năm đường trọn không lúc ngừng, giống như bánh xe, xoay vần lên cao, xuống thấp. Phật xuất

hiện trong thế gian nêu tỏ nguyên do: Do trái nghịch giác nên luân chuyển chẳng ngơi! Muốn được ngưng nghỉ phải hiểu nhân quả, tận lực tu Định - Huệ, diệt trừ nhân - ngã. Tình kiến nhân ngã đã không, Kiến Hoặc Tư Hoặc đoạn sạch mới vĩnh viễn lìa khỏi sự bỏ thân trong tam giới được[174]! Sự lý ấy tuy cực thắng diệu, nhưng chỉ có bậc thượng thượng căn mới có thể đích thân đạt được. Nếu như độn căn, kém cỏi, đừng nói là trong một đời này, dẫu cho ngàn vạn đời cũng khó thành được! Tội phước báo ứng Phật đã nêu rõ; tam đồ cố nhiên là ác, nhưng nhân thiên cũng hiểm, do vì có phước phần nhiều là nền móng của họa! Thiện báo đạt được ấy chính là cái mở lối cho chuyện làm ác. Đức Thế Tôn đại từ, nhằm dứt nỗi lo, bèn mở ra Tịnh Độ, khiến cho khắp tất cả đều đắc độ. Nếu sanh lòng tin sâu xa và phát nguyện thiết tha, kiền thành trì Phật hiệu ắt sẽ thành tựu ngay trong đời này.

Kinh này nói đại lược sự luân chuyển trong ngũ đạo, tội phước báo ứng, nhân lẫn quả đều cùng tỏ bày. Do đọc kinh này sẽ biết cái khổ sanh tử; muốn giải quyết cho xong sanh tử phải tu Tịnh Độ. Ông Vương Ước Chi có lòng đại từ, xiển minh sự lý rõ ràng như chỉ ra những đường chỉ trong lòng bàn tay. Trong đời gần đây, sớ giải kinh Phật rõ ràng, thấu đạt như thế thật chẳng ai hơn được! Thương cõi đời trầm mê, bác không nhân

---

[174] Nguyên văn: *Nhân ngã tình không, Kiến Tư hoặc tận, phương vu tam giới, vĩnh ly sanh hấn.* Hấn là cắt cổ muông thú để lấy máu bôi lên chuông, trống. Trước khi, Phật giáo truyền sang Trung Hoa, người Hán vẫn tin chuông trống nếu không bôi máu loài thú sẽ không kêu! Do giết những loài thú này khi chúng còn đang sống nên gọi là "sanh hấn". Chúng tôi dịch gượng chữ "sanh hấn" thành sự bỏ thân trong câu này.

quả, mạnh ăn thịt yếu, cạnh tranh nhân ngã, đến nỗi dân chúng như đọa trong nước, lửa, càng nóng, càng sâu, nên làm thế nào đây? Hoằng truyền kinh này, giải thích nghĩa lý tường tận, như nhóm họp người mù lại khiến cho chúng được thấy rõ. Cũng như gương sáng chiếu khắp muôn hình tượng, hình chia tốt - xấu chứ bóng không hai. Biết cái nhân ở nơi mình sẽ cẩn thận hành vi, cải ác hướng thiện, mong được yên vui, dứt thói cạnh tranh, đôn đốc thực hành nhân nhượng, thói tục biến thành thuần phác, chỉ đề cao đạo.

Công đức của ông Vương thật khó nghĩ bàn; lợi ích của việc in tặng vĩnh cửu chẳng suy. Cùng đẩy lùi con sóng cuồng loạn, nương dòng chánh đạo, ngõ hầu đồng luân yên vui dài lâu! Nhưng [ông Vương] chú giải ý nghĩa của kinh chưa nói đến Tịnh nghiệp, tuy có dẫn chứng nhưng không phát huy, lại cho là khéo nói, chỉ e người đọc không hiểu được nghĩa này, do vậy, tôi bèn nêu rõ để họ biết được lối ra. Hết thảy giáo điển do đức Như Lai đã nói [đều dạy]: *"Kiến - Tư chưa tận, sanh tử khó tránh"*. Chỉ có Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực, như con thơ dại cậy mẹ chăm sóc, như vượt biển cả phải cậy tàu thuyền, lên thẳng bờ kia, thân tâm thản nhiên! Nếu hiểu lầm nghĩa này, muốn tự trôi nổi, chẳng những tốn sức lại còn lo bị chìm.

Kính khuyên người đọc tin sâu nhân quả, đem tinh lực ấy hướng về việc cầu sanh Tịnh Độ, hành trọn vẹn hiếu hữu, tận hết bổn phận, lấy thân mình nêu gương cho người, cảm hóa xa gần, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, khắc kỷ, giữ lễ, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Làm được như vậy thì gọi là Phật tử thật sự,

sống dự vào dòng thánh, chết sanh về cõi Phật. Phật pháp rộng lớn, phủ khắp trời người. Chỉ có pháp Tịnh Độ này nhiếp thâu toàn vẹn mọi căn cơ. Đẳng Giác đại thánh hay nghịch ác tiểu phàm đều được bình đẳng nhiếp thọ, khiến cho lên sen chín phẩm. Biết cõi Sa Bà luân chuyển năm đường, biết nước Cực Lạc chín phẩm an vui, bình thản, thiện duyên đều trọn, ác duyên đều diệt, trừ kẻ si ra, ai không tự gắng! Thân cận Phật Di Đà, theo gót hải chúng, chứng Vô Sanh Nhẫn, địa vị gần bậc cực thánh. Muốn khôi phục bản tánh chỉ có pháp này là trọng yếu! Bỏ pháp này tu pháp khác không ai hòng đạt được!

69. Bài ca tụng việc nghiền vàng để vẽ những hình tượng thuộc phẩm Phổ Môn

Lớn lao thay đức Quán Thế Âm! Triệt chứng pháp giới tạng, nương đại bi nguyện lực, hiện khắp các sắc tướng, tầm thanh cứu khổ, tùy theo lòng cảm mà ứng hiện trọn khắp. Như vầng trăng giữa trời, vạn con sông đều in bóng. Ấy là vì tâm chúng sanh và [tâm] Bồ Tát không hai. Do vì trái nghịch giác nên bèn thành khác biệt. Đã gặp phải các tai nạn, bèn ngưỡng cầu Ngài rủ lòng cứu giúp. Ngay trong tâm niệm ấy liền khế hợp nguồn Chân Giác. Vì thế, vừa khởi lên một niệm, niệm danh hiệu Bồ Tát thì liền ngay trong niệm ấy được cứu khỏi tai nạn, hình phạt.

Trên núi Linh Thứu, đức Thế Tôn rộng nói kinh Pháp Hoa. Vô Tận Ý Bồ Tát cung kính gạn hỏi ý nghĩa danh hiệu [đức Quán Thế Âm], đức Thế Tôn bèn lược

nói chuyện hiện thân cứu khổ. Nêu lên một hạt bụi trong đại địa, lược giảng chút phần ý nghĩa. Do vậy, các chúng sanh đều có được chỗ nương tựa. Như trời đất che chở, như cha mẹ nuôi nấng. Xưa có một vị thiện sĩ, muốn rộng nêu lòng từ của Bồ Tát bèn nghiền vàng để chép phẩm Phổ Môn cũng như vẽ nghi dung cứu khổ. Niên đại đã lâu xa, may vẫn thường giữ được. Do vậy, đến khi ông Ngô Điệp Khanh đích thân được nhận lãnh, muốn khơi gợi niềm chánh tín cho người khác bèn xin tôi viết mấy lời, nguyện cho chúng sanh khắp pháp giới đều cùng chứng lý Thật Tướng. Thế nên, tôi quên mình hèn tệ, nêu bày đại lược các nhân duyên, mong sao người thấy kẻ nghe đều lên được trời Đệ Nhất Nghĩa.

VIII. PHỤ LỤC

1. Bài ký về chuyện Quán Âm Bồ Tát ứng tích tại chùa Viên Quang, Nam Ngũ Đài Sơn

(núi này cách tỉnh thành Thiểm Tây bảy mươi dặm)

Bài ký về sự thị hiện ứng tích văn từ điển nhã, tường thuật sự việc tinh tường. Tiếc rằng diệu lực vô tác chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát còn chưa được phát huy. Lượng tôi chẳng nề kém tệ, gượng soạn một bài tán để đặt ở trước, mong sao sự lý viên dung, Thể lẫn Dụng cùng được nêu tỏ. Nguyên do chúng sanh có thể cảm, nguyên do thánh có thể ứng đều được nêu bày, ngõ hầu người sau đọc đến liền phát Bồ Đề tâm, thấy người hiền mong được bằng, lấy tâm đức Quán Âm làm

tâm mình, lấy việc của ngài Quán Âm làm việc của mình, để rồi cũng là đức Quán Âm trong đời vị lai. Tuy văn từ chẳng bóng bảy, trang nhã, nhưng ý nghĩa cũng đáng chấp nhận được. Tán rằng:

Quán Âm đại sĩ trong vô lượng kiếp, thành Phật đã lâu. Vì độ chúng sanh chẳng lìa Tịch Quang, hiện thân Bồ Tát. Lại còn ứng khắp quần cơ, hiện hình trong lục đạo. Dùng ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy, bốn vô tác diệu lực chẳng thể nghĩ bàn, tầm thanh cứu khổ, độ thoát quần manh. Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Khác nào trăng in bóng trên ngàn con sông, mùa Xuân tăng trưởng muôn cây cỏ. Tuy trọn chẳng tính nghĩ, nhưng chẳng sai sót mảy may. Ấy là vì triệt chứng duy tâm, tỏ trọn tự tánh. Vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, lấy niệm của chúng sanh làm tâm, lấy hết cảnh trong pháp giới làm lượng. Do vậy biết vô tận pháp giới vô lượng chúng sanh đều ở trong tâm tịch chiếu của Bồ Tát. Cho nên được mây bủa cửa Từ, sóng trào biển Bi, hễ cảm liền ứng, không nguyện nào chẳng thỏa!

(Thích Thánh Lượng đảnh lễ kính cẩn viết. Từ đây trở đi là phần ký về sự thị hiện ứng tích)

Hang Đại Sơn Nham là chỗ rồng rắn ở, lâu năm biến thành yêu tinh, mặc tình gieo hung tác nghiệt, ăn nuốt không ngừng, gây họa lây cho dân chúng, biến ra hình thù quái dị bay lên, không ai chế ngự nổi. Nếu không phải bậc ứng thân đại sĩ ai có thể cứu tế cho được! Vòi vọi thay diệu trí thần lực chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng trong cảnh chẳng nghĩ bàn, gượng dùng văn từ

để ghi chép, thuật lại sự tích ngõ hầu gây lòng tin sâu xa cho những bậc quân tử cả ngàn năm sau. Xưa kia, vào thời Tùy, trong niên hiệu Nhân Thọ (601-604), núi này có độc long. Do nó có sức thần thông tạo bởi nghiệp lực, nên biến hình thành người mặc áo lông (đạo sĩ), cầm đan dược đi bán ở Trường An, trá xưng tiên thuật để lừa kẻ ngu tục, bảo thuốc ấy linh lắm, uống vào lập tức bay lên trời. Ô hô! Người dân vô tri nhẹ dạ tin lời ấy, phàm kẻ uống thuốc ấy bay lên trời không biết là bao nhiêu! Nào có biết sẽ bị rớt xuống sào huyệt của đạo sĩ ấy để thỏa bụng miệng hắn?

Dân cư một phương vẫn mê chẳng ngộ, chỉ có đức Đại Sĩ ta do sức bi nguyện, hiện thân tỳ-kheo, kết cỏ làm am, sống trên đảnh núi ấy, dùng sức diệu trí hàng phục yêu quái thần thông ấy, dùng gió thanh tịnh trừ khử nhiệt não cho nó. Ý niệm từ bi thấm đến, độc khí ngầm tiêu, rồng được thanh lương ở yên trong hang núi. Dân chúng nhờ đức ấy đều giữ được mạng sống. Chuyện quái dị xưa kia chẳng còn thấy nữa. Do vậy, sự thi ân linh ứng ấy thấu đến triều đình. Vì Sư có công đối với đất nước, có ân đối với dân nên lập chùa trên đảnh núi để đáp tạ. Đại Sĩ dùng gió từ, mưa pháp cứu khắp hàm linh, huệ nhật sáng ngời thanh tịnh, phá các tối tăm. Do vậy, người quyền quý[175] ngưỡng mộ, kẻ bình dân khâm phục phong cách, cắt lưới ái để quy chân, bỏ trâm anh để nhập đạo. Đại Sĩ thường ngồi trên tảng đá, vượn núi, thú hoang quây quần bên tòa, trăm

---

[175] Nguyên văn là “tấn thân” (搢紳), cắm cái hốt vào đai, mô tả cách phục sức của quan lại. Do đó, chữ “tấn thân” được hiểu theo nghĩa rộng là giới quan lại cũng như con cháu nhà quan.

loài chim tụ họp đông nghịt, đậu lặng lẽ như đang nghe pháp âm, một lúc lâu sau mới bay đi.

Ô hô! Dựng chùa vừa được một năm thì vào ngày Mười Chín tháng Sáu, Đại Sĩ đột nhiên thị hiện vô thường, điềm nhiên nhập diệt. Mùi hương lạ ngập thất, sương sầu phủ kín trời, chim thú kêu ai oán, núi rừng đổi sắc. Lúc đó, mọi người trong chùa nghe triều đình sai sứ đem hương ban xuống, phụng chỉ phúng điếu, phong tặng để đề cao phước ngầm. Lúc làm lễ trà-tỳ[176], trời đất tối tăm, trong khoảnh khắc ấy, [nơi ấy] hóa thành cõi bạc, chợt nghe trên không trung vang lên tiếng tiêu, tiếng trống, núi non lay động, mây lành phủ trùm, hương lạ ngào ngạt. Từ trên ngọn núi phía Đông chợt hiện ra cái cầu vàng, trên cầu thiên chúng đứng thành hàng, ai nấy cầm tràng phan và rải hoa vàng phơi phới chẳng rơi xuống đất. Cuối cùng trên ngọn Nam Đài, trăm thứ báu chói ngời, nhiều không biết xuể, xông lên tận trời không ngằn mé! Trong đó, [Bồ Tát] hiện tướng tự tại đoan nghiêm, từ dung vĩ đại, rực rỡ, anh lạc, thù y[177], gió trời hiu hiu, sáng ngời trước mắt. Khi ấy, hai chúng Tăng - tục một ngàn một trăm mấy mươi người đều thấy dung nghi thật sự, buồn vui lẫn lộn, không ai chẳng khóc lóc chiêm lễ, quy y, xưng danh hết sức cung kính. Lúc ấy mới biết là Quán Âm Đại Sĩ thị hiện ứng tích vậy! Thanh khí, dị hương đọng lại cả tháng.

---

[176] Trà-tỳ (jhāpeti): Đôi khi còn phiên âm là Đồ Tỳ, Xà Tỳ, Xa Tỵ, Tà Duy, có nghĩa là hỏa thiêu, tức là dùng lửa thiêu hủy thi hài, rồi thâu nhặt di cốt.

[177] Thù y: Thù là một đơn vị đo lường thời cổ, bằng 1/24 lạng. Thù y là thứ áo cực nhẹ, trong kinh Phật thường dùng chữ "thù y" để chỉ áo của chư thiên vì nó rất nhẹ.

Quan Tả Bộc Xạ[178] là ông Cao tấu trình đầy đủ sự việc. Hoàng thượng xem tờ biểu, than thở hồi lâu, thâu thập di cốt lập tháp, đích thân viết biển đề, ban hiệu là Quán Âm Đài Tự, ban tặng ruộng đất rừng núi mỗi chiều rộng trăm dặm. Mỗi năm ban ngự hương để chư Tăng làm lễ cúng tôn sùng pháp hóa rộng lớn. Đến năm Đại Lịch thứ sáu (771) đời Đường, đổi tên chùa thành Nam Ngũ Đài Sơn Thánh Thọ Tự. Thời Ngũ Đại, chiến tranh liên miên, điện vũ thuộc các đài đều bị thiêu hủy, chỉ còn tàn tăng, nhà nát ở lẫn cùng gỗ đá. Đến mùa Hạ năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba (978) đời Tống, trước sau sáu lần hiện những điềm lành như mây lành có hình tròn năm màu. Vị Tăng chủ trì là Hoài Vĩ tường trình đầy đủ lên quan Phủ Doãn, được quan tâu lên triều đình. Triều đình bèn sắc tứ bảng vàng, đề là Ngũ Đài Sơn Viên Quang Tự. Do vậy, tu sửa, xây thêm điện báu, đắp vẽ tượng Bồ Tát. Ráng khói hương cùng vàng, ngọc đua sáng; điệu mõ cùng tiếng gió thổi qua rặng tùng cùng diễn nhiệm mầu. Nhà cửa trong các đài trên dưới đều xây dựng mới, trụ trì tiếp nối hương đèn chẳng dứt. Từ quang chiếu sáng, đá ươm mây lành, mưa pháp thấm đẫm, nước thành cam lộ.

Cách mấy trăm bước về phía Nam của Đài, có một thạch tuyền, chảy vào một cái ao hình vuông, sắc vị ngọt sạch, trừ được nhiệt não, làm tươi nhuận sự khô khảo. Mở rộng ra thời tràn ngập sa giới (các cõi nước

---

[178] Tả Bộc Xạ là một chức quan văn. Thời Hán, chức quan này là tùy viên của Thượng Thư Lệnh (chuyên coi sóc về xét duyệt tấu chương, chiếu biểu, có thể hiểu giống như chức Chánh Thư Ký Văn Phòng Nội Các bây giờ). Từ thời Tùy - Đường trở đi, Bộc Xạ tương đương chức Tể Tướng, và chia làm Tả Bộc Xạ và Hữu Bộc Xạ.

nhiều như cát), thâu hẹp lại thì ao đá lặng trong. Có lúc hạn hán gắt gao, người nghênh thỉnh đứng nối tiếp nhau bên đường, đều được cảm ứng như lòng mong, châu quận đều ghi rõ [chuyện này] trong sách vở. Hữu tình được hưởng phước, cây cỏ đượm ân. Từ xưa đến nay, tiếng tăm chẳng mất. Ôi! Đại Thánh dùng sức bi nguyện phước phủ một phương, mà dân một phương ấy cũng chẳng quên ân phước từ bi. Mỗi dịp Thanh Minh và nhằm ngày kỵ vào mùa Hạ, chẳng ngại xa xôi trăm dặm, trèo leo khó khăn, hiểm trở, đều mang tấm lòng thanh tịnh noi dấu chân lên đến nơi, nào phải chỉ trăm ngàn vạn? Dìu già, dắt trẻ, đông nghịt đường nẻo, kéo dài hơn cả tháng. Ai nấy đều dùng hương hoa, âm nhạc, lọng lụa, tràng phan, vật dụng cần dùng để cúng dường. Rồi đầu mặt đảnh lễ, hết sức cung kính chiêm ngưỡng hình tượng, đi nhiễu, tán thán, không ai chẳng gột tội, được phước, trừ chướng, đượm ân, nào uổng công bôn ba leo trèo. Vị Tăng trong chùa là Pháp Nhẫn lo rằng năm tháng đã lâu, dấu thiêng bị chìm mất, nên đem các tấm bia hư vỡ nhờ ghi chép lại, Phổ Minh cố từ tạ nhưng chẳng được, thật xấu hổ chẳng phải là tay văn tài. Nếu gặp được bậc hiền sĩ sửa đổi cho đúng, chẳng hợp lẽ hơn ư?

Thái Bạch Sơn Thích Phổ Minh kính cẩn soạn vào ngày Rằm tháng Giêng năm Chí Nguyên thứ bảy (1270) tức năm Canh Ngọ. Nhật Đô viện chủ Thích Trừng Uyên lập bia.

2. Ghi lại lời sờ voi (nói mò) về Niệm Phật Tam Muội

(nguyên cảo của sư Liễu Dư đã bị lược bớt do Phật Học Tùng Báo bỏ lầm mấy câu, vì thế sao lục nguyên văn)

Năm Bính Ngọ tôi yểm quan tại chùa Bảo Khánh ở Từ Khê[179], tạ tuyệt duyên đời, tu tập Tịnh nghiệp. Gặp đúng dịp vị chủ giảng trong chùa là pháp sư Đế Nhàn giảng Di Đà Sớ Sao gần chỗ bế quan. Tôi bèn bắt chước chuyện Khuông Xung khoét vách[180] khi xưa, đục một lỗ nhỏ nơi vách phòng bế quan, chẳng lìa đương xứ thường dự giảng tòa. Từ đấy niệm Phật càng cảm thấy thân thiết. Phật hiệu vừa khởi lên vọng niệm hoàn toàn tiêu, khắp thân mát mẻ, trong lòng cảm thấy vui sướng, khác nào cam lộ rưới đảnh, đề hồ thấm tâm. Sự vui sướng ấy không gì sánh ví được! Một ngày nọ có khách đến quan phòng hỏi:

- Tôi đã tu trì pháp Niệm Phật hơn hai mươi năm, đối với việc sanh lòng tin phát nguyện tu trì, không gì không chân thành, thiết tha, nhưng nghiệp sâu chướng nặng, rốt cuộc vẫn chưa thể đạt đến cảnh giới nhất tâm

---

[179] Từ Khê là một huyện thuộc phủ Khánh Nguyên tỉnh Chiết Giang.

[180] Theo sách Tây Kinh Tạp Kỷ (không rõ tác giả là ai, có thuyết nói là Lưu Hâm đời Hán, có thuyết lại nói là Cát Hồng đời Tấn), Khuông Xung tự Trĩ Khuê, người xứ Đông Hải (nay là Tam Lăng Trấn, Thương Sơn), nhà rất nghèo, chăm học nhưng không có đèn đuốc, bèn khoét một lỗ nhỏ trên vách để đọc nhờ đèn hàng xóm. Trong xóm có một nhà giàu sở hữu rất nhiều sách, Khuông Xung bèn đi làm thuê cho nhà ấy không lấy tiền công để được đọc sách. Sau này đỗ đạt, giữ chức Bác Sĩ Cấp Sự Trung chuyên giảng kinh sách cho hoàng tộc và bá quan, cũng như từng giữ chức Thái Tử Thiếu Bảo chuyên dạy hoàng tử. Có lúc ông từng làm quan đến chức Thừa Tướng đời Hán Nguyên Đế. Điển cố *"Khuông Xung tạc bích thâu quang"* (Khuông Xung khoét vách trộm ánh sáng) được dùng để chỉ gương hiếu học.

bất loạn. Trộm xét căn tánh tôi chỉ đáng đới nghiệp vãng sanh, tuy trong đời này pháp Niệm Phật Tam Muội tôi không dám mong mỏi, nhưng pháp nào có thể đạt được, tướng nào sẽ đạt được [nơi tam-muội ấy] xin thầy hãy vì tôi mà dạy cho!

Tôi nói:

- Cảnh tướng của tam-muội chỉ có chứng mới hiểu rốt ráo được, như người uống nước, nóng - lạnh tự biết. Tôi đã chưa chứng làm sao tuyên nói được?

Khách cố kèo nài chẳng thôi, tôi nói:

- Nếu luận về pháp thì phải trong lúc đang niệm Phật, liền xoay trở lại quán niệm ấy, chuyên chú một cảnh, đừng để rong ruổi theo bên ngoài. Niệm niệm chiếu soi nguồn tâm, tâm tâm khế hợp Phật thể. Quay trở lại niệm nơi cái niệm của chính mình, quay trở lại quán chính sự quán của mình. Hễ niệm liền quán, hễ quán liền niệm, sao cho toàn bộ Niệm chính là Quán, ngoài Niệm không có Quán; toàn bộ Quán chính là Niệm, ngoài Quán không có Niệm. Quán và Niệm tuy giống như nước với sữa, vẫn chưa đạt đến cội nguồn. Phải hướng về một niệm "nam mô A Di Đà Phật" mà thể cứu (suy xét cho thấu hiểu) từng tầng một, khăng khắng chăm chú hướng đến. Càng thể cứu càng tha thiết, càng hướng đến càng thân thiết, cho đến khi lực cực công thuần, đột nhiên niệm rớt mất, chứng nhập cảnh giới "không niệm - không chẳng niệm". Như câu nói: "*Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn trần, thể lộ chân thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô*

nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng niệm chính là Như Như Phật" chính là nói về ý này vậy!

Công phu đến mức này là đắc pháp Niệm Phật, cảm ứng đạo giao rất dễ đắc lực. Tướng ấy giống như mây tan giữa hư không, bầu trời xanh lộ ra hoàn toàn, đích thân thấy được bản lai vốn không có gì để thấy được. Vô kiến chính là chân kiến, hữu kiến là đọa vào trần. Đến mức độ này thì sắc núi, tiếng suối đều là Đệ Nhất Nghĩa Đế, quạ kêu sẻ hót không gì chẳng phải tối thượng chân thừa, sống động hoạt bát nơi các pháp, chẳng trụ một pháp nào. Ánh sáng rực rỡ chiếu ngời các cảnh, nhưng trọn chẳng có một vật nào. Nói đến Dụng của nó thì như mặt trời buổi mai mọc lên từ phía Đông, tròn trịa chiếu sáng ngời. Nói đến Thể thì như vầng trăng rạng rỡ lặn bên phía Tây, thanh tịnh tịch diệt, vừa chiếu vừa tịch, vừa tịch vừa chiếu, cùng tồn tại, cùng biến mất, dứt bặt đối đãi một cách viên dung. Ví như tuyết phủ ngàn quả núi, biển dung nạp muôn mạch nước, chỉ là một sắc, trọn chẳng có vị gì khác. Không vướng mắc, tự tại, tự như. Luận về lợi ích thì hiện tại tuy chưa lìa Sa Bà, đã thường dự hải hội; lâm chung lên ngay thượng phẩm, đốn chứng Phật thừa. Chỉ có người trong nhà mới biết được chuyện trong nhà, [đem ra] nói với kẻ ở ngoài cửa chắc chắn sẽ bị báng bổ, đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Lại hỏi:

- Con người trong sanh hoạt thường nhật thường gặp đủ mọi duyên, làm sao có thể *"lọt vào mắt là Bồ Đề, chuyện gì cũng là đạo được?"*

Đáp:

- Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh. Tâm diệt thì mọi thứ pháp diệt. Vạn cảnh chẳng ngoài một tâm, một tâm dung thông vạn cảnh. Nếu hiểu rõ tâm thể vốn không, nào ngại bao trùm vạn tượng? Phải biết vạn tượng như huyễn, sanh diệt chỉ là một tâm; các duyên không trói buộc, vốn tự giải thoát. Sáu trần không ác, vẫn đồng Chánh Giác. Tâm và cảnh như một, nào có vướng mắc? Chẳng thấy Sự Sự vô ngại pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm đó sao? Nói: "*Hết thảy các cõi nước trong mỗi một trần, hết thảy tâm trong mỗi một tâm. Trong mỗi một tâm, một trần, lại lần lượt có đủ lẫn nhau, trùng trùng vô tận không chướng ngại. Vì vậy, khí giới*[181]*, sợi lông, hạt bụi, đài mây, lưới báu đều tuyên biển tánh, đều diễn chân thừa. Theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Tìm một chỗ chừng bằng đầu sợi lông không phải là đạo cũng không thể được! Vì vậy, pháp gì, chuyện gì không gì không phải là đại tịch diệt trường. Tâm tâm niệm niệm đều khế hợp biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). Duy tâm diệu cảnh, duy cảnh diệu tâm, lìa tứ cú, tuyệt bách phi, dứt bặt đối đãi một cách viên dung, làm sao có thể nghĩ bàn cho được?*" Những điều vừa nói trên đây như người mù sờ voi, tuy chẳng lìa voi, chỉ sợ chẳng phải là toàn thể con voi! Ghi lại để dâng cho các vị xem xét.

---

[181] Khí giới ở đây là khí thế gian, tức cảnh bên ngoài, bao gồm cõi nước, thế giới v.v… tức Y Báo.

3. Khuyên thiêu hủy dâm thư

(Cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Duy Dương cho khắc lại sách Cách Ngôn Liên Bích, nhờ Quang giảo đính. Do nguyên văn sách ấy chất phác, sơ lược, rất khó gây cảm động lòng người, nên bèn sửa chữa cho văn lẫn nghĩa đều suông sẻ, thông suốt. Cư sĩ muốn lưu truyền rộng rãi, khuyên Quang nên đăng kèm vào bộ Văn Sao; do vậy bèn lược thuật duyên khởi để khắc thêm vào phần Phụ Lục, mong người đọc chẳng thấy tôi ăn theo sự tốt đẹp của người khác mà chê cười.

Thích Ấn Quang ghi)

Sau thời Tam Đại[182], cõi đời lắm tà kiến, nhưng loại tà kiến gây hại cho thế đạo nhân tâm nhất thì không gì bằng tiểu thuyết dâm từ. Bởi lẽ kinh truyện của thánh hiền chỉ sợ chẳng thể làm cho sự ngu mê của thiên hạ được tỉnh giác, nhưng tiểu thuyết dâm từ lại chỉ sợ không thể phá hoại được liêm sỉ của dân chúng. Vì vậy, tiểu thuyết ra đời thì phong hóa dâm ô liền mạnh mẽ. Hễ dâm từ hưng thịnh thì trinh đức bị suy. Dẫu không có tâm thẹn ghét, há bằng lòng làm chuyện cầm thú, nhưng nếu con em thông minh, phụ nữ linh mẫn một phen xem đến những sách ấy sẽ đều bị mê hoặc. Thoạt đầu thì thấy từ chương bóng bẩy, cho là hay khéo, kế đến là tâm tình bị chuyển biến theo văn chương, chẳng tự chống chọi được, đến nỗi rốt cuộc cam lòng đem cái thân "mong thành thánh thành hiền, yên nhà yên nước" để khoét ngạch, vượt tường, cắp hương, trộm ngọc, hoàn toàn chẳng hề tiếc nuối, đều là vì bị những tà thư làm mê hoặc vậy. Chất độc của những sách ấy còn quá

[182] Tam Đại là ba triều đại Hạ, Thương và Châu.

mứt ướp phê sương[183], hãm người còn thảm hơn hầm sâu tuyết phủ, khiến cho con người diệt lý, loạn luân, giảm phước, tổn thọ, tan nhà, diệt thân, ô nhục tổ tiên, tuyệt tự. Đến khi chết đi, thần thức còn bị đọa trong địa ngục, chịu các sự khổ cùng cực trải kiếp dài lâu, không do đâu được thoát ra. Chẳng đáng buồn ư?

Phàm những ai viết các sách ấy và kẻ buôn bán những sách ấy, tội còn nặng hơn tội đứng đầu bè lũ phản nghịch, cầm đầu loạn tặc, ắt bị phép nước tru lục, luật trời chẳng tha! Kính khuyên những vị danh tiếng vĩ nhân đang nắm quyền và hết thảy những bậc nhân từ quân tử có tâm lo cho thế đạo, phàm trông thấy những kẻ như vậy đều tận tụy khuyên họ nên đổi nghề, phàm thấy những sách ấy và những ván khắc [sách ấy] đều sốt sắng khuyên thiêu hủy sạch hết đi. Hễ có sức thì tự mình đảm nhiệm, nếu không có sức thì khuyên nhiều người cùng làm.

Lại mong lần lượt chỉ dạy lẫn nhau, khiến cho ai nấy đều bắt chước theo, ngõ hầu thế gian vĩnh viễn không còn có những sách ấy nữa, nhân dân đều đôn đốc giữ vẹn luân thường mới thôi! Ắt sẽ thấy Phật, trời che chở như mây nhóm, tai chướng băng tiêu, thân tâm yên vui, cửa nhà được hưởng tốt lành giàu, sang, mạnh khỏe, bình yên, thân hiện đời hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã nêu [trong thiên sách Hồng Phạm], tước vị tăng cao, hậu duệ được hưởng trăm điều lành như [đã nói] trong

[183] Nguyên văn "mật tiễn phê sương" (trái cây làm thành mứt, ướp lẫn chất arsenic) ngon ngọt, nhưng ăn vào sẽ bị trúng độc chết.

bài Y Huấn[184]. Riêng đem bốn điều hại của việc cất chứa những tiểu thuyết và mười cách thiêu hủy dâm thư ghi tường tận ở phần sau, mong sao những người có tâm lo cho thế đạo nhận lấy hành theo (Bốn điều hại, mười cách [thiêu hủy] xin xem trong Cách Ngôn Liên Bích).

4. Phương thuốc thần diệu để cai thuốc phiện

(ngàn vạn phần chẳng được thêm một vị thuốc nào khác vào, hễ thêm vào thì bài thuốc không còn linh nghiệm nữa)

Nha phiến gây hại, những người bị mắc hại chẳng biết là bao nhiêu. Những đồng bào có chí thường muốn cai nghiện nhưng khổ vì không có phương thuốc tốt lành. Gần đây, những thuốc hoàn để cai thuốc phiện bán trên thị trường phần nhiều bỏ thêm chất độc ma-phi (morphine), tuy có thể đè nén được cơn thèm thuốc, nhưng người dùng bị hại càng quá hơn nữa. Nay phương thuốc thần diệu này giản tiện dễ chế biến, có lợi không gây hại, chỉ mong sao những ai có chí cai hút nha phiến đều mau chiếu theo toa mà uống, bách phát bách trúng, muôn vàn phần chớ coi thường!

*** Toa thuốc:**

---

[184] Y Huấn là một thiên sách của Y Doãn. Theo thiên Thương Thư trong kinh Thư, nhân ngày giỗ vua Thành Thang, Y Doãn giáo huấn các quan, trong đó có câu: *'Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương'* (làm điều lành thì trăm điều tốt lành giáng xuống, làm điều chẳng lành thì trăm tai ương giáng xuống). Bài răn ấy được gọi là Y Huấn (giáo huấn của ông Y Doãn), và thường được biết đến dưới danh xưng 'Y Huấn chi bách tường'.

Cam Thảo (Radix Glycyrrhizae) tám lạng[185].

Xuyên Bối Mẫu (Bulbus Fritillariae cirrhosa) bốn lạng.

Đỗ Trọng (Eucommia Ulmoides Oliver) bốn lạng.

Thuốc gồm ba vị, dùng sáu cân (60 lạng) nước trong, sắc còn một nửa, đem thuốc lọc qua vải để bỏ bã, bỏ thêm một cân đường đỏ tốt làm thành cao. Mỗi lần uống ba tiền, chiêu với nước ấm.

*** Cách uống:**

Ba ngày đầu mỗi ngày dùng một lạng thuốc cao, bỏ thêm một tiền thuốc phiện. Ngày thứ tư, năm, sáu, cứ mỗi một lạng thuốc cao, bỏ thêm tám phân[186] thuốc phiện. Ngày thứ bảy, tám, chín, cứ mỗi lạng chỉ thêm sáu phân. Đến ngày thứ mười, mười một, mười hai, cứ mỗi lạng bỏ thêm bốn phân thuốc phiện. Đến ngày mười ba, mười bốn, mười lăm, mỗi một lạng thêm hai phân thuốc phiện. Đến ngày mười sáu, mười bảy, mười tám, mỗi lạng thêm một phân thuốc phiện. Sau ngày mười tám cứ mỗi lạng thêm một phân thuốc phiện. Lại uống bảy ngày, sau đấy không cần thêm thuốc phiện vào nữa. Uống xong thuốc cao này, bệnh nghiện tự dứt, không khó chịu cũng như chẳng bị hết thảy bệnh vặt. Thật là phương thuốc kỳ diệu. Cai nghiện xong, chớ hút lại. Yêu tiếc quang âm, bảo dưỡng tinh thần, hết sức

---

[185] Một Lạng (lượng) gồm 10 Tiền, tùy theo địa phương mà chênh lệch từ 36g đến 40g. Hiện thời, tại Trung Hoa Đại Lục quy định một lạng là 50g, trong khi Đài Loan và Hương Cảng quy định một lạng là 37.429g (theo Wikipedia)

[186] Một phân là 1/10 tiền, khoảng từ 3.7g đến 0.5g (tùy theo dùng hệ thống đo lường của Trung Quốc hay Đài Loan).

cầu mong. Trong lúc đang uống thuốc cai nghiện, phải kiêng chất chua.

*** Biện pháp phòng ngừa:**

Nếu đang cai nghiện mà nẩy sanh những bệnh tật khác thì với mỗi lạng thuốc cao, chiếu theo kỳ hạn mà tăng thêm một phân thuốc phiện, chớ bỏ quá nhiều, tự nhiên bệnh lành, vạn người chẳng sót một ai. Phương thuốc này trị lành rất nhiều người, có kẻ mỗi ngày hút hai ba lạng thuốc phiện, uống vào một liều đều dứt được cơn nghiện. Chẳng những không sanh bệnh tật, tinh thần lại còn mạnh mẽ, cực kỳ linh nghiệm.

5. Nguyên bạt

(lời bạt cho bộ Tăng Quảng Văn Sao)

Pháp sư Ấn Quang, pháp danh Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm (thường hổ thẹn), là người huyện Cáp Dương tỉnh Thiểm Tây, trụ tích tại lầu Tàng Kinh của chùa Pháp Vũ, Phổ Đà, đời hiếm người biết đến. Năm Giáp Dần (1914), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên trong Văn Sao của Sư đăng tải trong Phật Học Tùng Báo, Úy tôi nhận lấy đọc, chắp tay hoan hỷ, than là chưa từng có! Đại pháp suy kém, lúc này là cùng cực, chẳng ngờ trong đời còn có bậc có đủ chánh tri chánh kiến như thầy tôi. Tiếp nối huệ mạng của Phật chính là đây. Văn của Sư không một chữ nào không có lai lịch, sự thâm nhập được hiển lộ, phù hợp khéo léo với thời cơ, quả thật là thuốc tốt lành thích ứng căn bệnh trong đời Mạt Pháp vậy. Mùa Xuân năm Mậu Ngọ (1918),

suốt năm đã thâu thập, dò hỏi được hai mươi hai thiên văn chương, bèn đem in ở kinh đô, đó là bộ Sơ Biên. Quay về yết kiến Sư tại Phổ Đà, thâu thập được khá nhiều bản cảo, lại được những người quen biết, bè bạn sao lại những thư của Sư gởi cho xem. Mùa Thu năm Kỷ Mùi (1919), lại đem những bản đã sao lục hay giữ được gồm ba mươi tám thiên in thành bộ Tục Biên. Mùa Đông năm ấy, đi cứu tế trở về Nam, Tăng - tục miền Nam tìm đọc sách ấy càng nhiều, bèn thương lượng với Thương Vụ Ấn Thư Quán in lại để lưu truyền rộng rãi. Lại được ông Trương Vân Lôi ra sức thâu góp rộng rãi, cùng với Úy tiếp tục thâu thập bản cảo, tổng cộng tăng thêm ba mươi bốn thiên. Do ba vị Châu Mạnh Do, Châu Xích Manh, Hoàng Ấu Hy kết hợp bộ Sơ Biên và Tục Biên, phân loại sắp xếp theo thứ tự, giảo duyệt cặn kẽ, so với hai lần in trước lại càng hoàn thiện hơn. Sách soạn thành, kính cẩn ghi lại duyên khởi như thế đó.

Trọng Đông (giữa mùa Đông) năm Canh Thân (1920), Từ Văn Úy ở Chiết Tây kính đề.

6. Công đức in tạo kinh tượng

(Hoằng Nhất Thích Diễn Âm dạy đại cương, Hoằng Thật Vưu Tích Âm diễn dịch)

Chúng sanh trầm luân trong biển khổ, ắt phải nhờ vào thuyền từ cứu tế, sau này sẽ có lúc được độ thoát. Phật pháp hóa đạo trong thế gian hoàn toàn cậy vào kinh - tượng để duy trì hầu truyền đăng cho vô tận đời

sau. Do bởi lẽ ấy, phàm những ai có thể phát tâm đối với kinh Phật, tượng Phật, hoặc khắc, hoặc chép, hoặc tạc, hoặc đắp, hoặc thếp vàng, hoặc vẽ vời; các cách in tạo như thế hoặc cạn kiệt tâm mình, một mình ra sức lo liệu, hoặc vì sức mình chẳng đủ bèn khuyên rộng rãi mọi người, hoặc lưu thông [những kinh tượng] người khác đã in tạo để cúng dường, hoặc thấy người khác vừa in tạo bèn tán trợ hoặc hoan hỷ thì công đức của những người ấy đều thật rộng, thật lớn, chẳng thể dùng toán số tầm thường để tính toán được. Vì sao vậy? Phật lực vô biên khéo dẹp các khổ; chúng sanh vô lượng nghe pháp khó lắm. Nay những người gây công đức in tạo ấy khai thông cầu pháp, hoằng dương sự giáo hóa rộng lớn, thí rộng khắp bè báu, giúp khắp những ai hữu duyên. Tâm lượng ấy rộng lớn quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, công đức ấy cũng rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Kính đem những lời vốn do kinh dạy, nêu đại lược mười lợi ích lớn, kính cẩn dùng lời văn nông cạn để lần lượt trình bày như sau:

1) ***Các thứ tội lỗi đã tạo trước đây hễ nhẹ bèn lập tức tiêu diệt, nặng thì cũng chuyển thành nhẹ***: Tham - sân - si là chủng tử tạo oan khiên, thân - khẩu - ý là cơ quan để làm ác. Đêm thanh tự kiểm điểm, đời này đã phạm nhiều tội chẳng thể tính được. Nếu gộp những tội đã phạm trong nhiều đời thì tội nghiệp đã tạo nhiều như núi băng nơi xứ lạnh, chẳng thể không sợ hãi! Tuy nhiên, tội tánh vốn không, nếu dấy động tâm cơ chuộc tội, thệ nguyện lưu thông thánh kinh, trang nghiêm tượng Phật, thì núi băng tội ác một khi gặp phải huệ nhật lẽ nào chẳng tiêu giảm không dấu vết ư?

2) ***Thường được cát thần (thiện thần) ủng hộ, hết thảy tai nạn ôn dịch, nước, lửa, giặc cướp, đao binh, lao ngục đều chẳng bị hứng chịu***: Những thứ ác báo trong nhân gian không gì chẳng phải là do ác nghiệp đã tạo trong nhiều đời. Thiện lực trong một niệm có thể xoay chuyển được lòng trời. Tu hành thiện nghiệp phải bắt đầu từ chuyện thuận tiện, dễ làm nhất là công đức thù thắng do in tạo kinh tượng mà làm, sẽ cảm động những vị thần tốt lành nên được họ hộ vệ. Điều này quả thật có mối quan hệ lợi ích lẫn nhau. Bởi lẽ dù là thần đạo hay thiên đạo, nói theo Phật pháp, đều bị túc nghiệp sai sử, chưa thoát khỏi cái nhân khổ luân chuyển bao kiếp. Do vậy, khi đức Như Lai thuyết pháp thường có vô số thiên thần cung kính ủng hộ. Khi ngài A Nan kết tập kinh, tứ đại thiên vương nâng án. In tạo kinh tượng là chuyện chư thiên long thần hoan hỷ phi thường. Do công đức này cảm được những vị thần tốt lành thường ủng hộ cho. Hết báo thân này lìa các tai ách. Đây là chuyện phải như vậy chứ không phải nhờ may mắn [mà được cát thần ủng hộ] đâu!

3) ***Oán đối đời trước đều được lợi ích nơi pháp, được giải thoát, vĩnh viễn tránh khỏi nỗi khổ tầm thù báo phục***: Hết thảy các thứ hành vi ngang ngược kết oán như tranh giành, ghen ghét, dối trá, vu hãm, cướp đoạt, tàn sát… trong thế gian không gì chẳng bắt nguồn từ ý niệm tự tư tự lợi. Phật pháp lấy phá trừ Ngã Chấp làm công trình bậc nhất để cứu khổ, gột sạch nạn. In tạo kinh tượng lợi ích khắp nhân gian, là công đức pháp thí chẳng thể nghĩ bàn, ảnh hưởng rất rộng. Một giọt mưa pháp thừa sức dập tắt lửa sân oán đối nhiều đời, hóa thù

thành ân, chuyển họa thành phước, quyền ấy có bao giờ chẳng do chính ta thực hiện?

4) ***Dạ-xoa, ác quỷ chẳng thể xâm phạm. Rắn độc, cọp đói chẳng làm hại được***: Hạnh xấu keo tham là cái nhân sâu xa khiến đọa lạc trong quỷ đạo. Lửa sân vô minh là điềm gây nên tai ương độc trùng. Kết oán nhiều đời, tầm thù trăm kiếp. Ác duyên chưa chín muồi, mặc ý tiêu dao; đến khi cơ hội đã tới, nhờ ai giải cứu? Quỷ mị xâm hại, cọp rắn bức bách. Oan nghiệt do mình tự gây, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Người tu kinh sợ, in tạo kinh tượng, hành sám hối tội sẵn. Do vậy, dù có ác duyên cũng đều tiêu trừ được. Nếu lâm vào hiểm địa liền hóa thành đường bằng phẳng.

5) ***Tâm được an ủi, ngày không hiểm sự, đêm không ác mộng, vẻ mặt tươi sáng, khí lực sung mãn, việc làm tốt lành, thuận lợi***: Trần thế đông người, mười phần có đến bảy tám phần gặp cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Trong một đời chúng ta, trong mười phần có đến bảy tám phần lâm vào cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Ấy là vì chấp ngã, những gì ở ngoài ta đều đứng vào vị trí đối lập, một mình kháng cự mọi người, nguy ngập hết sức. Huống chi dục tâm khó thỏa giống như hang sâu. Vô sự lại tự khuấy rộn mình, không gió cũng nổi sóng. Đấy chính là lý do *"hình là đầm tội, thân là gốc khổ"* vậy. Phật pháp khéo diệt các gốc khổ, những người in tạo kinh tượng sẽ được đượm pháp vị mà thông sáng, hoặc ngầm được gia bị trở thành thông suốt, nhanh lẹ, các chướng tiêu sạch, tâm

yên, thần khỏe, thân sắc tươi nhuận là chuyện chắc chắn vậy!

6) ***Chí tâm phụng pháp, dẫu không mong cầu tự nhiên cơm áo dư dật, gia đình hòa mục, phước thọ dài lâu***: Cư xử với người, thấy biết chỉ một niềm chân thật, hễ có việc gì cần làm bèn làm ngay, không suy tính, không mong cầu. Phát tâm thật chân thành, thiết tha, vận dụng hết sức lực, tự nhiên thành tựu thật cao trỗi. Đối với việc in tạo kinh tượng, chí thành ngút trời, người chí tâm phụng pháp thực hiện bằng lòng chân thiết khẩn khoản như thế, dẫu chẳng tính đến công đức mà công đức đạt được quả thật không hạn lượng. Ở đây chỉ nói lên một phần phước thế gian người ấy đạt được mà thôi, tự nhiên mỗi một điều đều đạt đầy đủ, không chút khiếm khuyết. Nếu lại có người tâm ôm hy vọng rồi mới làm điều thiện, do phát tâm không chân thiết, kết quả liền nhỏ nhoi, mỏng manh, ấy là điều có thể đoan chắc. Tuy nhiên, một niệm lành, một đồng nhỏ nhặt đều chẳng luống uổng, đều có vô lượng quả thù thắng. Ví như một hạt thóc gieo xuống đất màu mỡ, một biến thành trăm, sau năm lần biến đổi, bèn hóa thành trăm vạn triệu. Người tạo công đức hoằng pháp há chẳng thể có kế sách lớn lao, không có quyết tâm như vậy sao?

7) ***Lời nói việc làm khiến trời người hoan hỷ, đến bất cứ đâu thường được nhiều người dốc lòng thành yêu mến hâm mộ, cung kính lễ bái***: Đời trước mang lòng ganh ghét, thốt lời phỉ báng, nêu chuyện ác của người, bộc lộ chỗ dở của người, thỏa ý một chốc, chết

đi trầm luân trăm kiếp, thảm khổ muôn bề, chịu đủ hết thảy ác báo. Một mai sanh trong nhân gian, nhân duyên xấu hèn, đi đến bất cứ đâu đều bị chán ghét, làm bất cứ chuyện gì đều không kết quả. Nhưng người hoằng dương Phật pháp đã gieo nhân lành từ đời trước, giữ tấm lòng báo ân, mang tâm niệm lợi lạc mọi người, hoặc tịnh tam nghiệp tạo công đức chép kinh vẽ tượng, hoặc bỏ ra nhiều tiền để làm công đức in kinh tạo tượng, sẽ đạt được phước thù thắng chẳng thể tính lường. Hiện tại hết thảy mọi người kính yêu người ấy, vốn là do công đức hoằng pháp trong đời trước mà ra. Sau này, hết thảy những người khiến đại chúng vui mừng, kính trọng, quả thật cũng là do công đức hoằng pháp trong hiện tại mà ra. Trồng cây gai được gai góc, trồng sen được ngó sen, mỗi một hậu quả đều do mình gieo trồng vậy.

8) *Ngu chuyển thành trí, bệnh tật thành khỏe mạnh, khốn đốn chuyển thành hanh thông. Làm thân phụ nữ thì đến khi báo hết, nhanh chóng chuyển thành thân nam*: Đời trước keo lận trong việc dạy dỗ, cũng như phóng túng buông lời báng pháp, mặc sức hủy báng người có đức thì tội nặng trầm luân ắt phải chịu về sau. Lại còn bị quả báo nhiều kiếp ngu xuẩn, vô tri. Đời trước vì bụng miệng tham lam nên mặc sức giết hại muông thú, chim chóc, cũng như từng làm phường chài, đồ tể, thợ săn, đầu bếp, cũng như từng nắm quyền chế tạo hung khí, hỏa khí, độc dược v.v… trợ giúp cho sát nghiệp hung ác của người khác được thành tựu thì sau khi tội nặng trầm luân đã trả hết, lại còn phải bị quả báo nhiều kiếp tàn phế, bệnh ngặt. Đời trước tham dục

không nhàm, chỉ biết bóc lột người để béo thân mình, keo tiếc tàn tệ, chẳng chịu mở túi tiền châu cấp thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn bị quả báo nhiều kiếp bần cùng khốn khổ, tai ách. Đời trước tri kiến hẹp hòi, mang tâm dua vạy, xảo ngôn bóng bẩy, giấu diếm, thêu dệt dối trá, lựa dịp đưa đẩy, đo lường thiếu hụt, chần chừ, lười nhác, dựa dẫm thành tánh, phiền não cấu nặng nề, oán hận, phẫn nộ dễ phát, tâm đố kỵ sâu dầy, tình dục lừng lẫy thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn phải nhiều kiếp mắc báo làm thân nữ. Chỉ có Phật pháp khéo cởi gỡ các ràng buộc. Biển khổ vô biên, quay đầu lại là bờ, núi tội muôn nhận[187], dứt niệm liền không. Do vậy, nhờ công đức vô thượng của việc kiến thành lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật, tội tích lũy từ quá khứ tự nhiên giảm trừ, phước thù thắng trong vị lai ngầm được viên mãn thành tựu.

9) *Vĩnh viễn lìa ác đạo, thọ sanh trong thiện đạo. Tướng mạo đoan chánh, thiên tư siêu việt, phước lộc thù thắng*: Hết thảy hàm linh xả thân, thọ thân, qua lại trong sáu đường như bánh xe quay. Ngàn đời vạn kiếp thường trong cảnh mộng, làm thiện không ngừng, tội hết ắt thăng lên. Kiêu căng phóng túng quên gốc, gieo nhân đọa lạc. Làm ác lắm nỗi, phước hụt, thọ tổn trăm ngàn vạn lần, ác báo thật đáng kinh hãi! Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh đọa trong ba đường ác, muôn kiếp trầm luân. Khó được dễ mất, thân người như vậy đó! Tạo nghiệp Thập Thiện, tu hành Ngũ Giới, sanh trong trời

---

[187] Nhận: Đơn vị đo lường thời cổ, một nhận bằng khoảng chừng tám thước Tàu.

người, túc phước chẳng nhẹ! Chư Phật Như Lai thương lẫn xót đều sâu, rộng thuyết pháp cho, đầu tiên chú trọng việc nhiếp tâm, chánh niệm vô tác, lìa cấu vượt trần. Vì thế, in tạo kinh tượng thì khế hợp tâm Phật; chỉ mang ý nguyện nhỏ nhặt này đã gieo nhân phước. Từ đấy về sau, làm bậc tái lai, các phước trọn đủ, lỗi lạc siêu quần.

10) ***Có thể làm các thứ thiện căn cho hết thảy chúng sanh, dùng tâm chúng sanh làm đại phước điền, đạt vô lượng quả thù thắng. Sanh ở nơi đâu cũng thường được thấy Phật nghe pháp, mãi cho đến khi Tam Huệ rộng mở, tự chứng Lục Thông, mau được thành Phật***. Thời đức Phật có những người trong một thành khó thể nhiếp hóa. Phật nói những người ấy có duyên với ngài Mục Liên. Do đó bèn sai ngài Mục Liên qua đấy. Dân chúng toàn thành quả nhiên đều dốc lòng nhận lãnh sự giáo hóa. Các đệ tử hỏi Phật về nhân duyên, Phật dạy: *"Trong kiếp xưa, Mục Liên từng làm tiều phu, một ngày nọ lên non đốn củi, kinh động vô số ong bay tán loạn, thế thật hung hăng toan đến xâm phạm. Mục Liên răn chúng đừng hành hung, lại còn khuyên nhủ: 'Các ngươi đều có Phật tánh, mai này nếu ta thành đạo, sẽ độ các ngươi'. Nay dân chúng trong thành ấy chính là hậu thân của bầy ong khi đó. Do Mục Liên từng phát một niệm độ hết thảy nên có duyên với họ"*. Gieo nhân trong nhiều kiếp trước, một mai cơ duyên chín muồi, thâu được quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này. Do đây mà thấy, chúng ta trong nhiều đời trải qua nhiều thời đại, nơi nơi từng tiếp xúc vạn loại, mỗi mỗi đều có duyên với ta. Tâm địa hết sức linh diệu

của mỗi một chúng sanh đều có thể làm phước điền vô thượng cho ta và người cùng được lợi. Ta đã gieo rắc hạt giống phước đức trong tâm điền của mỗi một chúng sanh thì mỗi một chúng sanh đều có đại duyên với ta. Trong tâm điền của hết thảy chúng sanh đã kết vô lượng quả phước to lớn. Tuy nói là [thành tựu] quả phước lớn lao vô lượng đời không hết, nhưng nói đó chính là gieo nhân cho phẩm vị diệu trang nghiêm trong thời kỳ đạo quả thành thục cũng không phải là không đúng. Vả nữa, chúng ta trước hết phải đối trị sao cho tâm điền của chính mình thanh khiết để tiếp nhận vô thượng pháp bảo của mười phương tam thế chư Phật Như Lai, tạo thành chủng tử để thoát thai đổi cốt, chuyển phàm thành thánh. Thân ta có đại nhân duyên với mười phương tam thế chư Phật Như Lai. Mỗi một công đức thù thắng nơi biển nguyện của chư Phật đều nhiếp trong tâm ta, nguyện của ta và nguyện của Phật không sai biệt. Từ nguyện của chư Phật cùng nhiếp thọ, nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân, vô biên phước thù thắng được kết tạo trong chân tâm in tạo kinh tượng hoằng pháp lợi sanh ngày hôm nay. Phổ nguyện hết thảy hiện tại, vị lai hữu duyên khéo tìm phước điền, khéo kết thắng duyên, chớ mặc cho diệu dụng quang âm cực hảo hiện tiền như nước cuồn cuộn trôi qua trước mắt, chảy qua dưới chân.

6.1. Cơ hội in tạo kinh tượng

Công đức do in tạo kinh tượng đã lược thuật như trên. Nhưng khi nào, chỗ nào thích hợp để thực hiện

hành động gieo phước này? Đã riêng nghiên cứu cho tiện việc tận lực làm, nay kính lược thuật như sau:

1) Chúc thọ: Sanh vốn vô sanh, vô sanh mà sanh. Tuổi thọ của Pháp Thân vốn không có hạn lượng. Huyễn thân hiện tại vốn do nghiệp báo mà có. Báo hết liền diệt, chẳng khác gì hoa Đàm (Udumbara) một lần hiện, thọ bao nhiêu mới đủ? Nay vì tùy thuận thế tục thường tình, bèn mở cửa phương tiện chúc thọ. Phàm trong nhà mình, hoặc vì người trưởng thượng, hoặc vì người ngang hàng, hoặc vì bản thân, lúc cử hành lễ chúc thọ, chớ nên sát sanh đãi khách, lãng phí tiền bạc, lầm lạc tạo oán nghiệp, cũng chớ tham luyến hư danh chẳng đáng để coi là khinh hay trọng, dâng văn, hiến thơ, tiếp nhận những thứ xưng tụng quá mức. Soạn những thứ văn chương hư giả ấy, đối với đại chúng chính là dối trá, thêu dệt, tự hỏi lòng mình chắc thẹn mướt mồ hôi! Do vậy, không gì tốt bằng bỏ sạch hết thảy lề thói đời thường ưa chuộng, theo đuổi việc ấn tạo kinh tượng (có sức thì khắc kinh, tạo tượng; không sức thì chép kinh, vẽ tượng). Trên thì để báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ. Đã đạt được vô lượng phước khánh, còn lưu lại làm kỷ niệm vĩnh viễn. Hành động thù thắng này hàng cư sĩ được trọng vọng càng nên dốc lòng đề xướng, để lại gương tốt cho nhiều người nhìn vào. Nếu hàng thân thích bằng hữu cử hành lễ khánh chúc cũng nên khuyên họ làm theo cách này để tạo phước thù thắng. Đôi bên sẽ đạt được công đức chẳng thể tính lường được!

2) Ăn mừng: Một niệm vọng động khởi lên dục ái. Từ trong cái vốn là không, huyễn hiện sắc thân. Suốt cả cuộc đời chỉ thấy trăm nỗi khổ chen nhau nung nấu, các oán quẩn quanh bức bách. Người nghe pháp tỉnh giác mới hổ thẹn đau khổ không xuể, nào có gì đáng gọi là vui. Chồng vợ, cha con, không gì chẳng do nợ cũ lôi kéo, trói buộc. Yên vui, giàu có, sang quý, vinh hiển, toàn là cảnh giới chôn sống. Trong tầm mắt của đấng Pháp Vương, đâu đâu cũng đáng buồn. Nay vì nhiều bề lôi kéo, nên bèn mở ra cửa phương tiện cho việc ăn mừng. Phàm lúc trai cưới vợ, gái lấy chồng, sanh con đẻ cái, lúc được thăng tấn chức vị, lúc khánh thành nhà mới, khai trương công ty, cửa hàng, cửa tiệm, phàm lúc trăm việc kinh doanh có lời, cũng như hết thảy các dịp thế tục coi là vui mừng, việc do nơi mình, hãy nên giảm bớt số tiền ăn mừng, dùng số tiền đó làm công đức thù thắng khắc kinh, tạo tượng. Như thân thích bằng hữu biểu lộ lòng chúc mừng hãy nên tuyên bố sẵn ý chỉ đã định trước để họ biết mà làm theo. Đem nhiều chuyện thuộc bên trong phạm vi hoằng pháp để nêu khuôn phép cho nhiều người. Từ giai cấp trí thức mở ra phong thái này để thay đổi thói tục, khiến được hưởng ứng nhanh chóng rộng sâu là điều có thể đoan chắc. Nếu là chuyện vui thuộc phía thân thích, bè bạn cũng nên lựa dịp hướng dẫn để họ khỏi làm chuyện vô vị, giảm bớt tiền của để làm chuyện mong mình lẫn người đều được lợi này.

3) Tránh tai nạn: Thiên tai, nhân họa, không đời nào chẳng có. Tai ương chia thành lớn nhỏ, đều là do biệt nghiệp và đồng nghiệp của hết thảy chúng sanh

chiêu cảm mà ra. Chữ Tai (災) tạo từ chữ Thủy (水) và chữ Hỏa (火), biểu thị chúng xảy đến với khí thế mãnh liệt, một khi đã phát ra khó thể thâu thập. Tai ương có nhiều loại khác nhau như đao binh, ôn dịch, đói kém, hoặc lao ngục, hoặc lo bị lụt lớn khiến ruộng, nhà đều bị ngập chìm, trôi mất. Nếu đại địa rung nứt thì thành ấp bị sụp đổ. Ngoài ra, hết thảy tất cả phong tai, hỏa tai hủy diệt, cũng như hết thảy chuyện có kết quả bi thảm đột ngột chẳng thể dự phòng được, đều gọi chung là tai họa! Mắt nhìn tâm kinh hãi. Nghĩ đến hoạn nạn phải dự phòng. Luận về phương cách tránh né thì chẳng thể trong một ngày là xong. Nay vì làm lợi ích hết thảy hữu tình nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện phòng tránh tai ương: Bất luận sống gần núi, gần nước, hay sống trên đồng bằng, tất cả những thứ nhân và cảnh sanh ra những tai ách đặc biệt lạ lùng, cũng như đao binh, giặc cướp, dịch lệ, hỏa hoạn, lao ngục, cùng là hết thảy tai họa do oán đối nhiều đời tầm thù báo oán, hoặc vì cha mẹ, sư trưởng, và các quyến thuộc cùng với thân thích bằng hữu cầu đảo tránh khỏi tai họa, hoặc vì hết thảy chúng sanh cùng sống trong cõi đời phát tâm đại từ bi, thay họ cầu đảo khỏi bị tai họa, hoặc vì hết thảy chúng sanh trong tứ sanh lục đạo hiện tại, vị lai phát tâm Đại Bồ Đề, thay họ cầu đảo tránh tai họa thì biện pháp thực tế có hiệu quả thù thắng nhất là nên lấy việc lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật làm hành động tốt đẹp bậc nhất. Vì lẽ nào vậy? Do mười phương tam thế chư Phật nghĩ thương chúng sanh vậy. Vì tai ách trong tam giới chỉ có sức oai thần của Phật mới có thể khéo tiêu trừ được. Vì do người hoằng pháp dốc lòng thành

và do thâm tâm hoằng nguyện từ bi cứu bạt của chư Phật ngầm cảm thông vậy.

4) Cầu nguyện: Nếu động chẳng ngừng thì nước lặng đều hóa thành sóng cuộn, nếu tĩnh lặng chẳng khuấy đảo thì sóng gió trở thành nước lặng. Tướng nước như thế đó, tâm cảnh cũng giống như vậy. Bất biến tùy duyên, đương thể của Chân Như trở thành sanh diệt. Tùy duyên bất biến, đương thể của sanh diệt chính là Chân Như. Hễ mê thì mộng tưởng điên đảo, chỗ tiếp xúc bèn thành chướng ngại. Hễ ngộ thì rốt ráo Niết Bàn, thanh lương ngay khi đó. Trong đạo tràng bất động, vốn sẵn có hết thảy, nào khiếm khuyết gì để phải cầu cho có? Nay vì khuyến tấn nhiều người, nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện cầu đảo này. Phàm vì chính mình và vì lục thân quyến thuộc lo sợ tuổi thọ ngắn ngủi mà cầu tăng thọ, vì khó có con nối dòng mà cầu sanh nở, cho đến cầu tật bệnh mau được lành, cầu gia trạch bình yên, cầu cởi gỡ oán thù, cầu doanh nghiệp thuận lợi, cầu hết thảy chuyện làm được như ý (nhưng những hành vi thương tổn đạo đức và những nghề nghiệp chẳng thích hợp với Phật đạo đều phải nên loại trừ ra), cầu đất nước hòa bình, cầu thế giới hòa bình, cầu cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới hồi tâm hướng thiện, lìa các ma nạn, cho đến hết thảy những người nghe pháp cầu tăng trưởng trí huệ, cầu chứng Niệm Phật tam-muội, cầu lúc lâm chung không có các khổ ách, tâm chẳng điên đảo, vãng sanh Cực Lạc, hãy đều nên làm công đức chép kinh, in kinh, tạo tượng, vẽ tượng này. Chí thành cầu đảo, rốt cuộc mỗi một việc gì đều được thỏa nguyện.

5) Sám hối: Trong bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của Tỉnh Am pháp sư có câu: *"Đức Thích Ca Như Lai ta lúc ban đầu mới phát tâm, do vì chúng ta nên hành Bồ Tát đạo trải vô lượng kiếp chịu đủ các khổ. Lúc ta tạo nghiệp, Phật bèn buồn thương, phương tiện giáo hóa, nhưng ta ngu si, chẳng biết tin nhận. Ta đọa địa ngục, Phật càng đau buồn, muốn thay ta chịu khổ, nhưng do ta nghiệp nặng nên chẳng thể cứu bạt. Ta sanh trong loài người, Phật dùng phương tiện dạy gieo thiện căn, đời đời kiếp kiếp theo sát bên ta, tâm chưa tạm bỏ. Lúc Phật mới xuất thế, ta còn trầm luân. Nay được thân người, Phật đã diệt độ. Tội gì mà phải sanh nhằm đời Mạt Pháp, chướng nào chẳng thấy được thân vàng?"* Đấm ngực, gập mình tự hỏi, há còn chỗ nào để chẳng kinh hoàng, run sợ nữa ư! Nay vì tiêu trừ tội chướng nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện sám hối này. Tu trì giới hạnh là một phương pháp tối thiết yếu mà chúng sanh đời Mạt dùng để vượt thoát biển khổ sanh tử. Muốn tu giới hạnh hãy nên tham cầu nơi các pháp điển trong Luật Tạng. Đệ tử tại gia hãy nên đọc kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, Ưu Bà Tắc Giới Kinh, Bồ Tát Giới Bổn Kinh Tiên Yếu, Phạm Võng Kinh Hợp Chú, còn giới luật xuất gia thì chẳng thể ghi hết. Sau đấy mới hiểu rõ hết thảy tội lỗi ở chỗ nào. Đối với những chuyện chẳng lành mình đã làm trước kia tự hối sâu xa, muốn sám hối, mở cửa diệt tội, mở ra con đường đổi mới thì lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật là [phương cách] hữu hiệu nhất. Lúc làm công đức này, chí thành sám hối để chuộc tội khiên, những nghiệp bất thiện đã làm trước kia sẽ có thể tiêu

diệt lập tức. Nếu sám hối thay cho người khác thì dùng phương pháp này vẫn thích hợp.

6) Siêu độ cứu bạt: Cây muốn lặng nhưng gió chẳng ngừng, con muốn phụng dưỡng nhưng cha mẹ chẳng còn nữa! Những người làm con cái trong khắp thiên hạ muốn đáp tạ ân cha mẹ dưỡng dục nhưng không biết làm thế nào, ôm nỗi buồn đau vô hạn. Nhưng thân thể cha mẹ ta tuy đã diệt mất, vẫn còn có cái chẳng bị diệt mất cùng thân thể, đó là vật gì vậy? Chính là linh tánh! Linh tánh ấy xả thân thọ thân, bị túc nghiệp sai sử, chỗ nào nặng sẽ đọa vào chỗ ấy, khó tự làm chủ được! Tuần hoàn qua lại tam đồ lục đạo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn không có lúc ra. Than ôi! Nhà lửa tam giới há nên lưu luyến! Lành thay, Liên Trì đại sư đã nói: *"Cha mẹ được lìa trần cấu thì đạo con mới thành tựu!"* Do vậy, kẻ khéo báo ân cha mẹ hãy thường kiền thành tu pháp xuất thế khiến cho cha mẹ sanh ra ta trong đời này nhờ vào nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của ta để thoát lìa biển khổ sanh tử, ấy là điều ta mong mỏi bậc nhất, và làm cho cha mẹ đã sanh ra ta trong trăm ngàn kiếp hiện còn đang vướng mắc trong lục đạo chịu khổ vô lượng đều được nhờ vào nguyện lực, phương tiện chẳng thể nghĩ bàn của ta mà thoát lìa biển khổ sanh tử. Đó là điều mong mỏi bậc nhất. Do nghĩ đến thâm ân của cha mẹ nhiều đời bèn nghĩ cách báo đáp triệt để. Do nghĩ cha mẹ nhiều đời trầm luân trong lục đạo nên thấy chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ, nghĩ lục đạo chúng sanh khi chưa được độ hết liền thề chẳng thành Phật. Bất luận giác ngộ trước hay giác ngộ sau, ai nấy đều có đại sự nhân duyên chưa báo đáp

ân cha mẹ. Nay tìm lấy một pháp thiển cận dễ hành nên đặc biệt mở ra cửa phương tiện siêu độ cứu bạt này. Phàm gặp phải lúc cha mẹ vừa mất, hoặc kỷ niệm bốn mươi chín ngày sau khi mất, kỷ niệm giỗ đầu cho đến đã mất mấy năm, kỷ niệm vô số chu niên, hoặc nhằm ngày mất, hoặc nhằm sanh nhật [của người đã mất], hoặc minh thọ[188] mà kỷ niệm, đều nên cử hành công đức in tạo kinh tượng. Đối với ông bà nội, ông bà ngoại cùng hết thảy người ngang hàng, người vai vế nhỏ hơn, cũng nên làm công đức này để tạo phước ngầm cho họ. Nếu lúc thân thích, bằng hữu mất cũng nên dùng loại công đức hoằng pháp này để thay thế cho hết thảy lễ số vô ích. Công đức đạt được sẽ vô hạn lượng!

Những điều như trên vừa nói chẳng qua chỉ là nói đại khái. Ngoài những điều này, cơ hội gieo phước chẳng thể kể trọn. Muốn hiểu trọn vẹn, hãy đọc nhiều kinh điển sẽ tự biết.

6.2. Phương pháp in tạo kinh tượng

1) Chép kinh:

Phàm các kinh trong Đại Tạng và các luật, luận, cho đến trước tác của hết thảy đại đức từ xưa đến nay: trường thiên, đoản văn, câu đối, đề từ, bài tụng, đều có thể cung kính biên chép. Hoặc thương lượng với người thông đạt Phật pháp, châm chước lượng định hết thảy cho thật ổn thỏa, tốt lành. Nếu chính mình chẳng thể biên chép được, có thể nhờ người làm giùm. Nếu tự

[188] Ngày sanh nhật của người già đã mất gọi là Minh Thọ.

mình chép được thì tự chép là hơn. Về cách chép thì không bó buộc phải chú trọng tinh xảo, đẹp đẽ như thế nào, chỉ cần đàng hoàng, tề chỉnh, chớ nên cẩu thả, nguệch ngoạc. Pháp sư Ấn Quang ở Phổ Đà Sơn nói: *"Chép kinh nên như tấn sĩ viết văn sách, mỗi một nét bút chớ có cẩu thả, gián đoạn. Lối chữ phải tuân theo lối viết chánh thức[189]"*. Sư lại nói: *"Cổ nhân viết một chữ, lễ ba lạy, đi nhiễu ba vòng, xưng danh hiệu Phật mười hai câu"*. Huấn dụ từ bi ân cần, khiến người xúc cảm sâu xa. Kính sao chép lại để khuyên người thực hiện công đức chép kinh.

2) Vẽ tượng:

Phàm tượng Phật hay Bồ Tát đều có thể vẽ được, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc vẽ bằng mực, hoặc dùng màu vẽ đều được cả. Vẽ bao lớn, vẽ nhân vật như thế nào, nên coi kỹ trong nội điển sẽ dễ hiểu được cách vẽ nhất. Phải giống như khi học vẽ chưa có mảy may căn bản gì, hạ bút dè dặt, không hề buông tuồng. Đừng khinh dễ mà vẽ, kẻo chuốc lấy tội lỗi khinh nhờn.

3) Khắc kinh, in kinh:

Hoặc khắc mộc bản, hoặc in bằng lối sắp chữ, hoặc thạch ấn, đều có thể châm chước lượng định mà làm. Hoặc bỏ tiền thỉnh những kinh điển đã in xong từ những nơi phát hành kinh, đem gởi tặng người hữu duyên để lưu truyền hoặc khuyến hóa rộng rãi. Hoặc có

---

[189] Tức là viết chữ chân phương, rõ ràng, không viết tắt, không bớt nét, không viết theo lối thảo.

lúc gặp người khác quyên góp thì bỏ tiền tán trợ, để tạo công đức thấy nghe tùy hỷ, đều có thể gieo các thứ thiện căn, đắc đại lợi ích. Có loại giấy bóng láng khiến mực bị nhòe, chớ dùng. Nếu tham tiền mà dùng thì công đức so với việc dùng giấy của nước nhà sẽ bị giảm gấp mười. Không thể không biết!

4) Khắc tượng, in tượng:

Nếu có được hình tượng Phật, Bồ Tát do các nhà danh họa vẽ thì hãy nên tìm cách lưu truyền vĩnh viễn. Rộng hành nhiếp hóa thì không gì bằng chế bản ấn loát. Hoặc thỉnh thợ khéo điêu khắc lên bản gỗ cứng rắn, hoặc khắc vào đá, hoặc chế bản đồng, bản kẽm và bản pha lê đều tốt cả.

6.3. Dạng thức văn phát nguyện

Loại văn phát nguyện này nên chép vào sau kinh tượng. Cách thức rất nhiều, chẳng thể thuật trọn. Nay nêu đại lược sáu cách như sau:

1) Tả kinh:

Ngày… tháng… năm… đệ tử tên là… kính chép kinh… bao nhiêu bộ. Đem công đức này nguyện Chấn Đán Trung Quốc[190] và các nước trên thế giới mưa thuận gió hòa, sung túc, yên ổn, tai nạn tiêu trừ, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, cùng được gội ân Phật giáo hóa, cùng chứng Bồ Đề (Lời chúc nguyện hoàn toàn có thể tùy ý biến đổi linh động, ở đây chỉ nêu lên một cách thức mà thôi!)

---

[190] Tùy theo mỗi xứ sở mà thay đổi danh xưng cho phù hợp!

2) Vẽ tượng:

Ngày… tháng… năm… đệ tử tên là… cung kính bỏ chút của cải nhỏ mọn, thỉnh họa sư tên là… kính vẽ hình tượng Phật… (Bồ Tát…) bao nhiêu bản. Nguyện thân thể con yên vui, mạnh khỏe, của cải đầy đủ. Đời hiện tại vĩnh viễn lìa khỏi những suy não, lâm chung vãng sanh Tây Phương. Lại nguyện đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng vượt khỏi bờ mê, đều thành Phật đạo.

3) Khắc kinh:

Ngày… tháng… năm… cư sĩ… (hoặc những danh xưng thích hợp khác) nhằm sanh nhật bao nhiêu tuổi. Bọn đệ tử chúng con tên là… đều vui mừng, bèn trộm phỏng theo lệ người xưa chép kinh chúc thọ, kính khắc kinh… và ấn tống bao nhiêu bộ để mở rộng hoằng nguyện cũng như cầu tăng thêm tuổi thọ. Kính xin Tam Bảo chứng tri.

4) In kinh:

Ngày… tháng… năm… là sanh nhật của con trai (thứ mấy); đệ tử tên là… kính thí tiền để ấn tống kinh… bao nhiêu bộ hầu kết pháp duyên. Cùng nguyện những chúng sanh không con trong pháp giới đều sanh được con trai phước đức trí huệ, kế tục hưng thạnh gia nghiệp, hoằng tuyên Phật pháp, lợi khắp hữu tình, dằng dặc tiếp nối mãi đến tận đời vị lai.

5) Khắc tượng:

Ngày… tháng… năm… bọn đệ tử tên là… bỏ tiền chung nhau để khắc tượng Phật… (hoặc tượng Bồ

Tát….) và in ra bao nhiêu bản đó. Chỉ mong chúng con tội chướng tiêu trừ, phước huệ tăng trưởng, sớm chứng Niệm Phật tam-muội, cùng sanh về Cực Lạc liên bang phổ độ chúng sanh, cùng viên thành Chủng Trí.

6) In tượng:

Ngày… tháng… năm… đệ tử tên là… kính thí tiền để ấn tống tượng Phật… (hoặc tượng Bồ Tát…) bao nhiêu bản đó, lại nguyện nhờ công đức này vì mẹ tên là… (hoặc vì người khác thì bèn đổi danh xưng cho phù hợp) sám trừ những tội…. Những tội như thế nguyện đều tiêu diệt. Nếu chẳng trừ được thì nguyện xin chịu thay, khiến cho bệnh khổ trong hiện tại đều mau được yên lành. Nếu đại hạn khó tránh khỏi thì rốt ráo lên An Dưỡng. Kính xin Tam Bảo chứng minh nhiếp thọ.

Như muốn xem rộng rãi những dạng thức phát nguyện xin hãy xem bộ Linh Phong Tông Luận. Sách này do chùa Pháp Tạng tại Chuyên Kiều, Đông Hương, Dương Châu khắc bản, giá hai đồng, đều có gởi bán tại thư cục chánh ở Thượng Hải, và Phật Kinh Lưu Thông Xứ (nơi phát hành kinh Phật) ở đường Bắc Kinh nơi Bắc Nê Thành Kiều tại Thượng Hải, Phật Kinh Lưu Thông Xứ thuộc chùa Ngọa Phật tại Bắc Kinh và những chỗ lưu thông kinh Phật trứ danh khác. Giá khoảng chừng hai đồng. Quyển đầu bộ sách này toàn chép những nguyện văn, nếu có thể đọc thông thuộc những nguyện văn ấy thì chẳng những có thể thông thạo cách thức viết nguyện văn mà còn có thể quán thông nghĩa lý tinh diệu của Phật pháp. Kính khuyên những bậc có chí chớ nên xem thường. Lại nữa, phát nguyện tuy là chuyện của chính mình, nhưng phải kèm thêm những

lời lẽ "hướng đến trọn khắp chúng sanh", có như thế thì nguyện lực trọn khắp, công đức càng lớn lao hơn!

6.4. Lúc chép, lúc vẽ nên chú ý:

Lúc chép kinh, vẽ tượng nên dứt rượu thịt, tắm gội, mặc áo sạch, quét dọn bàn ghế, thắp hương lễ Phật rồi mới nâng bút. Như vậy sẽ đạt được công đức thù thắng, được đại lợi ích. Vì thế, Ấn Quang pháp sư nói: *"Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải cầu từ nơi cung kính. Có được một phần cung kính thì tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ"*. Trong Ấn Quang Văn Sao, lại có bài luận Cạn Kiệt Lòng Thành Mới Được Lợi Ích Thật Sự[191] giảng về điều này rất tường tận rõ ràng, xin hãy đọc bài ấy. Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao [nói ở đây] là bản Tăng Quảng do Trung Hoa Thư Cục ở Thượng Hải ấn hành. Phân cục các nơi đều có, có thể đến thư cục gần nơi mình ở để thỉnh.

6.5. Kết luận:

Xem những điều vừa đã nói trên đây về việc chép vẽ khắc in kinh Phật, tượng Phật, có những tác dụng thù thắng, mầu nhiệm như thế và có những phương pháp ứng dụng như thế đó. Vậy chúng ta hãy nên tùy thời tùy sức y theo những phương pháp ấy hoan hỷ phụng hành. Những người gia cảnh giàu có dư dả, có thể đảm nhiệm việc khắc in kinh tượng. Nếu chi dùng chẳng dư dật,

---

[191] Xin xem bài luận này trong quyển thứ hai, bài số 7.

cũng có thể tự mình sao chép, chụp ảnh, hay vẽ, và lượng sức mình đến đâu mà thỉnh những kinh tượng đã in xong để thí lại cho người khác hầu kết thiện duyên, tăng phước huệ. Dù chỉ thí một bộ kinh, thí một tờ ảnh Phật mà xuất phát từ tấm lòng chí thành khẩn thiết thì công đức cũng vô lượng. Lại nữa, bất luận nam nữ trẻ già được thấy bài văn này mà sanh hoan hỷ, hớn hở, dấy tâm chí thành, tâm rộng lớn, tùy thời, tùy chỗ, hướng về người khác tuyên nói những sự tiêu tai cứu nạn, gieo phước được lợi ích do lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật giống như trên đã nói để chỉ bảo, hướng dẫn đại chúng chẳng chán, chẳng mệt mỏi. Tuy gặp phải kẻ vô tri hủy báng, ngăn trở, vẫn chẳng so đo, chẳng nhụt chí, một khối chân thành hoằng dương đại pháp như vậy giống như vàng ròng thuần túy, càng được nung luyện qua lửa mạnh màu sắc, vẻ tươi đẹp càng chói ngời. Lòng tinh thành đến cùng cực thì thiên địa quỷ thần đều bị cảm động. Huống gì những kẻ vô tri, đều cùng sẵn có thiên lương, trọn chẳng có dịp cảm hóa được ư? Lại nữa, đạo "thích thành tựu điều tốt đẹp cho người khác, khen ngợi người làm lành", hết thảy mọi người đều có thể làm được. Bất luận lúc nào, chỗ nào, hễ thấy hay nghe, có người ngẫu nhiên phát tâm làm công đức hoằng pháp, chẳng cần biết họ đã làm, đang làm hay sẽ làm, mỗi mỗi ta đều có lời hoan hỷ tán thành để ôn tồn phủ dụ, khuyến khích họ, khiến cho tâm hướng thiện của người ấy càng thêm kiên cố, mạnh mẽ, khiến cho tâm hâm mộ điều thiện của người khác đều cùng sôi nổi. Công đức vô thượng chẳng tốn một phân tiền này ai nấy đều làm được! Bài văn phổ khuyến phát tâm làm công đức in tạo kinh tượng này lưu truyền tới

đâu bất luận người thấy kẻ nghe đều tùy theo thuận tiện mà làm. Những kẻ ồn ào đề xướng thuyết "không có tài lực thì làm được gì" chính là kẻ nói ra những lời tự phụ bạc mình, ruồng rẫy người, tự lầm, lầm người vậy. Đức Như Lai có tướng lưỡi mỏng, sạch, rộng, dài, [thè ra] trùm khắp khuôn mặt, đấy chính là tướng lưỡi phước đức hy hữu, thật sự do công đức vạn kiếp ngàn đời khen ngợi, tùy hỷ mà có. Người chí thành hoằng pháp tùy thời, tùy chỗ, lựa thời cơ khéo léo chỉ dạy, phương tiện hay khéo, người siêng năng vận dụng tướng lưỡi rộng dài này, ai dám bảo là chẳng thể dùng công đức thù thắng mầu nhiệm này để trừ khử tướng tội nghiệp của chúng sanh, đạt phước vô lượng!

7. Những điều cần chú ý để giảm thiểu tội lỗi khi lật giở xem đọc kinh sách (phụ chú)

Người học khi xem đọc những sách vở tầm thường, mỗi khi phải giở sang trang, thường dùng móng tay khêu góc trang sách lên, khiến cho trang giấy bị hư hao, vết tay ngang dọc, thật là trái đạo tôn trọng giữ gìn vậy. Thói quen xấu ấy áp dụng cho những sách vở tầm thường nhưng hữu ích cho thân tâm thì đã phạm tội lỗi, huống hồ kinh sách Phật học là bè báu để vượt khỏi biển khổ sanh tử, thiên thần địa kỳ đều cùng cung kính ủng hộ, lại có thể mặc tình khinh nhờn, ngạo mạn, chẳng yêu mến, gìn giữ ư? Chúng sanh đời Mạt phước lượng giảm mỏng dần, được hưởng dùng các vật thật khó khăn; vật chất ngày càng kém! Những loại giấy sản

xuất gần đây thật kém xa khi trước. Nếu thường giở xem, giấy dễ bị rách nát. Áp dụng thói quen đã tích tập ấy vào kinh sách Phật học thật là đại bất kính, hãy nên gấp răn ngừa. Hễ trông thấy người khác làm như thế, hãy nên dùng lời khéo khuyên bảo khiến cho họ hối cải thì công đức rất lớn. Lại có người dùng đầu ngón tay thấm nước miếng chấm vào trang giấy để lật. Tuy chất giấy chưa chắc bị hao tổn, nhưng màu mực, màu trắng tinh của góc trang giấy dễ bị bẩn. Hơn nữa, dùng nước miếng ô uế để bôi lên kinh Phật thì cái tội khinh nhờn thật chẳng thể trốn tránh được! Huống chi những kẻ có bệnh, nước miếng thấm vào sách, dễ làm cho những người tụng đọc sau này bị lây bệnh truyền nhiễm! Gây phiền lụy cho người, thật là tổn đức, phải nên kiêng dè! Trộm nghĩ: Sách Phật lưu truyền trong thế gian là vô thượng bảo điển nhằm nuôi dưỡng huệ mạng của con người, độ con người thoát khổ. Người đọc càng phải nên chú tâm gìn giữ, yêu tiếc, mong sách được lưu truyền lâu dài trong đời, cứu bạt nhiều người, lợi khắp kẻ hữu duyên. Ai nấy lúc lật giở trang sách, hãy nên dùng lòng bàn tay từ bên cạnh sách mà lật nhẹ nhàng, chẳng nên lỗ mãng, hãy nên thận trọng. Thoạt đầu cảm thấy chưa quen, lâu ngày sẽ có thể tùy lòng sử dụng. Thêm nữa, lúc sắp mở quyển sách ra, thì phải quét dọn sạch sẽ bụi bặm trên bàn. Trang bìa kinh sách nên bọc bằng giấy hay bằng vải đều được.

8. Bài thơ vịnh ngài Tam Tạng Nghĩa Tịnh đời Đường qua Tây Vực thỉnh kinh

(đính kèm bài thơ này để thấy niềm may mắn được thấy nghe pháp)

Thời đại Tấn, Tống, Tề, Lương, Đường
Cao tăng cầu pháp lìa Trường An
Đi trăm vị, về chưa được mười,
Gian nan đời sau nào thấu hiểu!
Đường xa ngất trời, rét căm căm,
Sông, cát mù trời, sức mòn lụn,
Đời sau chẳng tường nông nỗi ấy,
Cứ nghĩ được kinh thật dễ dàng!

9. Nêu tỏ ý nghĩa in tạo kinh văn

(trích từ bộ An Sĩ Toàn Thư)

Tuy có thức ăn ngon, nhưng không ăn sẽ chẳng biết là ngon. Tuy có đạo tột cùng, không học chẳng biết là hay. Trong thiên hạ, cái dễ mất nhất là thân người, cái khó được nghe nhất là Phật pháp. Nếu đức Như Lai không xuất thế thì trên cõi trời, trong cõi người đều như trong đêm dài, chẳng những kẻ tầm thường bị hạn cuộc trong cái nhìn của chính mình, ngay cả nhà Nho cũng bị quẩn quanh trong những gì chính mình nghe được! Ngước mặt nhìn trời, cho là chỉ có mặt trời, mặt trăng, chẳng biết còn có các cõi nước nhiều như vi trần; cho

rằng lúc mới sanh ra dân thì bắt đầu từ Bàn Cổ[192], chẳng biết từ bao nhiêu kiếp đến nay đã trải qua vô biên kiếp số. [Chỉ nghĩ] thiên đế, thiên tiên là chí tôn không ai sánh được, chẳng biết họ là thượng đẳng phàm phu luân hồi trong lục đạo. Khi thân mất đi rồi, cho là hình đã diệt thần bèn tiêu, chẳng biết nhất điểm linh quang đời đời chẳng mê lầm. Cha mẹ quyến thuộc mất đi bèn cho rằng: Chẳng biết làm như thế nào? Nào biết pháp môn này dù có trải qua ngàn đời vạn kiếp, vẫn tự có cách đáp đền. Thấy người lành trắc trở, tiểu nhân đắc chí, bèn cho là đạo trời khó thể nương tựa, nào hay do túc nghiệp chiêu cảm, chẳng sai sót tơ tóc! Giáo điển của đức Như Lai lớn lao thay! Thật đáng gọi là thuyền Từ để vượt biển, là đuốc báu cho đường tối, là nhũ mẫu cho trẻ thơ, là thóc gạo trong năm đói kém. Cho nên lúc ngài A Nan kết tập, Phạm Vương, Đế Thích đều cầm giữ phan, lọng, Tứ Đại Thiên Vương đều vâng giữ bốn

[192] Bàn Cổ: Theo thần thoại Trung Quốc là người tạo dựng ra trời đất muôn loài từ thuở thế giới còn hỗn độn sơ khai. Do vậy, Đạo Giáo đã tôn phong Bàn Cổ là hóa thân của Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn (một trong Tam Thanh của Đạo Giáo). Theo đó, khi vũ trụ còn là một khối hỗn độn, Bàn Cổ bèn tự nhiên sinh ra. Suốt 18.000 năm, Bàn Cổ dùng rìu để tách rời trời đất, những chất nhẹ và trong sạch bay lên thành trời, những chất nặng nề, dơ bẩn chìm xuống thành đất. Sợ trời đất lại sụp xuống trộn lẫn vào nhau lần nữa, Bàn Cổ liền đầu đội trời, chân đạp đất, khiến trời mỗi ngày cao lên một thước, thân Bàn Cổ cũng mỗi ngày cao thêm một thước. Sau 18.000 năm, Bàn Cổ chết đi, những bộ phận trên thân ông ta biến thành vạn vật trong vũ trụ: Chân tay thân mình biến thành núi non, bắp thịt biến ruộng phì nhiêu, máu biến thành sông ngòi, gân xương biến thành đường lớn, răng lợi biến thành ngọc thạch, da lông biến thành cây cỏ v.v… Có nhà nghiên cứu cho rằng, truyền thuyết Bàn Cổ bắt nguồn từ truyền thuyết Bàn Qua của những dân tộc bản địa (như người Việt cổ chẳng hạn) sống ở hạ lưu Trường Giang trước khi người Hán tràn vào Trung Nguyên.

chân tòa cao. Sách vở thế gian há phảng phất được một phần vạn ư? In, tạo há phải dễ dàng ư?

10. Bài văn cùng thệ nguyện trong Tây Tư Xã của Chứng Thông pháp sư

Long Hưng nguyên niên (1163), năm Quý Mùi, mồng Tám tháng Tư, thầy trò trong nhà họ Thích và toàn bộ đại chúng trong hội đều quy mạng Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, Bồ Tát hải chúng, nguyện các Ngài vận lòng từ rộng lớn, rủ lòng quán sát cho chí hướng nhỏ nhặt [của chúng con]. Bọn chúng con (tên là…) nghĩ mình túc phước sâu dầy, sống tại Trung Hoa, cung kính xem bảy bộ kinh trong Đại Tạng, thuần bàn về Tịnh Độ, y chánh trang nghiêm, công đức thắng diệu. Nhìn lại nơi đây: Ba ác tám nạn, nhiều điều bất thiện nhóm họp. Sanh - lão - bệnh - tử, thọ mạng ngắn ngủi. Tự lực tu hành khó tiến dễ lùi! Bậc thánh hiền đời trước thương xót chúng con nên lập ra pháp môn Niệm Phật này, giảng sâu nhưng dễ đạt, khêu gợi, khuyến khích cầu sanh. Hiền thánh xưa nay những vị hoằng đạo này sách vở chất như núi. Tăng - tục bốn phương kết thành liên xã, đời nào cũng chẳng thiếu người. Mười phương chúng sanh sanh về cõi ấy nhiều như mưa rào. Do vậy, chúng con tánh tình thanh cao tự nhiên phát khởi, chẳng ước hẹn lại giống nhau, chí đã quy hướng, đều cùng gởi lòng nơi Tây cảnh. Đã niệm niệm chẳng quên mong hết báo thân này, quyết được vãng sanh; chúng con vẫn lo tánh tình, thói quen bất đồng, việc đời trói buộc, miệng bàn Cực Lạc, ý luyến Sa Bà, chẳng hiểu sự lý, hạnh

nguyện bị khuyết, sáng cầu như nhau, tối về cách biệt. Do vậy, cẩn thận chọn ngày tốt lành, tụ hội gieo lòng thành, rập đầu trước phạm dung, lập lời hoằng thệ này. Ngửa mong đức Từ Tôn duỗi cánh tay sắc vàng, xoa đảnh chúng con, động lưỡi sen hồng, ngầm thọ ký cho con, khiến cho con từ đời này trở đi chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, chẳng gặp tà sư, chẳng mất chánh niệm. Ngày mạng chung không bịnh, không khổ, thân tâm vui sướng, theo gót Như Lai cùng về An Dưỡng, hoa sen sớm nở, ngộ Vô Sanh Nhẫn, đi khắp mười phương cõi nước phụng sự chư Phật, cứu vớt chúng sanh khổ sở khiến đều cùng thành vô thượng đạo. Hư không có cùng tận, nguyện con chẳng cùng tận. Nếu ai thấy nghe, đều thấm đượm lợi lạc!

11. Cách lưu thông kinh sách hữu ích cho thế đạo nhân tâm

1) **Toàn thí lưu thông** (lưu thông bằng cách bố thí hoàn toàn): Khẳng khái bỏ ra khoản tiền lớn để in ra nhiều bộ, hoàn toàn thí tặng, chẳng lấy đồng nào, công đức rất lớn. Chuyện này chỉ người có sức mới làm được. Nếu không có sức thì in ké vài phần hoặc thay người ta giảo duyệt chữ, hoặc thay người ta quyên mộ, hoặc hoan hỷ tán thán khiến tâm bố thí của người ta vững vàng thì cũng có công đức không gì lớn hơn.

2) **Bán thí lưu thông** (Lưu thông bằng cách cúng thí một phần): Hoặc giúp tiền mua giấy, hoặc giúp tiền in, hoặc giúp trình bày, sửa chữa, hoặc đăng quảng cáo,

hoặc giúp chuyên chở, tùy tiện phát tâm, dùng nguyện nhỏ nhoi của mình để giúp cho hành vi thù thắng này được thành tựu, đều gọi là thí, còn gọi là "bán thí". Tuy gọi là bán thí, nhưng nếu xuất phát từ lòng chí thành hoan hỷ, làm chuyện này không kiêu căng, không khiếp sợ, thệ nguyện trọn vẹn, công đức sẽ thù thắng.

3) **Kỳ phước lưu thông** (Lưu thông do cầu phước): Cầu danh, cầu lợi, cầu con, cầu thọ, nếu có thể tùy sức ấn thí thì sở nguyện ắt trọn. Nếu do cha mẹ mắc bệnh cầu mau được lành, hứa nguyện in thí, lòng chí thành cảm động thiên địa. Nguyện này vừa phát liền thấy linh ứng.

4) **Sám hối lưu thông**: Con người chẳng phải là thánh hiền, ai mà không lỗi! Nhưng thiên đạo họa dâm chẳng phạt tội người hối lỗi. Con người phải biết sửa lỗi và sớm sám hối tội bèn lưu thông kinh điển để chuộc tội. Tận lực kiên quyết hành như thế thì túc chướng tự tiêu.

5) **Báo ân lưu thông**: Con cái chịu ân sâu của cha mẹ, cây muốn lặng nhưng gió chẳng ngừng, sức con phụng dưỡng được nhưng cha mẹ chẳng còn. Đau buồn nhưng biết làm như thế nào? Chỉ nên ấn tống kinh điển đã có thể tạo phước ngầm cho người khuất, tận hết lòng hiếu thuận. Thật mong con cái trong khắp cõi đời đang ôm mối hận suốt đời[193] hãy đều tận lực thực hành.

6) **Mẫn thương lưu thông** (thương kẻ chết non mà lưu thông): Không duyên không oán chẳng thành cha

[193] Ý nói nỗi hận day dứt suốt đời vì không thể phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn sống.

con. Duyên tận bèn lìa, oán tiêu sẽ đi. Đứa con dĩnh ngộ khác lạ tuổi trẻ chết yểu, ở đâu cũng có chuyện như thế. So với chuyện lãng phí tiền bạc để làm chuyện vô vị thì chẳng bằng in kinh tạo tượng để giúp cầu siêu, cứu bạt. Phàm những bậc cha anh hiền thiện rất nên khởi xướng phong khí này.

7) **Cát khánh lưu thông** (lưu thông kinh điển khi gặp dịp vui mừng, may mắn): Gặp những chuyện như thành danh được lợi, dựng nghiệp, xây cất, nhậm chức, thăng cấp, cưới hỏi, sanh con, tiệc thọ v.v… đều nên kiêng giết để khỏi tạo oan nghiệt. Hãy nên in kinh điển để kéo dài phước trạch.

8) **Quỹ tống lưu thông** (lưu thông bằng cách biếu tặng): Lễ mừng, lễ tiễn, lễ gặp mặt... những thứ qua lại để thể hiện tình cảm phải dùng đến lễ vật đều có thể thay bằng kinh sách. Phổ nguyện những bậc hiền đạt trong nước nêu gương. Tương lai sẽ có hiệu quả thay đổi phong tục không ai hay biết.

9) **Tuyên giảng lưu thông**: Phàm những ngày mồng Một, Rằm hay ngày nghỉ, ở nhà thì tập hợp người nhà, trong làng thì tụ họp người làng, tùy theo trình độ mỗi người mà dẫn kinh điển làm chứng cứ để phương tiện tuyên nói, khiến người thất học cũng được thấm pháp, khiến cho sự giáo hóa lớn lao của bậc tiên thánh được phổ cập trong dân chúng, hiện tướng lưỡi rộng dài, phát vô ngại biện tài. Đây cũng là thiên chức phải nên thực hiện trọn vẹn của bậc tiên giác vậy.

10) **Hàm độc lưu thông** (lưu thông qua thư từ, bút thiếp): Bạn bè thân thiết qua lại nên giảm trừ những loại hư văn vô ích. Trước hết nên dẫn những lời vàng ngọc lập thân xử thế của bậc tiên triết để khuyến khích lẫn nhau, tận hết lòng thành "mượn đá nơi núi khác để làm hòn đá mài"[194]. Tùy trình độ, tùy nhược điểm của mỗi người mà khuyên cho được lợi ích. Cuối thư liệt kê những kinh sách hữu ích cho người ấy gồm bao nhiêu loại để người ấy lấy đó làm chuẩn mực để xử thế

11) **Thiện tả lưu thông** (lưu thông kinh điển bằng cách viết chữ đẹp): Người viết chữ đẹp hễ có ai cầu xin thư pháp bèn tuyển những câu chí lý, mẫu mực trong kinh sách để viết. Nhờ đó để sửa ngay lòng người, duy trì thế đạo, công đức ấy rất lớn. Chép được trọn thiên sách hoặc toàn bộ, cho lưu hành trong đời thì công đức ấy càng vô lượng.

12) **Phiên ấn lưu thông** (lưu thông bằng cách in lại, in thêm cho nhiều những kinh điển, tranh tượng đã được in): Kinh điển có lợi cho thế đạo nhân tâm, nếu không có bản quyền thì hãy tom góp tiền bạc in lại để rộng lưu truyền khiến cho cả cõi đời thực hành nhân nghĩa, chẳng đến nỗi bị bỏ phế, lao ngục trong thiên hạ trống rỗng, ấy chẳng phải là nền móng trăm năm muôn kiếp đó ư?

13) **Mậu dịch lưu thông** (lưu thông kinh điển, tranh tượng bằng cách buôn bán): Đối với những thiện

---

[194] Điển tích này lấy ý từ câu kinh Thi *'Tha sơn chi thạch, khả dĩ vi thác'* (hòn đá lấy từ núi khác, có thể dùng làm đá mài) : Ý nói bạn bè mượn những điều hay lẽ phải của người khác để khuyên răn, rèn giũa cho nhau.

thư do các nhà xuất bản hoặc do các hàn sĩ buôn bán bèn lưu hành rộng rãi để mở rộng mậu dịch, hoặc phát hành trong các nơi cử hành pháp hội thù thắng, hoặc bán trong các đô hội lớn nhằm tạo thuận tiện cho độc giả thì chẳng những là tạo phước mà còn được thêm tiền tài.

14) **Lữ hành lưu thông**: Gần đây, đường tàu thủy phát triển, đường xe lửa giao thông ngày càng thuận tiện. Xa xôi ngàn dặm sớm chiều đã đến nơi. Lữ hành đã thuận tiện, lữ khách ngày càng đông. Người truyền đạo hoặc lựa dịp truyền bá trên đường đi, hoặc mang những truyền đơn lưu thông kinh điển phát theo đường đi để mọi người được nhiều lợi ích bởi mưa pháp.

15) **Quảng cáo lưu thông**: Buôn bán lợi dụng quảng cáo thì sự mậu dịch ngày càng phát đạt. Bậc đại sĩ nên dùng cách thức tuyên truyền pháp mới mẻ này để giúp cho việc lưu thông đại pháp. Tùy thời nghiên cứu ngành quảng cáo học, ngõ hầu việc lưu truyền rộng rãi đạt được hiệu quả rộng lớn.

16) **Công duyệt lưu thông** (lưu thông bằng cách lưu hành nơi công cộng cho mọi người cùng đọc): Được kinh điển mà cất trên gác cao sẽ mắc tội; để xuông trên bàn chẳng để cho đại chúng biết đến thì cũng mắc tội. Những kẻ có căn cứ học vấn, dùng vô ngại biện tài, thích vì nhiều người tuyên nói những khuyết điểm của kinh điển thì dầu chẳng thể nói là có tội, nhưng cũng chẳng thể bảo là không lỗi. Hoằng dương đại pháp, giáo hóa chỉ dạy rộng rãi thì không gì

hay bằng lập những thư viện kinh sách công cộng tại các nơi.

Mười sáu cách lưu thông trên đây dựa theo những nguyên tắc do các bậc tiên hiền đã định, hãy châm chước theo thời đại mà thực hiện.

QUYỂN 4 HẾT

(TRỌN BỘ TĂNG QUẢNG CHÁNH BIÊN)

Dịch cảo bản xong ngày 14 tháng 03 năm 2006

Giảo duyệt hoàn tất ngày 26 tháng 11 năm 2006

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Nguyện sanh về cõi Tây Phương,
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình
Hoa nở gặp Phật chứng vô sanh,
Các vị Bồ Tát bạn lành với ta.

Trong quá trình chuyển ngữ, chắc chắn không thể tránh khỏi những sai sót không nên có, chúng con xin thành tâm đê đầu sám hối. Ngưỡng mong những vị thức giả từ bi thương xót phủ chánh và nhuận sắc để bản dịch này được hoàn thiện hơn. Nếu như việc làm không lượng sức này có chút công đức nào, đều xin hồi hướng đến Bổn Sư Thích Giải Thắng, tọa chủ Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, thân bằng quyến thuộc và những đạo hữu thân quý như Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn Từ... đã tận tụy sửa chữa, giảo duyệt bản dịch, trình bày bản in. Cũng xin cảm tạ và hồi hướng công đức này đến các liên hữu thuộc Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường, Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, Tịnh Tông Học Hội Úc Châu, pháp sư Ngộ Sanh, đạo hữu Tuệ Tâm và hết thảy hữu tình hàm thức. Nguyện tất cả đều cùng được sanh về Liên Bang, thân cận Phật Di Đà, viên thành Phật đạo.

Tham có nghĩa là thấy cảnh bèn dấy lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do ái sanh. Nếu có thể quán sát mỗi mỗi kỹ càng thân mình, thân người từ ngoài vào trong thì chỉ thấy hờm đất, mồ hôi, đờm rãi, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bẩn như chuồng xí, ai có thể sanh lòng tham ái đối với vật này cho được! Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt được trộn lẫn, như vải trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự giảm được nửa mà công gấp bội, lợi ích khó nghĩ suy!

Sân là thấy cảnh khởi tâm bực bội, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận. Phàm mọi chuyện muốn được như ý phải có người [để sai bảo], hễ hơi chút sai trái liền sanh phẫn nộ, nhẹ thì buông lời dữ ác, nặng thì roi vọt vụt đánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng! Lại nữa, tâm sân nếu khởi lên thì vô ích cho người, tổn hại cho mình, nhẹ thì cũng khiến cho tâm ý bực bội, xáo động; nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn thương. Hãy nên giữ sao cho trong tâm

thường có một khối nguyên khí thái hòa thì bệnh tật tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng. Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Một niệm sân tâm khởi, trăm ngàn cửa chướng mở!" Cổ đức nói: "Sân là lửa trong tâm, cháy trụi rừng công đức. Muốn học đạo Bồ Đề, nhẫn nhục phòng tâm sân".

Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân tu Từ Bi Quán như sau: Xem hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì nên nghĩ đời trước họ có ân đức sanh thành, dưỡng dục, thẹn chưa thể báo đáp, há có nên vì chuyện trái ý nhỏ nhặt bèn ôm lòng phẫn nộ ư? Đã là vị lai chư Phật ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Nếu ta chưa giải quyết được sanh tử, vẫn mong họ đến độ thoát! Chẳng những chuyện trái ý nhỏ nhặt không nên nổi nóng, dẫu là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận! Vì vậy, lúc Bồ Tát xả đầu, mắt, tủy, não, đều xem người xin những thứ ấy như thiện tri thức, coi như ân nhân, coi như người thành tựu đạo Bồ Đề vô thượng cho mình. Xem phẩm Thập Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết. Lại nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta và chư Phật không hai. Chỉ

vì mê trái bổn tâm, chấp chặt Ngã Kiến nên hết thảy các duyên đều thành đối đãi. Như cái bia để bắn đã lập thì các mũi tên đều nhắm vào. Nếu biết được tâm ta vốn là tâm Phật, Phật tâm không, vô sở hữu. Giống như hư không: Sâm la vạn tượng không gì chẳng bao gồm. Cũng như biển cả: Trăm sông mọi nguồn nước không gì chẳng dung nạp. Như trời che chở khắp, như đất nâng bình đẳng, chẳng coi chuyện che chở, nâng đỡ là đức. Nếu ta do chuyện nghịch ý nhỏ nhặt bèn sanh nóng giận thì chẳng những khiến cho tâm lượng chính mình thành hẹp hòi, mà còn tự đánh mất cả đức. Tuy có đủ Phật tâm lý thể nhưng khởi tâm động niệm toàn là xử sự theo phàm tình, coi vọng là chân, biến tớ thành chủ; suy nghĩ như thế há không hổ thẹn ư? Nếu bình thời thường nghĩ như thế thì tâm lượng sẽ rộng lớn, không gì chẳng dung được, coi muôn loài như chính mình, chẳng thấy đây - kia. Điều nghịch xảy đến còn thuận chịu được, huống gì những chuyện trái ý nhỏ nhặt mà lại sanh nóng giận ư?

Ấn Quang đại sư

(Trích bài dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận)

Các trang nhà

http://www.amtbweb.org
http://www.amitabha-gallery.org
http://www.amtb-aus.org
http://www.amtb-dba.org
http://www.amtb-la.org
http://www.amtb.org.tw
http://www.amtb-usa.org
http://www.adidaphat.net
http://www.adidaphat.us
http://www.chinkung.org
http://www.chuavanphat.org
http://www.hoakhaikienphat.com
http://www.niemphat.net
http://www.quangduc.com
http://www.thondida.com
http://www.tinhthuquan.com
http://www.tinhtonghochoi.org

Tịnh Tông Học Hội Úc Châu
The Amitabha Buddhist Association of Queensland
11 Toona Place Calamvale, Brisbane, Queensland 4116, Australia
Tel: (617)-3273-1693

Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước huệ một phần. Có mười phần cung kính, thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước huệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm

Ấn Quang đại sư

(Trích thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành, thư 1)